

**CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL
MACHINERY**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT MOTOR,
CÔNG SUẤT 260.000 SẢN PHẨM/NĂM
(TƯƠNG ĐƯƠNG 23.322,32 TẤN SẢN
PHẨM/NĂM)**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG N3, KCN NHƠN TRẠCH V,
PHƯỜNG NHƠN TRẠCH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**



ĐỒNG NAI, NĂM 2026

**CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL
MACHINERY**

-----❧-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT MOTOR,
CÔNG SUẤT 260.000 SẢN PHẨM/NĂM
(TƯƠNG ĐƯƠNG 23.322,32 TẤN SẢN
PHẨM/NĂM)**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG N3, KCN NHƠN TRẠCH V,
PHƯỜNG NHƠN TRẠCH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**



TỔNG GIÁM ĐỐC

PARK YOUNG JU

Đồng Nai, năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	III
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ	IV
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở:	1
2. Tên cơ sở:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	15
4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở:.....	15
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	20
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	27
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	27
1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh.....	27
1.2. Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường	27
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	32
1. công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	32
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	32
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	33
1.3. Xử lý nước thải:.....	33
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	37
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	46
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	49
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	53
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	54
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	65

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 66

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 66
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 67
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: 69
4. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh: 71

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 72

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: 73
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: 73
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: 74
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải: 77
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở: 80

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 81

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 81
 - 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 81
 - 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: 81
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 82
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 83

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ..... 84

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CP	: Cổ phần
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTXL	: Hệ thống xử lý
KPH	: Không phát hiện
KCN	: Khu công nghiệp
L	: Chiều dài
NT	: Nước thải
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
SS	: Chất rắn lơ lửng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1.1. Mục tiêu sản xuất và các công trình môi trường	2
Bảng 1.2. Danh mục và định mức nguyên liệu thô, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất	15
Bảng 1.3. Đặc tính hóa lý của hóa chất sử dụng	17
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước	19
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của Nhà máy	20
Bảng 1.6. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất	22
Bảng 4.1. Bảng thống kê lượng nước thải phát sinh	34
Bảng 4.2. Các công trình xử lý bụi, khí thải hiện hữu và bổ sung	37
Bảng 4.3. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi 1	39
Bảng 4.4. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi 2	39
Bảng 4.5. Tải lượng ô nhiễm hơi vecni và hơi sơn	41
Bảng 4.6. Chất lượng môi trường không khí khu vực sơn và nhúng vecni	41
Bảng 4.7. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý hơi dung môi	42
Bảng 4.8. Chất thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở và sau khi nâng công suất	46
Bảng 4.9. Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở và sau khi nâng công suất	47
Bảng 4.10. Danh mục các loại chất thải nguy hại	49

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.
- Địa chỉ văn phòng: đường N3, KCN Nhơn Trạch V, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông PARK YOUNG JU.
Chức vụ: Tổng Giám Đốc.
- Điện thoại: 02513.566.250. Fax: 02513.569.119.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603875818, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/7/2026 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1080184828 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 28/6/2022, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 07/8/2026.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất motor, công suất 260.000 sản phẩm/năm (tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm).
- Địa điểm cơ sở: đường N3, KCN Nhơn Trạch V, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.

Các thủ tục pháp lý về môi trường của Nhà máy hiện hữu của Công ty đã được cấp như sau:

Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cho cơ sở “Nhà máy sản xuất motor, công suất 240.000 sản phẩm/năm (tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm)” của Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.

Công ty đã hoàn thành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp tại Văn bản số 600/KCNKKT-TNMT ngày 02/02/2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.

Hiện nay, do nhu cầu của khách hàng ngày càng tăng nên Công ty có kế hoạch nâng công suất sản xuất motor từ 240.000 sản phẩm/năm (tương đương

21.322,32 tấn sản phẩm/năm) lên 260.000 sản phẩm/năm (tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm), cụ thể theo bảng sau:

Stt	Mục tiêu sản xuất	Theo GPMT đã được cấp		Sau khi nâng công suất	
		Số lượng (sản phẩm/năm)	Khối lượng (tấn sản phẩm/năm)	Số lượng (sản phẩm/năm)	Khối lượng (tấn sản phẩm/năm)
1	Sản xuất motor	240.000	21.322,32	260.000	23.322,32

Sản xuất động cơ điện và các bộ phận dùng để sản xuất động cơ điện: motor (quy mô 260.000 sản phẩm/năm, tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm).

- Mục tiêu sản xuất và các công trình của nhà máy hiện hữu và khi thực hiện nâng công suất, cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Mục tiêu sản xuất và các công trình môi trường

STT	Công nghệ sản xuất, công trình môi trường	Theo GPMT đã được cấp	Dự án	Tổng cộng
1	Mục tiêu sản xuất	- Sản xuất motor, 240.000 sản phẩm/năm (tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm).	-	- Sản xuất motor, 260.000 sản phẩm/năm (tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm).
2	Hệ thống xử lý khí thải	- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 7.419 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 12.000 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 5.400 m ³ /giờ.	01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 60.000 m³/giờ.	- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 7.419 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 12.000 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 5.400 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 60.000 m³/giờ.
		- 01 Hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor, công suất 23.057 m ³ /giờ/hệ thống.	-	- 01 Hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor, công suất 23.057 m ³ /giờ/hệ

		- 01 Hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor, công suất 18.000 m ³ /giờ.		thống. - 01 Hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor, công suất 18.000 m ³ /giờ.
		- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 25.800 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 30.000 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 18.000 m ³ /giờ.		- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 25.800 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 30.000 m ³ /giờ. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 18.000 m ³ /giờ.
3	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 80 m ³ /ngày.đêm	-	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 80 m ³ /ngày.đêm
4	Khu lưu giữ chất thải	- Khu lưu giữ chất thải thông thường 80 m ² - Khu lưu giữ chất thải nguy hại 80 m ²	-	- Khu lưu giữ chất thải thông thường 80 m ² - Khu lưu giữ chất thải nguy hại 80 m ²

- Quy mô của cơ sở: (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B (tổng vốn đầu tư của dự án: 1.429.001.455.000 đồng – Một nghìn bốn trăm hai mươi chín tỷ, không trăm lẻ một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này: Cơ sở tại phường Nhơn Trạch nên có yếu tố nhạy cảm.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh: Sản xuất motor.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Dự án nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

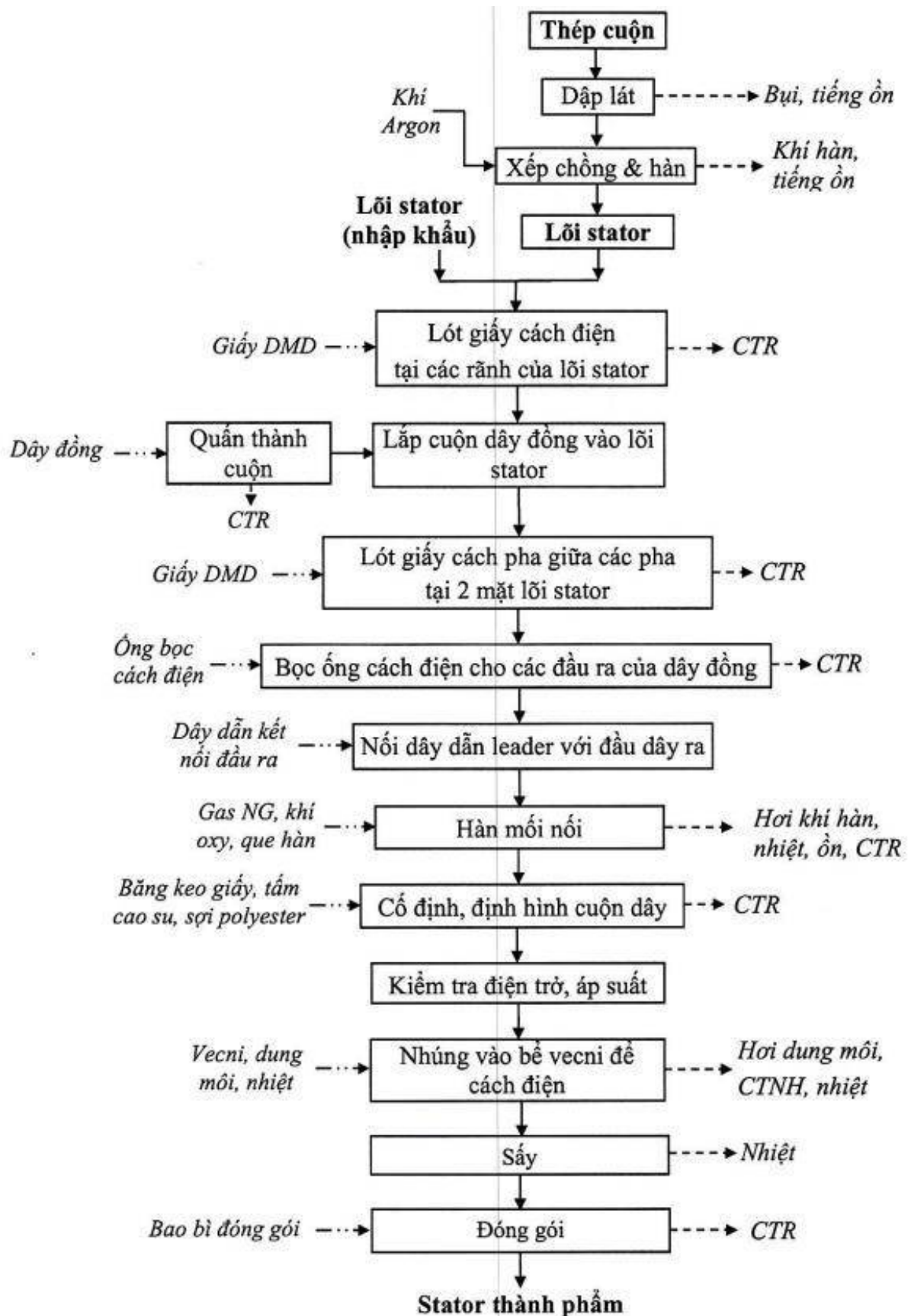
Khi hoạt động ổn định là sản xuất motor, công suất 260.000 sản phẩm/năm (tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Hiện nay, Công ty có 02 quy trình sản xuất (01 quy trình sản xuất stator và 01 quy trình sản xuất motor), stator khi sản xuất ra sẽ đưa qua lắp ráp thành phẩm motor và không xuất bán. Khi thực hiện nâng công suất thì Công ty cũng sẽ theo quy trình sản xuất hiện hữu. Tuy nhiên, đối với 2.000 sản phẩm mới tại công đoạn đúc khuôn rotor sẽ được gia công bên ngoài. Cụ thể quy trình sản xuất như sau:

3.2.1. Quy trình sản xuất stator:

Quy trình công nghệ sản xuất stator như sau:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình sản xuất stator

Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu đầu vào để sản xuất stator gồm có 2 nguồn:

Lõi stator được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài (Trung Quốc & Hàn Quốc) để sản xuất.

+ Lõi stator được sản xuất từ nguyên liệu thép cuộn: thép được đưa qua máy dập lát theo khuôn mẫu để tạo thành những lát mỏng. Các miếng thép sau khi dập lát được xếp chồng lên nhau để hàn lại tạo thành lõi stator. Tại công đoạn hàn, chủ dự án sử dụng máy hàn TIG (Tungsten Inert Gas) - máy hàn hồ quang bằng điện cực Vonfram không nóng chảy trong môi trường bảo vệ là khí trơ (khí Argon). Máy hàn này sử dụng nguồn nhiệt cung cấp bởi hồ quang được tạo thành giữa điện cực không nóng chảy và môi hàn. Toàn bộ môi hàn được bao bọc bởi khí trơ thổi ra từ chụp khí. Mỗi hàn được bảo vệ bằng môi trường khí trơ (khí Argon) để ngăn cản những tác động có hại của oxi và nitơ trong không khí.

Lõi stator nhập khẩu chiếm khoảng 7% và lõi stator sản xuất ngay tại công ty từ nguyên liệu thép cuộn chiếm khoảng 93% tổng số lõi tại dự án.

Lót giấy cách điện DMD tại các rãnh của lõi stator: Giấy cách điện khi lót được gấp dạng bo tròn theo rãnh và có chiều dài lớn hơn chiều dài của rãnh. Công đoạn này được thực hiện thủ công đối với sản xuất stator 2 cực và stator 6 cực, được thực hiện tự động bằng máy đối với sản xuất stator 4 cực.

Lắp cuộn dây đồng vào lõi stator.

Nguyên liệu dây đồng (đã tẩy sẵn vecni từ nhà cung cấp) được đưa vào máy quấn để quấn thành cuộn dây đồng.

Sau đó, cuộn dây đồng được lắp vào lõi stator bằng máy đối với sản xuất stator 4 cực, bằng thủ công đối với sản xuất stator 2 cực và stator 6 cực.

Lót giấy cách pha giữa các pha tại 2 mặt lõi stator: Sử dụng giấy cách điện DMD để lót giấy cách pha giữa các pha tại 2 mặt lõi stator.

Bọc ống cách điện và nối dây dẫn: Các đầu dây đồng của cuộn dây được xoắn ống bọc cách điện cho các đầu ra của dây đồng trước khi kết nối dây leader với đầu dây ra.

Hàn mối nối: Tại đầu các mối nối được hàn bằng mỏ hàn hơi. Mỏ hàn này có cấu tạo kiểu hút khí, gồm 2 ống dẫn khí oxy và khí gas NG. Hai khí này được đưa vào buồng hòa trộn, phía ngoài có 2 van điều chỉnh lượng oxy và gas NG. Hỗn hợp khí sau khi hòa trộn được đưa qua ống trộn và theo ống dẫn ra đầu mỏ

hàn tạo thành ngọn lửa. Ngọn lửa hướng lên mỗi hàn, quá trình hàn dịch từ trái qua phải và mở hàn đi trước que hàn. Phương pháp này có năng suất cao và tiết kiệm được khí gas NG. Sử dụng que hàn bằng đồng để hàn mỗi nối.

- Cốt định, định hình cuộn dây: Việc định hình nhằm làm cho cuộn dây không chạm vào lõi stator và được thẳng:

- + Đối với sản xuất stator 2 cực và stator 6 cực: Dùng sợi polyester may cốt định cuộn dây và dùng búa chuyên dụng để định hình cuộn dây.

- + Đối với sản xuất stator 4 cực: Dán băng dính PET lên một số vị trí tại cuộn dây, sau đó bán thành phẩm được đưa vào máy để may cốt định cuộn dây tại 2 đầu lõi stator bằng sợi polyester và đưa vào máy định hình để định hình cuộn dây. Tại máy định hình, sử dụng tấm cao su chèn vào bán thành phẩm để bảo vệ dây dẫn khỏi tác động cơ học của máy, sau đó rút tấm cao su ra.

- Kiểm tra điện trở, áp suất: Bán thành phẩm được tiếp tục đưa vào máy kiểm tra để kiểm tra điện trở, áp suất.

- Nhúng vecni để cách điện: Bán thành phẩm sau đó sẽ được đưa lên băng tải đến công đoạn nhúng vào vecni để tạo lớp cách điện. Công đoạn nhúng vecni được thực hiện trong phòng kín và riêng biệt. Tại đây, bán thành phẩm được gắn lên giá đỡ và pha dung dịch vecni với dung môi trong thùng chứa. Dung dịch pha xong theo ống dẫn chạy vào bồn nhúng. Trước khi nhúng, bán thành phẩm được gia nhiệt ở nhiệt độ 150°C để tăng độ dính bám của dung dịch vecni. Tiếp theo, tại khu vực đầu máy của thiết bị nhúng vecni, công nhân lấy sản phẩm từ băng chuyền sau đó để vào những lồng nhúng. Bán thành phẩm theo xích tải chạy vào khu vực bồn nhúng vecni. Phía dưới khu vực nhúng có bể chứa để hứng vecni rơi từ quá trình nhúng. Dung dịch vecni tại bể chứa vecni rơi được sử dụng tuần hoàn cho quá trình nhúng và được làm mát gián tiếp bằng nước.

Sấy: Sau khi nhúng vecni, bán thành phẩm theo xích tải đến khu vực sấy để sấy ở nhiệt độ 150°C. Sau khi sấy, stator được làm mát bằng quạt (đi kèm với thiết bị nhúng vecni) để nhiệt độ giảm còn khoảng 70°C trước khi theo xích tải ra ngoài thiết bị. Công nhân sử dụng cần trục để lấy sản phẩm stator từ thiết bị nhúng vecni ra ngoài. Thiết bị nhúng vecni khép kín, hoạt động tự động (ngoại trừ việc đưa bán thành phẩm vào và lấy ra khỏi thiết bị tại cửa thiết bị).

- Sau cùng, stator được để nguội tự nhiên trước khi chuyển qua công đoạn sản xuất motor trong cùng nhà máy để ra thành phẩm là motor.

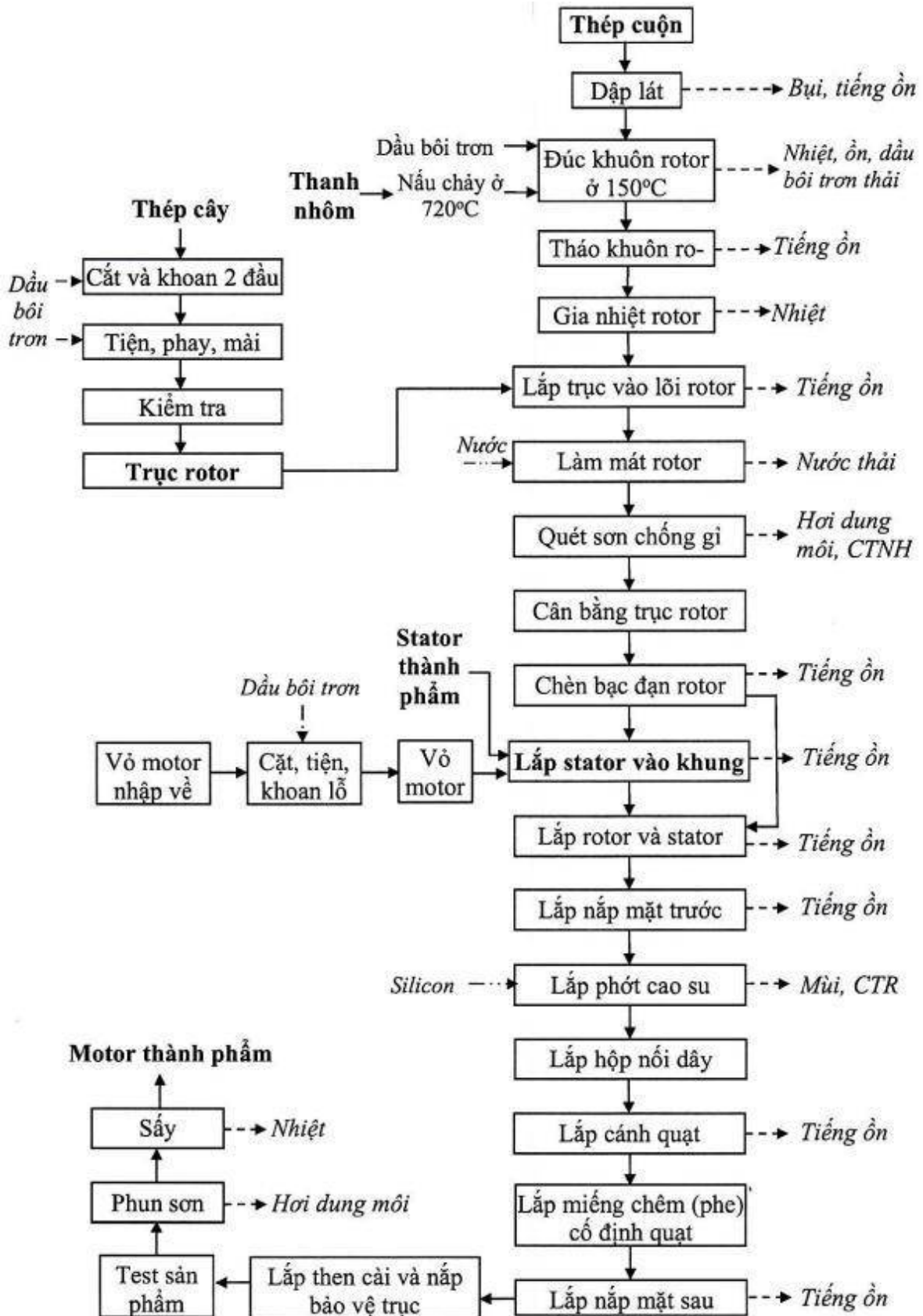
Sản phẩm stator không bán ra thị trường, toàn bộ đưa qua sản xuất motor.

Hình ảnh trong quy trình sản xuất stator hiện nay như sau:

	
Dập lát	Lót giấy cách điện
	
Bọc ống cách điện	Định hình cuộn dây
	
Khu vực sấy vecni	Stator thành phẩm

3.2.2. Quy trình sản xuất motor

Quy trình công nghệ sản xuất motor của dự án như sau:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất motor

Thuyết minh quy trình

Mô tả quy trình sản xuất motor của dự án:

Các bộ phận chính để sản xuất motor thành phẩm gồm có: Stator, rotor và vỏ motor.

- Đối với stator: Được sản xuất theo quy trình stator ở trên.

- Đối với vỏ motor: Vỏ motor mới mua về chưa được hoàn thiện, còn dính những ba vớ nên sẽ được gia công trước, bao gồm các công đoạn cắt, tiện, khoan lỗ và phay chân đế để sau này cố định nắp bởi các bulông trước khi lắp vào khung stator.

- Đối với rotor: Được sản xuất theo các công đoạn dưới đây:

- + Lõi rotor:

- ✓ Thép cuộn được đưa vào máy dập lát tạo thành các tấm thép mỏng, các tấm thép này được xếp thành hình dáng theo yêu cầu rồi đặt vào máy đúc khuôn.

- ✓ Thanh nhôm (nhôm thỏi nguyên chất) được nấu chảy (720°C) cũng được rót vào khuôn đúc, nhằm lấp đầy các khe trống trong khuôn tạo hình cho lõi rotor.

- ✓ Tại máy đúc khuôn (mua từ nhà cung ứng và được sửa chữa tại nhà máy nếu hư hỏng), lõi thép được đặt lên khuôn trục, sau đó, nhấn nút khởi động máy thì cửa của máy đúc khuôn sẽ đóng lại, hệ thống của máy đúc khuôn rotor sẽ tự rót nhôm (sau khi nấu chảy) vào những rãnh của khuôn để đúc khuôn rotor ở nhiệt độ 150°C . Sau khi hoàn thành đúc khuôn (tạo hình) thì sản phẩm (lõi rotor) sẽ tự động chạy ra, công nhân sẽ dùng cần cẩu để cẩu ra. **Đối với sản phẩm nâng công suất thêm là motor trung thế, được gia công bên ngoài nhà máy tại công đoạn này.**

- ✓ Sau đó, lõi rotor được đưa qua thiết bị gia nhiệt ở 500°C trong 30 phút. Quá trình gia nhiệt này nhằm giúp cho việc đúc trục rotor vào lõi rotor (ở công đoạn sau) được thực hiện dễ dàng hơn.

- + Trục rotor: Thép cây được đưa vào máy cắt để cắt 2 đầu trước khi đưa qua máy khoan để khoan 2 đầu. Tiếp theo, đưa qua máy tiện, phay và mài để tạo thành trục rotor.

- + Sau đó, trục rotor sẽ được lắp vào lõi rotor, tiếp theo là công đoạn làm mát (bằng nước) trước khi qua công đoạn quét sơn chống gỉ.

+ Kế tiếp, rotor được đưa qua máy cân bằng động để cân bằng trục rotor và chèn bạc đạn ở 2 đầu của trục rotor.

Công đoạn lắp ráp sản phẩm motor:

- Stator thành phẩm ở dây chuyền trên sẽ được lắp vào khung, tiếp theo, rotor từ công đoạn trên sẽ được lắp cùng khung stator và vỏ motor để tạo thành motor bán thành phẩm.

- Motor bán thành phẩm tiếp tục được lắp nắp mặt trước trước khi gắn phốt cao su và tra silicon để kết dính phốt cao su dễ dàng hơn và để bít kín khe hở cho motor.

- Sau đó, lắp hộp nối dây và cánh quạt vào motor bán thành phẩm đồng thời lắp miếng chêm (phe) cố định quạt trước khi lắp nắp mặt sau, then cài và nắp bảo vệ trục. Tùy theo yêu cầu của khách hàng mà sản phẩm có lắp hoặc không lắp then cài.

- Sản phẩm motor tạo thành tiếp tục được đưa qua công đoạn kiểm tra trước khi phun sơn.

- Tại công đoạn phun sơn, motor được móc vào băng tải để đi vào phòng sơn sau đó công nhân đẩy nắp bảo vệ trục lại và dùng vòi xịt tiến hành sơn. Công đoạn phun sơn được thực hiện trong phòng kín.

- Sau khi phun sơn thì sản phẩm motor theo xích tải chạy vào lò sấy. Sau khi sấy khô, sản phẩm motor sẽ chạy theo xích tải ra ngoài.

Biện pháp xử lý đối với sản phẩm lỗi:

Đối với hàng lỗi tại công đoạn sản xuất stator:

- + Trường hợp lỗi phát sinh mà chưa qua công đoạn sấy vecni thì được cắt bỏ tháo dây đồng bỏ riêng.

- + Đối với lõi thép, nếu không hư hỏng gì thì sẽ được tái sử dụng lại. Trường hợp bị hư thì sẽ được thu gom về khu lưu chứa chất thải rắn thông thường và chuyển giao chất thải rắn thông thường.

- + Trường hợp stator đã được sấy hoàn thiện thì sẽ bỏ nguyên con mà không cần tháo dây đồng và lõi thép riêng, thu gom về khu lưu chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao chất thải nguy hại.

Đối với hàng lỗi tại công đoạn gia công nắp, vỏ và trục motor:

+ Phôi đã đưa vào gia công có dấu hiệu lỗi thì tùy theo từng lỗi mà sẽ phân loại riêng:

✓ Lỗi nguyên vật liệu phôi, do lỗi của nhà cung cấp sẽ được đề riêng và trả lại nhà cung cấp đổi hàng.

✓ Lỗi phát sinh do người vận hành sẽ được bỏ riêng sẽ được thu gom về khu lưu chứa chất thải rắn thông thường và chuyển giao chất thải rắn thông thường.

+ Đối với công đoạn lõi thép: Lõi thép hư hỏng sau khi điều tra có kết quả thì sẽ được phế bỏ bán chung với ba vớ vụn thép, sẽ được thu gom về khu lưu chứa chất thải rắn thông thường và chuyển giao chất thải rắn thông thường.

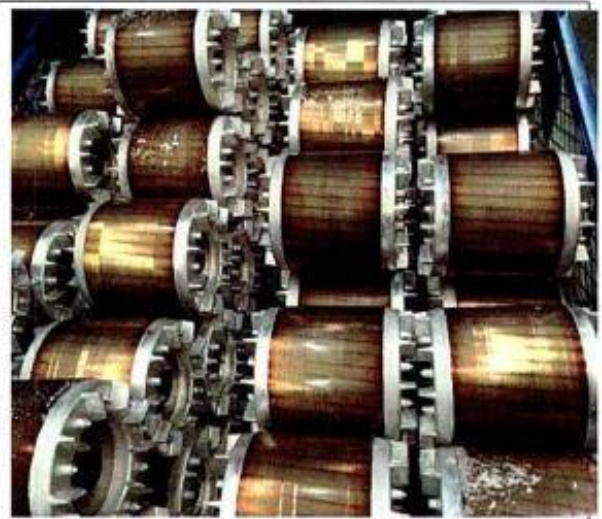
+ Đối với công đoạn đúc rotor (còn gọi là đúc DC): DC lõi sẽ được bỏ riêng và sẽ được thu gom về khu lưu chứa chất thải rắn thông thường và chuyển giao chất thải rắn thông thường.

+ Đối với công đoạn lắp ráp motor hoàn thiện: Đối với hàng lõi phát sinh tại công đoạn lắp ráp thì nguyên vật liệu lỗi sẽ được trả về cho công đoạn liên quan. Công đoạn để phát sinh ra hàng lỗi sẽ phân tích nguyên nhân lỗi và tùy theo lỗi mà sẽ được xử lý riêng theo cách xử lý hàng lỗi đã được nêu ở trên cho từng công đoạn.

Một số hình ảnh trong quy trình sản xuất motor của dự án như sau:



Đúc khuôn rotor



Lõi rotor



Trục rotor



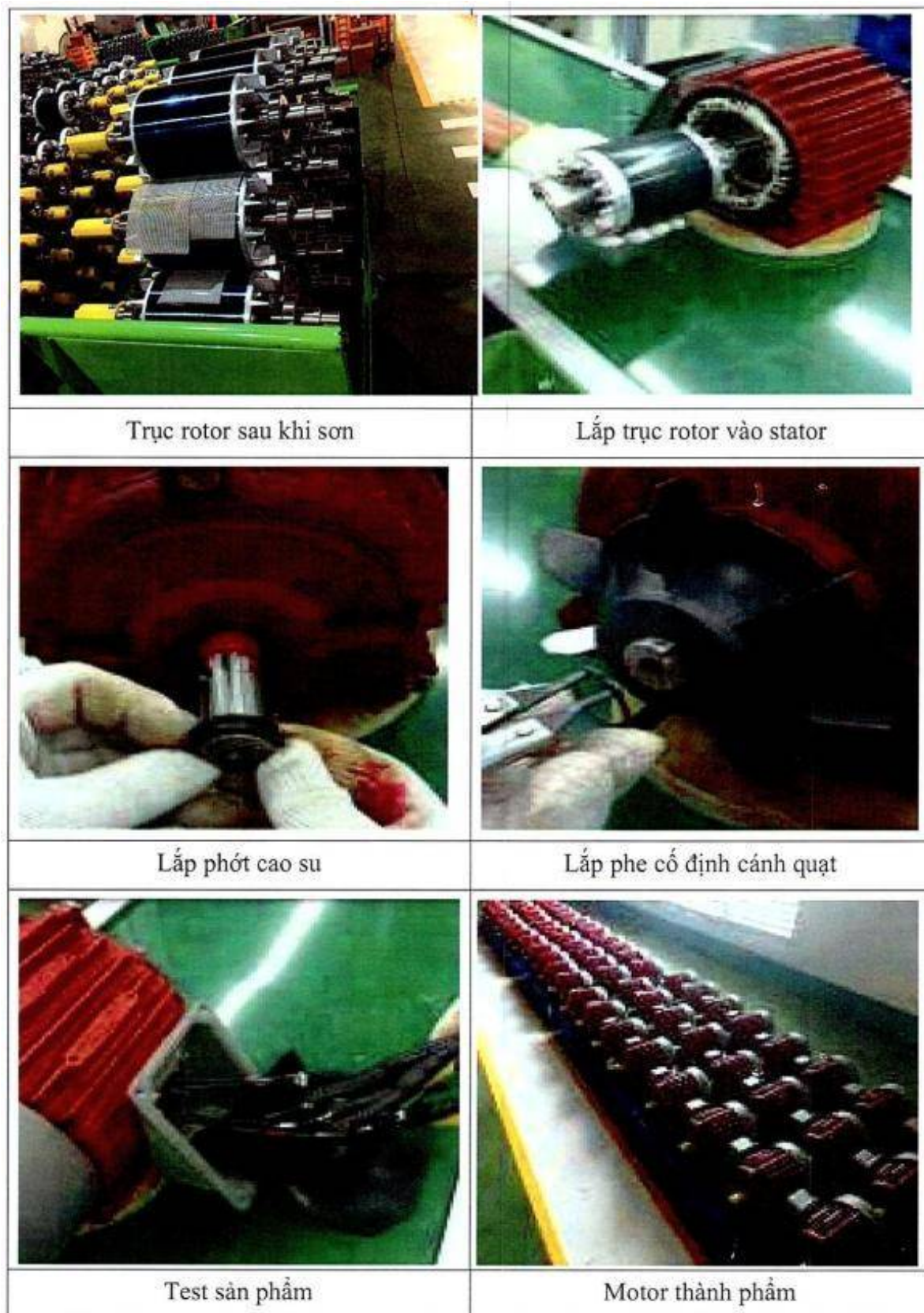
Lắp trục rotor vào lõi rotor



Vỏ motor



Lắp stator vào khung



Hình 1.3. Hình ảnh các công đoạn sản xuất

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản xuất motor, công suất 260.000 sản phẩm/năm (tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm).

Hình ảnh sản phẩm motor của cơ sở như sau:

Hình sản phẩm	Công suất hoạt động	Khối lượng
	80 Frame	19 kg
	200 Frame	325 kg
	315 Frame	1.200

Hình 1.4. Hình ảnh sản phẩm motor của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở:

Nhu cầu nguyên liệu đầu vào của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.2. Danh mục và định mức nguyên liệu thô, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất stator và motor

Stt	Nguyên vật liệu, hóa chất	Đơn vị	Nhu cầu		Nguồn cung cấp
			Hiện hữu	Sau khi nâng công suất	
1	Thép cuộn (thép S14, S18) dùng cho stator và motor	Kg/tháng	1.855.000	2.028.999	Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc
2	Giấy DMD (Polyester)	Kg/tháng	1.022	1.118	Hàn Quốc
3	Băng keo giấy	Kg/tháng	191	209	Hàn Quốc
4	Dây đồng	Kg/tháng	84.200	92.098	Việt Nam, Hàn Quốc
5	Dây dẫn kết nối đầu ra (dây đồng, đường kính 0,75, 1,25, 2,0, 5,5 mm)	Kg/tháng	1.164	1.273	Hàn Quốc

Stt	Nguyên vật liệu, hóa chất	Đơn vị	Nhu cầu		Nguồn cung cấp
			Hiện hữu	Sau khi nâng công suất	
6	Que hàn bằng đồng (đường kính 1,6 & 3,2 mm)	Cái/tháng	43.638	47.731	Hàn Quốc
7	Sợi polyester	Kg/tháng	552	604	Hàn Quốc, Việt Nam
8	Dây dù (chỉ may)	Kg/tháng	150	164	Hàn Quốc
9	Ống bọc cách điện (Silicon)	Kg/tháng	458	501	Hàn Quốc
10	Tấm cao su	Kg/năm	37	40	Việt Nam
11	Vecni (48-52 % xylene (C_8H_{10} , $C_6H_4(CH_3)_2$), 48 – 52% nhựa alkyd)	Kg/tháng	4.320	4.725	Việt Nam
12	Dung môi pha vecni (85 % xylene (C_8H_{10} , $C_6H_4(CH_3)_2$), 15% etylbenzen (C_8H_{10} , $C_6H_5CH_2CH_3$))	Kg/tháng	3.600	3.938	Việt Nam
13	Găng tay (dạng len)	Cái/tháng	5.560	6.082	Việt Nam
14	Thanh nhôm	Kg/tháng	69.000	75.472	Việt Nam
15	Thép cây	Kg/tháng	86.670	94.800	Trung Quốc
16	Sơn	Kg/tháng	3.600	3.938	Việt Nam
17	Dung môi pha sơn	Kg/tháng	1.800	1.969	Việt Nam
18	Dầu bôi trơn	Lít/năm	506	553	Việt Nam
19	Keo silicon	Lọ/tháng	250	273	Việt Nam
20	Cánh quạt	Cái/tháng	10.834	11.850	Việt Nam
21	Nắp chụp (trước, sau)	Cái/tháng	21.667	23.699	Việt Nam
22	Hộp nối dây/nắp hộp nối dây	Bộ/tháng	10.834	11.850	Việt Nam
23	Then cài	Cái/tháng	21.667	23.699	Việt Nam
24	Miếng chêm cố định quạt	Cái/tháng	10.834	11.850	Việt Nam
25	Vỏ động cơ (Frame)	Cái/tháng	10.834	11.850	Việt Nam, Trung Quốc
26	Nắp bảo vệ quạt (hood)	Cái/tháng	10.834	11.850	Việt Nam, Hàn Quốc
27	Bạc đạn (bearing)	Cái/tháng	21.667	23.699	Việt Nam, Hàn Quốc
28	Mỡ bôi	Kg/tháng	500	547	Việt Nam
29	Dầu thủy lực và dầu cắt	Lít/tháng	2.000	2.188	Việt Nam
30	Silica gel (túi hút ẩm)	Kg/tháng	500	547	Việt Nam
31	Pallet gỗ	Cái/tháng	780	853	Việt Nam
32	Màng quần PE	Kg/tháng	1.498	1.639	Việt Nam

Stt	Nguyên vật liệu, hóa chất	Đơn vị	Nhu cầu		Nguồn cung cấp
			Hiện hữu	Sau khi nâng công suất	
33	Giấy carton (nhiều size)	Cái/tháng	20.000	21.876	Việt Nam
34	Chất chống dính	Kg/năm	19	21	Việt Nam, Trung Quốc
35	Thanh gỗ đóng gói	Cái/tháng	4.680	5.119	Việt Nam
36	Phốt cao su	Cái/tháng	10.834	11.850	Hàn Quốc
37	Long đèn vênh	Cái/tháng	10.834	11.850	Hàn Quốc
38	Bu lông	Cái/tháng	1.690.000	1.848.522	Hàn Quốc
39	Than hoạt tính	Kg/tháng	400	438	Việt Nam
40	Phân bón cây xanh (NPK)	Kg/tháng	20	22	Việt Nam
41	Khí Argon	Kg/tháng	2.050	2.242	Việt Nam
42	Khí Oxy	Kg/tháng	418	457	Việt Nam
43	Khí NG	Kg/tháng	17.265	18.884	Việt Nam
44	Khí nitơ	Kg/năm	90	98	Việt Nam
45	NaOH (xử lý nước thải)	Kg/ngày	3	3,3	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery)

Đối với 7% stator còn lại, Công ty nhập nguyên liệu về, sau đó hợp đồng gia công stator bên ngoài rồi đưa về nhà máy lắp ráp motor.

Bảng cân bằng vật chất nguyên vật liệu, sản phẩm và chất thải phát sinh của cơ sở:

Stt	Tên sản phẩm	Khối lượng sử dụng (Tấn/năm)	Khối lượng sản phẩm (Tấn/năm)	Chất thải phát sinh (Tấn/năm)
1	Sản xuất motor	28.089,27 (thép cuộn, thép cây, thanh nhôm, sơn, vecni, dung môi pha sơn,...)	23.322,32 (motor)	4.766,95 (sản phẩm hư hỏng, nguyên liệu kim loại thải bỏ, dung môi thải bỏ,...)

Chi tiết về đặc tính vật lý, hóa học của các nguyên liệu nêu trên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Đặc tính hóa lý của hóa chất sử dụng

Stt	Nguyên vật liệu	Công thức hóa học/số CAS	Đặc tính hóa lý
1	Vecni	C ₈ H ₁₀ , C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂ (48-52% xylene, ethylbenzene), nhựa	Chất lỏng. Điểm sôi: 136 ⁰ C Điểm chớp cháy: 28,5 ⁰ C

		alkyd (48-52%)	Giới hạn cháy: UEL 1%, LEL 7%
2	Dung môi pha vecni	C ₈ H ₁₀ , C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂ (85% xylene), CAS 1330-20-7	Chất lỏng màu trắng Mùi thơm. pH: trung tính Khối lượng phân tử: 106 Tỷ trọng (15,6 ⁰ C): 0,87 Áp suất hơi: 14,2 mmHg (ở 20 ⁰ C) Giới hạn sôi: 139-141 ⁰ C Điểm đông đặc: -18 ⁰ C Tan trong nước không đáng kể.
3	Dung môi pha sơn	Fatty acids, soya polymers with benzonc acid, glycerol and phthalic anhydride, xylene và phụ gia khác	Chất lỏng Điểm sôi: 138 ⁰ C Điểm chớp cháy: 27 ⁰ C
4	Dầu bôi trơn	-	Chất lỏng màu hổ phách Không tan trong nước Điểm sôi: 150 ⁰ C Áp suất hơi: 95-115psi (ở 70 ⁰ F) Điểm chớp cháy: 45 ⁰ C Giới hạn cháy: LEL 0,6%, UEL 8%
5	Argon	7440-37-1; 100% Ar	Khí, không màu, điểm sôi 1,4
6	Khí nitơ	7727-37-9; 100% N ₂	Khí hóa lỏng, không màu, không mùi, không vị, Áp suất hóa hơi: 760 mmHg (-196 ⁰ C)
7	Khí Oxy	7782-44-7; 99% O ₂	Khí nén, không màu, không mùi

4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a) Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

* Nhà máy sử dụng điện từ Nguồn cung cấp điện chính là điện lưới quốc gia. Nhu cầu điện tiêu thụ của nhà máy hiện nay khoảng 717.452 kWh/tháng (trung bình của tháng 03, 04, 05/2026) phục vụ cho hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt. Khi thực hiện nâng công suất thì nhu cầu điện tiêu thụ cho toàn nhà máy sau khi nâng công suất khoảng 821.452 kWh/tháng.

b) Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

* Nguồn cung cấp nước:

- Nguồn cung cấp nước cho dự án được lấy từ nguồn nước thủy cục do Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai cung cấp thông qua đơn vị hạ tầng KCN Nhơn Trạch V.

* **Nhu cầu sử dụng nước**

- Theo hóa đơn sử dụng nước của tháng 03, 04, 05/2026 thì lượng nước trung bình sử dụng tháng khoảng $2.976 \text{ m}^3/\text{tháng} = 100,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (Mục 2.10.2), lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ngày đêm. Số lượng lao động hiện nay là 419 người.

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 419 \text{ người} = 33,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Khi thực hiện nâng công suất, Công ty sẽ tuyển thêm 44 người.

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 44 \text{ người} = 3,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước giải nhiệt và làm mát sử dụng hiện nay với lưu lượng $14 \text{ m}^3/\text{ngày}$, sử dụng tuần hoàn và 2 tuần xả 1 lần, trong bể chứa có phao điều khiển tự động để bổ sung nước khi có hao hụt bay hơi. Khi nâng công suất sẽ sử dụng thêm khoảng $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước cho công đoạn làm mát rotor hiện nay sử dụng khoảng $4 \text{ m}^3/\text{ngày}$, khi nâng công suất sử dụng thêm khoảng $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$, khoảng 7-10 ngày xả 1 lần.

- Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải khoảng $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$, khi nâng công suất sẽ sử dụng thêm khoảng $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Định kỳ 2 tuần xả 1 lần.

+ Nước sử dụng cho tưới cây

Căn cứ theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 33:2006 ban hành kèm QĐ 06/2006/QĐ-BXD ngày 17/03/2006, lượng nước tưới cây: $4 - 6 \text{ lít/m}^2$.

- Lượng nước sử dụng cho tưới cây: $4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 11.500 \text{ m}^2 = 46.000 \text{ lít/ngày} = 46 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước

STT	Hạng mục	Nhu cầu sử dụng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)			Nước thải ($\text{m}^3/\text{ngày}$)	
		Hiện hữu	Dự án	Tổng cộng	Hiện hữu	Sau khi nâng công suất
1	Nước cấp cho sinh hoạt	33,5	3,5	37	33,5	37
2	Nước cấp cho sản xuất	21	8	29	13	17
2.1	Nước giải nhiệt và làm mát cooling	14	6	20	6	8
2.2	Nước cho công đoạn làm mát rotor	4	1	5	4	5
2.3	Nước cho HTXLKT (xử lý bụi khu vực đúc rotor và	3	1	4	3	4

STT	Hạng mục	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)			Nước thải (m ³ /ngày)	
		Hiện hữu	Dự án	Tổng cộng	Hiện hữu	Sau khi nâng công suất
	xử lý bụi phòng sơn)					
3	Nước tưới cây, rửa đường	46	-	46	-	
Tổng		100,5	11,5	112	46,5	54

(Nguồn: Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực cơ sở

Cơ sở nâng công suất bằng cách lắp đặt máy móc thiết bị mới tại khu vực trống của nhà xưởng hiện hữu trên khu đất có diện tích 55.479 m². Cụ thể:

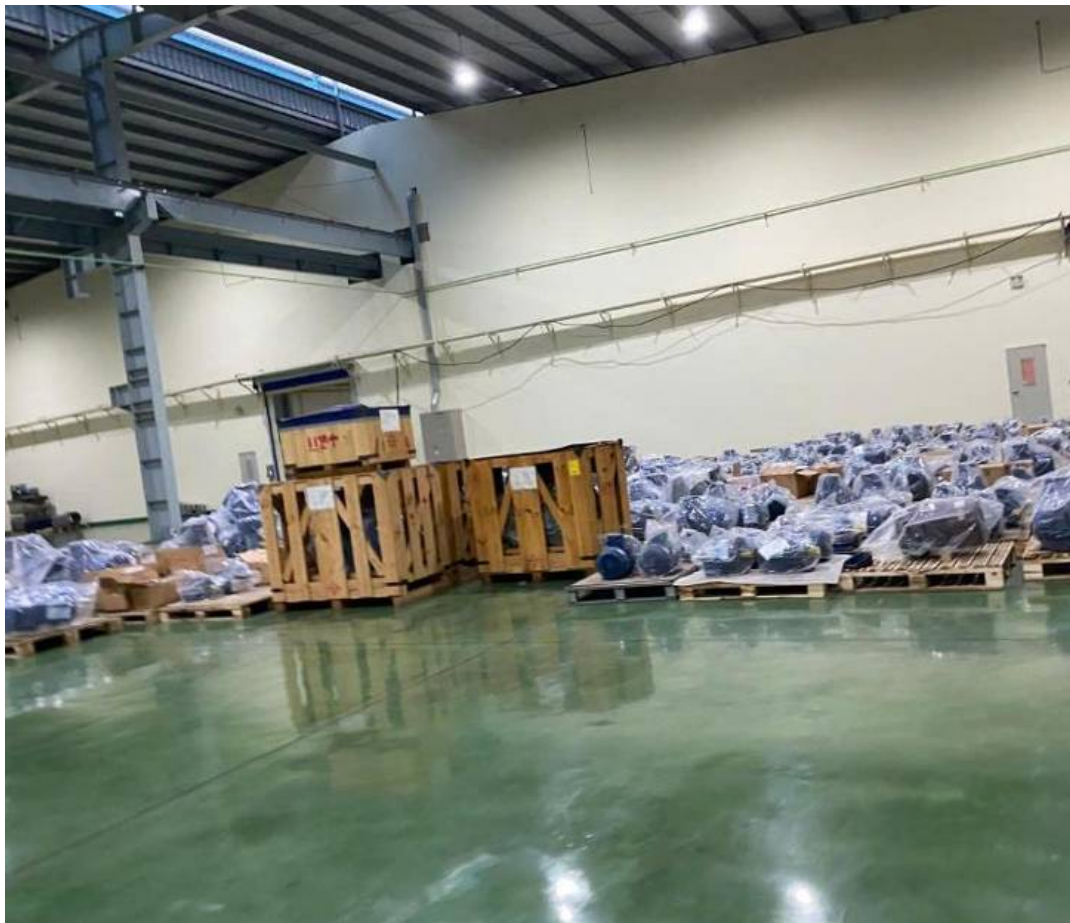
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của Nhà máy

STT	Các hạng mục	Diện tích nhà xưởng hiện hữu (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Công trình xây dựng	25.933	46,74
1	Nhà xưởng (*)	21.618	38,97
2	Văn phòng	2.530	4,56
3	Phòng điện	254	0,46
4	Kho chứa LPG và oxy	44	0,08
5	Tháp giải nhiệt + bể chứa nước	102	0,18
6	Hồ thu gom nước thải	4	0,01
7	Khu lưu chứa chất thải	160	0,29
8	Hệ thống xử lý khí thải	60	0,11
9	Kho chứa sơn, vecni, dung môi	218	0,39
10	Nhà bảo vệ	26	0,05
11	Nhà xe	549	0,99
12	Phòng máy nén khí	44	0,08
13	Nhà vệ sinh	192	0,35
14	Hệ thống xử lý nước thải	132	0,24
II	Sân đường nội bộ	18.046	32,53
III	Cây xanh, thảm cỏ	11.500	20,73
Tổng diện tích		55.479	100,00

Ghi chú:

*. Phần diện tích hiện nay trong nhà xưởng hiện hữu đang trống, chỉ để sản phẩm vừa hoàn thành, khi lắp đặt thêm máy móc, thiết bị mới thì Công ty sẽ dời các sản phẩm vừa hoàn thành về khu vực chứa thành phẩm. Diện tích lắp đặt thêm máy móc, thiết bị phục vụ nâng công suất và thêm 01 hệ thống xử lý khí thải khoảng 3.470,15 m².

Hình ảnh khu vực nhà xưởng còn trống để lắp đặt máy móc, thiết bị bổ sung như sau:



❖ **Vị trí của cơ sở:**

Vị trí thực hiện cơ sở nằm trong KCN Nhơn Trạch V. Công ty dự kiến lắp đặt thêm máy móc, thiết bị tại khu vực còn trống của nhà xưởng hiện hữu để phục vụ nâng công suất và sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý khí thải.

Cơ sở có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp đường N3, phía sau là cây xanh của KCN;

- Phía Nam: giáp đường N4, phía sau là khu đất dự kiến xây dựng nhà máy sản xuất sợi viên và sợi thép của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai và đất trống của KCN;

- Phía Đông: giáp đường D3b, phía sau là KCN dệt may Nhơn Trạch;
- Phía Tây: giáp đất dự trữ của nhà máy sản xuất sợi Nylon 6 hiện hữu, phía sau là nhà máy sản xuất sợi Nylon 6 hiện hữu của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai.

Vị trí cơ sở trong KCN Nhơn Trạch V như sau:



5.2. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy hiện nay và khi nâng công suất được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.6. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

STT	Máy móc, thiết bị	Số	Tỉnh	Nước sản	Mục đích sử dụng
-----	-------------------	----	------	----------	------------------

		lượng	trạng	xuất	
I	Máy móc, thiết bị hiện hữu				
1	Máy quấn dây tự động	6	80%	Trung Quốc	Quấn dây đồng thành cuộn
2	Máy quấn dây bán tự động	2	80%	Trung Quốc	
3	Máy vào giấy lót rãnh	4	80%	Trung Quốc	Chèn giấy cách điện giữa cuộn dây và lõi thép vào lõi
4	Máy định hình	8	80%	Trung Quốc	Tạo hình cho cuộn dây sau khi được chèn vào lõi thép
5	Máy vào dây	4	80%	Trung Quốc	Chèn cuộn dây vào lõi thép
6	Máy may stator	4	80%	Trung Quốc	Buộc các bồi dây vào nhau
7	Thiết bị nhúng vecni	2	80%	Trung Quốc	Phủ vecni cách điện cho stator
8	Thiết bị hàn hơi	6	80%	Trung Quốc	Hàn kết nối dây đồng các bồi với dây dẫn điện của motor
9	Máy kiểm tra	8	80%	Trung Quốc	Kiểm tra chất lượng hoàn thành stator
10	Tháp làm mát	2	80%	Trung Quốc	Tản nhiệt nước làm mát cho máy lạnh
11	Máy điều hòa không khí	4	80%	Trung Quốc	Làm mát không khí
12	Bơm tuần hoàn tháp làm mát	6	80%	Trung Quốc	Bơm nước
13	Máy nén khí	1	80%	Trung Quốc	Nén không khí tạo áp suất cao
14	Búa	100	80%	Trung Quốc	Stator, lắp ráp motor
15	Cần trục	6	80%	Trung Quốc	Cầu stator tại line sản xuất
16	Xe nâng (sử dụng điện)	5	80%	Trung Quốc	Nâng hàng stator, lắp ráp motor
17	Máy tiện đứng	13	80%	Trung Quốc	Gia công nắp, vỏ motor
18	Máy phay ngang	7	80%	Trung Quốc	
19	Máy định tâm/lõi	1	80%	Trung Quốc	Vật đúng kích thước trục và khoan hai mũi chống tâm cho trục
20	Máy tiện	3	80%	Trung Quốc	Gia công tạo hình cho trục
21	Máy phay	2	80%	Trung Quốc	Tạo rãnh then cho trục
22	Máy mài	2	80%	Trung Quốc	Mài kích thước chính xác cho đầu trục và vị trí lắp bạc đạn
23	Máy khoan và cắt ren	2	80%	Trung Quốc	Khoan và tạo ren cho đầu tải trục
24	Máy ép tốc độ cao	1	80%	Trung Quốc	Dập định hình lá thép cho stator và rotor

25	Máy đúc khuôn	1	80%	Trung Quốc	Tạo hình cho rotor
26	Lò nung chảy nhôm	1	80%	Trung Quốc	Nấu chảy nhôm nguyên liệu cho máy đúc áp lực
27	Máy hút bụi khí hàn	2	80%	Trung Quốc	Hút các khối bụi khi quá trình hàn phát sinh
28	Máy hàn	1	80%	Trung Quốc	Hàn liên kết các lá thép sau khi dập
29	Máy mài bề mặt	1	80%	Trung Quốc	Mài phẳng bề mặt khuôn khi sửa chữa khuôn
30	Máy chèn và nối rộng	1	80%	Trung Quốc	Nối rộng các bồi dây cho quá trình chèn giấy cách pha
31	Máy tạo hình cuối cùng	2	80%	Trung Quốc	Tạo hình lần cuối cho stator
32	Băng tải gia nhiệt Rotor	2	80%	Hàn Quốc	Nung nóng rotor
33	Máy cân bằng rotor	2	80%	Hàn Quốc	Cân bằng lực ly tâm của rotor
34	Máy ép vào ổ trục	1	80%	Hàn Quốc	Ép vòng bi vào cổ trục
35	Máy gia nhiệt	1	80%	Hàn Quốc	Nung nóng vòng bi
36	Máy đóng vỏ	3	80%	Hàn Quốc	Ép stator vào vỏ motor
37	Máy khắc bảng tên	1	80%	Hàn Quốc	Khắc thông tin lên bảng tên motor
38	Cần trục xoay	11	80%	Hàn Quốc	Vận chuyển các phụ tùng nặng cho việc lắp ráp
39	Cần trục	11	80%	Hàn Quốc	Nâng hàng tại khu lắp ráp motor
40	Thiết bị cân bằng không khí	2	80%	Hàn Quốc	Vận chuyển các phụ tùng nặng cho việc lắp ráp
41	Buồng sơn	2	80%	Hàn Quốc	Sơn phủ màu cho motor
42	Lò sấy	1	80%	Hàn Quốc	Stator
43	Băng tải lắp ráp động cơ	1	80%	Hàn Quốc	Lắp ráp motor
44	Máy dập 400 tấn	1	95%	Trung Quốc	
45	Băng tải ba vó	1	95%	Trung Quốc	Lắp ráp motor
46	Phòng cách âm	1	95%	Trung Quốc	-
47	Băng chuyền chuyển lá dập	1	95%	Trung Quốc	-
48	Khuôn dập	5	95%	Hàn Quốc	Dập stator
49	Máy dập 200 tấn	1	95%	Trung Quốc	Dập stator
50	Máy dập lỗ stator/rotor	5	95%	Trung Quốc	Máy dập lỗ stator
51	Máy hàn	2	95%	Trung Quốc	Hàn liên kết các lá thép sau khi

					dập
52	Máy đúc 400 tấn	1	95%	Trung Quốc	Tạo hình cho rotor
53	Lò nấu nhôm	1	95%	Hàn Quốc	Nấu chảy nhôm nguyên liệu
54	Khuôn đúc	13	95%	Trung Quốc	Tạo hình cho rotor
55	Máy quấn dây	2	95%	Trung Quốc	Quấn dây đồng thành cuộn
56	Máy vào dây	6	95%	Việt Nam	Chèn cuộn dây vào lõi thép
57	Line stator tự động	2	95%	Trung Quốc	Stator
58	Line stator bán tự động	1	95%	Trung Quốc	Stator
59	Máy nhúng – sấy vecni tuần hoàn	1	95%	Trung Quốc	Phủ vecni cách điện cho stator
60	Line lắp ráp	1	95%	Trung Quốc	Lắp ráp motor
61	Máy kiểm tra không tải	1	95%	Hàn Quốc	Kiểm tra motor
62	Phòng sơn/ Lò sấy	1	95%	Trung Quốc	Sơn phủ màu cho motor
63	Hoàn thiện/Đóng gói	1	95%	Việt Nam	Đóng gói motor
II	Máy móc, thiết bị lắp thêm khi nâng công suất				
1	Máy dập lá thép	1	100%	Hàn Quốc	Dập lá thép
2	Máy dập lõi thép	1	100%	Hàn Quốc	Dập lõi thép
3	Máy ép lõi thép	1	100%	Hàn Quốc	Ép lõi thép
4	Máy gia nhiệt	1	100%	Hàn Quốc	Nung nóng lõi thép
5	Khuôn dập	1	100%	Hàn Quốc	Dập lá thép
6	Máy quấn, định hình, quấn cách nhiệt thanh đồng	1	100%	Hàn Quốc	Quấn dây đồng thành cuộn
7	Máy nhúng - sấy vecni	1	100%	Hàn Quốc	Phủ vecni cách điện cho stator
8	Máy test không tải	1	100%	Hàn Quốc	Kiểm tra stator
9	Máy gia nhiệt	1	100%	Hàn Quốc	Nung nóng rotor
10	Máy kiểm tra không tải	1	100%	Hàn Quốc	Kiểm tra motor

5.3. Nhu cầu lao động:

- Tổng số lượng công nhân viên hiện nay khoảng 419 người.
- Khi thực hiện dự án nâng công suất, công ty sẽ tuyển 44 người.

Như vậy, sau khi nâng công suất thì số lượng lao động toàn cơ sở là: 463 người.

5.4. Tiến độ thực hiện cơ sở

- Tháng 11 năm 2026: Hoàn thành các thủ tục hành chính liên quan đầu tư, môi trường, xây dựng;
- Tháng 12/2026: Hoàn thành lắp đặt máy móc, thiết bị mới phục vụ nâng công suất;
- Tháng 01/2027: Vận hành thử nghiệm.
- Tháng 07 năm 2027: Dự án chính thức đi vào vận hành chính thức.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cơ sở phù hợp với mục tiêu của quy hoạch: chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, phát triển theo hướng kinh tế tuần hoàn. Cơ sở phù hợp với nhiệm vụ về bảo vệ môi trường: tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, thực hiện biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải.

- Về quy hoạch tỉnh: Theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cơ sở nằm tại phường Nhơn Trạch phù hợp với mục tiêu của quy hoạch: phù hợp với phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội theo vùng kinh tế phía Tây.

1.2. Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường

Vị trí cơ sở tại KCN Nhơn Trạch V, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai. KCN Nhơn Trạch V có tổng diện tích 309,45 ha.

KCN Nhơn Trạch V hiện tại đã được phủ kín 100% diện tích, cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh theo đúng quy hoạch chi tiết được phê duyệt; KCN Nhơn Trạch V đã được cấp Giấy phép môi trường số 228/GPMT-BTNMT ngày 21/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, được thu hút đầu tư các ngành nghề:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm (không chế biến thủy hải sản)	C	10			
2	Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (bao gồm công nghiệp nhuộm)	C		131		

3	Sản xuất hàng dệt khác (bao gồm công nghiệp nhuộm)	C		139		
4	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C				14100
5	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	C				14200
6	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	C				14300
7	Sản xuất giày, dép	C				15200
8	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	C		161		
9	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C		162		
10	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (không sản xuất bột giấy)	C				17010
11	Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	C				17021
12	Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn	C				17022
13	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C				17090
14	In ấn	C				18110
15	Dịch vụ liên quan đến in	C				18120
16	Sao chép bản ghi các loại	C				18200
17	Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C		201		
18	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác	C		202		
19	Sản xuất sợi nhân tạo	C		203		
20	Sản xuất thuốc các loại	C				21001
21	Sản xuất hoá dược và dược liệu	C				21002
22	Sản xuất sản phẩm từ cao su	C		221		
23	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C		222		
24	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C		231		
25	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	C				23910
26	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	C				23920
27	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	C				23930
28	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (trừ xi măng clinke)	C			2394	
29	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	C				23950
30	Sản xuất sắt, thép, gang	C				24100

31	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (bao gồm công đoạn xi mạ)	C		251		
32	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C		259		
33	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (bao gồm công đoạn xi mạ)	C	26			
34	Sản xuất thiết bị điện (bao gồm công đoạn xi mạ)	C	27			
35	Sản xuất máy thông dụng (bao gồm công đoạn xi mạ)	C		281		
36	Sản xuất máy chuyên dụng (bao gồm công đoạn xi mạ)	C		282		
37	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (bao gồm công đoạn xi mạ)	C				29100
38	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	C				29200
39	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C				29300
40	Đóng tàu và thuyền (bao gồm công đoạn xi mạ)	C		301		
41	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu (bao gồm công đoạn xi mạ)	C		309		
42	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	C				31001
43	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại	C				31002
44	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	C				31009
45	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C	32			
46	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C		331		
47	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	C		332		
48	Sản xuất điện mặt trời	D				35116
49	Truyền tải điện	D				35121
50	Phân phối điện	D				35122
51	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H		521		
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	H		522		
53	Bưu chính	H				53100
54	Chuyển phát	H				53200
55	Dịch vụ lưu trú	I				55909

56	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	I		561		
57	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác	I		562		
58	Dịch vụ phục vụ đồ uống	I		563		
59	Viễn thông	J	61			
60	Lập trình máy vi tính	J				62010
61	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	J				62020
62	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	J				62090
63	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; công nghệ thông tin	J		631		
64	Dịch vụ thông tin khác	J		639		
65	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	L		681		
<i>Ghi chú: Không thu hút mới ngành thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú (mã ngành C1511), trừ trường hợp của Công ty TNHH Da thuộc Tai Yu đang hoạt động.</i>						

Như vậy, cơ sở phù hợp với ngành nghề trong KCN Nhơn Trạch V theo Giấy phép môi trường số 228/GPMT-BTNMT ngày 21/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Cơ sở phù hợp với ngành nghề thu hút của KCN Nhơn Trạch V “*Sản xuất thiết bị điện*”.

- Về phân vùng môi trường: UBND tỉnh Đồng Nai đã có các quyết định phân vùng như sau:

+ Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

+ Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/04/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022.

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Vị trí cơ sở là KCN Nhơn Trạch V đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu.

Hiện tại, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN Nhơn Trạch V đã được đầu tư hoàn thiện, bao gồm hệ thống đường giao thông đối ngoại và đối nội, hệ thống cấp nước, cấp điện, hệ thống thu gom nước mưa, thu gom nước thải, nước thải được thu gom về hiện nay khoảng 12.000 m³/ngày. KCN Nhơn Trạch V cũng đã xây dựng hoàn thiện Trạm xử lý nước thải tập trung, với tổng công suất 16.000 m³/ngày (24 giờ) (bao gồm 04 giai đoạn có công suất 4.000 m³/ngày (24 giờ)/giai đoạn), đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận và xử lý tốt lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của toàn bộ KCN nói chung và của cơ sở nói riêng.

Công suất thiết kế Hệ thống XLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch V: Tổng công suất 16.000 m³/ngày (24 giờ) (bao gồm 04 giai đoạn có công suất 4.000 m³/ngày (24 giờ)/giai đoạn). Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$). HTXLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch V vẫn đáp ứng đủ khả năng tiếp nhận lượng nước thải từ cơ sở.

Do đó, khi cơ sở hoạt động ổn định thì Nhà máy XLNT tập trung của KCN vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải để xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

Công ty không xây dựng thêm nhà xưởng, mà chỉ lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất, cũng như lắp đặt thêm hệ thống xử lý nước thải và các hệ thống xử lý khí thải.

- Quá trình lắp đặt có phát sinh bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị.

- Phát sinh nước thải sinh hoạt của 20 công nhân trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, với lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 1,6 m³/ngày. Nước thải này được thu gom, xử lý đạt giới hạn KCN Nhơn Trạch V.

- Phát sinh chất thải rắn từ quá trình lắp đặt gồm chất thải rắn sinh hoạt khoảng 10kg/ngày, chất thải rắn thông thường khoảng 100 kg trong suốt quá trình lắp đặt, chất thải nguy hại khoảng 65kg trong suốt quá trình lắp đặt. Chất thải phát sinh được đưa về khu lưu chứa chất thải hiện hữu của Nhà máy và sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở đã được xây dựng tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nước mưa sau khi được thu gom được dẫn vào hệ thống thoát nước nội bộ của nhà máy sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của KCN.

- Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng các ống uPVC Ø200 dẫn xuống các rãnh bê tông kín âm dưới đất Ø300-500, L=480m, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN Nhơn Trạch V.

Hệ thống thoát nước mưa của nhà xưởng có các thông số kỹ thuật như sau:

+ Đường ống uPVC Ø200, thoát nước mưa mái nhà đến mương thoát nước.

+ Cống BTCT thoát nước Ø300-500, độ dốc $i = 0,3\%$.

+ Song chắn rác dạng thép lá có bề dày 10 mm, khoảng cách giữa các thanh là 30mm.

+ Tổng chiều dài đường ống thoát nước mưa hơn 480 m.

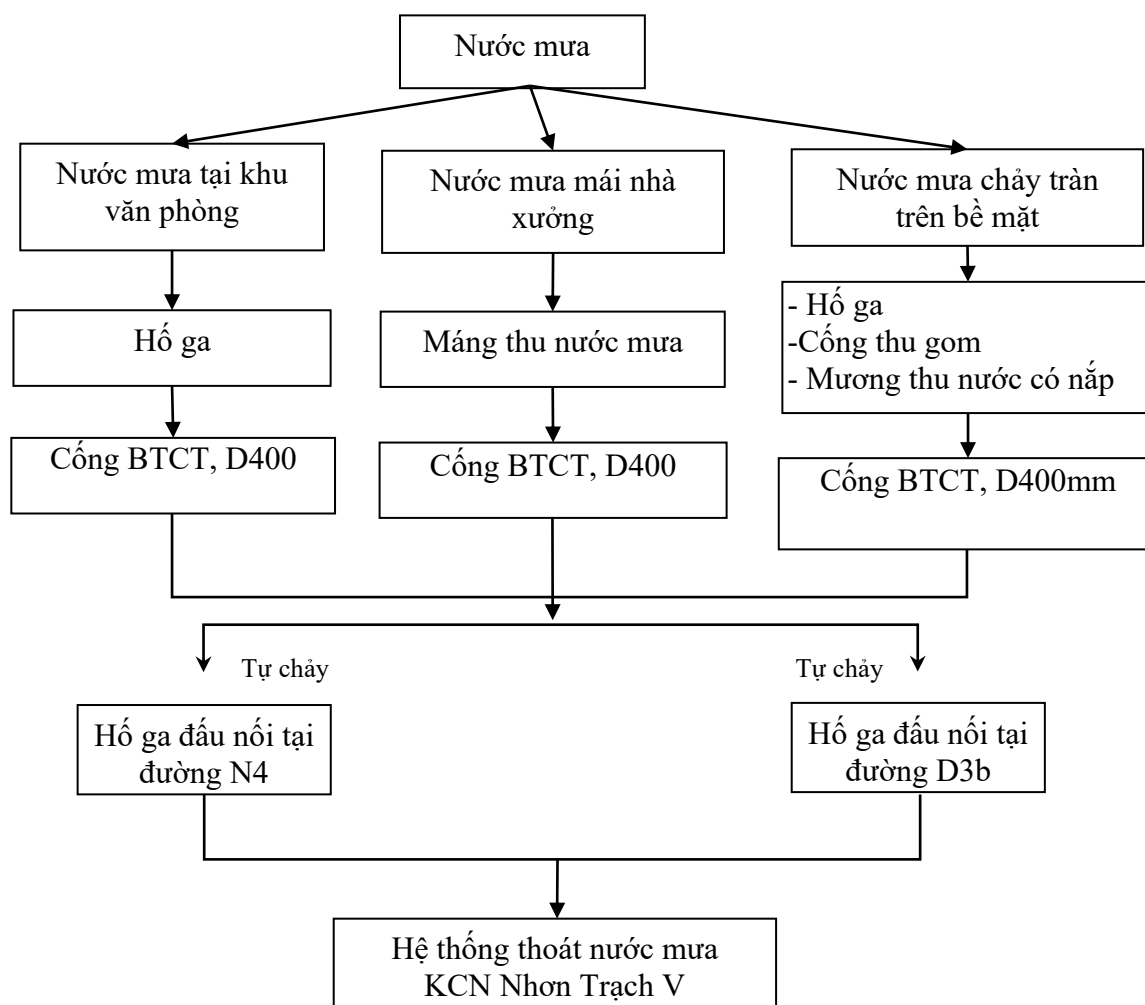
- Vị trí đầu nối: 02 điểm (01 hố ga trên đường số D3b, 01 hố ga trên đường số N4) của KCN Nhơn Trạch V.

+ Vị trí 1: Hố ga 1 (Tọa độ: X=1183841; Y=407953).

+ Vị trí 2: Hố ga 2 (Tọa độ: X=1183703; Y=407981).

Quy trình vận hành tại điểm đầu nối nước mưa: tự chảy.

Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được thể hiện tại hình sau:



Hình 4.1. Sơ đồ minh họa hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải phát sinh hiện nay và khi tiến hành nâng công suất được thu gom về HTXLNT với công suất thiết kế 80 m³/ngày để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của HTXLNT tập trung KCN Nhơn Trạch V trước khi đầu nối vào HTXLNT của KCN.

1.3. Xử lý nước thải:

a) Nước thải phát sinh:

Lượng nước thải phát sinh do hoạt động sinh hoạt cho dự án khi hoạt động ổn định bằng 100% lượng nước cấp (theo tính toán tại chương 1) là: 37 m³/ngày.đêm. Đặc trưng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn...

- Nước từ công đoạn giải nhiệt và làm mát rotor khoảng 8 m³/lần (1 tuần xả 1 lần). Thông số ô nhiễm đặc trưng: cặn lắng và cặn lơ lửng.

- Nước thải từ khu vực phòng sơn khoảng 5 m³/lần (1 tuần xả 1 lần). Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS và COD.

- Nước thải từ hệ thống xử lý bụi khu vực đúc rotor khoảng 4 m³/lần (1 tuần xả 1 lần). Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS và COD.

Lượng nước thải phát sinh tại nhà máy được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 4.1. Bảng thông kê lượng nước thải phát sinh

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Lượng nước thải hiện hữu	Lượng nước thải sau khi nâng công suất	Ghi chú
1	Nước thải sinh hoạt	m ³ /ngày	33,5	37	
2	Nước thải sản xuất				
-	Từ công đoạn giải nhiệt và làm mát rotor	m ³ /lần	6	8	1 tuần xả 1 lần
-	Nước thải từ khu vực phòng sơn	m ³ /lần	4	5	1 tuần xả 1 lần
-	Nước thải từ hệ thống xử lý bụi khu vực đúc rotor	m ³ /lần	3	4	1 tuần xả 1 lần
Tổng cộng ngày xả nước thải lớn nhất			46,5	54	

Tổng lượng nước thải tối đa của cơ sở khi thải ra trong ngày cao nhất sau khi nâng công suất khoảng 54 m³/ngày. Công suất thiết kế hệ thống XLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch V: Tổng công suất 16.000 m³/ngày vẫn có đủ khả năng tiếp nhận toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ cơ sở.

b) Biện pháp xử lý:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý bằng bể tự hoại cùng với nước thải từ khu vực rửa tay được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

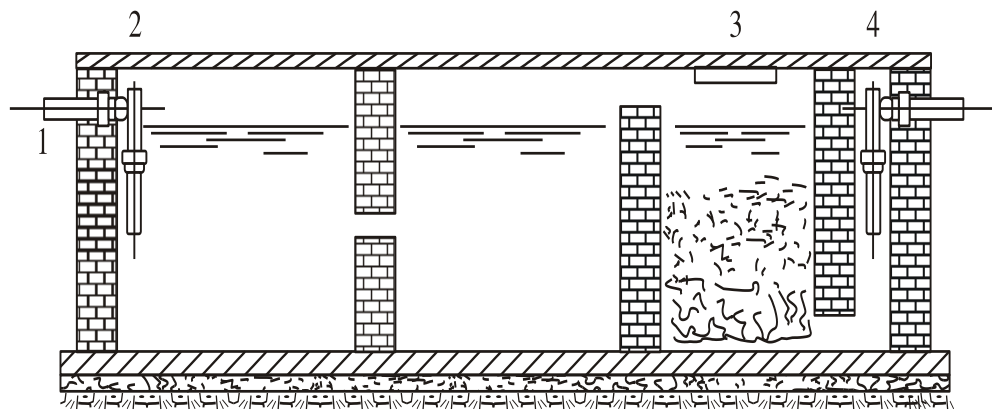
Bể tự hoại 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng, ngăn thiếu khí, ngăn kỵ khí và ngăn lọc có hai chức năng chính là lắng, lọc cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH₄, CO₂, H₂S, ... Cặn trong bể tự hoại

được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của Công ty cho thuê nhà xưởng trước khi đấu nối về hệ thống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty cho thuê nhà xưởng. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

Tránh không để rơi vãi xăng dầu, xà phòng, ... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

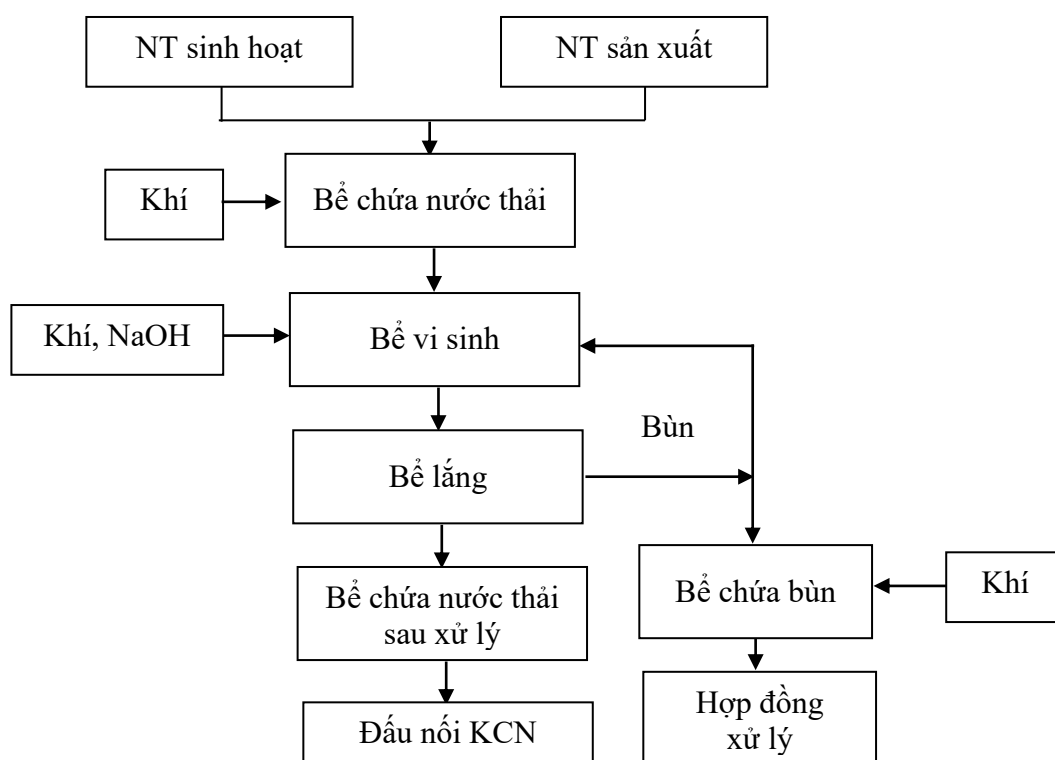


Hình 4.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn); 4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

Nước thải từ buồng sơn được chứa vào các thùng nhựa vuông 1m³, sau đó được bơm từ từ về hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại cùng với nước thải sản xuất sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải, công suất 80 m³/ngày, với công nghệ xử lý cụ thể như sau:



Hình 4.3. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom về bể chứa nước thải để trung hòa nồng độ các chất ô nhiễm trước khi qua bể vi sinh.

Bể vi sinh là bể sinh học hiếu khí xử lý nước thải, nước thải được xử lý bởi vi sinh, việc sục khí cùng với việc đo nồng độ pH của nước châm thêm hóa chất NaOH để nước đạt yêu cầu, sau đó qua bể lắng và qua bể chứa nước thải sau xử lý và đầu nối với KCN Nhơn Trạch V. Bùn sẽ đưa về bể chứa bùn.

Nước thải sau hệ thống xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN sẽ được đầu nối với KCN tại 01 hố ga trên đường N4.

KCN Nhơn Trạch V đã xây dựng hoàn thiện Trạm xử lý nước thải tập trung, với tổng công suất 16.000 m³/ngày (24 giờ) (bao gồm 04 giai đoạn có công suất 4.000 m³/ngày (24 giờ)/giai đoạn), đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận và xử lý tốt lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của toàn bộ KCN nói chung và của cơ sở nói riêng.

Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐKT-ISC ngày 01/03/2024 giữa Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC) (hợp đồng đính kèm phụ lục).

Kích thước các hạng mục và thiết bị của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Stt	Hạng mục/Thiết bị	Số lượng	Quy cách
1	Bể chứa nước thải	01	3.000L x 3.200Wx 3.500H
2	Bể vi sinh	01	7.100L x 3.200Wx 3.500H
3	Bể lắng	01	5.000 x 3.800H
4	Bể chứa nước thải sau xử lý	01	1.000L x 2.000Wx 1.000H
5	Bể chứa bùn	01	1.000L x 3.200Wx 3.500H
6	Máy thổi khí	02	Công suất 200 lít/phút và 2,6 m ³ /phút
7	Bơm nước thải vào	01	Công suất 0,15m ³ /phút x 7mH
8	Bơm trả bùn	01	Công suất 0,15m ³ /phút x 7mH
9	Bơm nước thải sau xử lý	01	Công suất 0,15m ³ /phút x 7mH

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Các công trình xử lý bụi khí thải hiện nay và bổ sung thêm cho phần nâng công suất như sau:

Bảng 4.2. Các công trình xử lý bụi, khí thải hiện hữu và bổ sung

Stt	Công trình xử lý bụi, khí thải	Hiện hữu	Bổ sung nâng công suất	Tổng cộng	Quy trình công nghệ
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 7.419 m ³ /h	1	-	1	Hơi dung môi → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống khói
2	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 12.000 m ³ /h và công suất 5.400 m ³ /h	2	-	2	Hơi dung môi → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống khói
3	Hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor, công suất 23.057 m ³ /h và công suất 18.000 m ³ /h	2	-	2	Khí thải (chứa bụi) → Quạt hút → Thiết bị tháp lọc ướt → Ống khói
4	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 25.800 m ³ /h và công suất 30.000 m ³ /h	2	-	2	Hơi dung môi → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống khói
5	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 18.000 m ³ /h	1	-	1	Hơi dung môi → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống khói
6	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 60.000 m ³ /h	-	1	1	Hơi dung môi → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống khói

Tổng cộng	8	1	9	
------------------	----------	----------	----------	--

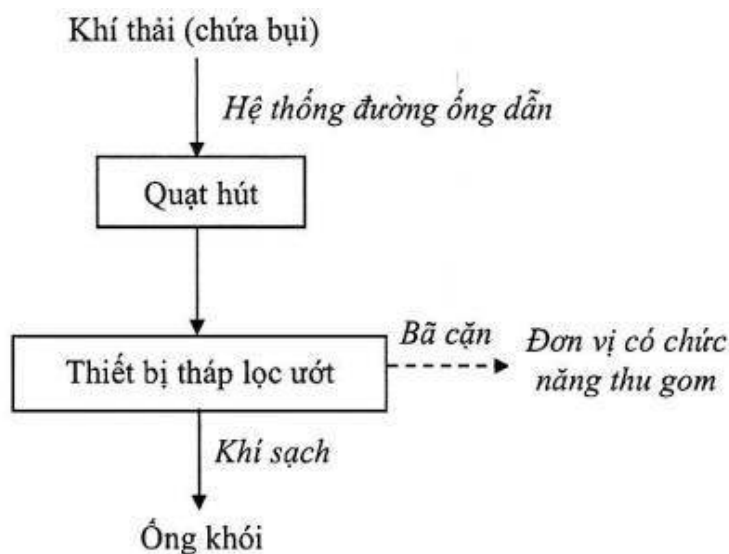
Khi tiến hành nâng công suất, công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý khí thải.

a) Công trình xử lý bụi, khí thải tại công đoạn nấu chảy nhôm và đúc rotor

- Trang bị khẩu trang cho công nhân trong quá trình làm việc.
- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng sạch sẽ sau mỗi ca làm việc nhằm hạn chế bụi theo gió phát tán vào môi trường không khí.

- Tại khu vực nấu chảy nhôm để đúc khuôn rotor trong quy trình sản xuất motor, bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ quá trình bay hơi hợp chất ở nhiệt độ cao bên trong lò. Với thành phần chủ yếu là bụi kim loại (bụi nhôm), một phần nhỏ các khí CO₂, SO₂, CO, NO_x,... Lượng khí thải này chiếm 95% trên tổng lượng khí thải phát sinh tại khu vực nấu nhôm.

- Đối với bụi phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm và đúc rotor của nhà máy hiện nay công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý, công suất 23.057 m³/h và 01 hệ thống xử lý, công suất 18.000 m³/h với quy trình xử lý như sau:



Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý bụi

Thuyết minh quy trình:

Khí thải ra từ quá trình nấu nhôm và đúc rotor được đưa vào thiết bị lọc thông qua quạt hút, trong thiết bị lọc có bố trí dàn nước phun, khi khói vào bị nước từ trên tưới xuống, thể khí và thể nước tiếp xúc với nhau, các tạp chất lẫn bụi trong không khí sẽ nhanh chóng kết dính lại, do trọng lực, tạp chất và bụi theo dòng nước rơi xuống đáy thiết bị. Nước tại đáy thiết bị sau khi lắng đọng sẽ

được bơm tuần hoàn sử dụng lại. Bã cặn đọng lại sau một thời gian nhất định (6 tháng/lần) sẽ vệ sinh gom bỏ. Không khí sau khi lọc theo lực hút thoát ra ngoài qua ống khói, trước khi thoát ra ống khói, dòng khí đi qua lớp tách ẩm (demister) nhằm mục đích kết tụ sương mù thành những giọt đủ nặng để tách khỏi dòng khí. Nước ở đáy sẽ được thay định kỳ 2 tuần/lần.

Thông số kỹ thuật của 01 hệ thống xử lý bụi:

Bảng 4.3. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi 1

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	03 cái	Vật liệu: thép; Tiết diện: 0,5 m ² Không gian hở - chụp hút
2	Thiết bị tháp lọc ướt	01 cái	Vật liệu: inox SUS 304 Đường kính 2,7m
3	Lớp demister	01	Vật liệu: inox SUS 304 Dày 0,3m
4	Quạt hút	01 cái	23.057 m ³ /h, 22kw, 1.800 vòng/phút
5	Đường ống thu gom	01 hệ thống	Φ650; vật liệu: thép
	Ống khói	01 cái	H = 3,3 m; Φ0,78m; vật liệu: thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khí thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.

Bảng 4.4. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi 2

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	03 cái	Vật liệu: thép; Tiết diện: 0,5 m ² Không gian hở - chụp hút
2	Thiết bị tháp lọc ướt	01 cái	Vật liệu: inox SUS 304 Đường kính 2,2m
3	Lớp demister	01	Vật liệu: inox SUS 304 Dày 0,3m
4	Quạt hút	01 cái	18.000 m ³ /h, 22kw, 1.800 vòng/phút
5	Đường ống thu gom	01 hệ thống	Φ650; vật liệu: thép
6	Ống khói	01 cái	H = 3,3 m; Φ0,78m; vật liệu: thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khí thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.

Hình ảnh hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor, công suất 23.057 m³/giờ hiện nay như sau:



Theo kết quả quan trắc định kỳ tại ống thoát khí thải hệ thống xử lý bụi hiện hữu tại nhà máy cho thấy hàm lượng bụi đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=0,8$; $K_v=0,8$). Điều này chứng tỏ hệ thống xử lý bụi tại nhà máy đang vận hành hiệu quả và hoạt động ổn định.

b) Công trình xử lý hơi dung môi từ quá trình sấy sau khi nhúng vecni và sơn:

- Hơi vecni, bụi sơn và hơi dung môi sơn phát sinh từ các quá trình như: quá trình pha và nhúng vecni, sấy sau khi nhúng vecni của dây chuyền sản xuất stator, quá trình pha sơn và sơn của dây chuyền sản xuất motor.

Vecni là một loại sơn độc hại, không thân thiện với con người, khi người phải mùi sơn này ở nồng độ cao, con người có thể cảm thấy khô thở hoặc đau đầu, việc tiếp xúc thường xuyên sẽ gây ra những mối nguy hại cho sức khỏe.

Bụi sơn và dung môi sơn sẽ phát sinh trong công đoạn sơn phủ trong quy trình sản xuất motor (lõi rotor). Bụi sơn phát sinh từ công đoạn sơn phủ sẽ gồm các hạt bụi chứa các oxit kim loại có trong sơn (SiO_2 , CuO , Cr_2O_3), hơi dung

môi có trong thành phần sơn và dung môi dùng để pha sơn (xylen, ethylbenzen,...). Trong khí thải phát sinh từ công đoạn này, xylen và ethylbenzen là chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên, do hàm lượng dung môi trong sơn thấp và khối lượng dung môi pha sơn được sử dụng ít nên khí thải phát sinh từ sơn phủ có hàm lượng ethylbenzen và xylen đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn xả thải (QCVN 20:2009/BTNMT).

Tải lượng ô nhiễm của hơi vecni và hơi sơn được tính toán dựa trên hệ số phát thải và được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.5. Tải lượng ô nhiễm hơi vecni và hơi sơn

Stt	Thông số	Hệ số phát thải (*) (kg/tấn)	Khối lượng sử dụng (kg/tháng)	Tải lượng (kg/h)
1	Hơi vecni	500	7.920	5,5
2	Hơi sơn	560	5.400	4,2

Nguồn: (*) UNEP 2013.

Về nồng độ ô nhiễm khí thải và hơi dung môi hữu cơ trong môi trường lao động, kết quả quan trắc môi trường không khí tại khu vực nhúng vecni và khu vực sơn của nhà máy hiện hữu của công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.6. Chất lượng môi trường không khí khu vực sơn và nhúng vecni

Stt	Vị trí đo đạc	Thông số (mg/m ³)	
		Etylbenzen	Xylen
1	Khu vực nhúng vecni	KPH	KPH
2	Khu vực sơn	KPH	KPH

Nguồn: Theo phiếu kết quả thử nghiệm lấy mẫu ngày 12/12/2025 đính kèm phụ lục báo cáo.

Để giảm thiểu tác động do hơi dung môi từ quá trình sấy sau khi nhúng vecni và quá trình sơn, công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

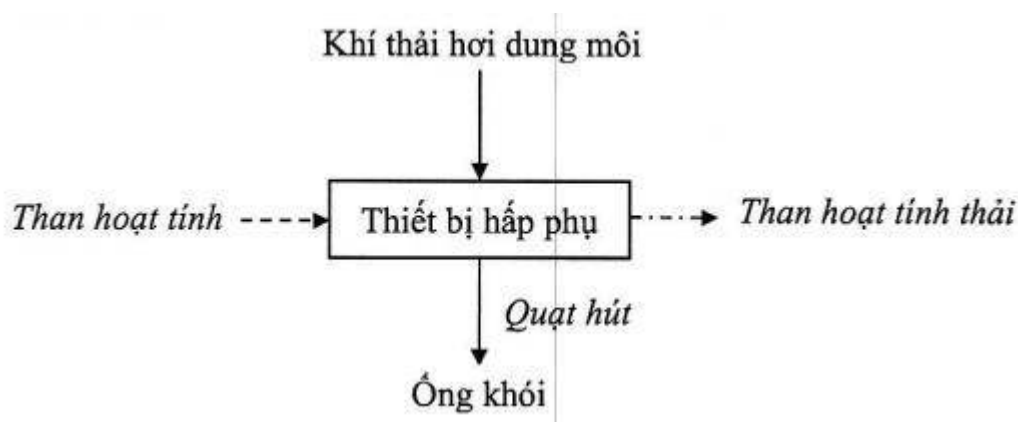
- Khu vực phun sơn và sấy sau khi nhúng vecni được thực hiện trong phòng kín.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay, ...) cho công nhân làm việc.
- Đối với hơi dung môi:

+ Hiện tại, có 06 hệ thống xử lý hơi dung môi tại nhà xưởng hiện hữu (02 hệ thống tại khu vực phòng sấy sau khi nhúng vecni, công suất 7.419 m³/h và

công suất 12.000 m³/h; 02 hệ thống tại khu vực phòng phun sơn, công suất 25.800 m³/h và công suất 18.000 m³/h; 01 hệ thống tại khu vực phòng sấy sau khi nhúng vecni, công suất 5.400 m³/h và 01 hệ thống tại khu vực phòng phun sơn, công suất 30.000 m³/h).

Sau khi nâng công suất, 06 hệ thống trên vẫn tiếp tục được sử dụng, đồng thời, công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý hơi dung môi tại khu vực lắp đặt máy móc thiết bị mới (01 hệ thống tại khu vực phòng sấy sau khi nhúng vecni, công suất 60.000 m³/h).

+ Công nghệ xử lý của 07 hệ thống này (06 hệ thống hiện hữu và 01 hệ thống lắp mới) tương tự nhau và được thể hiện trong hình sau:



Hình 4.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi dung môi

Khí thải và hơi dung môi phát sinh (từ khu vực phòng sấy vecni và từ khu vực phun sơn) theo hệ thống đường ống dẫn đến thiết bị hấp phụ (bằng các hộp dạng lưới lọc đựng than hoạt tính). Khí sau khi qua thiết bị hấp phụ được quạt hút hút thải ra ngoài môi trường qua ống khói. Than hoạt tính định kỳ (6 tháng/lần) sẽ được thay mới và thải bỏ như chất thải nguy hại.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi:

Bảng 4.7. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý hơi dung môi

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni (7.419 m³/h) – hiện hữu		
-	Miếng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,4m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 1,75 x 1,75 x 1,85 m
-	Quạt hút	01 cái	7.419 m ³ /h; 5,5 kw; 2.900 vòng/phút; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=3,65m; Φ 0,4m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khí thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
2	Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn (25.800 m³/h) – hiện hữu		
-	Miếng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,8m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 3,0 x 2,0 x 3,3m
-	Quạt hút	01 cái	430 m ³ /phút; 30 kw; 1.900 vòng/phút; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=3,1m; Φ 0,78m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khói thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.
3	Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni (12.000 m³/h) – hiện hữu		
-	Miếng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,25m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 2,44 x 2,44 x 2,44 m
-	Quạt hút	01 cái	300CMMx250mmAq; 2.800 vòng/phút; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=3,65m; Φ 0,4m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khói thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.
4	Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn (18.000 m³/h) – hiện hữu		
-	Miếng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,85m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 3,05 x 2,44 x 2,44m
-	Quạt hút	01 cái	500 CMMx250mmAq; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=6,0m; Φ 0,92m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khói thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.
5	Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn (30.000 m³/h) – hiện hữu		
-	Miếng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,8m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 4,0 x 3,0 x 4,0m
-	Quạt hút	01 cái	750 m ³ /phút; 30 kw; 1.900 vòng/phút; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=3,1m; Φ 0,78m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khói thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.
6	Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni (5.400 m³/h) – hiện hữu		
-	Miếng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,25m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 2,44 x 2,44 x 2,44 m
-	Quạt hút	01 cái	300CMMx250mmAq; 2.800 vòng/phút; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=3,65m; Φ 0,4m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khói thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
7	Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni (60.000 m³/h) – lắp mới		
-	Miệng hút (phòng kín)	01 cái	Kích thước: Φ 0,25m; vật liệu thép
-	Thiết bị hấp phụ	01 cái	Kích thước: LxWxH = 2,44 x 2,44 x 2,44 m
-	Quạt hút	01 cái	300CMMx250mmAq; 2.800 vòng/phút; 50Hz
-	Ống khói	01 cái	Kích thước: H=3,65m; Φ 0,4m, vật liệu thép Hệ thống xử lý khí thải có ống khói thải sau xử lý thoát ra ngoài nhà xưởng.

Hình ảnh các hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn và khu vực sấy vecni như sau:







Các hệ thống xử lý hơi dung môi lắp đặt thêm khi tiến hành nâng công suất, có cùng công nghệ xử lý với hệ thống hiện hữu.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Khối lượng phát sinh

Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trong nhà máy. Bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,... Số lượng lao động hiện nay khoảng 419 người. Khi thực hiện dự án sẽ tuyển thêm 44 người. Sau khi nâng công suất thì tổng số lượng công nhân là 463 người.

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh như sau:

Bảng 4.8. Chất thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở và sau khi nâng công suất

TT	Tên chất thải	Khối lượng hiện nay (tấn/năm)	Dự án (tấn/năm)	Tổng cộng (tấn/năm)
----	---------------	-------------------------------	-----------------	---------------------

1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	2	0,3	2,3
2	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	1	0,2	1,2
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,93	0,1	1,03
	Tổng khối lượng	3,93	0,6	4,53

(Nguồn: Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery)

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất và văn phòng. Chất thải rắn chủ yếu là: thép vụn, lõi stator, dây nhôm, dây đồng, giấy vụn, giấy cách điện vụn, thùng carton và pallet gỗ,...

Thép vụn, lõi stator, dây nhôm và dây đồng vụn chiếm khoảng 14% so với nguyên liệu đầu vào. Các loại khác như nhóm giấy, nhựa chiếm 5% so với nguyên liệu đầu vào.

Khối lượng và thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.9. Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở và sau khi nâng công suất

STT	Nhóm CTCRCNTT	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng hiện nay (kg/năm)	Dự án (kg/năm)	Tổng cộng (kg/năm)
1	Nhóm kim loại (Thép vụn, lõi stator, dây nhôm và dây đồng vụn)	Rắn	19 02 07	3.175.270	297.840	3.473.110
2	Nhóm giấy (Giấy vụn, thùng carton, giấy cách điện vụn)	Rắn	18 01 05	74.710	7.008	81.718
3	Nhóm gỗ (Pallet gỗ, thùng gỗ)	Rắn	09 01 02	255.220	23.940	279.160
4	Nhóm nhựa bao bì, lõi nhựa,...)	Rắn	18 01 06	3.010	282	3.292
5	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	Rắn	08 02 08	-	5	5
6	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	-	-	800	800
Tổng cộng				3.508.210	329.875	3.838.085

b) Biện pháp thu gom và lưu trữ xử lý

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- **Đối với chất thải sinh hoạt:** bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 10 lít, 60 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất. Các thùng này được nhân viên thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn 660 lít có nắp đậy để tập kết được đặt phía ngoài trước nhà xưởng, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Trong quá trình thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt Công ty cam kết tuân thủ theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt (không bao gồm các loại nhóm chất thải công kênh và nhóm chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sinh hoạt do các nhóm này chủ yếu chỉ áp cho các hộ gia đình):

- + Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- + Nhóm chất thải thực phẩm;
- + Nhóm CTRSH khác.

- Bao bì, thùng, thiết bị lưu chứa CTRSH:

+ Trong từng khu vực nhà máy đều trang bị các loại thùng rác có nắp đậy, trong đó:

*Thùng chứa nhóm chất thải thực phẩm có **màu xanh lá** cây đảm bảo tránh rò rỉ nước và phát tán mùi.*

*Thùng chứa nhóm CTRSH khác có **màu xám**, khuyến khích loại bao bì được sản xuất từ vật liệu dễ phân hủy và dễ nhận diện được loại chất thải chứa bên trong.*

+ Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt

là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và lưu giữ trong khu vực chứa chất thải rắn không nguy hại với diện tích 80 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Đối với bùn từ bể tự hoại, để thuận tiện trong quá trình thu gom và đảm bảo sức chứa của kho lưu trữ chất thải, toàn bộ lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp tại hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được Công ty thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

a. Khối lượng phát sinh

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hiện nay và khi nâng công suất như sau:

Bảng 4.10. Danh mục các loại chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng hiện nay (kg/năm)	Dự án (kg/năm)	Tổng cộng (kg/năm)
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/bùn	07 03 11	KS	413.990	38.832	452.822
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	KS	7.385	693	8.078
3	Vecni thải có dung môi hữu cơ	Rắn/lỏng	08 01 01	KS	58.408	5.479	63.887
4	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	NH	87.293	8.188	95.481
5	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	KS	200	19	219

6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	19.969	1.873	21.842
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	29.163	2.735	31.898
8	Than hoạt tính thải	Rắn	02 11 02	NH	3.720	349	4.069
9	Các thiết bị linh kiện điện tử thải (bóng đèn Led)	Rắn	16 01 13	NH	5	1	6
Tổng cộng					620.133	58.169	678.302

b. Biện pháp thu gom và lưu giữ, xử lý

CTNH sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxy hóa,...);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

Công ty thực hiện quản lý CTNH phát sinh từ hoạt động của nhà máy theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường:

- + Phân loại tại nguồn.
- + Ghi rõ khối lượng và để riêng theo từng loại, sau đó cho vào thùng chứa theo từng chủng loại có dán nhãn để tránh lẫn các loại CTNH với nhau. Tập trung về kho chứa CTNH.

Ban hành nội quy kho chứa CTNH và tiếp tục thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy sau nâng công suất:

+ Quản lý, xuất nhập kho chứa CTNH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy trình.

+ Không tháo dỡ, di chuyển hoặc làm giảm hiệu quả của các biển báo, các thiết bị chống đổ tràn hóa chất, thiết bị thu gom trong tình huống đổ tràn.

+ Không để dầu mỡ, hóa chất rơi vãi ra ngoài phạm vi khu vực kho hoặc đổ vào môi trường đất, môi trường nước.

+ Mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng quy định khi tiếp xúc với CTNH.

+ Không sử dụng chất kích thích như rượu, bia hay các chất tương tự khi làm việc trong kho CTNH.

+ Không hút thuốc hoặc mang vật và chất nổ vào khu vực kho CTNH.

+ Thường xuyên kiểm tra các bình cứu hỏa, các hệ thống PCCC và các trang thiết bị trong kho CTNH.

+ Các nhân viên và lái xe giao nhận CTNH có trách nhiệm phối hợp với các cán bộ quản lý kho CTNH để thực hiện đúng hướng dẫn, quy định trong quá trình thu gom, vận chuyển CTNH.

+ Tuân thủ quy trình ứng phó sự cố đã được ban hành trong các tình huống khẩn cấp (nếu có xảy ra).

+ Tất cả nhân viên có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định này và báo cáo các trường hợp vi phạm cho cán bộ phụ trách An toàn – Môi trường của Nhà máy.

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải nguy hại, được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất thải. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao, mái che, nền bê tông; có bố trí thiết bị để lưu chứa chất thải nguy hại, có lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xẽng), có bờ bao xung quanh kho chứa, hố thu (rộng 30 cm, sâu 30 cm) thu gom chất thải lỏng trong trường hợp tràn đổ.

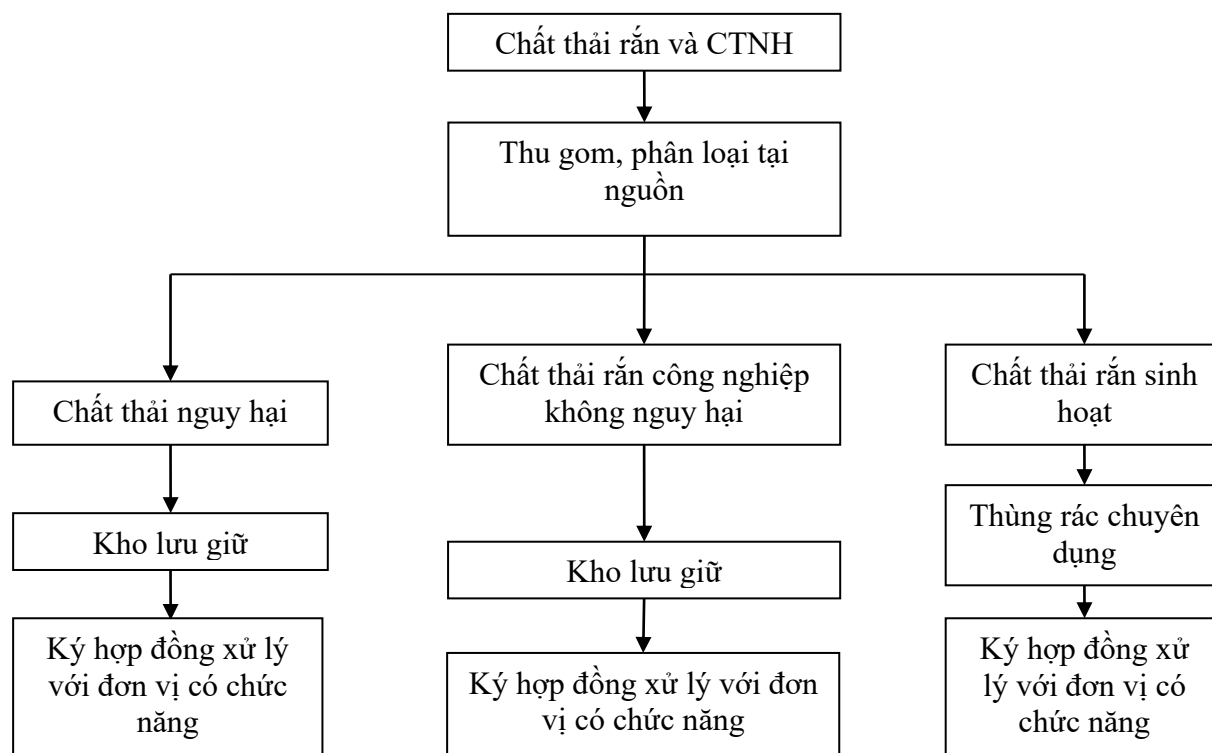
Diện tích khu lưu chứa chất thải nguy hại: 80 m².

Hình ảnh khu lưu giữ chất thải hiện hữu như sau:



Khi nâng công suất sản xuất, Công ty sẽ tăng tần suất chuyển giao để đảm bảo khả năng lưu chứa của khu chứa chất thải.

Sơ đồ thu gom chất thải rắn của Dự án:



5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

❖ Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu là khu vực nấu chảy nhôm, các hệ thống xử lý khí thải.

- Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung, công ty thực hiện các biện pháp sau đây tại dự án:

- + Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng;
- + Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất hợp lý, không bố trí các thiết bị có khả năng gây ồn cao gần nhau.
- + Tiến hành các biện pháp chống ồn, chống rung cục bộ tại từng thiết bị; các quạt hút, thổi có công suất lớn nhà máy đều lắp hệ thống ống giảm thanh; các máy móc thiết bị có độ ồn lớn đều được lắp đặt đệm chống ồn, chống rung;
- + Tất cả các máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án đảm bảo đúng yêu cầu về các thông số kỹ thuật trong quá trình hoạt động;
- + Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc thiết bị và thay thế các chi tiết có nguy cơ bị hư hỏng, gây ồn.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên:

❖ **Tiếng ồn do các phương tiện giao thông**

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được không chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

❖ **Giảm thiểu nhiệt thừa**

- Công ty bố trí các quạt hút, quạt công nghiệp nhằm giảm thiểu nhiệt thừa trong nhà xưởng, nhất là tại khu vực lò nung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Các biện pháp an toàn lao động:

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của dự án. Vì vậy, công ty luôn luôn nghiêm chỉnh chấp hành công tác an toàn lao động, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp, cụ thể như sau:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng chỗ rò rỉ trên hệ thống đường dẫn hơi và khí nóng;

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để quá trình diễn ra ở mức độ ổn định cao, giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần và tính chất của chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải;

- Các máy móc, thiết bị được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật và hướng dẫn về vận hành của nhà sản xuất;

- Trong giờ làm việc công nhân phải mặc bảo hộ lao động và mang các thiết bị lao động cần thiết như khẩu trang... Khi làm việc trong môi trường có khí độc thoát ra phải sử dụng khẩu trang phòng độc đặc hiệu;

- Có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người công nhân;

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang, kính...cho công nhân) trong quá trình làm việc;
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân (điều kiện ánh sáng, độ ồn,...).
- Trong trường hợp hóa chất tiếp xúc với da thì phải rửa sạch vùng bị ảnh hưởng (da, mắt...) bằng nước và xà phòng.
- Khu vực lưu trữ hóa chất tránh xa khu vực làm việc, khu văn phòng và các thực phẩm ăn uống của công nhân.
- Hóa chất phải được dán nhãn và ghi rõ thời hạn sử dụng.
- Không ăn, uống hay hút thuốc ở những nơi có hóa chất được sử dụng.
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động, đặc biệt là đối với các công nhân làm việc tại khu vực chứa hóa chất, nhiên liệu.
- Định kỳ tổ chức tập huấn cho các công nhân làm việc về ứng phó sự cố khi tai nạn xảy ra, như tai nạn về hóa chất, tai nạn lao động do quá trình làm việc.
- Trang bị dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố được trang bị và cập nhật như: tủ thuốc, địa chỉ bệnh viện, địa chỉ cứu hỏa...
- Thiết lập trạm y tế cấp cứu để giải quyết sơ cứu tại chỗ khi có xảy ra tai nạn lao động.

b) Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công ty đã lắp đặt hệ thống PCCC và được Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC cho nhà máy hiện hữu.

- Tập huấn cho công nhân biết được sự cố cháy nổ sẽ gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản và tính mạng.
- Tuyên truyền và tập huấn cho toàn thể nhân viên về PCCC và PCCC là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên, nhất là các công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ (kho chất thải, kho chứa hóa chất).

- Hệ thống các họng chữa cháy được bố trí theo các phân xưởng đảm bảo khoảng cách chữa cháy phù hợp với quy định PCCC. Ngoài ra, chủ dự án còn trang bị các bình chữa cháy CO₂, thùng chứa cát để kịp thời ứng cứu sự cố.

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về PCCC, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà máy. Trong tất cả các bảng thông báo đều phải có tiêu lệnh PCCC để công nhân vận hành có thể biết và ứng phó kịp thời.

- Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác PCCC cho toàn bộ nhà máy. Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC cho nhân viên làm việc trong nhà máy.

- Các khu vực văn phòng, xưởng sản xuất có bố trí các cửa thoát hiểm và bảng chỉ dẫn cửa thoát hiểm được dán vào nơi mọi người dễ quan sát.

- Thiết lập hệ thống camera, báo cháy có đèn hiệu và thông tin, đồng thời lắp đặt hệ thống chữa cháy trực tiếp bằng các vòi phun nước, đặc biệt cho những khu vực có khả năng cháy nổ cao (kho chất thải, kho chứa hóa chất).

- Bể chứa nước cứu hỏa phải luôn được chứa đầy, đường ống và máy bơm nước chữa cháy đến họng cứu hỏa phải luôn trong tình trạng sẵn sàng làm việc.

- Sắp xếp bố trí máy móc, thiết bị theo quy định, gọn gàng, hành lang an toàn chữa cháy phải thông thoáng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC. Lắp đặt hệ thống chống sét tại vị trí cao nhất.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Khám sức khỏe định kỳ cho công nhân để phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nhiên liệu, hóa chất...), công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...

- Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị.

c) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

** Đối với bể tự hoại:*

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu trong trường hợp bị tắc nghẽn.

- Thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh trong trường hợp tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.

- Tiến hành hút hầm cầu khi bể tự hoại đầy.

** Đối với hệ thống xử lý nước thải:*

- Vận hành HTXLNT cục bộ tại dự án theo đúng quy trình, hướng dẫn của đơn vị thiết kế, lắp đặt.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể và thiết bị xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: bơm...

- Người vận hành HTXLNT được đào tạo kiến thức về cách vận hành HTXLNT; bảo dưỡng bảo trì máy móc, thiết bị; xử lý các tình huống sự cố.

- Trong trường hợp HTXLNT bị sự cố, không vận hành được thì nhà máy sẽ cho tạm dừng các hoạt động sản xuất để khắc phục nhằm bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Sau khi sự cố được khắc phục và bảo đảm hiệu quả xử lý thì nhà máy mới hoạt động bình thường trở lại.

** Đối với hệ thống xử lý khí thải:*

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Các máy móc, thiết bị (như: bơm, quạt hút....) đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố không vận hành được hệ thống xử lý tại nhà máy nào, nhà máy đó sẽ dừng hoạt động nhằm bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Sau khi sự cố được khắc phục và bảo đảm hiệu quả xử lý, nhà máy mới đi vào hoạt động trở lại.
- Những người vận hành hệ thống xử lý được đào tạo các kiến thức về: an toàn khi vận hành hệ thống xử lý, cách xử lý các sự cố và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

Các tình huống sự cố khí thải trong quá trình hoạt động

I Sự cố đối với khí thải			
1	Sự cố máy móc, thiết bị dẫn đến hệ thống xử lý khí thải bị lỗi vận hành	Tủ điều khiển không hoạt động	1. Nhân viên vận hành kiểm tra nguồn cấp, ngoại quan khu vực tủ điều khiển có bất thường hay không 2. Nếu nhân viên nội bộ không thể tự khắc phục, liên hệ hỗ trợ chuyên gia từ xa bởi nhà thầu cung cấp
		Quạt hút không hoạt động	1. Nhân viên vận hành kiểm tra tình hình thực tế 2. Chuyển sang quạt hút dự phòng hoạt động, gửi quạt hút tới nhà cung cấp để sửa chữa

** Đối với kho chứa chất thải:*

- Kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Trường hợp 1: Kịch bản chỉ xảy ra tràn đổ nhỏ tại Công ty ứng phó tại chỗ

a) Tình huống:

- Sự cố đổ vỡ, rò rỉ do thùng bị vỡ nứt, chiết rót dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa.

- Thời gian xảy ra sự cố: Vào khoảng 8 giờ

- Lượng chảy tràn ra đất trong phạm vi khu lưu giữ chất thải, nguy cơ cháy nổ thấp

b) Biện pháp xử lý:

- Với các phương tiện được công ty chuẩn bị sẵn cho các trường hợp ứng cứu sự cố, thì nhân viên đã được huấn luyện ứng phó sự cố sẽ trực tiếp ứng cứu kịp thời, để tránh trường hợp cháy nổ xảy ra.

- Người phát hiện sự cố sẽ thông báo cho đội ứng phó sự cố môi trường để có biện pháp phù hợp khắc phục sự cố.

+ Sử dụng đất khô hoặc cát khô để hấp thu các hóa chất tràn đổ. Hoặc dùng các thiết bị xúc đồ để thu hồi hóa chất dạng rắn bị tràn đổ;

+ Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ, rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung.

+ Sử dụng các bình bột chữa cháy xách tay hiện có để dập tắt đám cháy (trường hợp cháy hóa chất ở quy mô nhỏ)

+ Yêu cầu mở các van nước cần thiết, sử dụng hệ thống nước cứu hỏa nếu cần;

- + Di dời các vật dụng dễ bắt lửa, các chất thải nguy hại có nguy cơ phản ứng trong khu vực xảy ra sự cố;
- + Sử dụng các đê bao bằng cát và đê bao bằng phao thấm chất thải để ngăn chặn chất thải nguy hại chảy vào cống rãnh;
- + Phải trang bị bảo hộ lao động trước khi tiến hành xử lý sự cố môi trường;

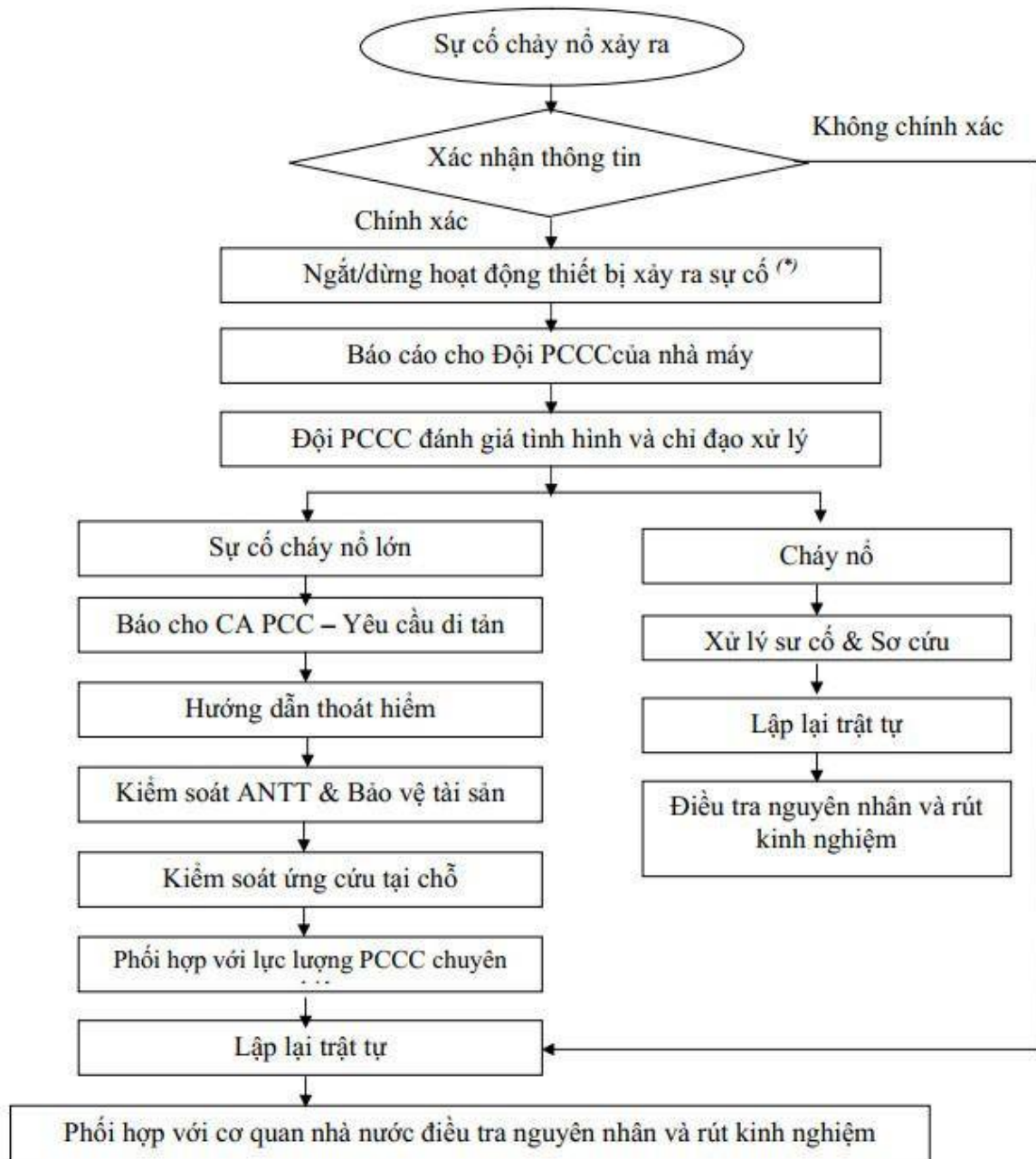
Trường hợp 2: Kịch bản xảy ra tràn đổ, rò rỉ chất thải dẫn đến cháy nổ nằm ngoài khả năng ứng phó của Công ty, cần sự hỗ trợ của đơn vị ngoài.

Khi xảy ra sự cố thì người phát hiện ra sự cố phải cảnh báo ngay cho trưởng bộ phận, cán bộ phụ trách môi trường. Đồng thời, sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố môi trường tại hiện trường, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

Sơ đồ tổ chức điều hành, chỉ huy ứng phó sự cố:

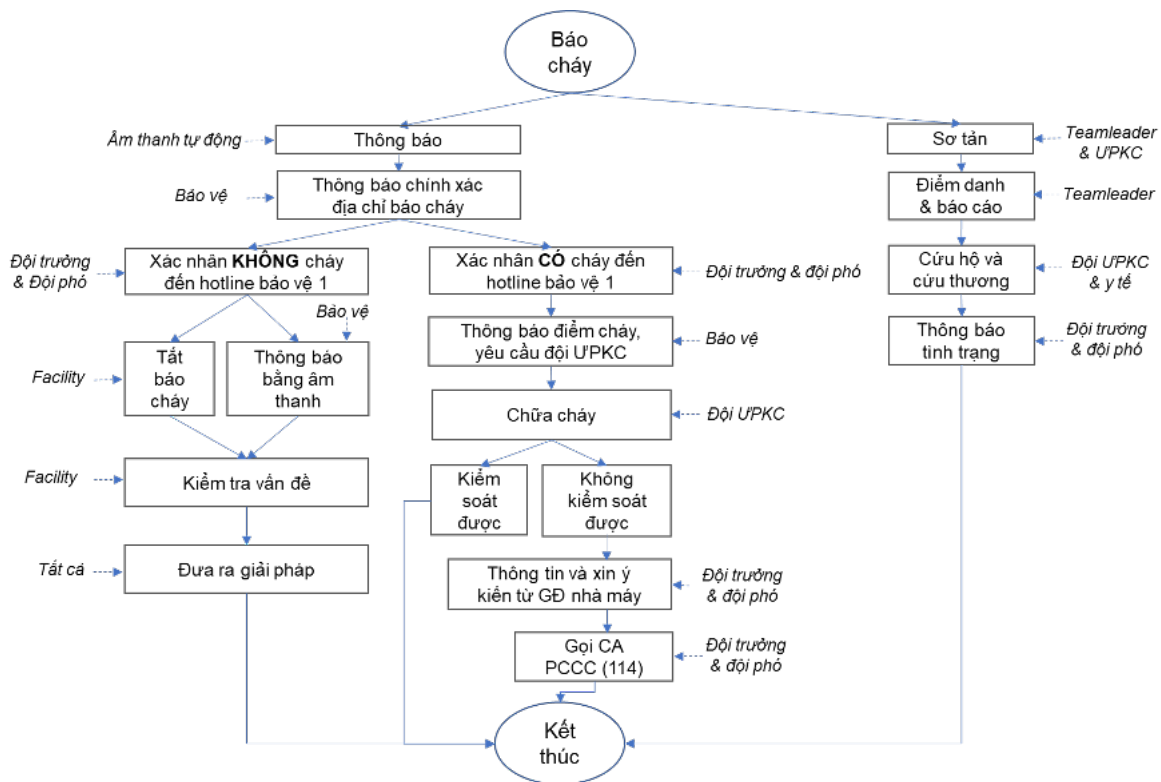


Phương án phòng ngừa

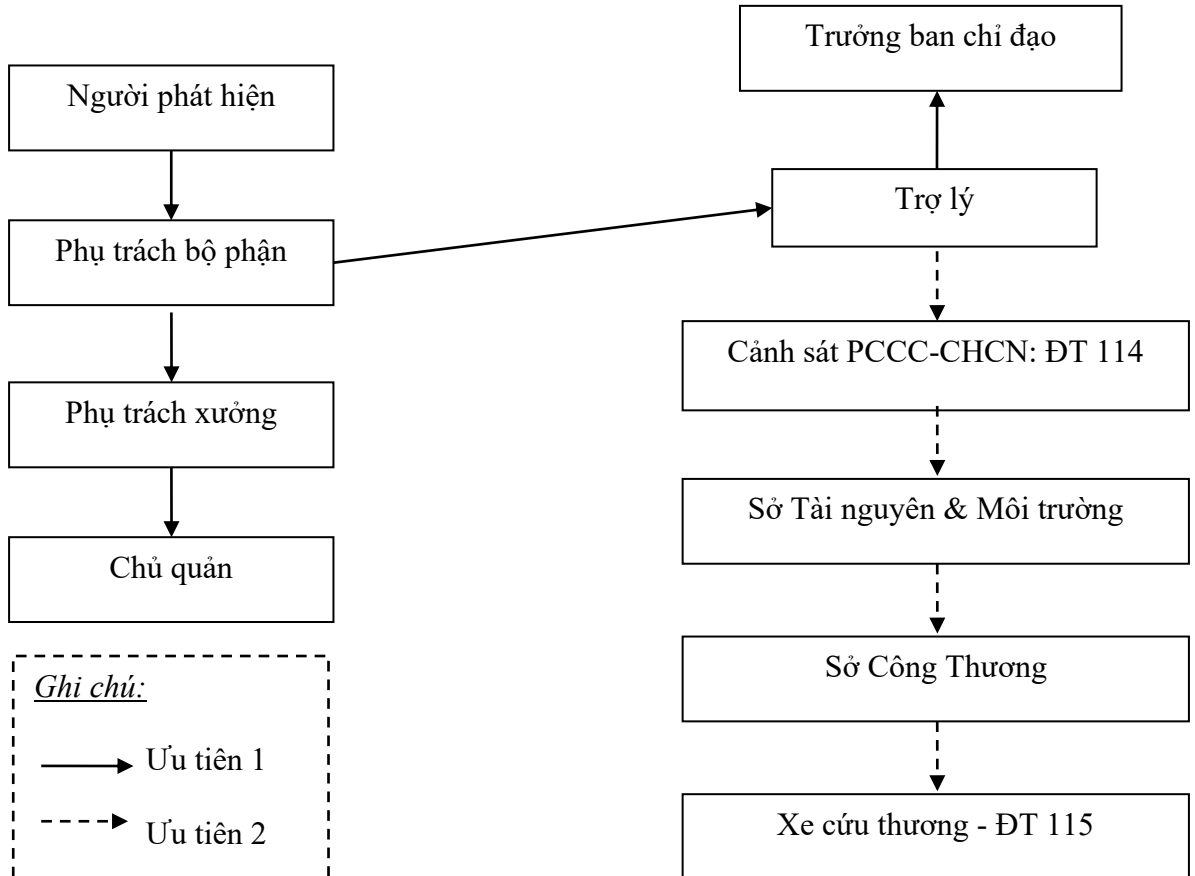
STT	Loại sự cố	Phương án phòng ngừa	Công trình, thiết bị	Nhân lực
1	Hóa chất, nước thải, dầu nhớt tràn xuống hệ thống thoát nước mưa	Tất cả khu vực lưu trữ hóa chất, chất thải dạng lỏng phải có rãnh chống tràn hoặc khay hứng phụ Niêm yết bảng thông tin “Hồ gom nước mưa – Cấm xả thải” tại tất cả các miệng hồ gom nước mưa Khu vực lưu trữ chất thải phải có mái che	Rãnh chống tràn Khay hứng phụ Khu vực lưu trữ chất thải có mái che	Bộ phận cơ sở vật chất

STT	Loại sự cố	Phương án phòng ngừa	Công trình, thiết bị	Nhân lực
2	Tắc cống / đường ống do lá cây, rác, dị vật	Vệ sinh hàng ngày các tuyến đường nội bộ, vệ sinh hàng tháng khu vực mái nhà Lắp đặt camera toàn bộ đường nội bộ và khu vực mái nhà và giám sát liên tục tình trạng	Hệ thống camera giám sát	Bộ phận cơ sở vật chất Vệ sinh Bảo vệ
3	Sự cố máy móc, thiết bị dẫn đến hệ thống xử lý khí thải bị lỗi vận hành	Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ Luôn lưu kho một số loại vật tư cần thiết để thay thế ngay khi gặp hư hỏng thiết bị	Bộ kiểm soát chất lượng nước thải	Bộ phận cơ sở vật chất Bộ phận bảo trì

Kế hoạch phối hợp lực lượng bên ngoài khi có sự cố cháy:



Sơ đồ thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố lớn tại Công ty:



Các đơn vị chức năng cần liên lạc khi xảy ra trường hợp khẩn cấp

STT	Cá nhân/ bộ phận/ cơ quan chịu trách nhiệm	Điện thoại	Chịu trách nhiệm liên lạc
1	Đội cảnh sát PCCC & CNCH Nhơn Trạch – Công an tỉnh	0251.3569.696	Trợ lý đội ứng phó sự cố
2	Sở Công thương Đồng Nai	0251.3823.317	
3	Phòng Môi trường và Nông nghiệp huyện Nhơn Trạch	0251.3521.028	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	02513.847.798	
6	Cấp cứu	115	
7	Cục Hóa Chất - Bộ Công Thương (Trung tâm Dữ liệu và Hỗ trợ ứng phó sự cố hóa chất)	02462.874.499	

** Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và hóa chất*

Dự án có sử dụng các loại nguyên nhiên liệu dạng lỏng như hóa chất tẩy rửa, dầu máy (bảo trì máy móc), vecni nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại khu vực Dự án, Chủ dự án sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại

kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu và hóa chất dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng).
- Bảo quản nguyên nhiên liệu, hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;
- Lưu trữ các bình chứa nguyên nhiên liệu, hóa chất tại kho chứa riêng, thông thoáng và có biển báo ghi đầy đủ thông tin, giữa các cụm thùng chứa bố trí lối đi thông thoáng, dễ dàng phát hiện nếu có sự cố rò rỉ.
- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;
- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;
- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên nhiên liệu;
- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;
- Thực hiện các biện pháp an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ hóa chất.
- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro;
- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;
- Tất cả công nhân tiếp xúc với hóa chất đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất; đồng thời có biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ của công nhân.
- Tập huấn cho công nhân để biết rõ tính chất hóa lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và các giải quyết các sự cố cháy, nổ, tỏa hơi khí độc, rò rỉ nguyên nhiên liệu và hóa chất:
- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính, găng tay...

- Sơ tán người lao động khỏi khu vực xảy ra sự cố;
- Các dụng cụ sơ cấp cứu được đặt tại vị trí gần nơi công nhân tiếp xúc với hóa chất.
- Sử dụng cát, giẻ lau để hạn chế chảy tràn chất lỏng;
- Thu hồi nguyên nhiên liệu và vệ sinh khu vực xảy ra sự cố;
- Tiến hành điều tra nguyên nhân và lên phương án khắc phục các biện pháp an toàn.

Công ty đã trồng cây xanh đạt 20% tổng diện tích, hình ảnh cây xanh tại nhà máy như sau:



7. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp:

Khi thực hiện nâng công suất thì Công ty có lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý khí thải.

STT	Nội dung	Theo GPMT	Sau khi nâng công suất	Lý do
1	Hệ thống xử lý khí thải	- 06 hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi.	- 06 hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi. - 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 60.000 m ³ /giờ.	Công ty có lắp đặt thêm 01 máy nhúng sấy vecni nên lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý hơi dung môi tại máy này

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải của dự án sau xử lý được thu gom về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V theo Hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐKT-ISC ngày 01/03/2024 giữa Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC).

- Chủ dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng dự kiến $37 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động (văn phòng, nhà xưởng) sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại và thu gom về hệ thống xử lý nước thải, công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của công ty để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ công đoạn giải nhiệt và làm mát rotor với lưu lượng dự kiến $8 \text{ m}^3/\text{lần}$; từ khu vực phòng sơn với lưu lượng dự kiến $5 \text{ m}^3/\text{lần}$; từ hệ thống xử lý bụi khu vực đúc rotor với lưu lượng dự kiến $4 \text{ m}^3/\text{lần}$ (1 tuần xả 1 lần) được thu gom chung với nước thải sinh hoạt về hệ thống xử lý nước thải, công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của công ty để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

1.2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với KCN:

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: 1 điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN trên đường N4.

1.2.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: Hố ga trên đường N4.

- Tọa độ vị trí ($X = 1175763$; $Y = 421952$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $54 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: 24/24

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN theo Hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐKT-ISC ngày 01/03/2024 giữa Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC).

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận KCN Nhơn Trạch V
1	pH	-	6 đến 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	200
3	COD	mg/l	400
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	25
6	Tổng nitơ	mg/l	40
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,24
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01.
- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02.
- Nguồn số 03: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02.
- Nguồn số 06: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01.
- Nguồn số 07: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02.
- Nguồn số 08: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03.
- Nguồn số 09: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 04 (nguồn phát sinh mới).

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01 (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183425; Y: 408832.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183429; Y: 408836.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183411; Y: 408829.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183427; Y: 408838.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn số 05). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183439; Y: 408845.

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01 (nguồn số 06). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183442; Y: 408851.

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183448; Y: 408857.

- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03 (nguồn số 08). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183453; Y: 408862.

- Dòng khí thải số 09: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 04 (nguồn số 09). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183425; Y: 408836 (*dòng phát sinh mới*).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiếu 3⁰)

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 199.676 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.419 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.400 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 23.057 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.800 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m³/giờ (dòng phát sinh mới).

a. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

b. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			Đến hết ngày 31/12/2031	Từ ngày 01/01/2032 trở đi		
			<i>QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v=0,8$ và $K_p=0,8$)</i>	<i>QCVN 19:2024/BTNMT Cột B</i>		
I	Dòng khí thải số 01, 02, 03, 06, 07, 08					Không thuộc đối tượng theo quy định
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	01 năm/lần	
2	Xylen	mg/Nm ³	870	≤ 100		
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	870	≤ 120		
II	Dòng khí thải số 04, 05					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	06 tháng/lần	
2	Bụi	mg/Nm ³	128	≤ 40		
III	Dòng khí thải số 09		QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B			
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		01 năm/lần	
2	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100			
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	≤ 120			

Ghi chú:

Chủ cơ sở thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v=0,8$ và $K_p=0,8$) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 và QCVN 19:2024/BTNMT (cột B)

từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 (trong trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực đập lát;
- Nguồn số 02: Từ khu vực hàn.
- Nguồn số 03: Từ khu vực đúc khuôn rotor.
- Nguồn số 04: Từ khu vực lắp trục vào lõi rotor.
- Nguồn số 05: Từ khu vực lắp ráp.
- Nguồn số 06: Từ khu vực phun sơn.
- Nguồn số 07: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: X = 408622; Y = 1183753.
- Nguồn số 2: X = 408625; Y = 1183755.
- Nguồn số 3: X = 408627; Y = 1183758.
- Nguồn số 4: X = 408632; Y = 1183763.
- Nguồn số 5: X = 408638; Y = 1183766.
- Nguồn số 6: X = 408642; Y = 1183772.
- Nguồn số 7: X = 408649; Y = 1183775.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3.3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT:

STT	QCVN 26:2025/ BNMT			QCVN 24:2016/ BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06 giờ đến trước 18 giờ) (dBA)	Tối (18 giờ đến 22 giờ) (dBA)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ) (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq})-dBA		
1	70	65	60	8	85	-	Khu vực E

3.3. Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BNNMT.

STT	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	75	70	-	Khu vực D

4. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh dự kiến:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Lỏng	NH	95.481
2	Than hoạt tính thải	02 11 02	Rắn	NH	4.069
3	Các thiết bị linh kiện điện tử thải (bóng đèn Led)	16 01 13	Rắn	NH	6
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					99.556

4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Nhóm kim loại (Thép vụn, lõi stator, dây nhôm và dây đồng vụn)	19 02 07	Rắn	TT	3.473.110
2	Nhóm giấy (Giấy vụn, thùng carton, giấy cách điện vụn)	18 01 05	Rắn	TT-R	81.718
3	Nhóm gỗ (Pallet gỗ, thùng gỗ)	09 01 02	Rắn	TT-R	279.160
4	Nhóm nhựa (bao bì, lõi nhựa,...)	18 01 06	Rắn	TT-R	3.292
5	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT	5
6	Bùn từ bể tự hoại	-	Bùn	TT	800
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					3.838.085

4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	2,3

2	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	1,2
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	1,03
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		4,53

4.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn/bùn	KS	452.822
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	8.078
3	Vecni thải có dung môi hữu cơ	08 01 01	Rắn/lỏng	KS	63.887
4	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác	18 01 04	Rắn	KS	219
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	KS	21.842
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	31.898
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					578.746

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện như sau:

Hiện tại, Công ty có 08 hệ thống xử lý khí thải.

- Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐKT-ISC ngày 01/3/2024 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO (IDICO-ISC) và Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.

- Công ty đã bố trí khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu lưu chứa chất thải nguy hại, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, cụ thể như sau:

+ Công ty thu gom, lưu trữ CTRCNTT trong nhà chứa và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Công ty đã ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

- Công ty định kỳ hàng quý đã lấy mẫu nước thải, khí thải tại nhà máy hiện hữu. Đồng thời, Công ty cũng đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm nộp về cơ quan cấp thủ tục môi trường theo đúng quy định.

- Trong quá trình hoạt động từ trước đến nay của Nhà máy hiện hữu không xảy ra sự cố, khiếu nại, khiếu kiện.

1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.

- Công ty đã nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024, 2025 về cơ quan nhà nước.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Dựa theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2 năm gần nhất. Công ty đã lập bảng tổng hợp quan trắc nước thải năm 2024 và năm 2025 của hệ thống xử lý nước thải.

Công ty đã được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025, nên thời gian trước đó thì nước thải được đầu nối vào nhà máy Spandex Hyosung Đồng Nai, kết quả cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Giới hạn tiếp nhận của KCN
			20/3/2024	6/6/2024	20/9/2024	10/12/2024	
1	pH	-	6,16	6,34	6,57	6,48	5,5-9
2	TSS	mg/L	18	16,8	18,2	15	200
3	COD	mg/L	48	16	19,2	12,8	400
4	BOD ₅	mg/L	18	5,2	6,4	4,2	200
5	NH ₄ ⁺	mg/L	1,04	1,12	14,9	11,3	50
6	Tổng N	mg/L	10,9	10,9	27,7	26,1	60
7	Tổng P	mg/L	0,41	0,11	0,04	0,28	6
8	Coliform	MPN/100mL	270	KPH	470	KPH	-
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	-
10	Clo dư	mg/L	0,62	0,57	0,43	0,52	1,2

Nhận xét: qua kết quả nước thải cho thấy hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Dựa theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2 năm gần nhất. Công ty đã lập bảng tổng hợp quan trắc bụi, khí thải năm 2024 và năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:

KT.01: Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 7.419 m³/h.

KT.02: Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 12.000 m³/h.

KT.03: Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 25.800 m³/h.

KT.04: Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor, công suất 18.000 m³/h.

KT.05: Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi từ khu vực nấu chảy nhôm và đúc rotor, công suất 21.933 m³/giờ.

Ngày lấy mẫu: 20/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả					QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT.01	KT.02	KT.03	KT.04	KT.05		
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.526	7.417	21.007	12.063	17.678	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	-	-	-	-	<21	144	-
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870
4	Xylen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870

Ngày lấy mẫu: 07/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả					QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT.01	KT.02	KT.03	KT.04	KT.05		
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.183	6.970	10.906	19.962	16.758	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	-	-	-	-	<21	144	-
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870
4	Xylen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870

Ngày lấy mẫu: 16/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả					QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT.01	KT.02	KT.03	KT.04	KT.05		
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.230	6.930	11.032	20.090	16.065	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	-	-	-	-	<21	144	-
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870
4	Xylen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870

Ngày lấy mẫu: 17/12/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả					QCVN	QCVN
-----	----------	--------	---------	--	--	--	--	------	------

			KT.01	KT.02	KT.03	KT.04	KT.05	19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.185	6.914	10.877	20.109	16.178	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	-	-	-	-	31	144	-
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870
4	Xylen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	870

KT.01: Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01 (nguồn số 01), công suất 7.419 m³/h.

KT.02: Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn số 02), công suất 12.000 m³/h.

KT.03: Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn số 03), công suất 5.400 m³/h.

KT.04: Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04), công suất 23.057 m³/h.

KT.05: Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn số 05), công suất 18.000 m³/h.

KT.06: Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01 (nguồn số 06), công suất 25.800 m³/h.

KT.07: Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07), công suất 30.000 m³/h.

KT.08: Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03 (nguồn số 08), công suất 18.000 m³/h.

Ngày lấy mẫu: 26/6/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT.04		
1	Lưu lượng	m ³ /h	13.185	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	39	144	-

Ngày lấy mẫu: 12/12/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN	QCVN
-----	----------	--------	---------	------	------

			KT.01	KT.02	KT.03	KT.04	19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.318	11.528	4.204	12.501	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	-	-	-	28	144	-
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	-	-	870
4	Xylen	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	-	-	870

Ngày lấy mẫu: 12/12/2025 (tt)

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kv=0,8; Kp=0,9	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT.05	KT.06	KT.07	KT.08		
1	Lưu lượng	m ³ /h	12.668	21.591	7.366	10.867	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	31	-	-	-	144	-
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	-	KPH	KPH	KPH	-	870
4	Xylen	mg/Nm ³	-	KPH	KPH	KPH	-	870

Nhận xét: Dựa vào các bảng kết quả trên cho thấy các hệ thống xử lý khí thải đang hoạt động hiệu quả, kết quả đều đạt quy chuẩn quy định.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Tổng hợp, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

TT	CTRS	Khối lượng năm 2025 (tấn/năm)	Khối lượng năm gần nhất năm 2024 (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRS
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3,93	2,4	Công ty TNHH DV-TM Hòa Phụng – HĐ số 01.09.2023/HSVM-HP/HĐ-VC-XLCTRTT

Tổng hợp, thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Nhóm CTRCNT	Số lượng phát sinh năm 2025 (kg/năm)	Số lượng phát sinh năm 2024 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNT
1	Nhóm kim loại (Thép)	3.175.270	2.945.050	1. Công ty TNHH Tân Duy Toàn –

	vụn, lõi stator, dây nhôm và dây đồng vụn)			HĐ số TDT25-HSVM 2. Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia – HĐ số HHG25-HSVM 3. Công ty CP ĐT Gia Long Thịnh – HĐ số GLT25-HSVM 4. Công ty TNHH Kỹ thuật TM DV Hồng Nhung – HĐ số HN25-HSVM 5. Công ty TNHH Greathill Việt Nam – HĐ số GREATHILL25-HSVM
2	Nhóm giấy (Giấy vụn, thùng carton, giấy cách điện vụn)	74.710	57.030	1. Công ty TNHH Tân Duy Toàn – HĐ số TDT25-HSVM 2. Công ty TNHH MTV-TM Anh Lê – HĐ số AL25-HSVM 3. Công ty CP MT Sao Việt – HĐ số SV25-HSVM
3	Nhóm gỗ (Pallet gỗ, thùng gỗ)	255.220	195.850	1. Công ty TNHH DV-TM Hòa Phượng – HĐ số HP25-HSVM 2. DNTN Quan Vy Dũng – HĐ số QVD25-HSVM 3. CN Công ty TNHH MTV Dương Hoàng Phong – DHP25-HSVM
4	Nhóm nhựa (bao bì, lõi nhựa,...)	3.010	1.930	Công ty TNHH Tân Duy Toàn – HĐ số TDT25-HSVM

Tổng hợp, thống kê chất thải nguy hại:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2025 (kg)	Khối lượng năm gần nhất năm 2024 (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	413.990	476.970	Công ty TNHH Cù Lao Xanh
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	1.530	10.115	Công nghệ Môi trường Bình Phước Xanh
			4.155	0	Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông
			1.700	0	Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và

					chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến
3	Vecni thải có dung môi hữu cơ	08 01 01	6.433	44.903	Công nghệ Môi trường Bình Phước Xanh
			23.221	0	Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông
			28.754	0	Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến
4	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	8.961	60.652	Công nghệ Môi trường Bình Phước Xanh
			35.189	0	Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông
			43.143	0	Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	2.243	13.721	Công nghệ Môi trường Bình Phước Xanh
			8.144	0	Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông
			9.582	0	Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ	18 02 01	2.635	15.454	Công nghệ Môi trường Bình Phước Xanh
			12.144	0	Công ty Cổ phần

	thải bị nhiễm các thành phần nguy hại				Môi trường Miền Đông
			14.384	0	Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến
7	Than hoạt tính thải	02 11 02	1.250	3.720	Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến
Tổng cộng			617.458	625.535	

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Do thời điểm nhận chuyển nhượng lại dự án Theo Quyết định số 464/QĐ-KCNĐN ngày 05/11/2021 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất motor, công suất 130.000 sản phẩm/năm và sản xuất stator, công suất 200.000 sản phẩm/năm” tại đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai, Công ty chưa được cấp giấy phép môi trường theo quy định nên UBND tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 925/QĐ-XPHC ngày 24/3/2025. Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery đã nộp phạt vào ngày 01/04/2025 với số tiền là 320.000.000 đồng, Công ty cũng đã nộp văn bản số 12/HSVIM-ES ngày 09/4/2025 về việc báo cáo kết quả thực hiện việc nộp tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt số 925/QĐ-XPHC ngày 24/3/2025 về Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

Sau đó, Công ty đã được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Công ty đã hoàn thành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp tại Văn bản số 600/KCNKKT-TNMT ngày 02/02/2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.

Khi thực hiện nâng công suất, Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni, công suất 60.000 m³/giờ. Vì vậy, Công ty sẽ vận hành hệ thống xử lý khí thải này.

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải được trình bày ở bảng sau:

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Stt	Hạng mục	Số lượng	Công suất (m ³ /giờ/hệ thống)	Thời gian vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni	1	60.000	06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

1.2.1. Hình thức lấy mẫu

Mẫu đơn được lấy theo phương pháp lấy mẫu liên tục để đo đặc, phân tích các thông số theo quy định.

1.2.2. Kế hoạch lấy mẫu

- Kế hoạch đo đặc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Bảng 6.2. Kế hoạch đo đặc, lấy và phân tích mẫu chất thải

Stt	Hạng mục công trình	Dự kiến thời gian lấy mẫu
-----	---------------------	---------------------------

1	Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của Hệ thống xử lý khí thải <i>(Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định).</i>	03 ngày liên tiếp
---	---	-------------------

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải của từng công trình

Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
I. Hệ thống xử lý khí thải				
<i>Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải</i>				
Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni	Lưu lượng, Xylen, Etyl benzen	Mẫu đơn	+ Ngày 1: Ngày đầu tiên + Ngày 2: ngày tiếp theo ngày thứ 1 + Ngày 3: ngày tiếp theo ngày thứ 2	QCVN 19:2024/BTN MT (cột B)

❖ Đơn vị quan trắc môi trường Công ty dự kiến phối hợp:

Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng lấy mẫu giai đoạn vận hành thử nghiệm theo đúng quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2.1.1. Quan trắc nước thải

Nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, do đó, theo Điều 97 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Chương trình quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ của dự án như trong bảng sau:

Bảng 6.4. Chương trình quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ

TT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Tiêu chuẩn/ quy định
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni	03	Lưu lượng, Xylen, Etyl benzen	01 năm/lần	QCVN 20:2009/BTNMT

TT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Tiêu chuẩn/ quy định
2	Hệ thống xử lý bụi khu vực nấu nhôm và đúc rotor	02	Lưu lượng, Bụi	06 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K _v = 0,8, K _p = 0,8)
3	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sơn motor	03	Lưu lượng, Xylen, Etyl benzen	01 năm/lần	QCVN 20:2009/BTNMT
4	Hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực sấy vecni (lắp đặt mới)	01	Lưu lượng, Xylen, Etyl benzen	01 năm/lần	QCVN 19:2024/BTNMT

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Theo Điều 97 và Điều 98 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 6.5. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

Stt	Hạng mục	Kinh phí (đồng/năm)
1	Chi phí lấy mẫu, đo đạc, phân tích	150.000.000
2	Chi phí khác (nhân công, phương tiện đi lại,...)	30.000.000
Tổng cộng		180.000.000

**CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP
ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH DỰ ÁN
ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Cơ sở không thuộc đối tượng.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường được cấp phép trước khi dự án đi vào vận hành.

- Do công ty chưa rõ quy trình tách dầu nên công ty sẽ duy trì chuyển giao toàn bộ phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác trong hiện tại cũng như trong tương lai.

- Công ty cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải trong quá trình vận hành dự án tránh ảnh hưởng đến môi trường tiếp nhận.

- Cam kết trong quá trình vận hành các công trình xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải. Trong trường hợp chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải, Công ty cam kết dừng hoạt động hoặc giảm công suất của cơ sở để bảo đảm các công trình xử lý chất thải có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và giấy phép môi trường.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.

Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của dự án hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3603875818

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 03 tháng 07 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HSVIM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513.566.250

Số Fax: 02513.569.119

Thư điện tử:

Website: *hyosungvina.com*

3. Vốn điều lệ : 699.951.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín tỷ chín trăm năm mươi một triệu đồng

Tương đương 28.500.000 Đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: HYOSUNG HEAVY INDUSTRIES CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 578-87-00896

Ngày cấp: 01/06/2018 Nơi cấp: Chi cục Thuế Quận Mapo (Hàn Quốc)

Địa chỉ trụ sở chính: 119, Mapo-daero, Mapo-gu, Seoul, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PARK YOUNG JU

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *31/10/1978*

Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu nước ngoài: *M956J9445*

Ngày cấp: *03/04/2024*

Nơi cấp: *Hàn Quốc*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Công ty TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY, Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Đỗ Quốc Thịnh

**BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1080184828

Chứng nhận lần đầu: ngày 28 tháng 6 năm 2022

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 15 tháng 9 năm 2025

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba: ngày 07 tháng 8 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 44/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1080184828 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY nộp ngày 03 tháng 8 năm 2026,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT MOTOR; mã số dự án 1080184828 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 9 năm 2025;

Được đăng ký:

(1/5/1080184828)

- Cập nhật thông tin Tổ chức kinh tế thực hiện dự án.
- Tăng quy mô sản xuất động cơ điện và các bộ phận dùng để sản xuất động cơ điện: motor từ 240.000 sản phẩm/năm, tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm lên 260.000 sản phẩm/năm, tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm.
- Cập nhật thông tin địa điểm thực hiện dự án.
- Tăng vốn đầu tư từ 51.685.000 đô la Mỹ lên 60.185.000 đô la Mỹ (tăng 8.500.000 đô la Mỹ).
- Tăng vốn góp từ 20.000.000 đô la Mỹ lên 28.500.000 đô la Mỹ (tăng 8.500.000 đô la Mỹ).
- Bổ sung tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

HYOSUNG HEAVY INDUSTRIES CORPORATION; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 578-87-0096 cấp ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại Hàn Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: 119, Mapo-daero, Mapo-gu, Seoul, Korea.

Người đại diện: Ông WOO TAEHEE; chức danh: Tổng Giám đốc; sinh ngày 29 tháng 9 năm 1962; quốc tịch: Hàn Quốc; hộ chiếu số: M11907326 cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: 33, Ogin 3-gil, Jongno-gu, Seoul, Korea.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603875818 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 7 năm 2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT MOTOR.**
2. Mục tiêu và quy mô dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô		Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
		Giai đoạn 1 (Từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2027)	Giai đoạn 2 (Từ tháng 7/2027 trở đi)		
01	Sản xuất động cơ điện và các bộ phận dùng để sản xuất động cơ điện: motor.	240.000 sản phẩm/năm, tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm	Tăng lên thành 260.000 sản phẩm/năm, tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm	2710	

(2/5/1080184828)

02	Sửa chữa, bảo hành động cơ điện (motor) và các máy móc thiết bị liên quan (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).			3314	633
03	Lắp đặt các loại động cơ điện (motor) và các máy móc thiết bị liên quan.			3320	884
04	Thực hiện dịch vụ tư vấn kỹ thuật (chuẩn bị và thực hiện các dự án có liên quan đến động cơ điện (motor)).			7110	8672
05	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng không thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam và không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.			4690	622

* Lưu ý: Trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 55.479 m².

(3/5/1080184828)



5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.429.001.455.000 (một nghìn bốn trăm hai mươi chín tỷ, không trăm lẻ một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, tương đương 60.185.000 (sáu mươi triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 699.951.000.000 (sáu trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm năm mươi một triệu) đồng, tương đương 28.500.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 47,35% tổng vốn đầu tư, do HYOSUNG HEAVY INDUSTRIES CORPORATION góp; tiền độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2022.

Thời hạn hoạt động tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch V đến tháng 10 năm 2053. Sau thời hạn trên, nếu Khu công nghiệp Nhơn Trạch V được gia hạn thời gian hoạt động và nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục đầu tư tại địa điểm hiện tại thì phải thỏa thuận về thời hạn và điều kiện thuê đất với Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch V để tiếp tục hoạt động.

Trường hợp Khu công nghiệp Nhơn Trạch V không được gia hạn thêm thời hạn hoạt động, nhà đầu tư phải di dời dự án đến vị trí mới phù hợp để tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện thủ tục chấm dứt dự án theo quy định.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1: Đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2022.
- Giai đoạn 2: Dự kiến đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2027.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.
3. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được triển khai kinh doanh sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.
4. Đối với phần tăng quy mô sản xuất động cơ điện và các bộ phận dùng để sản xuất động cơ điện: motor từ 240.000 sản phẩm/năm, tương đương 21.322,32

(4/5/1080184828)

tấn sản phẩm/năm lên 260.000 sản phẩm/năm, tương đương 23.322,32 tấn sản phẩm/năm: Công ty phải hoàn tất thủ tục môi trường theo quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1080184828 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Minh Chiến

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét văn bản số 08/HSVIM-ES ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery về việc cấp giấy phép môi trường của cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery (sau đây gọi là chủ cơ sở), địa chỉ tại: đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất motor, công suất 240.000 sản phẩm/năm (tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm)” tại đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất motor, công suất 240.000 sản phẩm/năm (tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603875818 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 1080184828 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2022, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 11 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3603875818.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất động cơ điện và các bộ phận dùng để sản xuất động cơ điện: motor.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Diện tích đất sử dụng: 55.479 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

- Công suất: Motor: 240.000 sản phẩm/năm (tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình sản xuất Stator, quy trình sản xuất Motor bao gồm:

(1) Quy trình sản xuất Stator: Nguyên liệu (thép cuộn) → Dập lát → Xếp chồng và hàn → Lõi stator → Lót giấy cách điện tại các rãnh của lõi stator → Lắp cuộn dây đồng vào lõi stator → Lót giấy cách pha giữa các pha tại 2 mặt lõi stator → Bọc ống cách điện cho các đầu ra của dây đồng → Nối dây dẫn leader với đầu dây ra → Hàn mối nối → Cố định, định hình cuộn dây → Kiểm tra điện trở, áp suất → Nhúng vào bể vecni để cách điện → Sấy → Stator → Chuyển sang quy trình sản xuất Motor.

(2) Quy trình sản xuất Motor: Thép cuộn → Dập lát → Đúc khuôn rotor ở 150⁰C → Tháo khuôn rotor → Gia nhiệt rotor → Lắp trục vào lõi rotor → Làm mát rotor → Quét sơn chống gỉ → Cân bằng trục rotor → Chèn bạc đạn rotor → Lắp stator vào khung → Lắp rotor và stator → Lắp nắp mặt trước → Lắp phốt cao su → Lắp hộp nối dây → Lắp cánh quạt → Lắp miếng chêm (phe) cố định quạt → Lắp nắp mặt sau → Lắp then cài và nắp bảo vệ trục → Test sản phẩm → Phun sơn → Sấy → Motor thành phẩm.

- Nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất: Thép cuộn, dây đồng, giấy DMD (Polyester), dây dẫn kết nối đầu ra.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại

Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 31 tháng năm 5 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Tổng Công ty IDICO-CTCP;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT).

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMТ-KCNDN ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải của cơ sở sau xử lý được thu gom về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Chủ cơ sở đã ký thỏa thuận thu gom, xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC) (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V) theo Hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐKT-ISC ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: đạt giới hạn theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC) và tuân thủ theo giấy phép môi trường của KCN Nhơn Trạch V do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về 01 hố thu gom (1,9 x 1,0 x 1,7m), sau đó, bơm chuyển qua đường ống PVC Φ114 về hệ thống xử lý nước thải, công suất 80 m³/ngày đêm để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V tại đường N4.

- Nước thải sản xuất được bơm về hệ thống xử lý nước thải, công suất 80 m³/ngày đêm để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V tại đường N4.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý nước thải cục bộ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể chứa nước thải → Bể vi sinh → Bể lắng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được đưa về bể chứa nước thải với tổng thể tích 33,6 m³ để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, tạm ngưng dây chuyền sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 80 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nito, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch V.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch V và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch V (Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC)), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch V để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-KCNĐN ngày 3 tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01.
- Nguồn số 2: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02.
- Nguồn số 3: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn phát sinh mới).
- Nguồn số 4: Bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01.
- Nguồn số 5: Bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn phát sinh mới).
- Nguồn số 6: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01.
- Nguồn số 7: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn phát sinh mới).
- Nguồn số 8: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, vĩ tuyến 3°).

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01 (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183425; Y: 408832.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183429; Y: 408836.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183411; Y: 408829.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183427; Y: 408838.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn số 05). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183439; Y: 408845.
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01 (nguồn số 06). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183442; Y: 408851.
- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183448; Y: 408857.
- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03 (nguồn số 08). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1183453; Y: 408862.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 139.676 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.419 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.400 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 23.057 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.800 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_v=0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của cơ sở) và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽²⁾	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02, 03, 06, 07, 08				Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	01 năm/lần	
2	Xylen	mg/Nm ³	870		
3	Etylbenzen	mg/Nm ³	870		
II	Dòng khí thải số 04, 05				06 tháng/lần
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	128		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và $K_p = 0,8$ ứng với tổng lưu lượng khí thải lớn hơn 100.000 m³/giờ); QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

* Chủ dự án rà soát, thực hiện theo QCVN 19:2024/BTNMT (ban hành kèm theo Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) theo lộ trình quy định (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

- Nguồn số 01 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø400mm bằng thép

SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý.

- Nguồn số 02 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø600mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 02 để xử lý.

- Nguồn số 03 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø450mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 03 để xử lý.

- Nguồn số 04 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø650mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 04 để xử lý.

- Nguồn số 05 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø650mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 05 để xử lý.

- Nguồn số 06 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø800mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 06 để xử lý.

- Nguồn số 07 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø1050mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 07 để xử lý.

- Nguồn số 08 được thu gom bằng đường ống kích thước 1000x380 mm bằng thép SS400 về hệ thống xử lý khí thải số 08 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01, 02, 03, 06, 07, 08 đối với nguồn số 01, 02, 03, 06, 07, 08: 06 hệ thống xử lý, cùng công nghệ xử lý (tương ứng với dòng khí thải số 01, 02, 03, 06, 07, 08).

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Hơi dung môi → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được phép xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 01 (tương ứng với dòng khí thải số 01): 7.419 m³/giờ.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 02 (tương ứng với dòng khí thải số 02): 12.000 m³/giờ.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 03 (tương ứng với dòng khí thải số 03): 5.400 m³/giờ.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 06 (tương ứng với dòng khí thải số 06): 25.800 m³/giờ.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 07 (tương ứng với dòng khí thải số 07): 30.000 m³/giờ.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 08 (tương ứng với dòng khí thải số 08): 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 04, 05 đối với nguồn số 04, 05: 02 hệ thống xử lý, cùng công nghệ xử lý (tương ứng với dòng khí thải số 04, 05).

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải → Quạt hút → Thiết bị tách lọc ướt → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được phép xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 04 (tương ứng với dòng khí thải số 04): 30.000 m³/giờ.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải số 05 (tương ứng với dòng khí thải số 05): 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01 (nguồn số 01), tương ứng dòng khí thải số 01, công suất thiết kế: 7.419 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn số 02), tương ứng dòng khí thải số 02, công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn số 03), tương ứng dòng khí thải số 03, công suất thiết kế: 5.400 m³/giờ.

- 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04), tương ứng dòng khí thải số 04, công suất thiết kế: 23.057 m³/giờ.

- 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn số 05), tương ứng dòng khí thải số 05, công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01 (nguồn số 06), tương ứng dòng khí thải số 06, công suất thiết kế: 25.800 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07), tương ứng dòng khí thải số 07, công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03 (nguồn số 08), tương ứng dòng khí thải số 08, công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.2.2 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-KCNĐN ngày 31 tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- + Nguồn số 1: Từ khu vực đập lát.
- + Nguồn số 2: Từ khu vực hàn.
- + Nguồn số 3: Từ khu vực đúc khuôn rotor.
- + Nguồn số 4: Từ khu vực lắp trục vào lõi rotor.
- + Nguồn số 5: Từ khu vực lắp ráp.
- + Nguồn số 6: Từ khu vực phun sơn.
- + Nguồn số 7: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi.

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiếu 3⁰)

- + Nguồn số 1: Từ khu vực đập lát. Tọa độ: X = 408622; Y = 1183753.
- + Nguồn số 2: Từ khu vực hàn. Tọa độ: X = 408625; Y = 1183755.
- + Nguồn số 3: Từ khu vực đúc khuôn rotor. Tọa độ: X = 408627; Y = 1183758.
- + Nguồn số 4: Từ khu vực lắp trục vào lõi rotor. Tọa độ: X = 408632; Y = 1183763.
- + Nguồn số 5: Từ khu vực lắp ráp. Tọa độ: X = 408638; Y = 1183766.
- + Nguồn số 6: Từ khu vực phun sơn. Tọa độ: X = 408642; Y = 1183772.
- + Nguồn số 7: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi. Tọa độ: X = 408649; Y = 1183775.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

S T T	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-KCNĐN ngày 31 tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh dự kiến

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Lỏng	NH	67.300
2	Than hoạt tính thải	02 11 02	Rắn	NH	5.000
3	Các thiết bị linh kiện điện tử thải (bóng đèn Led)	16 01 13	Rắn	NH	5
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					72.305

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm kim loại (Thép vụn, lõi stator, dây nhôm và dây đồng vụn)	19 02 07	Rắn	TT	3.386.808
2	Nhóm giấy (Giấy vụn, thùng carton, giấy cách điện vụn)	18 01 05	Rắn	TT-R	65.585
3	Nhóm gỗ (Pallet gỗ, thùng gỗ)	09 01 02	Rắn	TT-R	225.228
4	Nhóm nhựa (bao bì, lõi nhựa,...)	18 01 06	Rắn	TT-R	2.220
5	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT	50
6	Bùn từ bể tự hoại	-	Bùn	TT	800
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					3.680.691

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	1,4
2	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	1
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,7
Tổng khối lượng dự kiến phát sinh (tấn/năm)		3,1

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn/bùn	KS	510.000
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	12.000
3	Vecni thải có dung môi hữu cơ	08 01 01	Rắn/lỏng	KS	50.000
4	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác	18 01 04	Rắn	KS	2.000
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	KS	15.000
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	18.500
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					607.500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích khu vực lưu chứa: 80 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có

tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 80 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 240 lít và 660 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, nền chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng

ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Cơ sở theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMТ-KCNĐN ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Tổng Công ty IDICO-CTCP, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan,

Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới. 

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 600 /KCNKKT-TNMT

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2026

V/v kết quả kiểm tra vận hành
thử nghiệm các công trình xử lý
chất thải của Công ty TNHH
Hyosung Vina Industrial
Machinery.

Kính gửi: Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.
(Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai)

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai nhận được báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cơ sở “Nhà máy sản xuất motor, công suất 240.000 sản phẩm/năm (tương đương 21.322,32 tấn sản phẩm/năm)” của Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery (gọi tắt là Công ty) tại đường N3, KCN Nhơn Trạch V, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Cơ sở được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025.

Căn cứ kết quả kiểm tra ngày 13/01/2026 tại Công ty (theo Quyết định số 617/QĐ-KCNKKT ngày 29/12/2025 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc cử công chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của cơ sở nêu trên). Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai thông báo như sau:

1. Kết quả kiểm tra

1.1. Công trình xử lý nước thải

- Theo Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025, Công ty phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 80 m³/ngày đêm. Kết quả kiểm tra thực tế cho thấy hệ thống xử lý nước thải, công suất 80 m³/ngày đêm đã được Công ty xây dựng, lắp đặt và vận hành phù hợp với Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025 (kèm theo Biên bản kiểm tra).

- Thời gian Công ty thu mẫu vận hành ổn định trong 03 ngày liên tiếp: 18/11/2025, 19/11/2025, 20/11/2025. Đơn vị thu mẫu là Trung tâm Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh (VIMCERTS 241), kết quả phân tích cho thấy các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch V.

- Công ty có ghi sổ nhật ký trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình xử lý khí thải

- Theo Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025, Công ty phải vận hành thử nghiệm 08 hệ thống xử lý khí thải, gồm: 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01 (nguồn số 01, dòng khí thải số 01), công suất thiết kế: 7.419 m³/giờ; 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn số 02, dòng khí thải số 02), công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ; 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn số 03, dòng khí thải số 03), công suất thiết kế: 5.400 m³/giờ; 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04, dòng khí thải số 04), công suất thiết kế: 23.057 m³/giờ; 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn số 05, dòng khí thải số 05), công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ; 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01 (nguồn số 06, dòng khí thải số 06), công suất thiết kế: 25.800 m³/giờ; 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07, dòng khí thải số 07), công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ; 01 Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03 (nguồn số 08, dòng khí thải số 08), công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Kết quả kiểm tra thực tế cho thấy 08 hệ thống xử lý khí thải nêu trên đã được Công ty xây dựng, lắp đặt và vận hành phù hợp với Giấy phép môi trường số 82/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2025 (*kèm theo Biên bản kiểm tra*).

- Thời gian Công ty thu mẫu vận hành ổn định trong 03 ngày liên tiếp: 13/11/2025, 14/11/2025, 15/11/2025 (đối với các hệ thống xử lý bụi tại khu vực nấu nhôm và đúc rotor, tương ứng với nguồn khí thải số 04, 05); ngày 18/11/2025, 19/11/2025, 20/11/2025 (đối với hệ thống xử lý hơi dung môi từ khu vực sấy vecni, khu vực sơn motor, tương ứng với nguồn khí thải số 01, 02, 03, 06, 07, 08). Đơn vị thu, phân tích mẫu là Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh (VIMCERTS 241) và Công ty Cổ phần Khoa học Môi trường và An toàn lao động Miền Nam (VIMCERTS 266), kết quả phân tích cho thấy các thông số ô nhiễm sau hệ thống xử lý khí thải đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv = 0,8, Kp = 0,8); QCVN 20:2009/BTNMT.

- Công ty có ghi sổ nhật ký trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

2. Kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu khí thải

Đoàn công tác đã tổ chức lấy 03 mẫu khí thải đại diện. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu do Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường (Vimcerts 052) thực hiện, cho thấy:

- Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn

số 02, dòng khí thải số 02), công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ: 02/02 thông số (Xylen, Etylbenzen) đạt so với giới hạn cho phép của QCVN 20:2009/BTNMT (kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 607-2026-00000307 ngày 20/01/2026).

- Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04, dòng khí thải số 04), công suất thiết kế: 23.057 m³/giờ: 01/01 thông số (Bụi tổng) đạt so với giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kv = 0,8, Kp = 0,8 (kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 607-2026-00000308 ngày 20/01/2026).

- Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07, dòng khí thải số 07), công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ: 02/02 thông số (Xylen, Etylbenzen) đạt so với giới hạn cho phép của QCVN 20:2009/BTNMT (kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 607-2026-00000309 ngày 20/01/2026).

3. Yêu cầu đối với Công ty

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung trong Giấy phép môi trường được cấp; đảm bảo các loại chất thải phát sinh từ cơ sở được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất của cơ sở, đảm bảo không phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động, PCCC, an toàn hóa chất trong quá trình vận hành của cơ sở; nếu chủ cơ sở để xảy ra sự cố môi trường và các sự cố khác gây ảnh hưởng đến môi trường và con người, chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai thông báo đến Công ty để biết, thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Tổng Công ty IDICO-CTCP;
- Lưu: VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**


Nguyễn Trọng Tiến



TÔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 TER Nguyễn Đình Chiểu – P. Võ Thị Sáu – Quận 3 – TP Hồ Chí Minh

Tel: (028)38438883/39312660

Fax: (028) 39312705

E-mail: headoffice@idico.com.vn

Website: www.idico.com.vn

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT LAND SUBLEASING CONTRACT

**CÔNG TY TNHH
HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**

**KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH V
NHON TRACH V INDUSTRIAL ZONE**

TP. Hồ Chí Minh, 8 - 2022
Ho Chi Minh City, August - 2022

Số: **40** /TCT-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày **25** tháng 7 năm 2022

**HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH V**

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Căn cứ Quyết định số 3578/QĐCT-UBT ngày 06/10/2003 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Khu công nghiệp Nhơn Trạch V;
- Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302177966 đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14/4/2022 của Tổng công ty IDICO - CTCP;
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 23/TCT-ĐT 11/12/2014; Phụ lục 24/TCT-ĐT ngày 11/12/2014; Phụ lục số 23-04/TCT-ĐT ngày 31/8/2018; Phụ lục giảm diện tích số 23-05/TCT-ĐT ngày **25**/7/2022 (sau đây gọi chung là “Hợp đồng 23”) giữa Tổng công ty IDICO - CTCP và Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai (Hyosung Đồng Nai);
- Căn cứ Thỏa thuận ba bên ngày 29/4/2022 giữa Tổng công ty IDICO – CTCP, Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai và Hyosung Heavy Industries Corporation (HSHI);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 1080184828 chứng nhận lần đầu ngày 28/6/2022, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp cho HSHI (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603875818 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2022 của Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery (chủ sở hữu là HSHI);
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

BÊN A: TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Đại diện: Ông **Phan Văn Chính** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Giấy ủy quyền số 28/UQ-TCT ngày 28/4/2022)

Trụ sở: 151ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39312660 - Fax: 028 39312705

Tài khoản: VND 700.018.379669 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam

Mã số thuế: 0302177966

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Đại diện: Ông **Kim Sang Hack** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Thị trấn Hiệp Phước,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513.569.350 - Fax: 02513.569.229

Mã số thuế: 3603875818

Hôm nay, ngày **25** tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Bên A, hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê lại đất ("**Hợp đồng**") với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Điều 1: Định nghĩa và diễn giải.

Ngoại trừ trường hợp có ý nghĩa khác tùy theo ngữ cảnh, những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và diễn giải như sau:

- Mỗi Bên được gọi riêng là "Bên A"/ "Bên cho thuê lại đất" hoặc "Bên B"/ "Bên thuê lại đất" (tùy ngữ cảnh) và gọi chung là "các Bên"/ "hai Bên".

- "**Hợp đồng**"/ "**Hợp đồng thuê lại đất**" là Hợp đồng thuê lại đất này cùng các Phụ lục, tài liệu và thỏa thuận liên quan kèm theo được các Bên ký kết.

- "**KCNNT5**" là khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Bên A làm chủ đầu tư.

- "**Khu Đất**" là Khu đất có diện tích **55.479m²** tại Đường N5 thuộc KCNNT5 mà các Bên thỏa thuận (cho) thuê lại theo Hợp đồng này. Vị trí, diện tích, kích thước chi tiết của Khu Đất được xác định theo bản vẽ đính kèm Hợp đồng này.

- "**Dự Án**" là Dự án Nhà máy sản xuất Motor của Bên B đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1080184828 ngày 28/6/2022.

- "**Phí SDHT trọn gói**"/ "**Phí Sử dụng hạ tầng trọn gói**" là Phí trọn gói cho việc sử dụng Khu Đất gắn với Hạ Tầng KCNNT5 trong toàn bộ Thời hạn thuê lại đất.

- "**Phí Quản lý hàng năm**" là Phí hàng năm cho việc quản lý, duy tu bảo dưỡng Hạ Tầng KCNHT bao gồm đường giao thông, chiếu sáng, cây xanh, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường; không bao gồm Phí xử lý nước thải, chất thải các loại và phí dịch vụ của các nhà cung cấp khác.

- "**Hạ Tầng**"/ "**Kết Cấu Hạ Tầng**" là hệ thống giao thông, mạng lưới cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, nhà máy xử lý nước thải và các kết cấu hạ tầng khác trong KCNNT5 do Bên A hoặc Đơn vị cung cấp khác đầu tư, xây dựng, quản lý.

- "**Các Công Trình**" là toàn bộ các công trình do Bên B xây dựng bao gồm nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng và các hạng mục phụ trợ liên quan khác, các hệ thống, tiện ích được xây dựng, lắp đặt, kết nối trên Khu Đất phục vụ cho việc thực hiện Dự Án của Bên B.

- "**Cơ quan có thẩm quyền**" là cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 2: Nội dung thỏa thuận.

2.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại Khu Đất, có diện tích **55.479m² (Khu Đất)** tại KCNNT5 để Đầu tư xây dựng và thực hiện Dự Án Nhà máy sản xuất Motor của Bên B trong suốt Thời Hạn theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

2.2. Vị trí, kích thước Khu Đất được thể hiện trong bản vẽ đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

Điều 3: Xây dựng Các Công Trình.

Việc xây dựng các công trình trên Khu đất phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Việc thiết kế, xây dựng phải tuân thủ theo các quy định về xây dựng cơ bản cũng như các quy định trong Điều lệ quản lý của KCNNT5.

Điều 4: Thời hạn thuê đất.

Thời hạn thuê lại đất kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất cho đến hết ngày **04/3/2053** ("**Thời Hạn**"). Thời hạn sẽ được gia hạn theo quy định của Pháp luật Việt Nam và theo sự thỏa thuận của các Bên.

Điều 5: Phí sử dụng hạ tầng trọn gói.

Các Bên thống nhất rằng Hyosung Đồng Nai đã thanh toán cho Bên A theo Hợp đồng 23, Bên B không phải thanh toán khoản này cho Bên A và Bên A không phải hoàn lại cho Hyosung Đồng Nai. Bên B và Hyosung Đồng Nai tự thỏa thuận và xử lý nội bộ với nhau theo quy định tại Thỏa thuận ba bên ngày 29/04/2022 và chịu trách nhiệm về giao dịch, kê khai thuế phí liên quan theo pháp luật.

Điều 6: Phí quản lý hàng năm.

6.1. Đơn giá Phí quản lý hàng năm (*Chưa bao gồm thuế GTGT*) tại thời điểm ký Hợp đồng là **14.963VND/m²/năm**. Đơn giá này sẽ được tự động điều chỉnh tăng hàng năm với mức tăng 3,5% so với Đơn giá áp dụng liền kề trước đó mà không cần phải ký Phụ lục cho mỗi lần điều chỉnh. Thời điểm áp dụng điều chỉnh tăng bắt đầu từ ngày 01/01/2023.

6.2. Phí quản lý hàng năm được tính như sau:

a. Phí quản lý tính chung cho một (01) năm:

$$\text{Phí Quản lý 01 năm} = \text{Đơn giá Phí Quản lý} \times \text{Diện tích (m}^2\text{)}$$

b. Phí quản lý năm đầu và năm cuối cùng được tính như sau:

$$\text{Phí Quản lý năm đầu/ cuối} = \frac{\text{Đơn giá Phí Quản lý} \times \text{Diện tích (m}^2\text{)}}{365 \text{ ngày}} \times \text{Số ngày thuê đất thực tế (*)}$$

(*) Số ngày thuê đất thực tế nêu trên được tính từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 31/12/2022 và (hoặc) ngày 01/01 của năm cuối đến ngày hết Thời hạn của Hợp đồng.

6.3. Phương thức thanh toán Phí quản lý hàng năm:

a. Phí quản lý hàng năm được Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 15 ngày đầu của tháng Một hàng năm.

b. Phí quản lý Năm 2022 được Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 7: Tiền thuê đất và Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nộp Nhà nước hàng năm.

7.1. Tiền thuê đất nộp Nhà nước:

a. Đơn giá thuê đất nộp Nhà nước tại thời điểm ký Hợp đồng là **4.020VND/m²/năm**. Đơn giá này sẽ được điều chỉnh hàng năm theo quy định của Nhà nước và là cơ sở để Bên B thực hiện.

b. Tiền thuê đất nộp Nhà nước hàng năm được tính như sau:

- Tiền thuê đất nộp Nhà nước (Tiền thuê đất) trong 01 năm được tính như sau:

$$\text{Tiền thuê đất 01 năm} = \text{Đơn giá thuê đất nộp Nhà nước} \times \text{Diện tích (m}^2\text{)}$$

- Tiền thuê đất nộp Nhà nước năm đầu và cuối được tính như sau:

Tiền thuê đất	=	Đơn giá thuê đất nộp Nhà nước X Diện tích (m²)	X	Số ngày thuê đất thực tế (**)
		365 ngày		

(**) Số ngày thuê đất thực tế nêu trên được tính từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 31/12/2022 và (hoặc) ngày 01/01 của năm cuối đến ngày hết Thời hạn của Hợp đồng.

c. Phương thức thanh toán Tiền thuê đất nộp Nhà nước hàng năm:

- Tiền thuê đất nộp Nhà nước được Bên B thanh toán hàng năm cho Bên A trong vòng 15 ngày đầu của tháng Một.

- Tiền thuê đất nộp Nhà nước năm đầu được Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

7.2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

Bên thuê lại đất là người sử dụng Khu đất và phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với Khu đất theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8: Phương thức thanh toán.

8.1. Tất cả các thanh toán theo Hợp đồng đều phải thực hiện bằng Đồng Việt Nam thông qua hình thức Chuyển khoản vào Tài khoản ngân hàng của Bên A theo thông tin tại Điều 8.4 của Hợp Đồng này hoặc thông tin Tài khoản theo Văn bản thông báo của Bên A cho Bên B khi có sự thay đổi. Bên B chịu mọi lệ phí Ngân hàng hoặc các loại phí khác (nếu có) đối với các khoản thanh toán cho Bên A.

8.2. Bên A không chấp nhận bất kỳ lý do nào mà Bên B nêu ra để chậm thanh toán các khoản thanh toán đến hạn theo Hợp đồng ngoại trừ sự chậm trễ do lỗi hoặc vi phạm của Bên A gây ra hoặc do xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

Trường hợp chậm thanh toán, Bên B phải chịu thêm lãi phạt chậm trả bằng 20%/năm tính trên số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Thời gian chậm thanh toán không quá 01 tháng. Trường hợp quá một (01) tháng, Bên A sẽ ngưng cung cấp nước và các dịch vụ hạ tầng khác cho đến khi Bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Bên A.

8.3. Thứ tự ưu tiên thanh toán: Trong mọi trường hợp, nếu Bên B chậm thanh toán các khoản phải trả đến hạn, Bên A sẽ thực hiện thu nợ theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Lãi nợ quá hạn; (2) Nợ gốc.

8.4. Tài khoản tiếp nhận thanh toán:

- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Số tài khoản: VND 700.018.379669
- Đơn vị thụ hưởng: Tổng công ty IDICO - CTCP

Điều 9: Trách nhiệm của mỗi bên.

9.1. Bên A có trách nhiệm:

a. Lập Hồ sơ giao đất và tiến hành bàn giao Khu Đất cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

b. Tôn trọng quyền sở hữu về tài sản do Bên B xây dựng và trang bị trên Khu Đất;

c. Đảm bảo Khu đất sẽ không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong suốt Thời hạn;

d. Tiếp nhận nước thải đạt tiêu chuẩn đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung từ hàng rào của Khu đất để đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCNNT5.

e. Đảm bảo cho Bên B được sử dụng Hạ Tầng, các tiện ích hạ tầng khác (nếu có) của KCNNT5 với đầy đủ tiêu chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Bên B;

f. Chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này theo quy định pháp luật cho đơn vị thay thế nếu Bên A bị dừng quyền vận hành KCNNT5 bởi Cơ quan có thẩm quyền. Bên A cam kết việc chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ này sẽ không gây ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, lợi ích và nghĩa vụ nào của Bên B theo Hợp đồng này.

Trong trường hợp Cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hoặc bất cứ phương thức nào khác chấm dứt hoạt động/ việc kinh doanh của Bên A tại KCNNT5 hoặc bất cứ phương thức nào khác không cho phép Bên A thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên A phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên B và thảo luận với Bên B về kế hoạch chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng này cho Đơn vị thay thế.

g. Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng Khu Đất không đúng mục đích; hủy hoại đất, làm biến dạng địa hình, làm suy giảm chất lượng đất, gây ô nhiễm đất, làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

Để tránh hiểu nhầm, việc sử dụng Khu Đất phù hợp hoặc việc thực hiện Dự Án đã được chấp thuận bởi Cơ quan có thẩm quyền theo chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Báo cáo thực hiện dự án đầu tư sẽ được xem là sử dụng đúng mục đích.

h. Đã kiểm tra và phá các vật liệu gây nổ trong KCNNT5. Nếu trong quá trình xây dựng hoặc vận hành Dự án, Bên B hoặc nhà thầu của Bên B phát hiện bất cứ vật gây nổ khác ở trên bề mặt hay bên dưới Khu đất (trong phạm vi 5m), Bên B sẽ thông báo cho Bên A để ngay lập tức thông báo cho cơ quan có liên quan sắp xếp loại bỏ các vật gây nổ và phải chịu chi phí mà không làm gián đoạn việc xây dựng và vận hành Dự án của Bên B;

i. Cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được khoản thanh toán từ Bên B.

j. Phối hợp cung cấp các tài liệu liên quan để Bên B tự thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Khu Đất.

9.2. Bên B có trách nhiệm:

a. Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các khoản phải thanh toán cho Bên A quy định của Hợp đồng này;

b. Thiết kế và xây dựng các công trình nhà xưởng theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Việt Nam và các quy định của KCNNT5;

c. Thiết kế và xây dựng bể nước dự trữ trung gian trong khu vực Dự Án để dự trữ nước khi hệ thống cấp nước chung có sự cố hoặc sửa chữa tạm thời;

d. Bên B chỉ có quyền sử dụng Khu Đất để triển khai xây dựng Dự Án theo mục tiêu và tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo thông tin trong Báo cáo thực hiện dự án đầu tư gửi đến và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định pháp luật. Các tài nguyên khoáng sản trong lòng đất, cổ vật và nguồn nước ngầm đều thuộc quyền quản lý của Nhà nước theo Luật khoáng sản của Việt Nam, nghiêm cấm Bên B tự ý khai thác;

e. Thiết kế và xây dựng hệ thống điện nội bộ, hệ thống đường ống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước thải công nghiệp, thoát nước thải sinh hoạt và hệ thống thoát nước mưa phải đảm bảo theo đúng các quy định của Việt Nam về thiết kế, xây dựng. Hệ thống nước thải và hệ thống thoát nước mưa phải được đấu nối riêng biệt và phải được Bên A nghiệm thu sau khi hoàn thành và trước khi đấu nối vào hệ thống chung của KCNNT5.

f. Thiết kế và xây dựng Các Công Trình theo quy định của Pháp luật Việt Nam về Đầu tư, Xây dựng, Môi trường...; Cao độ thiết kế và xây dựng hoàn thiện tại vị trí ngưỡng cổng Dự Án tối thiểu phải bằng cao độ mặt đường đầu nối phía trước.

g. Thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh cho Dự Án hoặc Báo cáo thực hiện dự án đầu tư gửi đến và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi điều chỉnh mục tiêu Dự án theo quy định pháp luật theo quy định hiện hành của Pháp luật và chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền về thủ tục đầu tư của Dự Án.

h. Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc Báo cáo thực hiện dự án đầu tư gửi đến và được cơ quan có thẩm quyền, Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, Giấy chứng nhận phòng chống cháy nổ và hồ sơ thẩm định thiết kế kỹ thuật của Các Công Trình theo quy định của pháp luật (nếu có) cho Bên A trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được các hồ sơ trên từ cơ quan có thẩm quyền;

i. Liên hệ với Bên A nhận bản vẽ thiết kế hạ tầng khu vực đường vào Dự Án để không ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm của KCNNT5;

j. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu Bên B muốn trả lại Khu Đất trước Thời Hạn, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 06 tháng; Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B, Bên A có trách nhiệm trả lời bằng Văn bản cho Bên B để xác nhận việc chuyển trả Khu Đất và ngày chấm dứt Hợp

đồng. Vào ngày chấm dứt Hợp đồng, bằng chi phí của mình, Bên B sẽ tiến hành di dời tài sản, công trình, vật kiến trúc trên Khu Đất và bàn giao Khu Đất trống cho Bên A trừ khi có thỏa thuận khác. Trong trường hợp này:

- Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các thiệt hại và mất mát thực tế phát sinh cho Bên A (nếu có) do vi phạm của Bên B theo pháp luật Việt Nam.

- Bên B không có quyền yêu cầu hoàn trả các khoản mà Bên B đã thanh toán cho Bên A.

k. Trả lại Khu Đất trống cho Bên A khi hết Thời hạn Hợp đồng hoặc Bên B trả lại đất theo quy định tại Mục j Điều 9.2 (trừ khi các Bên có thỏa thuận khác).

Trường hợp này, Bên B phải di dời toàn bộ công trình, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, tài sản... (Tài Sản) của Bên B ra khỏi Khu Đất và bàn giao mặt bằng trống cho Bên A trong vòng 03 tháng. Nếu quá thời hạn 03 tháng mà Bên B chưa thực hiện việc di dời và bàn giao mặt bằng trống cho Bên A thì Bên A sẽ áp dụng theo quy định tại Điều 14.2 để thực hiện các quyền của mình.

m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của người thuê lại đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành tương ứng với hình thức thuê đất theo Hợp đồng.

Điều 10: Dịch vụ hạ tầng.

10.1. Đối với việc xử lý nước thải, việc cung cấp dịch vụ hạ tầng khác (nếu có) sẽ được hai bên thỏa thuận bằng hợp đồng riêng trên cơ sở của Hợp đồng này;

10.2. Đối với dịch vụ cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, viễn thông, xử lý chất thải rắn, Bên B ký Hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ tương ứng;

10.3. Việc duy tu cơ sở hạ tầng của Bên A phải được thực hiện kịp thời cho hoạt động của Bên B được thuận tiện.

Điều 11: Bảo vệ môi trường.

11.1. Diện tích cây xanh, thảm cỏ không được nhỏ hơn 20% diện tích Khu Đất.

11.2. Bên B cam kết thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam tại KCNNT5;

11.3. Trong quá trình xây dựng nhà máy, Bên B phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không được gây ô nhiễm mất vệ sinh trên các tuyến đường giao thông của KCNNT5. Có trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ các công trình hạ tầng ngoài hàng rào của Các Công Trình như hệ thống điện, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước;

11.4. Nước thải xả từ Nhà máy của Bên B phải phù hợp với các tiêu chuẩn của Hợp đồng Xử lý Nước thải ký kết giữa Bên A và Bên B. Trường hợp nước thải của Nhà máy không đạt tiêu chuẩn thì Bên A sẽ từ chối tiếp nhận (bằng việc đóng hố ga tiếp nhận nước thải) và xem xét việc tạm ngưng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn thỏa thuận;

11.5. Bên B chỉ được thoát nước mưa tự nhiên và không được thoát bất kỳ loại nước nào khác (kể cả nước làm mát máy, nước rửa bề mặt, rửa nền, nước rửa xe...) vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCNNT5. Trường hợp vi phạm, Bên A sẽ ngưng cung cấp nước, đóng hố ga tiếp nhận nước mưa và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý cho đến khi Bên B khắc phục hoàn toàn;

5.C.
Y
H.W.

11.6. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn, chất thải khí, chất thải nguy hại...

Điều 12: Thay đổi bên thuê lại đất.

12.1. Trường hợp Bên B chuyển nhượng, bán, xử lý tài sản trên Khu Đất (làm thay đổi Bên thuê lại đất sang Bên thứ ba), Bên B và Bên thứ ba phải thông báo và làm việc với Bên A để ký Hợp đồng thuê lại đất mới với Bên thứ ba trên cơ sở kế thừa các điều khoản phù hợp của Hợp đồng này và tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng thuê lại đất mới.

12.2. Trường hợp bị chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hình thành Pháp nhân mới hoặc Bên thứ ba (làm thay đổi Bên thuê lại đất sang Bên thứ ba), Bên B và Bên thứ ba phải thông báo và làm việc với Bên A để ký Phụ lục điều chỉnh hoặc Hợp đồng thuê lại đất mới để thay đổi Bên thuê lại đất.

12.3. Trường hợp phải ký Hợp đồng thuê lại đất mới, Phí quản lý hàng năm được tiếp tục áp dụng theo Đơn giá đang thực hiện của Hợp đồng này; Tiền thuê đất nộp Nhà nước, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các phí/chi phí mới bổ sung (nếu có) phải được áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật tại thời điểm ký Hợp đồng thuê lại đất mới.

Điều 13: Sự kiện bất khả kháng.

- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện nào nằm ngoài tầm kiểm soát của một Bên, làm mất khả năng hoặc cản trở Bên đó thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như thiên tai, tình trạng khẩn cấp quốc gia, chiến tranh, bạo loạn, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh...

- Bên không thực hiện được hoặc bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ của mình bởi sự kiện bất khả kháng (Bên bị ảnh hưởng) được xem là không vi phạm Hợp đồng này và không phải chịu trách nhiệm đối với Bên còn lại cho việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này với điều kiện:

+ Bên bị ảnh hưởng phải gửi ngay cho Bên còn lại một văn bản thông báo về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng nêu trên, đưa ra chi tiết về sự cố xảy ra ngăn cản việc thực hiện Hợp đồng này và chỉ ra các biện pháp khắc phục đã hoặc sẽ thực hiện;

+ Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý và đã làm hết sức mình để giảm nhẹ hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

- Các Bên đồng ý rằng trong suốt thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế mọi tổn thất hoặc thiệt hại có thể xảy ra cho các Bên.

Điều 14: Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng.

14.1. Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a. Hết Thời hạn theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

b. Bên B quá hạn thanh toán 03 tháng đối với các khoản phải thanh toán cho Bên A mà không có bất kỳ thông báo nào bằng Văn bản cho Bên A và được Bên A chấp thuận.

c. Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản hoặc bị thu hồi, rút Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép hoạt động trước thời hạn.

d. Bên B vi phạm nghiêm trọng các quy định của Hợp đồng này mà không tiến hành khắc phục trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo bằng văn bản.

e. Theo quyết định của Tòa án/ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

14.2. Khi chấm dứt hiệu lực Hợp đồng (trừ trường hợp do thay đổi Bên thuê lại đất theo Điều 12), Bên B phải di dời toàn bộ công trình, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, tài sản... (Tài Sản) của Bên B ra khỏi Khu Đất và bàn giao mặt bằng trống cho Bên A trong vòng 03 tháng kể từ Ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng, trừ khi có thỏa thuận khác đi. Mọi chi phí phát sinh từ việc di dời nêu trên, Bên B tự chi trả.

Nếu quá thời hạn 03 tháng mà Bên B chưa thực hiện việc di dời Tài Sản và bàn giao mặt bằng trống cho Bên A thì Bên A có toàn quyền xử lý di dời Tài Sản của Bên B ra khỏi Khu Đất. Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí di dời tài sản của Bên B ra khỏi Khu Đất và chi phí xử lý Khu đất (nếu có).

Bên B xác nhận và thống nhất rằng việc Bên A phải xử lý hoặc di dời Tài Sản của Bên B ra khỏi Khu Đất được xem là hợp pháp. Bên A không chịu trách nhiệm đối với mọi hỏng hóc hoặc mất mát Tài Sản của Bên B trong quá trình Bên A phải xử lý hoặc di dời và Bên B cam kết không khiếu nại.

Điều 15. Tranh chấp.

Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm các quy định của Hợp đồng này. Trường hợp có tranh chấp thì tranh chấp trước hết sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải theo tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của các Bên; Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

Điều 16: Điều khoản chung.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành tám (08) bộ, mỗi bộ gồm một (01) bản tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ bốn (04) bộ. Tiếng Việt sẽ được ưu tiên tham chiếu trong trường hợp có mâu thuẫn giữa hai ngôn ngữ.

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Kim Sang Hack

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Văn Chính



TÔNG CÔNG IDICO - CTCP (IDICO)

Địa chỉ: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.028) 38438883, 39312660 Fax: (84.028) 39312705

E-mail: headoffice@idico.com.vn

Website: <http://www.idico.com.vn>

**HỒ SƠ GIAO ĐẤT
LAND HAND OVER DOCUMENTS**

(Khu đất: 55.479m²)

(Area: 55.479m²)

**CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD**

**KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 5
NHON TRACH 5 INDUSTRIAL ZONE**

TP. Hồ Chí Minh, 08/2022

TỔNG CÔNG TY IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO ĐẤT
CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

- Căn cứ Quyết định số 3578/QĐCT-UBT ngày 06/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 40/TCT-ĐT ngày 25/7/2022 giữa Tổng công ty IDICO - CTCP (IDICO) và Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.

Hôm nay, ngày 05 tháng 08 năm 2022 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, chúng tôi gồm:

***BÊN GIAO ĐẤT: TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP (IDICO) (BÊN A)**

- Đại diện: **Ông Phan Văn Chính** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

***BÊN NHẬN ĐẤT: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY (BÊN B)**

- Đại diện: **Ông Kim Sang Hack** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cùng tiến hành giao nhận các mốc ranh giới khu đất Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery thuê lại tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích **55.479m²** (Năm mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín mét vuông) như sau:

Vị trí Khu đất được giới hạn bằng các mốc bê tông P1, P2, P3, P4.

Toạ độ các mốc như sau:

❖ **Điểm P1:**

X = 1184072.119

- Có tọa độ là:

Y = 600724.850

- Vị trí nằm tiếp giáp tuyến đường N3, cách tim tuyến đường N3 12.00(m) về phía Đông Nam, cách tim tuyến đường D3b 220.00(m) về phía Tây Nam.

❖ **Điểm P2:**

X = 1184117.029

- Có tọa độ là:

Y = 600914.608

- Vị trí nằm tiếp giáp tuyến đường N3, cách tim tuyến đường N3 12.00(m) về phía Đông Nam, cách tim tuyến đường D3b 25.00(m) về phía Tây Nam, cách điểm P1 195.00(m) về phía Đông Bắc.

❖ **Điểm P3:**

X = 1183840.188

- Có tọa độ là:

Y = 600980.164

Kính gửi: Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 412/TD-PCCC ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 01/2023 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai.

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ CỦA CÔNG TRÌNH

Tên công trình: Xưởng Motor mở rộng – Giai đoạn 3.

Địa điểm xây dựng: KCN Nhơn Trạch V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai.

Đơn vị tư vấn điều chỉnh thiết kế: Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP; Công ty Cổ phần Đức Thuận; Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Toàn Phát.

**** Nội dung điều chỉnh thiết kế của công trình***

Điều chỉnh bậc chịu lửa, tường ngăn cháy và bổ sung hệ thống hút khói của nhà xưởng mở rộng.

II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

Bậc chịu lửa; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp chống tụ khói; giải pháp thoát nạn; hệ thống cấp nước chữa cháy; giải pháp cấp điện cho hệ thống liên quan đến PCCC.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 (để báo cáo);
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Lưu: VT, PC.





QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

thực hiện theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

số 91 /TD-PCCC&CNCH, ngày 20 / 11 /2023 của Phòng CS PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	
	* Quy mô công trình và nội dung điều chỉnh - Nhà xưởng mở rộng có diện tích 13.853,14 m², số tầng: 01, hạng nguy hiểm cháy E điều chỉnh từ bậc chịu lửa II thành bậc chịu lửa IV (không thi công bọc bảo vệ kết cấu thép bằng vật liệu chống cháy có giới hạn chịu lửa R90); - Không thi công tường ngăn cháy tại trục (1-27; C-D), trục (13; C-F), trục (23; C-F); - Nhà xưởng mở rộng bổ sung hệ thống hút khói và hệ thống hút khói được cấp điện ưu tiên từ hai nguồn độc lập (một nguồn điện lưới và một nguồn máy phát điện dự phòng).	Thông tin về các bộ phận chịu lực của nhà và tính toán hệ số tiết diện A_m/V nhỏ hơn 250 m ⁻¹ của các kết cấu thép không bọc bảo vệ thuộc bộ phận chịu lực đã được Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP chỉ rõ trong tài liệu kỹ thuật của nhà và chịu trách nhiệm với kết quả này.
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH	
1	Thuyết minh thiết kế thể hiện những nội dung về phòng cháy và chữa cháy	
2	Bản vẽ thiết kế kỹ thuật SS-00-001; SS-01-001, ..., SS-01-006; HK-MT-01, HK-MT-02, HK-MT-02, PC-01, Aa-01, Aa-03, Aa-02	
Mã hồ sơ G01.895.307.000-231113-0009 tại Cổng Dịch vụ công Bộ Công an		

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Kính gửi: Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 412/TD-PCCC ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 91/TD-PCCC&CNCH ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 2711 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai với mã số hồ sơ trực tuyến G01.895.307.000-231123-0025 nộp tại Cổng dịch vụ công của Bộ Công an;

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Kim Chi Hyung, Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 06 tháng 12 năm 2023 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai,

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Xưởng Motor mở rộng - Giai đoạn 3 với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Nguyễn Hồ; Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Toàn Phát.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm; Công ty Cổ phần Đức Thuận.

Quy mô công trình:

- Nhà xưởng motor mở rộng có diện tích 13.853,14 m², số tầng: 01, hạng nguy hiểm cháy: Hạng E, bậc chịu lửa: Bậc IV gồm các hạng mục:

- + Nhà xưởng có diện tích 13.513,5 m²;
- + Nhà kho có diện tích 104,4 m²;
- + Phòng điện có diện tích 111,36 m²;
- + Phòng vệ sinh có diện tích 30,16 m²;
- + Phòng vệ sinh có diện tích 66,36 m²;
- + Nhà hút thuốc có diện tích 15 m²;

+ Nhà hút thuốc có diện tích 12,36 m²;

- Mái che nhà xưởng motor mở rộng có diện tích 357 m².

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy, khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh; Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy và bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn; Giải pháp chống tụ khói;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy; Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước; Hệ thống báo cháy tự động; Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Phương tiện chữa cháy; Phương án chống sét;

- Giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng

- Tổ chức thực hiện bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

- Khi đưa hạng mục công trình vào sử dụng phải duy trì công năng, các điều kiện để bảo đảm thoát nạn, hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho công trình theo đúng thiết kế đã được duyệt. Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải bảo đảm yêu cầu phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sau đó gửi hồ sơ thiết kế điều chỉnh đến Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào sử dụng quy định tại khoản 9 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục C07 (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Hải

Số: 01 /TB-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 02 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai
(Đường N3, KCN Nhơn Trạch V)

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 216/GPXD ngày 28/12/2021 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành xây dựng công trình số 01/BC-CĐT ngày 13/12/2023 của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai và Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng công trình số 01/BC-GS/ĐM ngày 12/12/2023 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Toàn Phát;

Căn cứ Văn bản số 336/NT-PCCC ngày 11/12/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Xưởng Motor mở rộng – Giai đoạn 3;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-KCNĐN ngày 05/11/2021 của Ban Quản lý các KCN về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất motor”;

Căn cứ Thông báo số 4522/TB-KCNĐN ngày 27/12/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về Kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai tại KCN Nhơn Trạch V;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng ngày 29/12/2023 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai chủ trì kiểm tra;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng lập ngày 13/12/2023 giữa chủ đầu tư và các nhà thầu thi công, giám sát;

Căn cứ Văn bản số 01/BC-2023 ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai báo cáo kết quả thực hiện theo bản kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai **thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu** đối với các công trình xây dựng của Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai tại KCN Nhơn Trạch V để đưa vào sử dụng như sau:

1. Thông tin về công trình:

a) Tên công trình: Nhà xưởng motor – mở rộng, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật theo Giấy phép xây dựng số 216/GPXD ngày 28/12/2021 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

b) Địa điểm xây dựng: Đường số N3, KCN Nhơn Trạch V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

c) Loại công trình: Công trình công nghiệp; cấp công trình chính của dự án: Cấp II.

d) Mô tả các thông số nội dung chính của công trình:

d1. Nhà xưởng motor – mở rộng:

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 13.805,46 m².
- + Tổng diện tích sàn : 13.805,46 m².
- + Chiều cao công trình : + 16,20 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : + 0,30 m (so với mặt đất đặt công trình).
- + Cấp công trình : Cấp II.

d2. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Mái che : DTXD: 510,00 m².
- Bể nước ngầm 1 : DTXD: 24,60 m².
- Bể nước ngầm 2 : DTXD: 153,60 m².

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Lưu ý trồng cây xanh theo bản vẽ mặt bằng tổng thể cấp phép được duyệt, đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích lô đất.

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt. Lập danh mục hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.



- Tổ chức triển khai thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Mục 2 Chương III (Điều 30 đến Điều 35), Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan trước và trong quá trình sử dụng theo quy định.

- Chủ đầu tư và các nhà thầu liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và sự phù hợp của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng. Các bên tự chịu trách nhiệm theo nội dung giao kết trong các hợp đồng.

Qua kiểm tra, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai **thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu** của Chủ đầu tư đối với công trình xây dựng nêu trên. Việc kiểm tra của Ban Quản lý các KCN không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo đến Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai biết, thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Đại diện BQL;
- Lưu VT, QH XD (Tuan).



Đồng Nai, ngày 01 tháng 3 năm 2024

HỢP ĐỒNG
THU GOM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 5

Căn cứ:

- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Quyết định số 537/QĐ-BXD ngày 01/4/2004 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 3578/QĐCT.UBT ngày 06/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 930/QĐ-BKHCMNT ngày 06/5/2002 của Bộ Khoa học công nghệ và môi trường về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nhơn Trạch 5;
- Quyết định số 1695/QĐ-BTNMT ngày 15/11/2006 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường “Bổ sung các ngành nghề cho khu công nghiệp Nhơn Trạch 5”;
- Quyết định phê duyệt số 1368/QĐ-BTNMT ngày 22/6/2020 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường điều chỉnh của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp số 5 Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải tập trung từ 12.000 m³/ngày đêm lên 20.000 m³/ngày đêm, bổ sung ngành nghề xi mạ)” tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai”
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 136/GP-BTNMT ngày 09/08/2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

I. BÊN A (ĐƠN VỊ NHẬN XỬ LÝ NƯỚC THẢI): CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO (IDICO-ISC)

- Người đại diện: Ông **Nguyễn Thành Hóa** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 02512.215.607 Fax: 02513.569.722
- Mã số thuế: 3602478261
- Số tài khoản: 6710.111426 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai hoặc 5166668888 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Đồng Nai.

II. BÊN B (ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI): CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

- Đại diện: Ông **Kim Sang Hack**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

- Địa chỉ: Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: 02513.560.250

Fax: 02513.569.119

- Mã số thuế: 3603875818

Hôm nay, ngày 01/03/2024 tại Văn phòng IDICO-ISC, hai bên cùng thống nhất ký kết bản Hợp đồng về việc thu gom xử lý nước thải tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 với các điều khoản sau:

Điều 1 : ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Bên A tiếp nhận nước thải phát sinh từ Nhà máy của Bên B trong phạm vi tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (TCNT-NT5/2023) được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo đề xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Điều 2: ĐIỂM ĐẦU NỐI:

2.1. Bên B được đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp tại 01 (một) điểm cho toàn bộ Nhà máy. Vị trí điểm đấu nối được xác định theo Hồ sơ giao đất hoặc các văn bản thỏa thuận khác liên quan.

2.2. Quy cách kỹ thuật đấu nối nước thải:

2.2.1. Trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp, nước thải của Bên B phải được xử lý cục bộ đạt mức tiêu chuẩn tiếp nhận của khu công nghiệp.

2.2.2. Trên đường ống dẫn đấu nối nước thải bên trong hàng rào Nhà máy, Bên B phải bố trí hố ga lắng cặn, song chắn rác trước theo thiết kế chung của Bên A hoặc thiết kế của Bên B được Bên A chấp thuận.

2.2.3. Trên đường ống ngay vị trí giáp hàng rào bên ngoài nhà máy của Bên B trước khi đấu nối vào hố ga chung, Bên B phải lắp đặt van kiểm soát (đặt trong hố van) theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A và bàn giao cho Bên A để quản lý.

2.2.4. Tại vị trí hố ga đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp, Bên B phải cắm Biển báo chỉ dẫn điểm đấu nối với biểu mẫu và thông tin theo quy định của Bên A.

Điều 3: KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI TÍNH PHÍ: Khối lượng nước thải tính phí được tạm xác định bằng 60% lượng nước sạch tiêu thụ theo hoá đơn trả tiền nước hàng tháng. Phần trăm khối lượng nước thải tính phí sẽ được điều chỉnh tùy theo thỏa thuận của hai Bên sau khi Bên B có Giấy phép môi trường được cơ quan có chức năng phê duyệt (nhưng không nhỏ hơn 60%).

Điều 4: MỨC THU PHÍ VÀ CHI PHÍ DỊCH VỤ KHÁC:

4.1. Mức thu phí xử lý nước thải: là mức phí cuối cùng mà Bên B phải trả cho Bên A để sử dụng dịch vụ xử lý nước thải do Bên A cung cấp. Mức thu phí xử lý nước thải được tính theo khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm. Hàm

lượng chất gây ô nhiễm xác định theo hệ số điều chỉnh tăng thêm (K) phụ thuộc vào nồng độ chất gây ô nhiễm. Mức thu phí nước thải được xác định theo công thức sau:

$$F = f \times V \times K$$

Trong đó:

F : Mức thu phí

f : phí xử lý nước thải

V: khối lượng nước thải thu phí hàng tháng được xác định tại Điều 3

K: Hệ số điều chỉnh tăng thêm mức thu phí xử lý nước thải phụ thuộc vào nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đầu ra tại Nhà máy của Bên B so với giới hạn nồng độ do Bên A quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng, được quy định chi tiết tại khoản 4.3 của điều này.

4.2. Phí xử lý nước thải (f): Phí xử lý nước thải chưa bao gồm thuế VAT. Phí xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh hàng năm theo tỷ lệ thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng năm do Tổng cục thống kê công bố hoặc khi có sự thay đổi của các chi phí liên quan đến hoạt động xử lý nước thải hoặc chính sách pháp luật về việc quy định chất lượng nước sau xử lý của khu công nghiệp. Đơn giá Phí xử lý nước thải được áp dụng cụ thể như sau:

- Từ tháng 03/2024 đến tháng 12/2024: $f = 11.580 \text{ đồng}/\text{m}^3$

- Từ tháng 01/2025:

$$f = 12.400 * (1 + \text{CPI } 2023) * (1 + \text{CPI } 2024)$$

Đơn giá Phí dịch xử lý nước thải hàng năm sẽ được Bên A thông báo bằng Văn bản của năm tương ứng.

4.3. Hệ số K: Hệ số K được tính theo công thức: $K = K_1 + K_2$

4.3.1. Giá trị hệ số K_1

K_1 là hệ số điều chỉnh phụ thuộc vào hàm lượng các chất ô nhiễm nằm trong nhóm K_1 so với các thông số giới hạn nồng độ ô nhiễm tương ứng của TCNT-NT5/2023 (Đã được điều chỉnh). Giá trị hệ số K_1 được quy định như sau:

a. Vượt 01 (một) chỉ tiêu: $K_1 = K_{1\max}$

$K_{1\max}$ là hệ số điều chỉnh thuộc nhóm K_1 tương ứng với thông số có giá trị vượt cao nhất, được quy định cụ thể như sau:

TT	Giá trị thông số vượt tiêu chuẩn (mg/l)	$K_{1\max}$
1	$\leq$ giá trị giới hạn	1
2	Vượt dưới 2 lần	1,4
3	Vượt từ 2 lần đến dưới 4 lần	2
4	Vượt ≥ 4 lần	3

b. Vượt nhiều hơn 01 (một) chỉ tiêu: $K_1 = K_{1\max} + \sum K_{1n}$

$K_{1\max}$ là hệ số thuộc nhóm K_1 tương ứng với thông số có giá trị vượt cao nhất. Giá trị $K_{1\max}$ được xác định theo cách tính đối với trường hợp vượt 01 (một) chỉ tiêu.

K_{1n} là hệ số của các chỉ tiêu khác vượt quy định thuộc nhóm K_1 , cụ thể như sau:

STT	K_{1n}	Hệ số áp dụng
-----	----------	---------------

		Vượt dưới 2 lần	Vượt từ 2 đến 4 lần	Vượt trên 4 lần
1	K ₁₀₁	0,2	0,4	0,8
2	K ₁₀₂			
3	K ₁₀₃			
4	K ₁₀₄			
5	K ₁₀₅			
6	K ₁₀₆			
7	K ₁₀₇			
8	K ₁₀₈			
9	K ₁₀₉			

* Đối với mỗi chỉ tiêu vượt chỉ được áp dụng tính hệ số K một lần

* Hệ số K được chọn phải là hệ số K có giá trị lớn nhất

4.3.2. Giá trị hệ số K₂

K₂ là hệ số điều chỉnh phụ thuộc vào hàm lượng các chất ô nhiễm nằm trong nhóm K₂ so với các thông số giới hạn nồng độ ô nhiễm tương ứng của TCNT-NT5/2023 (Đã được điều chỉnh). Giá trị hệ số K₂ được quy định như sau:

a. Vượt 01 (một) chỉ tiêu: $K_2 = K_{2max}$

K_{2max} là hệ số điều chỉnh thuộc nhóm K₂ tương ứng với thông số có giá trị vượt cao nhất, được quy định cụ thể như sau:

TT	Giá trị thông số vượt tiêu chuẩn (mg/l)	K _{2max}
1	≤ giá trị giới hạn	0
2	Vượt dưới 2 lần	0,8
3	Vượt từ 2 lần đến dưới 4 lần	1,3
4	Vượt ≥ 4 lần	3

b. Vượt nhiều hơn 01 (một) chỉ tiêu: $K_2 = K_{2max} + \sum K_{2n}$

K_{2max} hệ số thuộc nhóm K₂ tương ứng với thông số có giá trị vượt cao nhất. Giá trị K_{2max} được xác định theo cách tính đối với trường hợp vượt 01 (một) chỉ tiêu.

K_{2n} là hệ số của các chỉ tiêu khác vượt quy định thuộc nhóm K₂, cụ thể như sau:

STT	K _{2n}	Hệ số áp dụng		
		Vượt dưới 2 lần	Vượt từ 2 đến 4 lần	Vượt trên 4 lần
1	K ₂₀₁	0,4	0,8	1,2
2	K ₂₀₂			
3	K ₂₀₃			
4	K ₂₀₄			
5	K ₂₀₅			
6	K ₂₀₆			
7	K ₂₀₇			
8	K ₂₀₈			
9	K ₂₀₉			

STT	K _{2n}	Hệ số áp dụng		
		Vượt dưới 2 lần	Vượt từ 2 đến 4 lần	Vượt trên 4 lần
10	K ₂₁₀			
11	K ₂₁₁			
12	K ₂₁₂			
13	K ₂₁₃			
14	K ₂₁₄			
15	K ₂₁₅			
16	K ₂₁₆			
17	K ₂₁₇			
18	K ₂₁₈			
19	K ₂₁₉			
20	K ₂₂₀			

* Đối với mỗi chỉ tiêu vượt chỉ được áp dụng tính hệ số K một lần

* Hệ số K được chọn phải là hệ số K có giá trị lớn nhất

4.4 Chất lượng nước thải để tính hệ số K:

4.4.1. Bên B có trách nhiệm tự lấy mẫu giám sát thường xuyên chất lượng nước thải bên trong Nhà máy của Bên B đảm bảo đạt Mức tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp và cung cấp cho Bên A để đánh giá khi có yêu cầu từ Bên A.

4.4.2. Hàng tháng, Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu định kỳ hoặc đột xuất nước thải của Bên B đầu nối vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp và thông báo cho Bên B khi tiến hành lấy mẫu để phối hợp. Chi phí lấy mẫu, phân tích sẽ do Bên A chi trả. Trường hợp chất lượng nước thải của Bên B không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận thì Bên B phải thanh toán cho chi phí lấy mẫu, phân tích và được cộng vào phí xử lý nước thải hàng tháng mà Bên B phải thanh toán cho Bên A.

4.4.3. Kết quả phân tích do Bên A tổ chức thực hiện hàng tháng sẽ được sử dụng để tính hệ số K. Ngoài ra, kết quả phân tích mẫu nước thải của các Đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại Nhà máy của Bên B cũng được sử dụng để xác định. Các kết quả phân tích trên sẽ được sử dụng đồng thời trong đó từng hệ số K tương ứng với từng thông số sẽ được tính theo giá trị có nồng độ chất ô nhiễm vượt cao nhất so với Mức tiêu chuẩn đăng ký trong các phiếu phân tích trên.

Điều 5: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

5.1. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong trường hợp Bên B thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lệ phí chuyển khoản sẽ do Bên B thanh toán.

5.2. Thời hạn thanh toán: Định kỳ 1 tháng, Bên A sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

5.3. Bên A không chấp thuận bất kỳ lý do nào cho việc chậm thanh toán của Bên B theo Hợp đồng ngoại trừ sự chậm trễ do lỗi vi phạm của Bên A gây ra. Trường hợp Bên B chậm thanh toán chi phí xử lý nước thải và/hoặc các phí, chi phí khác theo quy định của Hợp đồng này và/hoặc Phí sử dụng hạ tầng trọn gói và/hoặc Phí quản lý hàng năm và/hoặc bất kỳ khoản tiền nào theo quy định của Hợp đồng thuê lại đất, thì Bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên B mà không cần thông báo trước cho đến khi Bên B hoàn thành thanh toán toàn bộ các khoản tiền nêu trên và tiền lãi (nếu có) cho Bên A và/hoặc bên thứ ba có liên quan. Bên A không chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải của Bên B trong thời gian ngưng tiếp nhận nước thải.

Bên B, bằng chi phí của mình, chịu hoàn toàn trách nhiệm do việc ngưng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải gây ra, và phải thanh toán cho Bên A một khoản tiền lãi do chậm thanh toán (“Lãi nợ quá hạn”) đối với số tiền trả chậm, với lãi suất 20%/năm. Thời gian tính Lãi nợ quá hạn được tính từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán toàn bộ khoản tiền phải trả đến hạn nêu trên cho Bên A.

Điều 6: QUY TRÌNH LẤY MẪU, PHÂN TÍCH VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

6.1 Trường hợp 1: Lấy mẫu định kỳ (Đơn vị phân tích thí nghiệm lấy mẫu tại hiện trường)

- Bước 1: Bên A thông báo cho Bên B về việc lấy mẫu (bằng Fax/Email/Điện thoại/Zalo), kiểm soát chất lượng nước thải tại hố ga đầu nối. Khi bên B có mặt, hai bên phối hợp để tiến hành lấy mẫu tại hố ga đầu nối. Mẫu nước thải thu được phải niêm phong có xác nhận của 02 (hai) bên. Trường hợp nếu Bên B không có mặt tại điểm lấy mẫu trong vòng 15 phút kể từ lúc Bên A thông báo hoặc Bên B có mặt nhưng không ký xác nhận trong Biên bản lấy mẫu nước thải thì Bên A sẽ tự niêm phong mẫu để đem đi phân tích. Bên B phải chịu mọi trách nhiệm liên quan đến chất lượng nước thải của mẫu được lấy.

- Bước 2: Bên B sẽ kết hợp với Bên A trong việc ký xác nhận bàn giao mẫu cho Quatest 3 nếu thời gian lấy mẫu vào buổi sáng và Bên B liên hệ được với Quatest 3 đến nhận mẫu trong ngày. Trường hợp Quatest 3 không đến nhận mẫu thì Bên A sẽ phối hợp với Bên B để vận chuyển mẫu đến Quatest 3 để phân tích, Bên A và Bên B cùng xác nhận vào biên bản gửi mẫu. Nếu thời gian lấy mẫu đột xuất sau 14h30 thì mẫu sẽ được chuyển đi vào sáng hôm sau. Trường hợp ngày hôm sau là ngày nghỉ cuối tuần hoặc lễ thì mẫu sẽ chuyển vào sáng thứ 2 hoặc sau ngày nghỉ lễ. Trong thời gian chờ gửi, mẫu sẽ được giữ trong tủ lạnh của Bên B với nhiệt độ 2~5°C. Đồng thời, sau khi để mẫu vào thì tủ lạnh cũng được niêm phong bởi 02 bên.

- Bước 3: Bên A chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí phân tích mẫu nếu kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B dưới ngưỡng tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp (TCNT NT5/2023) và ngược lại.

6.2 Trường hợp 2: Lấy mẫu bằng hệ thống lấy mẫu tự động (Áp dụng khi Bên A hoàn thành việc lắp đặt hệ thống lấy mẫu nước thải tự động)

Khi Bên A hoàn thành việc lắp đặt hệ thống lấy mẫu tự động, Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết, để áp dụng việc lấy mẫu, đánh giá chất lượng nước thải. Đồng thời, sau khi kiểm tra hệ thống lấy mẫu tự động, Bên B cùng Bên A tiến hành niêm phong tủ lưu mẫu.

Hệ thống lấy mẫu tự động phải có camera giám sát (camera cho vị trí lấy mẫu và camera cho vị trí tủ lưu mẫu). Bên A chia sẻ dữ liệu giám sát từ camera cho Bên B. Bên A chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc lắp đặt hệ thống lấy mẫu tự động.

Quy trình lấy mẫu nước thải tự động, cụ thể như sau:

- Bước 1: Bên A kích hoạt hệ thống lấy mẫu tự động để lấy mẫu từ đường ống đầu nổi nước thải của Bên B và chứa vào trong tủ lưu mẫu.

- Bước 2: Bên A thông báo cho Bên B về việc lấy mẫu. Bên B cử người ra hệ thống lấy mẫu tự động cùng với Bên A để lấy mẫu từ tủ lưu mẫu đem đi phân tích.

- Bước 3: Trước khi đem mẫu đi phân tích, Bên A cùng Bên B tiến hành lập Biên bản lấy mẫu nước thải. Đồng thời niêm phong lại tủ lưu mẫu.

- Bước 4: Khi mẫu nước thải đã được lấy sẽ tiến hành chia làm 02 mẫu để gửi đi phân tích, cụ thể như sau:

+ 01 mẫu sẽ được phân tích ngay tại Phòng thí nghiệm của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 5 để đánh giá nhanh chất lượng nước thải của Bên B. Bên B có quyền cử người giám sát quá trình thực hiện công tác thí nghiệm đối với mẫu nước thải thu được. Kết quả đo được của mẫu nước thải sẽ là cơ sở để thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải của Bên B khi đầu nổi vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp được quy định rõ tại Điều 08.

+ 01 mẫu sẽ được gửi cho Quatest 3. Bên B sẽ kết hợp với Bên A trong việc ký xác nhận bàn giao mẫu cho Quatest 3 nếu thời gian lấy mẫu vào buổi sáng và liên hệ được với Quatest 3 đến nhận mẫu trong ngày. Trường hợp Quatest 3 không đến nhận mẫu thì Bên A sẽ phối hợp với Bên B để vận chuyển mẫu đến Quatest 3 để phân tích, Bên A và Bên B cùng xác nhận vào biên bản gửi mẫu. Nếu thời gian lấy mẫu đột xuất sau 14h30 thì mẫu sẽ được chuyển đi vào sáng hôm sau vì không đủ thời gian chuyển trong ngày. Trường hợp ngày hôm sau là ngày nghỉ cuối tuần hoặc lễ thì mẫu sẽ chuyển vào sáng thứ 2 hoặc sau ngày nghỉ lễ. Trong thời gian chờ gửi, mẫu sẽ được giữ trong tủ lạnh của Bên B với nhiệt độ 2~5°C. Đồng thời, sau khi để mẫu vào thì tủ lạnh cũng được niêm phong bởi 02 bên. Bên A chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí cho việc vận chuyển và phân tích mẫu nếu kết quả phân tích đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của khu công nghiệp và ngược lại. Kết quả thí nghiệm của mẫu nước thải được phân tích bởi Quatest 3 là cơ sở để tính phí nước thải.

Điều 7 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

7.1.1. Kiểm tra, nghiệm thu xác nhận hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý cục bộ của Bên B trước khi Bên B đầu nổi vào

hệ thống thu gom của Bên A. Cho ý kiến về phương án phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải của Bên B trước khi đầu nối.

7.1.2. Thu gom, tiếp nhận nước thải từ Mức tiếp nhận mà Bên B đăng ký để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường quy định trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận và chịu trách nhiệm trước Cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên B trong phạm vi quy định của Hợp đồng này.

7.1.3. Định kỳ hoặc đột xuất, Bên A lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B tại vị trí hồ ga đầu nối, làm cơ sở tính hệ số K và các chi phí liên quan của tháng đó. Kết quả kiểm tra chất lượng nước thải đã được thống nhất tại Điều 6 của Hợp đồng này là kết quả duy nhất để đánh giá chất lượng nước thải của Bên B.

7.1.4. Quản lý, cải tạo và sửa chữa mạng lưới thu gom nước thải trong phạm vi khu công nghiệp. Quản lý hệ thống thu gom nước thải bao gồm các điểm đầu nối, các đường ống thu gom, truyền dẫn đến Nhà máy xử lý nước thải tập trung và từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung đến các điểm xả nước thải ra môi trường.

7.1.5. Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hồ ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì; Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

7.1.6. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý cục bộ của Bên B. Tổ chức lấy mẫu, phân tích, đánh giá khi thấy cần thiết.

7.1.7. Thông báo cho Bên B tiến hành duy tu, sửa chữa hoặc thay thế khi van kiểm soát, biển báo chỉ dẫn tại khu vực vị trí đầu nối bị hư hỏng.

7.2. Trách nhiệm của Bên B:

7.2.1. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn phí xử lý nước thải và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Hợp đồng này.

7.2.2. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên B khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp không được vượt quá Mức tiêu chuẩn tiếp nhận đã đăng ký theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

7.2.3. Bên B phải tách riêng triệt để hệ thống thu gom thoát nước thải, nước mưa cục bộ trong Nhà máy của Bên B. Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải phải đảm bảo độ kín, không để xảy ra tình trạng rò rỉ ra bên ngoài hoặc các nguồn nước bên ngoài xâm nhập vào bên trong. Hệ thống thoát nước mưa chỉ có chức năng thu và thoát nước mưa tự nhiên (*không bao gồm các loại nước khác như nước làm mát, nước rửa...*); Xây dựng phương án phòng ngừa ứng phó sự cố cho trường hợp chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn đăng ký gửi Bên A để xem xét, có ý kiến trước khi đầu nối; Bố trí phương tiện, thiết bị và có biện pháp thu hồi xử lý khi phát hiện tình trạng có nguồn nước phát sinh thải vào hệ thống thoát nước mưa khi trời không mưa. Có trách nhiệm phối hợp khi Bên A đề nghị để xác định phần lưu lượng phát sinh không đúng quy định; Cấm biển báo chỉ dẫn tại các vị trí đầu nối nước mưa, nước thải theo thông tin và biểu mẫu của Bên A và có trách nhiệm bảo quản, thay thế nếu hư hỏng.

7.2.4. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A để kiểm tra đánh giá hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Bên B đảm bảo đáp ứng đủ điều kiện trước khi đầu nối vào hệ

thống thu gom của Bên A. Bên B không được phép tự ý đấu nối đường ống thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp.

7.2.5. Cung cấp đầy đủ cho Bên A các hồ sơ, bản vẽ hoàn công (bản cứng và file mềm autocad) các công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường của Bên B gồm: Tổng mặt bằng bố trí các công trình, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bản vẽ thiết kế xây dựng và công nghệ hệ thống xử lý nước thải cục bộ, bản vẽ các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường khác; kết quả phân tích chất lượng nước thải và các thông tin liên quan khi Bên A yêu cầu. Thông tin cung cấp phải trung thực tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung.

7.2.6. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ kỹ thuật của Bên A khi kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công trình hạ tầng kỹ thuật, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải cục bộ và chất lượng nước thải của Bên B. Cung cấp Danh sách nhân viên để phối hợp khi Bên A tiến hành kiểm tra, lấy mẫu. Khi có sự thay đổi về nhân sự phụ trách công tác trên, Bên B phải có Văn bản thông báo cho Bên A được biết.

7.2.7. Bên B có trách nhiệm theo dõi, tự phân tích, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải cục bộ và mức độ tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Bên B. Bên B phải có nhật ký vận hành hàng ngày để kiểm tra, theo dõi và cung cấp cho Bên A khi được yêu cầu. Nhật ký vận hành phải đầy đủ các thông tin theo quy định như tình trạng thiết bị, thời gian vận hành, số liệu điện tiêu thụ, chất thải phát sinh, hóa chất,...

7.2.8. Khi phát hiện nước thải của Bên B xả vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp không đạt Mức tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc hệ thống xử lý nước thải cục bộ trong Nhà máy gặp sự cố, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A để phối hợp. Đồng thời, Bên B phải ngừng ngay việc xả thải và thông báo ngay cho Bên A để Bên A có phương án phối hợp, ứng phó, điều chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bên A. Đồng thời, Bên B phải chi trả các chi phí xử lý phát sinh liên quan do sự cố gây ra theo quy định.

7.2.9. Không xả các chất không phải là nước thải vào hệ thống thu gom nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất. Không thải chất thải rắn và chất thải nguy hại vào hệ thống thu gom nước thải hoặc nước mưa hoặc ra ngoài môi trường. Không xả nước mưa vào hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp. Không pha loãng nước thải tại công trình xử lý nước thải cục bộ của doanh nghiệp cũng như trên đường ống đấu nối với hệ thống thu gom của khu công nghiệp để đạt Mức tiêu chuẩn tiếp nhận.

7.2.10. Bảo vệ các công trình thu gom nước thải, hố ga kiểm tra mẫu và khu vực an toàn công trình thuộc phạm vi quản lý của Bên B, không gây trở ngại cho việc quản lý và khai thác mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải của khu công nghiệp; sửa chữa, nâng cấp hoặc thay thế các hạng mục do Bên B đầu tư khi bị hư hỏng, xuống cấp để đảm bảo duy trì tình trạng hoạt động bình thường.

7.2.11. Khi nhu cầu lưu lượng xả thải của Bên B tăng $\geq 30\%$ so với lưu lượng xả thải bình quân hàng tháng, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước 6 tháng để phối hợp giải quyết.

Điều 8 : XỬ LÝ VI PHẠM

8.1. Trường hợp Bên B xả nước thải vượt so với Mức tiêu chuẩn tiếp nhận đã đăng ký và có thông báo cho Bên A, thì Bên A sẽ xem xét tiếp nhận nếu Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bên A vẫn còn khả năng xử lý. Trong trường hợp này, Bên B phải thanh toán cho Bên A phần chi phí phát sinh tính theo hệ số K được quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tính cho cả tháng đó.

8.2. Trường hợp Bên B xả nước thải vượt so với Mức tiêu chuẩn tiếp nhận đã đăng ký nhưng không thông báo cho Bên A. Khi phát hiện, Bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải từ Bên B và Bên B vẫn phải thanh toán cho Bên A phần chi phí phát sinh tính theo hệ số K được quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tính cho cả tháng đó. Đồng thời, Bên A sẽ thông báo cho Cơ quan chức năng về vi phạm của Bên B để kiểm tra xử lý. Bên A sẽ chỉ tiếp nhận trở lại nước thải của Bên B khi Bên B khắc phục hoàn toàn vi phạm và thông báo cho Bên A để kiểm tra xác nhận.

8.3. Nếu Bên B xả nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa hoặc để xảy ra tình trạng phát sinh các nguồn nước không phải nước mưa tự nhiên chảy vào hệ thống thu gom nước mưa của khu công nghiệp hoặc vi phạm các quy định khác tại điểm 3 - khoản 2 (7.2.3), điểm 9 - khoản 2 (7.2.9) của Điều 7 của Hợp đồng này: Bên A sẽ thông báo cho Bên B về việc vi phạm (*thông qua Văn bản/fax/điện thoại/email/zalo tùy vào tình huống và mức độ khẩn cấp*) và đề nghị Bên B khắc phục ngay. Nếu Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ đóng cửa xả nước thải, nước mưa của Bên B, đồng thời xem xét ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B đến khi Bên B khắc phục hoàn toàn các vi phạm, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra xử lý. Trong trường hợp xả thải vào hệ thống thu gom nước mưa không phải là nước mưa, dẫn đến Bên A vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường được xác định bởi cơ quan nhà nước thì Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm và chi phí liên quan.

8.4. Nếu Bên B vi phạm các quy định tại điểm 4 - khoản 2 (7.2.4), điểm 5 - khoản 2 (7.2.5), điểm 6 - khoản 2 (7.2.6) của Điều 7 của Hợp đồng này, Bên A sẽ từ chối tiếp nhận nước mưa, nước thải từ Bên B đến khi được Bên B hợp tác, cung cấp đầy đủ thông tin để Bên A tiến hành kiểm tra xác nhận đủ điều kiện để tiếp nhận.

8.5. Nếu Bên B vi phạm quy định tại điểm 10 - khoản 2 (7.2.10) của Điều 7, Bên B phải thực hiện khắc phục các hư hỏng bằng chi phí của Bên B. Nếu Bên B không thực hiện, Bên A sẽ tự tổ chức thực hiện và tính thêm vào chi phí xử lý nước thải hàng tháng mà Bên B phải thanh toán cho Bên A.

8.6. Trong các trường hợp Bên A ngưng tiếp nhận nước thải, nước mưa, nước cấp do các vi phạm của Bên B gây ra như đã nêu ở trên, Bên A sẽ thông báo cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra giám sát và xử lý. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng nước thải của mình trước cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và các vấn đề phát sinh trong thời gian Bên A ngưng tiếp nhận do các vi phạm Bên B gây ra.

Điều 9: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng xử lý nước thải có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/3/2024. Hợp đồng sẽ được điều chỉnh khi có sự thay đổi liên quan quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 10 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

10.1 Bên B không thực hiện đủ các trách nhiệm nêu ở điểm 1 - khoản 2 - Điều 7 (7.2.1) của Hợp đồng này.

10.2 Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

Điều 11 : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Nếu có bất đồng xảy ra giữa Bên A và Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng thì các bên sẽ cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hòa giải và tôn trọng lẫn nhau. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được thì đưa ra Tòa án Kinh tế tỉnh Đồng Nai phân xử theo pháp luật hiện hành.

Điều 12 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này trên tinh thần tôn trọng và hợp tác. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung phải được hai bên chấp thuận bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bộ, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN B


Kim Sang Hack

ĐẠI DIỆN BÊN A


Nguyễn Thành Hóa

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 47/HĐKT-ISC ngày 01/3/2024 của IDICO-ISC)

TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI KCN NHƠN TRẠCH 5 (TCNT-NT5/2023)

Giá trị giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải
công nghiệp của các Doanh nghiệp trong khu công nghiệp Nhơn Trạch 5

1. Phạm vi áp dụng:

1.1. Tiêu chuẩn này quy định giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của các Doanh nghiệp ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 5.

1.2. Tiêu chuẩn này dùng để kiểm soát chất lượng nước thải từ các Doanh nghiệp khi thải vào hệ thống thoát nước thải để dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 5.

Bảng 1- Thông số và giới hạn tối đa chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị (≤)	Phân nhóm K	
1	Nhiệt độ	°C	40	K ₁	K ₁₀₁
2	Màu	Pt/Co	200		K ₁₀₂
3	pH	-	6 đến 9		K ₁₀₃
4	BOD5 (20oC)	mg/l	200		K ₁₀₄
5	COD	mg/l	400		K ₁₀₅
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200		K ₁₀₆
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	25		K ₁₀₇
8	Tổng nitơ	mg/l	40		K ₁₀₈
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,24		K ₁₀₉
1	Asen	mg/l	0,041	K ₂	K ₂₀₁
2	Thủy ngân	mg/l	0,004		K ₂₀₂
3	Chì	mg/l	0,081		K ₂₀₃
4	Cadimi	mg/l	0,041		K ₂₀₄
5	Crom (VI)	mg/l	0,041		K ₂₀₅
6	Crom (III)	mg/l	0,162		K ₂₀₆
7	Đồng	mg/l	1,62		K ₂₀₇
8	Kẽm	mg/l	2,43		K ₂₀₈
9	Niken	mg/l	0,162		K ₂₀₉
10	Mangan	mg/l	0,405		K ₂₁₀

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị (≤)	Phân nhóm K	
11	Sắt	mg/l	0,81	K ₂	K ₂₁₁
12	Tổng xianua	mg/l	0,057		K ₂₁₂
13	Tổng phenol	mg/l	0,081		K ₂₁₃
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		K ₂₁₄
15	Sunfua	mg/l	0,162		K ₂₁₅
16	Florua	mg/l	4,05		K ₂₁₆
17	Clorua	mg/l	500		K ₂₁₇
18	Clo dư	mg/l	0,81		K ₂₁₈
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,041		K ₂₁₉
20	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243		K ₂₂₀

*** Ghi chú:**

Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (TCNT-NT5/2023) có thể được điều chỉnh khi có sự thay đổi về:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải công nghiệp
- Quy định của pháp luật đối với chất lượng nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị ($\leq$)	Phân nhóm K	
11	Sắt	mg/l	0,81	K ₂	K ₂₁₁
12	Tổng xianua	mg/l	0,057		K ₂₁₂
13	Tổng phenol	mg/l	0,081		K ₂₁₃
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		K ₂₁₄
15	Sunfua	mg/l	0,162		K ₂₁₅
16	Florua	mg/l	4,05		K ₂₁₆
17	Clorua	mg/l	500		K ₂₁₇
18	Clo dư	mg/l	0,81		K ₂₁₈
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,041		K ₂₁₉
20	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243		K ₂₂₀

*** Ghi chú:**

Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (TCNT-NT5/2023) có thể được điều chỉnh khi có sự thay đổi về:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải công nghiệp
- Quy định của pháp luật đối với chất lượng nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch 5

Nhon Trạch, ngày 25 tháng 09 năm 2025

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI
CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL
MACHINERY**

Dự án: Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery
Địa điểm: Đường N3, KCN Nhon Trạch 5, xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai

I. Thành phần tham gia:

Đại diện Bên A: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KCN IDICO

- Ông: **Lê Văn Trung** Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: **Bùi Quang Chính** Chức vụ: PP. KTVH
- Ông: **Nguyễn Hữu Tường** Chức vụ: Chuyên viên kỹ thuật
- Ông: **Bùi Thanh Hải** Chức vụ: Quản đốc Nhà máy
- Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, P. Long Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 0251.2215.607 Fax: 0251.3569.722

**Đại diện Bên B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL
MACHINERY**

- Ông: **Lê Hoàn Lực** Chức vụ: Trưởng BP MT & An Toàn
- Ông: **Trần Thanh Tùng** Chức vụ: Nhân viên phòng Môi Trường
- Địa chỉ: Đường N3, KCN Nhon Trạch 5, Xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513 560 250.

II. Nội dung:

1) Tài liệu làm căn cứ:

Căn cứ Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 40/TCT-ĐT ngày 25/7/2022 giữa Tổng công ty IDICO-CTCP và Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận đầu nối nước mưa, nước thải ngày 01/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ khu công nghiệp (IDICO-ISC) và Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery.

Hôm nay, ngày 25 tháng 09 năm 2025 IDICO-ISC và Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery cùng xác nhận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Nhon Trạch 5 với các nội dung sau:

2) Xác nhận:

2.1. Đầu nối hệ thống thoát nước mưa: (theo bản vẽ đính kèm)

- Vị trí đầu nổi: Hồ ga thoát nước mưa của KCN trên đường D3b.
- Số lượng vị trí đầu nổi: 02 vị trí.
- Hồ ga thu nước mưa của KCN tại vị trí đầu nổi có các thông số sau:

a. Hồ ga 1:

+ Nằm trên lề phải đường D3b (Nằm trên dải phân cách giữa đường D3b cách hàng Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery Cách ranh đất mốc P2 144,5m, cách tim đường D3b 10,5m (theo bản vẽ đính kèm).

+ Tọa độ (theo VN 2000): X= 1183880.17, Y= 409375.84.

+ Cao độ đáy cống: +0.3 m so với cao độ dòng chảy cống D1000 thu gom nước mưa đường D3b.

+ Kích thước cống thoát nước mưa: D600 - Vật liệu: Bê tông cốt thép.

b. Hồ ga 2:

+ Nằm trên lề phải đường D3b (Nằm trên dải phân cách giữa đường D3b cách hàng Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery Cách ranh đất mốc P3 4,5m, cách tim đường D3b 25,2m (theo bản vẽ đính kèm).

+ Tọa độ (theo VN 2000): X= 1183738.16, Y= 409393.02.

+ Cao độ đáy cống: +0.3 m so với cao độ dòng chảy cống D1000 thu gom nước mưa đường D3b.

+ Kích thước cống thoát nước thải: D600 - Vật liệu: Bê tông cốt thép.

2.2. Đầu nổi hệ thống thoát nước thải: (theo bản vẽ đính kèm)

- Vị trí đầu nổi nước thải: Hồ ga nước thải của KCN trên đường N4.
- Số vị trí đầu nổi: 01 vị trí
- Kích thước hồ ga 1m x 1m .
- Hồ ga thu nước thải của KCN tại vị trí đầu nổi có các thông số sau:

Nằm sát hàng rào Công ty trên đường N4 (Nằm trên vỉa hè đường N4 theo bản vẽ đính kèm).

+ Tọa độ 1 (theo VN 2000): X = 1183631.03 Y= 409245.6.

+ Cao độ đáy cống: +0.5m so với cao độ dòng chảy cống D300 thu gom nước thải đường N4.

+ Kích thước cống thoát nước thải: D60 - Vật liệu: Ống thép mạ kẽm

3) Ý kiến khác:

- Đề nghị Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong KCN trong quá trình vận hành Dự án; Nước thải phải được xử lý đạt đầu ra theo đúng cam kết trước khi thải ra hệ thống thu gom chung của KCN; Đảm bảo tách riêng biệt hệ thống thu gom nước mưa và nước thải, không để nước thải chảy vào nước mưa trong suốt quá trình vận hành Dự án.

- Các nội dung khác tuân thủ theo Quy chế bảo vệ môi trường của KCN Nhơn Trạch 5.

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

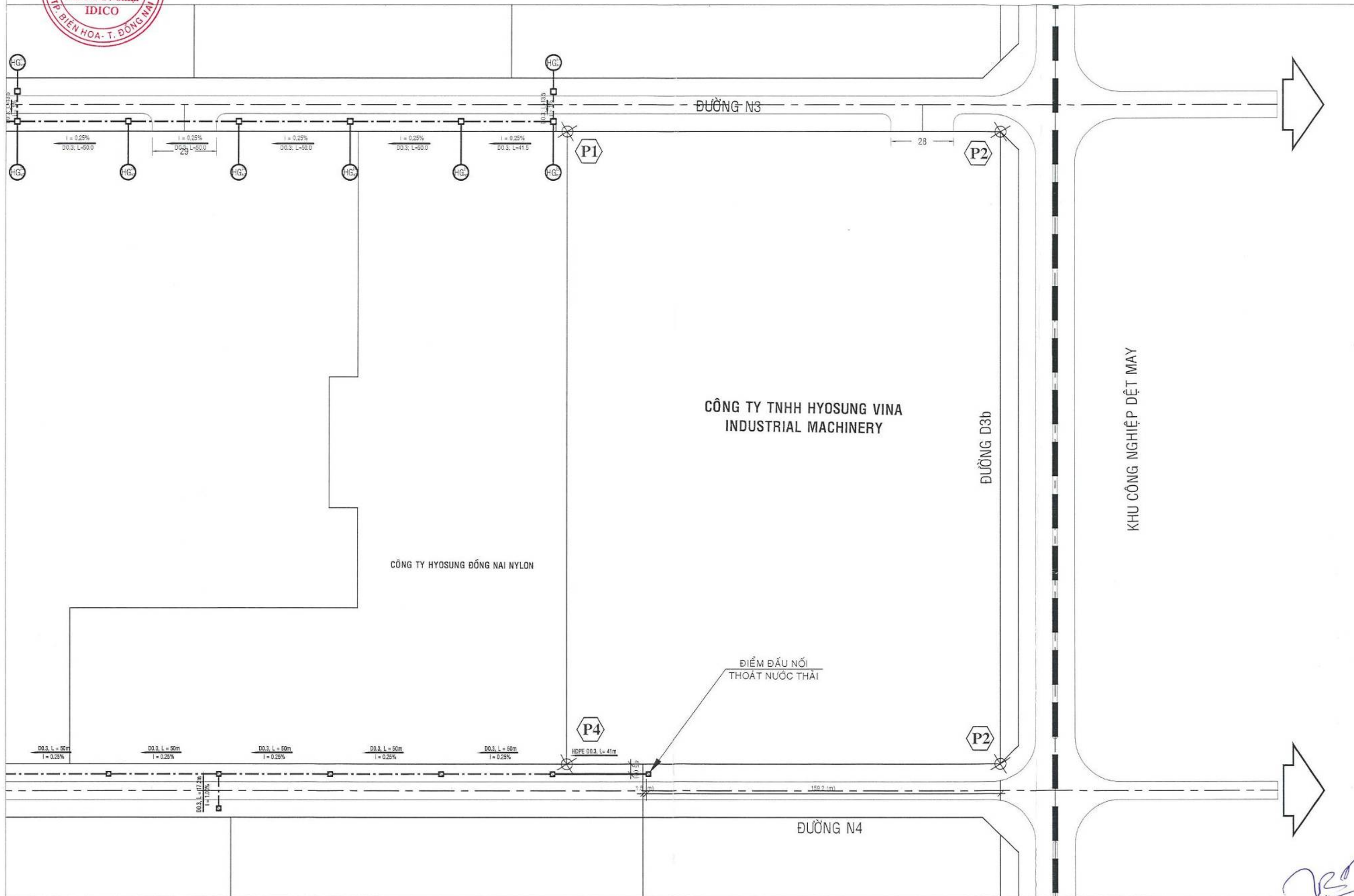


**PHÓ GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN TRUNG**

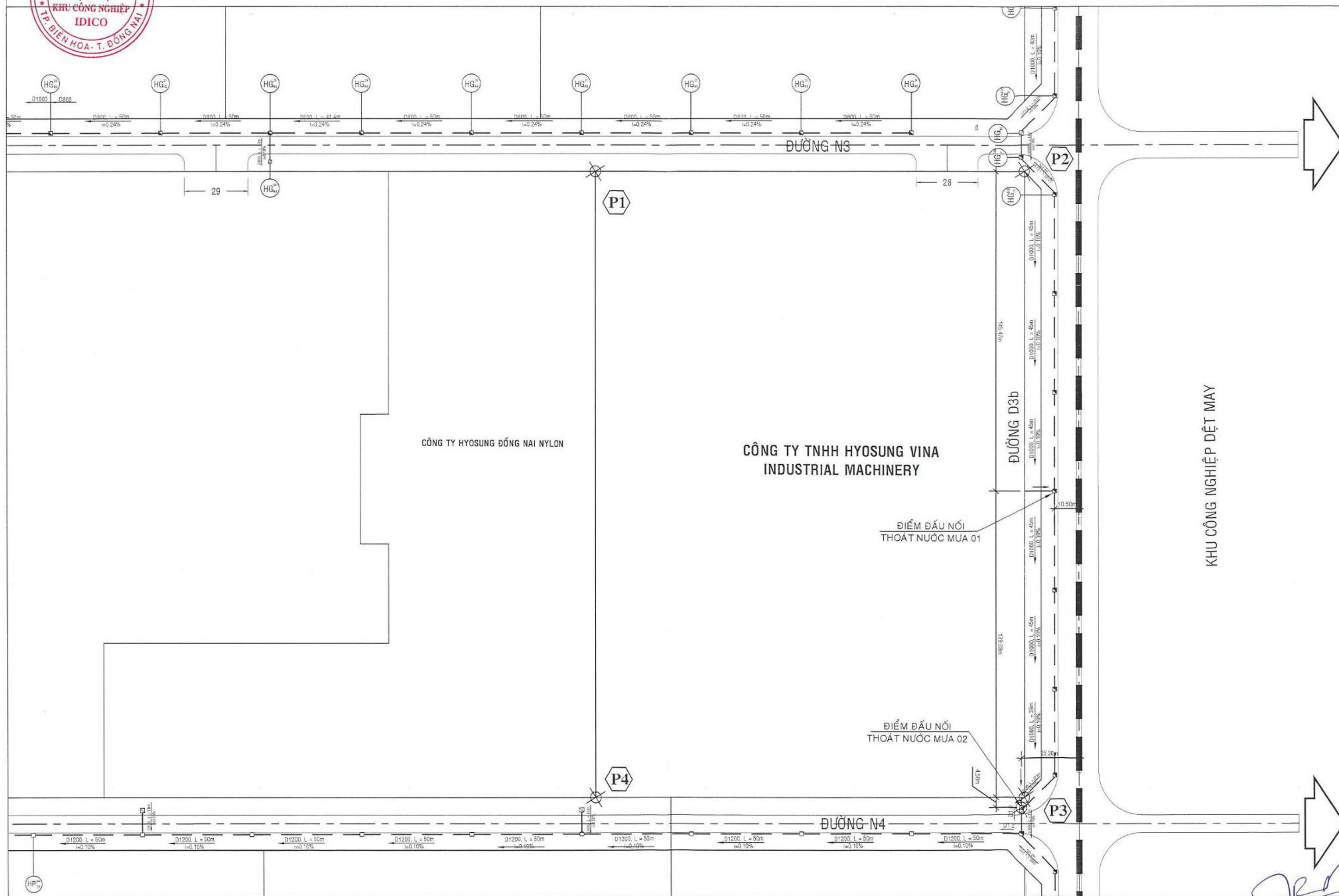
ĐẠI DIỆN BÊN B



MẶT BẰNG VỊ TRÍ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
(Đính kèm biên bản xác nhận đầu nối nước mưa, nước thải ngày 25 / 9 /2025)



MẶT BẰNG VỊ TRÍ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
(Đính kèm biên bản xác nhận đầu nối nước mưa, nước thải ngày 25/9/2025)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI****SỐ: 01.01.2026/HSVM-TDT/HĐ-VC-XLCTRTT****Căn cứ:**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 01st, 2017.

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;

Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 1th, 2006.

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2020.

Pursuant to Environment Protection law of Socialist Republic of Viet Nam take effect from November 17th, 2020.

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

Pursuant to detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection no. 08/2022/ND-CP take effect from January 10th, 2022.

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

Pursuant to the detailed regulations on implementation of a number of articles of the law on environment protection No. 02/2022/TT-BTNMT take effect from January 10th, 2022.



- Nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên.
Basing on the abilities and requirements of both sides

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công ty TNHH Hyosung Vina Industrial Machinery chúng tôi gồm:

Today, on January 01st 2026, at office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Co., Ltd., we comprise:

BÊN A : CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

PARTY B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD

Đại diện/ *Legal representative:* Ông/ Mr **KIM NAM KI**

Chức vụ : Giám Đốc Hành Chính – Nhân Sự

Position : General Affair and Human Resource Manager

(Theo GUQ ngày 17.02.2025)

Địa chỉ trụ sở : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Head office : N3 street, Nhon Trach Industrial zone 5, Hiep Phuoc Commune, Nhon Trach district, Dong Nai province

Điện thoại/ *Tel No.* : +84-2513-566000

MST/ *Tax code* : 3603875818

Tài khoản số : 110662211111 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch

Bank account : 110662211111 Vietinbank – Nhon Trach Branch

BÊN B : CÔNG TY TNHH TÂN DUY TOÀN

PARTY A: TAN DUY TOAN CO., LTD

Đại diện: Bà TRẦN THỊ LIÊN

Legal representative: Mrs. TRAN THI LIEN

Chức vụ: Giám đốc

Position: Director

Địa chỉ trụ sở: Số 175, Khu phố 4, Đường Trần Quốc Toàn, Phường Bình Đa, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Head office: No. 175, Quarter 4, Binh Da Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, VietNam

Điện thoại /Tel No 0918 565 479

Fax/Fax No.

MST/Tax code: 360.2241417

Số tài khoản/Debit a/c No.:

Sau khi thảo luận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện sau:

After discussion, the Parties agree to enter into a waste collection and transportation service contract (hereinafter referred to as the "Contract") under the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: MAIN CONTENTS OF THE CONTRACT

- 1.1 Bên A đồng ý giao cho Bên B và Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (sau đây gọi chung là "chất thải") của Bên A để chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Party A agrees to assign, and Party B agrees to collect and transport living solid waste and non-hazardous industrial solid waste (hereinafter collectively referred to as the "Waste") generated by Party A for transfer to a duly licensed waste treatment partner.

- Bên B có trách nhiệm tư vấn cho Bên A nếu khi tiếp nhận Bên B nhận thấy việc phân loại của bên A là chưa phù hợp.

Party B shall be responsible for advising Party A if, upon receipt, Party B determines that Party A's waste classification is improper or not in compliance with applicable requirements

- Bên B đồng ý và xác nhận rằng Bên B không phải là đối tác duy nhất trong việc thu gom, vận chuyển các loại chất thải của Bên A, Bên A có quyền bổ sung đối tác mà không cần thông báo hoặc chấp thuận trước từ Bên B.

Party B agrees and acknowledges that Party B is not the exclusive partner for the collection and transportation of Party A's waste, and Party A shall have the right to appoint additional partners without prior notice to or consent from Party B



- 1.2 Phương tiện vận chuyển: xe đạt tiêu chuẩn vận chuyển chất thải của Bên B chuyên chở.
Means of Transportation: Waste shall be transported by Party B using vehicles that meet the applicable standards for waste transportation.
- 1.3 Địa điểm thu gom: tại kho của Bên A hoặc tại địa điểm khác do Bên A chỉ định.
Collection Location: At Party A's warehouse or at another location as designated by Party A.
- 1.4 Thời gian thực hiện:
Performance Period:
- 1.4.1 **Đối với chất thải rắn sinh hoạt:** Bên B phải tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hằng ngày trong khung giờ cố định do các bên thỏa thuận và ấn định, ngoại trừ trường hợp có thông báo khác từ bên A
For living solid waste: Party B shall collect and transport living solid waste on a daily basis within a fixed time frame as mutually agreed and determined by the Parties, unless otherwise notified by Party A.
- 1.4.2 **Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Tùy thuộc vào tình hình phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động sản xuất, Bên A sẽ thông báo nhu cầu thu gom đến Bên B bằng email. Trong thời hạn tối đa 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông báo từ Bên A, Bên B phải tiến hành thu gom vận chuyển theo yêu cầu của bên A.
For non-hazardous industrial solid waste: Depending on the generation of non-hazardous industrial solid waste during the production process, Party A shall notify Party B of the collection request by email. Within a maximum period of 24 (twenty-four) hours from the time Party A's notification is sent, Party B shall carry out the collection and transportation in accordance with Party A's request.
- 1.4.3 Trường hợp có bất kỳ sự thay đổi lịch thu gom chất thải so với lịch bên A yêu cầu thì Bên B phải thông báo cho Bên A trước ít nhất 24 (hai mươi bốn) giờ tính từ thời điểm có lịch thu gom đã xác nhận trước. Trường hợp Bên B không đến thu gom chất thải đúng lịch mà không có thông báo trước đến Bên A, Bên A có quyền liên hệ một đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải khác để thay Bên B thực hiện công việc của hợp đồng, toàn bộ chi phí phát sinh trong trường hợp này do Bên B chịu trách nhiệm.

*In the event of any changes to the waste collection schedule requested by Party A, Party B shall notify Party A at least **24 (twenty-four) hours** in advance from the previously confirmed collection time. If Party B fails to collect the waste as scheduled without prior notice to Party A, Party A shall have the right to engage another waste collection and transportation entity to perform Party B's obligations under this Agreement, and all costs incurred in such cases shall be borne by Party B.*

1.5 Phương thức thực hiện:

Method of Implementation:

- 1.5.1 Bên B tiến hành thu gom và vận chuyển chất thải theo đúng lịch trình và địa điểm đã thỏa thuận và xác nhận với Bên A.

Party B shall collect and transport the waste in accordance with the schedule and locations mutually agreed upon and confirmed with Party A.

- 1.5.2 Việc thu gom, vận chuyển chất thải phải bảo đảm vệ sinh; Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường, các bên tiến hành cân kiểm và lập Biên bản (phiếu cân) xác nhận khối lượng chất thải thực tế, thông tin xe vận chuyển bởi người phụ trách của hai bên để làm căn cứ thanh toán theo Điều 2.2 của Hợp đồng này. Biên bản trên sẽ được hai bên cùng ký xác nhận, mỗi bên giữ một bản.

Waste collection and transportation must be carried out in a hygienic manner. For non-hazardous industrial solid waste, the Parties shall conduct weighing and prepare a record (weighing slip) confirming the actual quantity of waste and the transportation vehicle information, verified by the responsible personnel of both Parties, as the basis for payment under Clause 2.2 of this Agreement. The record shall be signed and acknowledged by both Parties, with each Party retaining one copy.

- 1.5.3 Nhân viên phụ trách thu gom và vận chuyển chất thải khi cho xe ra vào các khu vực của Bên A: (i) phải chấp hành các nội quy, quy định kiểm soát xe ra vào cổng của Bên A; (ii) Xuất trình các giấy tờ cần cung cấp khi đến thu gom, vận chuyển chất thải tại địa điểm của Bên A, theo quy định hiện hành của Hyosung; (iii) Tuân theo sự hướng dẫn của nhân viên phụ trách Bên A nhằm bảo đảm không ảnh hưởng đến việc sản xuất, hoạt động bình thường của Bên A.



Employees responsible for waste collection and transportation, when entering Party A's premises, shall:

- (i) comply with Party A's vehicle entry rules and regulations;*
- (ii) present all required documents upon collecting and transporting waste at Party A's location in accordance with Hyosung's current regulations; and*
- (iii) follow the instructions of Party A's responsible personnel to ensure that Party A's production and normal operations are not disrupted.*

- 1.5.4 Việc di chuyển, hoạt động, thực hiện công việc của Bên B trong khuôn viên của Bên A sẽ được Bên A giám sát từ khi chuẩn bị vào cổng cho đến khi ra cổng. Ngoài ra Bên A có quyền kiểm tra phương tiện vận chuyển của Bên B bất cứ thời gian, địa điểm nào trong khuôn viên của mình mà không cần có sự đồng ý của Bên B trong mọi trường hợp;

Party A has the right to monitor Party B's movements, activities, and work within Party A's premises, starting from the moment Party B prepares to enter the gate until leaving the premises. Party A also has the right to inspect any of Party B's vehicles at any time and anywhere on its premises, without needing Party B's consent.

- 1.6 Thông tin người phụ trách:

Người phụ trách Bên A:

Họ và tên: Nguyễn Duy Phương Chức vụ: Nhân viên

Số điện thoại: 0962 508 732

Email: phuong52250330@hyosung.com

Người phụ trách Bên B:

Họ và tên: Vũ Văn Tung Chức vụ: Phó Giám Đốc

Số điện thoại: 0918 565 479

Email: tanduytoan1974@gmail.com

ĐIỀU 2: GIÁ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 2: SERVICE FEE AND PAYMENTS TERMS

2.1 Giá dịch vụ

Service Fees

Chất thải sinh hoạt: thu gom miễn phí

Chất thải rắn xây dựng: thu gom miễn phí

Cành cây, cỏ: thu gom miễn phí

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: 500,000 vnd/xe loại 5 tấn.

(Bên B chỉ tính phí tối đa cho 2 xe chất thải rắn công nghiệp thông thường trong một ngày, nếu phát sinh từ xe thứ 3 trở đi, nhà thầu sẽ thu gom miễn phí.)

*Living waste: collected **free of charge**.*

*Construction solid waste: collected **free of charge**.*

*Branches and grass: collected **free of charge**.*

Non-hazardous industrial solid waste: VND 500,000 per 5-ton truck.

*(Party B will charge for a maximum of 2 normal industrial waste trucks per day. Any additional trucks from the third one onward will be collected **free of charge**.)*

Giá trên đã bao gồm tất cả chi phí liên quan đến dịch vụ theo qui định tại Điều 1 của Hợp đồng này và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và không thay đổi trong suốt thời gian hợp đồng

The above fees include all costs related to the services as stipulated in Clause 1 of this Contract, and do not include value-added tax (VAT). These fees shall remain unchanged throughout the term of the Contract.

2.2 Phương thức thanh toán

Payment Terms

Vào ngày 23 hàng tháng, hai bên tiến hành chốt danh sách số lượng xe thực hiện dịch vụ trong tháng. Làm cơ sở tính giá dịch vụ cho tháng đó, nếu có vấn đề không thống nhất thì căn cứ vào biên bản được lập thực tế tại Điều 1.5.2 để làm căn cứ thanh toán.

Bên A thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và hợp pháp của Bên B.



*On the 23rd of each month, both parties shall finalize the list of service trucks operated during that month. This list shall serve as the basis for calculating the service fees for that month. In case of any discrepancies, the **minutes prepared in accordance with Clause 1.5.2** shall be used as the basis for payment.*

*Party A shall make payment in **Vietnamese Dong (VND)** via **bank transfer** to Party B's account **within 30 days** from the date Party A receives a valid and lawful invoice from Party B.*

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

ARTICLES 3: RESPONSIBILITIES OF THE PARTIES

3.1 Trách nhiệm của Bên A:

Responsibilities of Party A

3.1.1 Thanh toán cho Bên B theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Make payment to Party B in accordance with the terms of the Contract.

3.1.2 Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi Bên B cho xe ra vào cổng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Assist and facilitate Party B in the entry and exit of trucks for the collection and transportation of living solid waste and normal industrial solid waste.

3.1.3 Có trách nhiệm tập trung các loại chất thải giao cho Bên B thu gom và vận chuyển theo Hợp đồng này ở một khu vực thuận tiện cho Bên B thu gom mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên A.

Responsible for consolidating all types of waste to be handed over to Party B for collection and transportation under this Contract in an area convenient for Party B, without affecting Party A's production activities.

3.2 Trách nhiệm của Bên B:

Responsibilities of Party B

3.2.1 Bảo đảm thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đúng như thỏa thuận giữa các bên tại Điều 1 Hợp đồng này, đồng thời chịu mọi chi phí xử lý chất thải này (nếu có).

Ensure the collection and transportation of all living solid waste and normal industrial solid waste and hand them over to the competent treatment unit in accordance with the agreement between the parties in Article 1 of this Contract, and bear all costs of waste treatment (if any).

- 3.2.2** Cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý (bản sao có công chứng) có liên quan đến đơn vị có chức năng xử lý chất thải nơi được Bên B chuyển giao chất thải bao gồm hợp đồng xử lý giữa Bên B và cơ sở xử lý, giấy phép của cơ sở xử lý đủ điều kiện xử lý chất thải thông thường theo yêu cầu pháp luật. Biên bản, hóa đơn (bản sao), chứng từ xác nhận số lượng bên B chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Provide Party A with the legal documents (certified copies) related to the unit authorized to treat waste to which Party B transfers the waste, including the treatment contract between Party B and the treatment facility, and the license of the facility confirming its eligibility to treat regular waste in accordance with the law. Minutes, invoices (copies), and documents confirming the quantity of waste that Party B transfers to the authorized treatment unit.

- Thông tin về Đơn vị xử lý ký hợp đồng với bên B:

- *Information about the treatment unit that has a contract with Party B:*

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ: Ấp 7, xã Long Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế: 3600648510

Người đại diện: Ông TÓNG QUÝ KHIÊM Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 0251.261.5566 Fax:

Công ty TNHH THƯƠNG MẠI MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC

Địa chỉ: 11/2/19 KP11, Đường Nguyễn Văn Tiên, Phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế: 3600630665

Người đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Bé Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 02513.997.461 Fax: 02513.997.461

- Đảm bảo cơ sở xử lý nêu trên là duy nhất trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu bên A có bổ sung, thay đổi cơ sở xử lý chất thải phải thông báo cho bên B bằng văn bản và bổ sung hồ sơ của đơn vị mới cho bên A.



Ensure that the above-mentioned treatment facility remains the sole facility throughout the duration of the contract. If Party A makes any additions or changes to the waste treatment facility, Party A must notify Party B in writing and provide the legal documents of the new facility to Party A

- Việc chuyển giao chất thải giữa Bên B và cơ sở xử lý phải được Bên B lập thành biên bản, thể hiện đầy đủ các nội dung chuyển giao cùng chữ ký của bên B và cơ sở xử lý cho từng lần chuyển giao. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp các giấy tờ này nếu thấy cần thiết cho việc giám sát vào bất kỳ thời điểm nào.

The transfer of waste between Party B and the treatment facility must be documented in a record, reflecting all details of the transfer and signed by both Party B and the treatment facility for each transfer. Party A has the right to request Party B to provide these documents whenever necessary for supervision.

- 3.2.3** Chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt pháp lý và làm việc trực tiếp với các cơ quan chức năng nếu có phát sinh sự cố trong quá trình vận chuyển và chuyển giao, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường của bên A.

Bear full legal responsibility and work directly with the competent authorities in the event of any incidents arising during the transportation, transfer, and treatment of Party A's living solid waste and normal industrial solid waste.

- 3.2.4** Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc vận chuyển và chuyển giao xử lý các chất thải rắn thông thường đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường cho các thiệt hại xảy ra cho Bên A do hành vi vi phạm này gây ra.

Be legally responsible for any violations of the law related to the transportation and transfer of ordinary solid waste and be liable to compensate Party A for any damages arising from such violations.

- 3.2.5** Bảo đảm về tư cách đạo đức của nhân viên/ người phụ trách được cử đến làm việc tại địa điểm của Bên A; Cam kết trực tiếp chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như bồi thường thiệt hại gây ra cho bên A do nhân viên của bên B có hành vi trộm cắp; gây rối, gây mất trật tự hoặc câu kết với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào gây ra một trong các hành vi nêu trên trong khuôn viên của Bên A, không phụ thuộc có hay không kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Ensure the ethical conduct of employees/persons assigned to work at Party A's premises; commit to being fully responsible and to compensating Party A for any damages caused by Party B's employees engaging in theft, causing disturbances, disrupting order, or colluding with any organization or individual to commit any of the above acts within Party A's premises, regardless of whether or not such acts are confirmed by competent authorities.

- 3.2.6** Bên B có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh kho chứa của Bên A được sạch sẽ sau khi thu gom rác công nghiệp, sinh hoạt.

Party B is responsible for maintaining the cleanliness of Party A's storage area after collecting industrial and municipal waste.

- 3.2.7** Tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, quản lý phòng cháy, chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình thu gom, vận chuyển, quản lý và chuyển giao xử lý.

Comply with regulations on environmental protection, occupational safety, and fire prevention and fighting in accordance with current laws during the collection, transportation, management, and transfer for treatment of waste.

- 3.2.8** Thu theo đúng các khu vực kho rác đúng danh mục rác công nghiệp mà bên A chỉ định. Trường hợp khi thu gom phát hiện phế liệu để trộn lẫn thì phải thông báo cho người phụ trách của Bên A để có hướng xử lý kịp thời, nếu Bên B tự ý thu gom phế liệu bị trộn lẫn này được xem là vi phạm và sẽ bị xử lý theo quy định của Bên A

Collect waste according to the designated waste storage areas and the industrial waste categories specified by Party A. In case recyclable materials are found mixed in during collection, Party B must notify Party A's responsible person for timely handling. If Party B collects such mixed recyclables without authorization, it shall be considered a violation and handled in accordance with Party A's regulations.

ĐIỀU 4: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

ARTICLE 4: PENALTIES FOR VIOLATIONS AND COMPENSATION FOR DAMAGES

- 4.1** Nếu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đã cam kết trong hợp đồng này (trừ nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo quy định pháp luật), bên vi phạm cam kết chịu phạt 8% / giá trị hợp

đồng tháng đó và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên bị vi phạm nếu việc vi phạm dẫn đến thiệt hại phát sinh (nếu có).

If any party violates any obligation committed under this contract (except for payment obligations performed in accordance with legal regulations), the violating party shall pay a penalty of 8% of the contract value for that month and compensate the non-breaching party for all damages arising from the violation (if any).

- 4.2** Khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có) sẽ được bên vi phạm thanh toán cho bên bị vi phạm trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày bên vi phạm nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên bị vi phạm hoặc căn trừ trực tiếp vào hóa đơn của lần thanh toán gần nhất.

The penalty and compensation for damages (if any) shall be paid by the violating party to the non-breaching party within a maximum of 10 days from the date the violating party receives a written request from the non-breaching party, or may be directly deducted from the invoice of the next payment.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 5: CONTRACT TERM AND TERMINATION

- 5.1 Thời hạn hợp đồng:** Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày *01 tháng 01 năm 2026* cho đến hết ngày *31 tháng 12 năm 2026*.

Contract Term: This contract is valid from January 1, 2026, until December 31, 2026.

- 5.2 Chấm dứt hợp đồng:** Hợp đồng đương nhiên chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng.

Termination of the contract: The contract automatically terminates when the contract term expires.

- 5.3** Hết hạn hợp đồng, nếu 2 bên không ký hợp đồng khác và 2 bên vẫn duy trì hoạt động thu gom vận chuyển và đem đi xử lý chất thải thông thường như bình thường thì hợp đồng này tự gia hạn thêm 12 tháng.

Upon the expiration of the contract, if both parties do not sign a new contract but continue to carry out waste collection, transportation, and disposal activities as usual, this contract shall be automatically extended for an additional 12 months.

- 5.4 Chấm dứt hợp đồng trước hạn:**

Early termination of the contract

- 5.4.1 Nếu một trong các bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho các bên còn lại trước 30 ngày làm việc.

If any party wishes to terminate the contract early, they must notify the other parties in writing at least 30 working days in advance.

- 5.4.2 Hợp đồng sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Bên A thông báo chấm dứt hợp đồng với Bên B, nếu Bên B vi phạm một trong các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng này và không tiến hành khắc phục trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục của Bên A, Bên A không phải bồi thường bất cứ khoản nào khi chấm dứt theo điều khoản này.

The contract shall be terminated from the moment Party A notifies Party B of the termination, if Party B violates any of the obligations committed under this Contract and fails to remedy such violation within three (03) working days from the date of receiving Party A's notice to remedy. Party A shall not be liable to compensate any amount upon termination under this clause.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

ARTICLE 6: DISPUTES AND DISPUTE RESOLUTION

- 6.1 Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên cam kết sử dụng nỗ lực tối đa của mình để cùng giải quyết vấn đề trên cơ sở thương lượng, hòa giải.
- In the event of any difficulties arising during the performance of the contract, the Parties commit to using their best efforts to resolve the issues through negotiation and conciliation*

- 6.2 Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

In the event that the Parties fail to reach an agreement, any dispute shall be resolved by the People's Court of Nhơn Trạch District, Đồng Nai Province, in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam. The language to be used shall be Vietnamese.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 7: GENERAL PROVISIONS



7.1 Các bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng.

The Parties agree to fully and properly perform all terms and conditions of the Contract.

7.2 Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có) được coi như là cam kết chung giữa các bên và sẽ thay thế tất cả các cuộc đàm phán hoặc biên bản làm việc trước đó. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ được chấp nhận khi có sự thỏa thuận và xác nhận bằng văn bản giữa người có thẩm quyền của hai bên.

This Contract and its appendices (if any) shall be regarded as the entire agreement between the Parties and shall supersede all prior negotiations or memoranda of understanding. Any amendments or supplements to this Contract shall only be valid if agreed upon and confirmed in writing by the authorized representatives of both Parties.

7.3 Hợp đồng này có hiệu lực theo thời hạn nêu tại điều 5.1.

This Contract shall come into effect for the term specified in Article 5.1.

7.4 Hợp đồng này sẽ được thành lập thành hai bản (02) song ngữ, mỗi bên giữ một bản (01) có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng./.

This contract shall be written in English and Vietnamese with the same authenticity and be made in 02 origins, 01 for each party. In case of discrepancy or contradiction between English and Vietnamese, the Vietnamese version shall prevail.



KIM NAM KI



Trần Thị Liên

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: *AL26-HSVM/*

NON-HAZARDOUS WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION AND TRANSFER TO TREATMENT CONTRACT

No.: *AL26-HSVM/*

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.
Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 01st, 2017.
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 1th, 2006.
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)
Pursuant to Environment Protection law of Socialist Republic of Viet Nam takes effect from November 17th, 2020 and any amendments and supplements (if any)
- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)
Pursuant to detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection no. 08/2022/ND-CP take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)
Pursuant to the detailed regulations on implementation of a number of articles of the law on environment protection No. 02/2022/TT-BTNMT take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên.
Basing on the abilities and requirements of both sides

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công Ty TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY. Chúng tôi gồm:

Today, January 1st, 2026, at the office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Co., Ltd., we comprise:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV – TM ANH LÊ

PARTY A:

Đại diện: PHAN NGỌC CẨM
Legal representative: PHAN NGOC CAM
Chức vụ: Giám đốc
Position: Director
Địa chỉ trụ sở: Số 104, Tổ 08, Ấp Bình Lâm, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Head office: No. 104, Group 08, Binh Lam Hamlet, Long Thanh Commune, Dong Nai Province, Vietnam
Điện thoại /Tel No 090 897 3213
Fax/Fax No.
MST/Tax code: 360.3145233
Số tài khoản/Debit a/c No.: 192052219 – ACB Bank – Branch Long Thanh

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI VINA INDUSTRIAL MACHINERY

PARTY B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD

Đại diện/ Legal representative: Ông/ Mr KIM NAM KI
Chức vụ : Giám Đốc Hành Chính – Nhân Sự
Position : General Affair and Human Resource Manager
(Theo GUQ ngày 17.02.2025)
Địa chỉ trụ sở : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Head office : N3 street, Nhon Trach Industrial zone 5, Nhon Trach Ward, Dong Nai province
Điện thoại/ Tel No. : +84-2513-566000
MST/ Tax code : 3603875818
Tài khoản số : 110662211111 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch
Bank account : 110662211111 Vietinbank – Nhon Trach Branch

Hai Bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo những điều khoản sau:

After discussing, both Parties agreed to sign the contract of transportation and transfer non-hazardous wastes for treating as follow:

Điều 1: Đối tượng và các Bên trong hợp đồng:

Article 1: Objects and Parties of the contract

- 1.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại được quy ước viết tắt là: CTRCNTT
Non-hazardous conventional industrial solid waste is abbreviated as CTRCNTT.
- 1.2. Bên B đồng ý cho Bên A thu gom và vận chuyển CTRCNTT phát sinh trong quá trình sản xuất hàng hóa của Bên B cho đơn vị có chức năng xử lý. Bên A hiểu rõ và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP về việc quản lý chất thải rắn và các quy định khác của pháp luật về năng lực tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, các yêu cầu khác của Bên B.
Party B agrees to let Party A transport and transfer Non-hazardous wastes generating from the production process goods of Party B for treatment. Party A must fully meet the provisions in Articles 67 of Decree 08/2022/NĐ-CP and other provisions of the law on capacity to organize the collection and transportation of ordinary solid waste, Other Party B's
- 1.3. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua lại chất thải rắn công nghiệp thông thường này và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Đơn vị chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác theo yêu cầu của pháp luật.
Party B agrees to sell and Party A agrees to buy non-hazardous waste and transfer it to the unit function. The industrial solid waste treatment facility owner must fully meet the provisions of Articles 67 of Decree 08/2022/NĐ-CP and other regulations as required by law.
- 1.4. Bên A đồng ý và xác nhận rằng Bên A không phải là đối tác duy nhất trong việc thu gom, vận chuyển và thu mua các loại chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B. Bên B có quyền thay đổi đối tác mà không cần thông báo hoặc chấp thuận trước từ Bên A.
Party A agrees and acknowledges that Party A is not the only partner in transportation and purchases the scrap rising in the production process of Party B. Party B has the right to change another Party without prior consent from Party A.
- 1.5. Chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng này bao gồm: **nhóm giấy phế.**
*The list of waste defined as Non-hazardous as follow: **Paper waste group.***
- 1.6. Do thuộc nhóm chất thải rắn thông thường nên không có quy định về chất lượng sản phẩm và bảo hành.
Due to waste products, there are no regulations on product quality and warranty.

Điều 2: Điều khoản tiếp nhận

Article 2: Receive term

- 2.1. Việc tiếp nhận các loại CTRCNTT được thực hiện định kỳ hàng ngày (nếu có) hoặc theo yêu cầu của Bên B. Trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Bên B, sau khi nhận được yêu cầu, trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu, Bên A phải thực hiện việc tiếp nhận CTRCNTT tại kho chứa của Bên B.

The receiving of Non-hazardous wastes is taken periodical weekly and as Party B's request. In case taken as Party B's request, in within 1 working day from the date of request, Party A must receive, transport and transfer wastes at the request of the Party B.

- 2.2. Địa điểm nhận hàng: tại kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại của Bên B tại địa chỉ Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

The receiving location: Non-hazardous wastes warehouses of Party B at N3 Street, Nhon Trach 5 Industrial Zone, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam /

- 2.3. Thời điểm chuyển rủi ro và trách nhiệm đối với chất thải cho Bên A được xác định từ khi Bên A ký nhận hàng từ Bên B.

Time of transferring risk and responsibility for waste to Party A is determined from when Party A signs the receipt of goods from Party B

- 2.4. Quyền sở hữu được chuyển giao tại thời điểm Bên A thanh toán toàn bộ phí theo hợp đồng cho Bên B.

Ownership is transferred at the time Party A pays the full fee under the contract to Party B

Quy định về tiếp nhận

- 2.5. Xe và công nhân của Bên A khi ra vào phải chịu sự kiểm tra của Bên B và thực hiện tốt nội quy của công ty Bên B.

Party A's workers and trucks must be checked by Party B and executed seriously Party B's regulations

- 2.6. Bên A có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh kho chứa của Bên B được sạch sẽ sau khi thu gom CTRCNTT.

Party A is responsible for keeping party B's storage clean after collecting waste.

- 2.7. Bên A phải bảo đảm việc thu gom, vận chuyển CTRCNTT không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định pháp luật trong khuôn viên của công ty Hyosung cũng như trên đường vận chuyển.

Party A must ensure that regular solid waste collection and transportation is not dropped, causing dust or leakage of water and meeting the technical requirements and management procedures as prescribed by law. The campus of Hyosung as well as transportation.

Điều 3: Điều khoản giám sát

Article 3: Supervision

Do Bên A là đơn vị không có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, vì vậy để đảm bảo việc nghiêm túc thực hiện việc chuyển giao cho cơ sở xử lý đủ điều kiện, hai Bên đồng ý thực hiện các công việc sau:

Because Party A is not a unit of solid waste management function, therefore, in order to ensure the seriousness of the transfer to the appropriate treatment facility, the two Parties agree to perform the following tasks

- 3.1. Bên A phải cung cấp giấy phép của cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp, hợp đồng chuyển giao giữa Bên A và chủ cơ sở xử lý đó tới Bên B trước khi thực hiện hợp đồng này (Bản sao có công chứng)

Party A must provide contracts, papers and dossiers for licensing of the qualified treatment facility to Party B before the performance of this contract (notarized copy).

- 3.2. Đảm bảo cơ sở xử lý nêu trên là duy nhất trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu Bên A có bổ sung, thay đổi các cơ sở xử lý chất thải phải thông báo ngay, bổ sung giấy phép xử lý và được sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Ensure the above treatment facility is unique throughout the contract period. If Party A adds or changes its waste treatment facilities, it must notify and get the consent of Party B in writing.

- 3.3. Việc chuyển giao CTRCNTT cho cơ sở xử lý phải được lập thành biên bản, có đầy đủ các nội dung chuyển giao cùng chữ ký của Bên A và cơ sở xử lý cho từng lần chuyển giao và gửi về cho Bên B giám sát.

The regular transfer of solid wastes to the treatment facility must be recorded in writing, with all the contents transferred together with the signature of Party A and the handling unit for each transfer and sent to Party B monitoring

- 3.4. Nếu Bên B có chứng cứ chứng minh Bên A chuyển giao cho đơn vị không có chức năng xử lý chất thải theo quy định pháp luật thì, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức với Bên A, Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường thiệt hại cho Bên B (nếu có) đồng thời bị phạt hợp đồng tương đương 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

If Party B has evidence to prove that Party A is transferring to a unit having no waste treatment function as prescribed by law, Party B shall be entitled to unilaterally terminate the contract with Party A. Party A is penalized equivalent to 8% of the total value of violating obligations and compensate for Party B (if any).

Điều 4. Đấu thầu

4.1. Nguyên tắc chung

General rule:

- Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu của Bên B. Bên A tham gia dự thầu theo đúng quy định, quy trình đấu thầu nội bộ được soạn bởi Bên B.

Bidding is a vendor selection process of party B. Party A has to join bidding as follow rule, internal bidding process from party B.

- Việc đấu thầu được thực hiện kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc mốc thời gian khác theo quy định của Bên B.

The bidding shall be conducted from the effective date of the contract or from another point in time as stipulated by Party B.

4.2. Trúng thầu:

Bidding winner:

- Ban Giám đốc của Bên B xem xét duyệt giá và thông báo kết quả dự thầu đến các đơn vị tham gia.

BOD of party B will check scrap quotation and announce the bidding result to scrap vendor who joined in this bidding meeting.

- Bảng giá trúng thầu được áp dụng cố định kể từ ngày hợp đồng giữa Bên A và Bên B có hiệu lực.

The winning bid price list shall be fixed and applied from the effective date of the contract between Party A and Party B.

4.3. Thời điểm đấu thầu:

Bidding period:

- Trước thời điểm kết thúc giá của Hợp đồng, Bên B sẽ tiến hành mở đấu thầu lại để xét duyệt nhà thầu. Quy trình đấu thầu vẫn được thực hiện theo quy định, quy trình đấu thầu nội bộ của Bên B, trường hợp thay đổi kế hoạch sản xuất, Bên B sẽ thông báo cho để các Bên dự thầu tham khảo quyết định giá dự thầu phù hợp. Bên A có quyền tham gia hoặc không tham gia đấu thầu:

Before expiring the price, party B will open a new bidding price period. Bidding process will be followed as rule of party B, internal bidding process of party B. If party B changes the production plan, party B will announce to all of vendors who joined in new bidding period that party A will adjust their possible price. Party A will participate or not:

- Nếu Bên A tham gia và thắng thầu thì các Bên tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký, các Bên sẽ lập phụ lục/thông báo để ghi nhận bằng giá mới. Phụ lục/thông báo giá mới này có hiệu lực từ ngày ký cho tới khi giá đấu thầu trên hết hiệu lực.

If party A participates and wins, both of party will continue this contract. Both of party will record the new price by paper. The expiration of this document will start from signing day to expire time.

- Nếu Bên A không tham gia đấu thầu (giá mới) hoặc Bên A tham gia nhưng không thắng thầu thì Hợp đồng đã ký giữa các Bên đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không phụ thuộc vào việc các Bên có tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng hay không. Trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng này thì Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền cọc cho Bên A theo hợp đồng đã ký.

If party A doesn't need to join this bidding period or Party A loses, this contract will be liquidated by paper. In this case, party B will return deposit to party A as follow this contract.

- Giá trúng thầu đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Bidding price is included collection expense, transportation, treatment fees and exclude VAT tax.

Điều 5: Phương thức thanh toán

Article 5: Mode of payment

- 5.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B thành hai đợt mỗi tháng.

Party A has responsibility to clear monthly payment for party B in two periods.

Đợt 1:

1st period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 1 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng

Party A will make the first payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 1st to the 15th of each month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 16 đến ngày 20 hàng tháng

Payment time: from 16th to 20th every month

Đợt 2:

2nd period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 2 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 16 đến ngày cuối cùng trong tháng

Party A will make the second payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 16th to the last day of the month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng sau

Payment time: from the 1st to the 5th of next month

- 5.2. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

Payment will be transacted by VND by bank transfer to party B's account.

- 5.3. Trường hợp chậm thanh toán, Bên A phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là 0.05%/ngày trễ tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế nhưng không quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán.

In case of delay payment, Party A shall pay interest 0.05%/delay day from the due date until the date of actual payment but not exceed 8% total value of late payment.

- 5.4. Trường hợp Bên A lấy CTRCNTT chậm trễ thì Bên A sẽ bị phạt 2% tiền hàng của tháng lấy hàng liền kề trước đó nhân cho số ngày chậm trễ.

In case of late receiving of goods, waste Party A shall be fined 2% of payment on previous goods receiving/ day.

- 5.5. Bên A có trách nhiệm đặt cọc số tiền **20,000,000 VND** cho Bên B sau khi ký hợp đồng.

*Party A is responsible for completing a deposit payment of **20,000,000 VND** to party B before signing the contract.*

- 5.5.1. Mục đích của việc đặt cọc trên để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên A theo hợp đồng này.

The purpose of this deposit ensures that party A will follow and perform all entire mentioned article in this contract.

- 5.5.2. Toàn bộ số tiền cọc nêu trên sẽ được căn trừ vào tiền hàng tháng sáu (06) mà bên A phải thanh toán cho bên B (kết thúc vào ngày 30.06.2026). Sau khi có kết quả đấu thầu 02 Quý tiếp theo, bên B sẽ thông báo cho bên A số tiền cọc mới và tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung cho hợp đồng này.

All of the above-mentioned deposits shall be deducted from June 2026 payment which Party A to Party B (end on 30.06.2026). After the results of the bid for the next two quarters, Party B will notify Party A of the new deposit amount and proceed to sign the supplementary appnedix to this contract.

- 5.5.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các thoả thuận về chấm dứt hợp đồng quy định tại Điều 9. hợp đồng này thì đương nhiên bị mất khoản cọc nêu trên. Bên B là chủ sở hữu khoản cọc từ khi Bên A có hành vi vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

If party A violated article of this contract that we mentioned in Article 9, this contact would be stopped and party A will be lost their deposit. Party B will become the owner of party A deposit when party A violated one of these articles of this contract.

- 5.5.4. Số tiền cọc trên sẽ được Bên B hoàn lại cho Bên A trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A hoàn tất tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng này.

Amount of deposit will be returned to party B around thirty days by party B when party A had fulfill obligation in this contract.

Điều 6: Trách Nhiệm của các Bên

Article 6: Parties' Responsibilities

* Trách nhiệm Bên A:

Party A' Responsibilities

- 6.1. Thanh toán cho Bên B theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
Payment to party B in according with the contract agreement
- 6.2. Đảm bảo việc tiếp nhận CTRCNTT đúng theo quy định của hợp đồng này.
Party A must assure to receive and transfer the wastes as follow truly the provisions herein.
- 6.3. Khi Bên A đã nhận chất thải rắn công nghiệp thông thường của Bên B, phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
When Party A has received the party waste of B if there are any incidents occurring during transport, storage and handling, Party A shall bear full responsibility.
- 6.4. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý phòng cháy, chữa cháy theo pháp luật hiện hành và quy định của công ty Hyosung Việt Nam trong quá trình thu gom, vận chuyển, quản lý và chuyển giao xử lý
Comply with regulations on environmental protection and management, fire prevention, fire according to the current law and the rule of Hyosung Vietnam Ltd in the course of transportation, management and transfer to treat waste
- 6.5. Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến pháp luật về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho Bên B.
Supply all information related to transportation, treatment CTRCNTT according to the current law.
- 6.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc vận chuyển và chuyển giao xử lý các CTRCNTT đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường cho các thiệt hại xảy ra cho Bên B do hành vi vi phạm này của Bên A gây ra.
Responsibility for all violations of the articles related to transportation, transfer for treatment of Non-hazardous and compensate for all the loss caused by Party A.
- 6.7. Trong quá trình thu gom và vận chuyển CTRCNTT trong khuôn viên của Bên B, nếu Bên A để xảy ra tai nạn, sự cố, ... thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
During waste collecting time, if accidents or troubles happen in Party B Campus, party A will assume all of responsible.
- 6.8. Cam kết chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định tại hợp đồng này.
Party A undertakes to pay penalty equivalent to 8% total value of obligating violation when the party violates obligations specified in the contract.

* Trách nhiệm Bên B:

Party B's Responsibilities

- 6.9. Bên B có trách nhiệm tập trung các loại CTRCNTT ở khu vực thuận tiện cho Bên A tiếp nhận mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B.
Party B is responsible to gather Non-hazardous wastes to the appointed warehouse of Party B without obstructing the production of Party B.
- 6.10. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình ra vào nhà máy của Bên B để tiếp nhận CTRCNTT theo hợp đồng này.

Party B also creates favorable conditions for Party A to enter the factory to collect Non-hazardous wastes base on this contract.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

Article 7: Force majeure

- 7.1. Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp phát sinh rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của cả hai Bên, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:

Force majeure means any circumstances beyond the control of the Parties, including but not limited to:

- 7.1.1. Chiến tranh hoặc sự phát động chiến tranh (đã hoặc chưa được tuyên bố chính thức), sự xâm lược, hành động mang tính thù địch của nước ngoài, huy động quân đội hoặc cấm vận;

War and other hostilities (whether or not war is declared), invasion, act of foreign enemies, mobilization, requisition or embargo.

- 7.1.2. Bức xạ ion hóa hay nhiễm bẩn phóng xạ từ bất cứ nhiên liệu hạt nhân nào hay từ bất kỳ sự đốt cháy hạt nhân, đốt cháy nhiên liệu hạt nhân, các chất độc hại, lực phóng xạ hay những nguy cơ từ việc lắp ráp hạt nhân...;

Ionizing radiation or contamination by radio-activity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from combustion of nuclear fuel, radio-active toxic explosives, or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear components thereof;

- 7.1.3. Các cuộc nổi loạn, cách mạng quân sự, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;

Rebellion, revolution, insurrection, military or usurped power and civil war;

- 7.1.4. Bạo loạn, hỗn loạn hay gây mất trật tự ngoại trừ những trường hợp gây ra bởi nhân viên của các Bên;

Riot, commotion or disorder, except where solely restricted to employees of the Parties

- 7.1.5. Thiên tai, lũ lụt, cháy nổ...

Natural calamity, flood, fire...

- 7.2. Khi một trong các sự kiện nêu tại điều 7.1 xảy ra làm ảnh hưởng đến thời hạn của Hợp đồng hoặc cản trở hoặc ngăn chặn việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên, Bên đó phải (i) nhanh chóng thông báo cho Bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân, (ii) cung cấp cho Bên kia các bằng chứng hợp lý. Các Bên sẽ tìm kiếm mọi biện pháp thay thế khác để làm giảm nhẹ hậu quả của Sự kiện bất khả kháng đó cũng như để thực hiện nghĩa vụ của các Bên.

When one of the event was stipulated at article 7.1 happened and influence to the duration of the contract or obstruct of prevent the transacting obligations of one party, that party have to (i) announcement in writing to other party about that event and the reason of that; (ii) provide the reasonable evidence. Parties will find solution to reduce the consequence of force majeure and transact the obligations of Parties.

- 7.3. Trong trường hợp hậu quả của Sự kiện bất khả kháng là không thể khắc phục được và một hoặc các Bên không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, các Bên sẽ chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do Sự kiện bất khả kháng, các Bên không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

In the event of the consequence of force majeure can't not to remedy and one of the parties can not transact their obligations, the Parties will terminated the contract and don't have any other obligations from do not finish the obligations of this contract.

Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng

Article 8: Implementation duration

Hợp đồng này có giá trị hiệu lực kể từ ngày **01/01/2026 đến ngày 31/12/2026**

This contract will be effective from January 01st 2026 to December 31st 2026

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

Article 9: Termination of contract

- 9.1. Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực khi các Bên đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu ra tại đây.

This contract terminated when the Parties have completed the obligations specified in here.

- 9.2. Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt.

Each party has the right to terminate the contract by sending a writing note to the other party 30 days before the intended date of termination.

- 9.3. Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào tại điều 6 hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng này và không khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên kia. Theo đó, Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên bị vi phạm.

If A Party breached any of its obligations stipulated in article 6 or any other obligation under this contract and fails to remedy within 03 working days of from the date of the written requested by the other party. The violate Party must pay whole damages to the violated Party.

- 9.4. Các Bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

The terminated by the negotiation of the Parties.

- 9.4.1 Hợp đồng đương nhiên chấm dứt do Bên A không tham gia đấu thầu hoặc không thắng thầu theo thỏa thuận tại theo quy định tại Điều 4.3 hợp đồng này

The temination of this contract as stipulated in this contract.

- 9.4.2 Hợp đồng chấm dứt do sự kiện bất khả kháng.

The temination of this contract because the force majeure.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Article 10. Dispute and solution

- 10.1. Khi có vấn đề xảy ra thì hai Bên sẽ bàn bạc thống nhất để đi đến một hướng giải quyết chung.

Any problem arises out from the Contract shall be generally agreed to solve by the Parties.

- 10.2. Tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này trước hết được các Bên giải quyết thông qua đàm phán và hòa giải. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân Huyện Nhơn Trạch. Pháp luật áp dụng là pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

Any dispute arise from the execution of this Contract shall be first solved by the Parties under negotiation and reconciliation. Dispute that cannot solve by the Parties shall be submitted to the Nhon Trach Court.

Điều 11. Những điều khoản khác

Article 11. Other terms

- 11.1. Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có) được xem như là cam kết chung giữa hai Bên và sẽ thay thế tất cả các cuộc đàm phán, cam kết trước đó. Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

This Contract and Appendixes (if have) thereof constitute the entire Contract and understanding in respect of the matter hereof between the Parties hereto and supersedes all previous negotiations and commitment. Any amendment, modification to the contents of Contract shall be valid only with written consent from both Parties.

- 11.2. Hợp đồng này được làm thành hai (02) bản bằng song ngữ Việt – Anh, có giá trị ngang nhau và Bên B giữ một (01) bản, Bên A giữ một (01) bản. Hợp đồng có thể được dịch ra ngôn ngữ khác; tuy nhiên, khi có sự khác biệt, nội dung tiếng Việt được sử dụng làm căn cứ.

This Contract is made in two (02) bilingual Vietnamese and English copies with the same validity and Party B retains one (01) copy, Party A retains one (01) copy. Contract can be translated into other languages but, in case of discrepancy, the Vietnamese version shall prevail.

Đại diện Bên A

(For and on behalf of Party A)



Đại diện Bên B
(For and on behalf of Party B)



HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: HN26-HSVM

NON-HAZARDOUS WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION AND TRANSFER TO TREATMENT CONTRACT

No.: HN26-HSVM

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 01st, 2017.

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;

Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 1th, 2006.

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to Environment Protection law of Socialist Republic of Viet Nam takes effect from November 17th, 2020 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection no. 08/2022/ND-CP take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to the detailed regulations on implementation of a number of articles of the law on environment protection No. 02/2022/TT-BTNMT take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Basing on the abilities and requirements of both sides

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công Ty TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY. Chúng tôi gồm:

Today, January 1st, 2026, at the office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Co., Ltd., we comprise:

BÊN A: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG NHUNG

PARTY A: HONG NHUNG TECHNICAL TRADING SERVICES CO., LTD

Đại diện: Bà Nguyễn Hồng Nhung
Legal representative: Mrs. Nguyen Hong Nhung
Chức vụ: Giám đốc
Position: Director
Địa chỉ trụ sở: Tổ 12, Ấp Đất Mới, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Head office: Group 12, Dat Moi Hamlet, Nhon Trach Ward, Dong Nai Province, Vietnam
Điện thoại /Tel No 0931.018.810
Fax/Fax No.
MST/Tax code: 3603950134
Số tài khoản/Debit a/c No.: 0339 79797979 at MB Bank – Long Thanh Branch

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI VINA INDUSTRIAL MACHINERY

PARTY B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD

Đại diện/ Legal representative: Ông/ Mr **KIM NAM KI**
Chức vụ : Giám Đốc Hành Chính – Nhân Sự
Position : General Affair and Human Resource Manager
(Theo GUQ ngày 17.02.2025)
Địa chỉ trụ sở : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Head office : N3 street, Nhon Trach Industrial zone 5, Nhon Trach Ward, Dong Nai province
Điện thoại/ Tel No. : +84-2513-566000
MST/ Tax code : 3603875818
Tài khoản số : 110662211111 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch
Bank account : 110662211111 Vietinbank – Nhon Trach Branch

Hai Bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo những điều khoản sau:

After discussing, both Parties agreed to sign the contract of transportation and transfer non-hazardous wastes for treating as follow:

Điều 1: Đối tượng và các Bên trong hợp đồng:

Article 1: Objects and Parties of the contract

- 1.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại được quy ước viết tắt là: CTRCNTT
Non-hazardous conventional industrial solid waste is abbreviated as CTRCNTT.
- 1.2. Bên B đồng ý cho Bên A thu gom và vận chuyển CTRCNTT phát sinh trong quá trình sản xuất hàng hóa của Bên B cho đơn vị có chức năng xử lý. Bên A hiểu rõ và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP về việc quản lý chất thải rắn và các quy định khác của pháp luật về năng lực tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, các yêu cầu khác của Bên B.
Party B agrees to let Party A transport and transfer Non-hazardous wastes generating from the production process goods of Party B for treatment. Party A must fully meet the provisions in Articles 67 of Decree 08/2022/NĐ-CP and other provisions of the law on capacity to organize the collection and transportation of ordinary solid waste, Other Party B's
- 1.3. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua lại chất thải rắn công nghiệp thông thường này và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Đơn vị chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác theo yêu cầu của pháp luật.
Party B agrees to sell and Party A agrees to buy non-hazardous waste and transfer it to the unit function. The industrial solid waste treatment facility owner must fully meet the provisions of Articles 67 of Decree 08/2022/NĐ-CP and other regulations as required by law.
- 1.4. Bên A đồng ý và xác nhận rằng Bên A không phải là đối tác duy nhất trong việc thu gom, vận chuyển và thu mua các loại chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B. Bên B có quyền thay đổi đối tác mà không cần thông báo hoặc chấp thuận trước từ Bên A.
Party A agrees and acknowledges that Party A is not the only partner in transportation and purchases the scrap rising in the production process of Party B. Party B has the right to change another Party without prior consent from Party A.
- 1.5. Chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng này bao gồm: **nhóm kim loại phế.**
*The list of waste defined as Non-hazardous as follow: **Metal waste group.***
- 1.6. Do thuộc nhóm chất thải rắn thông thường nên không có quy định về chất lượng sản phẩm và bảo hành.
Due to waste products, there are no regulations on product quality and warranty.

Điều 2: Điều khoản tiếp nhận

Article 2: Receive term

- 2.1. Việc tiếp nhận các loại CTRCNTT được thực hiện định kỳ hàng ngày (nếu có) hoặc theo yêu cầu của Bên B. Trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Bên B, sau khi nhận được yêu cầu, trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu, Bên A phải thực hiện việc tiếp nhận CTRCNTT tại kho chứa của Bên B.

The receiving of Non-hazardous wastes is taken periodical weekly and as Party B's request. In case taken as Party B's request, in within 1 working day from the date of request, Party A must receive, transport and transfer wastes at the request of the Party B.

- 2.2. Địa điểm nhận hàng: tại kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại của Bên B tại địa chỉ Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

The receiving location: Non-hazardous wastes warehouses of Party B at N3 Street, Nhon Trach 5 Industrial Zone, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam

- 2.3. Thời điểm chuyển rủi ro và trách nhiệm đối với chất thải cho Bên A được xác định từ khi Bên A ký nhận hàng từ Bên B.

Time of transferring risk and responsibility for waste to Party A is determined from when Party A signs the receipt of goods from Party B

- 2.4. Quyền sở hữu được chuyển giao tại thời điểm Bên A thanh toán toàn bộ phí theo hợp đồng cho Bên B.

Ownership is transferred at the time Party A pays the full fee under the contract to Party B

Quy định về tiếp nhận

- 2.5. Xe và công nhân của Bên A khi ra vào phải chịu sự kiểm tra của Bên B và thực hiện tốt nội quy của công ty Bên B.

Party A's workers and trucks must be checked by Party B and executed seriously Party B's regulations

- 2.6. Bên A có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh kho chứa của Bên B được sạch sẽ sau khi thu gom CTRCNTT.

Party A is responsible for keeping party B's storage clean after collecting waste.

- 2.7. Bên A phải bảo đảm việc thu gom, vận chuyển CTRCNTT không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định pháp luật trong khuôn viên của công ty Hyosung cũng như trên đường vận chuyển.

Party A must ensure that regular solid waste collection and transportation is not dropped, causing dust or leakage of water and meeting the technical requirements and management procedures as prescribed by law. The campus of Hyosung as well as transportation.

Điều 3: Điều khoản giám sát

Article 3: Supervision

Do Bên A là đơn vị không có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, vì vậy để đảm bảo việc nghiêm túc thực hiện việc chuyển giao cho cơ sở xử lý đủ điều kiện, hai Bên đồng ý thực hiện các công việc sau:

Because Party A is not a unit of solid waste management function, therefore, in order to ensure the seriousness of the transfer to the appropriate treatment facility, the two Parties agree to perform the following tasks

- 3.1. Bên A phải cung cấp giấy phép của cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp, hợp đồng chuyển giao giữa Bên A và chủ cơ sở xử lý đó tới Bên B trước khi thực hiện hợp đồng này (Bản sao có công chứng)

Party A must provide contracts, papers and dossiers for licensing of the qualified treatment facility to Party B before the performance of this contract (notarized copy).

- 3.2. Đảm bảo cơ sở xử lý nêu trên là duy nhất trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu Bên A có bổ sung, thay đổi các cơ sở xử lý chất thải phải thông báo ngay, bổ sung giấy phép xử lý và được sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Ensure the above treatment facility is unique throughout the contract period. If Party A adds or changes its waste treatment facilities, it must notify and get the consent of Party B in writing.

- 3.3. Việc chuyển giao CTRCNTT cho cơ sở xử lý phải được lập thành biên bản, có đầy đủ các nội dung chuyển giao cùng chữ ký của Bên A và cơ sở xử lý cho từng lần chuyển giao và gửi về cho Bên B giám sát.

The regular transfer of solid wastes to the treatment facility must be recorded in writing, with all the contents transferred together with the signature of Party A and the handling unit for each transfer and sent to Party B monitoring

- 3.4. Nếu Bên B có chứng cứ chứng minh Bên A chuyển giao cho đơn vị không có chức năng xử lý chất thải theo quy định pháp luật thì, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức với Bên A, Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường thiệt hại cho Bên B (nếu có) đồng thời bị phạt hợp đồng tương đương 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

If Party B has evidence to prove that Party A is transferring to a unit having no waste treatment function as prescribed by law, Party B shall be entitled to unilaterally terminate the contract with Party A. Party A is penalized equivalent to 8% of the total value of violating obligations and compensate for Party B (if any).

Điều 4. Đấu thầu

- 4.1. Nguyên tắc chung

General rule:

- Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu của Bên B. Bên A tham gia dự thầu theo đúng quy định, quy trình đấu thầu nội bộ được soạn bởi Bên B.

Bidding is a vendor selection process of party B. Party A has to join bidding as follow rule, internal bidding process from party B.

- Việc đấu thầu được thực hiện kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc mốc thời gian khác theo quy định của Bên B.

The bidding shall be conducted from the effective date of the contract or from another point in time as stipulated by Party B.

- 4.2. Trúng thầu:

Bidding winner:

- Ban Giám đốc của Bên B xem xét duyệt giá và thông báo kết quả dự thầu đến các đơn vị tham gia.

BOD of party B will check scrap quotation and announce the bidding result to scrap vendor who joined in this bidding meeting.

- Bảng giá trúng thầu được áp dụng cố định kể từ ngày hợp đồng giữa Bên A và Bên B có hiệu lực.

The winning bid price list shall be fixed and applied from the effective date of the contract between Party A and Party B.

- 4.3. Thời điểm đấu thầu:

Bidding period:

- Trước thời điểm kết thúc giá của Hợp đồng, Bên B sẽ tiến hành mở đấu thầu lại để xét duyệt nhà thầu. Quy trình đấu thầu vẫn được thực hiện theo quy định, quy trình đấu thầu nội bộ của Bên B, trường hợp thay đổi kế hoạch sản xuất, Bên B sẽ thông báo cho để các Bên dự thầu tham khảo quyết định giá dự thầu phù hợp. Bên A có quyền tham gia hoặc không tham gia đấu thầu:

Before expiring the price, party B will open a new bidding price period. Bidding process will be followed as rule of party B, internal bidding process of party B. If party B changes the production plan, party B will announce to all of vendors who joined in new bidding period that party A will adjust their possible price. Party A will participate or not:

- Nếu Bên A tham gia và thắng thầu thì các Bên tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký, các Bên sẽ lập phụ lục/thông báo để ghi nhận bằng giá mới. Phụ lục/thông báo giá mới này có hiệu lực từ ngày ký cho tới khi giá đấu thầu trên hết hiệu lực.

If party A participates and wins, both of party will continue this contract. Both of party will record the new price by paper. The expiration of this document will start from signing day to expire time.

- Nếu Bên A không tham gia đấu thầu (giá mới) hoặc Bên A tham gia nhưng không thắng thầu thì Hợp đồng đã ký giữa các Bên đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không phụ thuộc vào việc các Bên có tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng hay không. Trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng này thì Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền cọc cho Bên A theo hợp đồng đã ký.

If party A doesn't need to join this bidding period or Party A loses, this contract will be liquidated by paper. In this case, party B will return deposit to party A as follow this contract.

- Giá trúng thầu đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Bidding price is included collection expense, transportation, treatment fees and exclude VAT tax.

Điều 5: Phương thức thanh toán

Article 5: Mode of payment

- 5.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B thành hai đợt mỗi tháng.

Party A has responsibility to clear monthly payment for party B in two periods.

Đợt 1:

1st period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 1 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng

Party A will make the first payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 1st to the 15th of each month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 16 đến ngày 20 hàng tháng

Payment time: from 16th to 20th every month

Đợt 2:

2nd period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 2 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 16 đến ngày cuối cùng trong tháng

Party A will make the second payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 16th to the last day of the month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng sau

Payment time: from the 1st to the 5th of next month

- 5.2. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

Payment will be transacted by VND by bank transfer to party B's account.

- 5.3. Trường hợp chậm thanh toán, Bên A phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là 0.05%/ngày trễ tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế nhưng không quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán.

In case of delay payment, Party A shall pay interest 0.05%/delay day from the due date until the date of actual payment but not exceed 8% total value of late payment.

- 5.4. Trường hợp Bên A lấy CTRCNTT chậm trễ thì Bên A sẽ bị phạt 2% tiền hàng của tháng lấy hàng liền kề trước đó nhân cho số ngày chậm trễ.

In case of late receiving of goods, waste Party A shall be fined 2% of payment on previous goods receiving/ day.

- 5.5. Bên A có trách nhiệm đặt cọc số tiền **65,000,000 VND** cho Bên B sau khi ký hợp đồng.

Party A is responsible for completing a deposit payment of 65,000,000 VND to party B before signing the contract.

- 5.5.1. Mục đích của việc đặt cọc trên để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên A theo hợp đồng này.

The purpose of this deposit ensures that party A will follow and perform all entire mentioned article in this contract.

- 5.5.2. Toàn bộ số tiền cọc nêu trên sẽ được căn trừ vào tiền hàng tháng sáu (06) mà bên A phải thanh toán cho bên B (kết thúc vào ngày 30.06.2026). Sau khi có kết quả đấu thầu 02 Quý tiếp theo, bên B sẽ thông báo cho bên A số tiền cọc mới và tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung cho hợp đồng này.

All of the above-mentioned deposits shall be deducted from June 2026 payment which Party A to Party B (end on 30.06.2026). After the results of the bid for the next two quarters, Party B will notify Party A of the new deposit amount and proceed to sign the supplementary appnedix to this contract.

- 5.5.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các thoả thuận về chấm dứt hợp đồng quy định tại Điều 9. hợp đồng này thì đương nhiên bị mất khoản cọc nêu trên. Bên B là chủ sở hữu khoản cọc từ khi Bên A có hành vi vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

If party A violated article of this contract that we mentioned in Article 9, this contact would be stopped and party A will be lost their deposit. Party B will become the owner of party A deposit when party A violated one of these articles of this contract.

- 5.5.4. Số tiền cọc trên sẽ được Bên B hoàn lại cho Bên A trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A hoàn tất tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng này.

Amount of deposit will be returned to party B around thirty days by party B when party A had fulfill obligation in this contract.

Điều 6: Trách Nhiệm của các Bên

Article 6: Parties' Responsibilities

* Trách nhiệm Bên A:

Party A' Responsibilities

- 6.1. Thanh toán cho Bên B theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
Payment to party B in according with the contract agreement
- 6.2. Đảm bảo việc tiếp nhận CTRCNTT đúng theo quy định của hợp đồng này.
Party A must assure to receive and transfer the wastes as follow truly the provisions herein.
- 6.3. Khi Bên A đã nhận chất thải rắn công nghiệp thông thường của Bên B, phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
When Party A has received the party waste of B if there are any incidents occurring during transport, storage and handling, Party A shall bear full responsibility.
- 6.4. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý phòng cháy, chữa cháy theo pháp luật hiện hành và quy định của công ty Hyosung Việt Nam trong quá trình thu gom, vận chuyển, quản lý và chuyển giao xử lý
Comply with regulations on environmental protection and management, fire prevention, fire according to the current law and the rule of Hyosung Vietnam Ltd in the course of transportation, management and transfer to treat waste
- 6.5. Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến pháp luật về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho Bên B.
Supply all information related to transportation, treatment CTRCNTT according to the current law.
- 6.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc vận chuyển và chuyển giao xử lý các CTRCNTT đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường cho các thiệt hại xảy ra cho Bên B do hành vi vi phạm này của Bên A gây ra.
Responsibility for all violations of the articles related to transportation, transfer for treatment of Non-hazardous and compensate for all the loss caused by Party A.
- 6.7. Trong quá trình thu gom và vận chuyển CTRCNTT trong khuôn viên của Bên B, nếu Bên A để xảy ra tai nạn, sự cố, ... thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
During waste collecting time, if accidents or troubles happen in Party B Campus, party A will assume all of responsible.
- 6.8. Cam kết chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định tại hợp đồng này.
Party A undertakes to pay penalty equivalent to 8% total value of obligating violation when the party violates obligations specified in the contract.

* Trách nhiệm Bên B:

Party B's Responsibilities

- 6.9. Bên B có trách nhiệm tập trung các loại CTRCNTT ở khu vực thuận tiện cho Bên A tiếp nhận mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B.
Party B is responsible to gather Non-hazardous wastes to the appointed warehouse of Party B without obstructing the production of Party B.
- 6.10. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình ra vào nhà máy của Bên B để tiếp nhận CTRCNTT theo hợp đồng này.

Party B also creates favorable conditions for Party A to enter the factory to collect Non-hazardous wastes base on this contract.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

Article 7: Force majeure

- 7.1. Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp phát sinh rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của cả hai Bên, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:

Force majeure means any circumstances beyond the control of the Parties, including but not limited to:

- 7.1.1. Chiến tranh hoặc sự phát động chiến tranh (đã hoặc chưa được tuyên bố chính thức), sự xâm lược, hành động mang tính thù địch của nước ngoài, huy động quân đội hoặc cấm vận;

War and other hostilities (whether or not war is declared), invasion, act of foreign enemies, mobilization, requisition or embargo.

- 7.1.2. Bức xạ ion hóa hay nhiễm bẩn phóng xạ từ bất cứ nhiên liệu hạt nhân nào hay từ bất kỳ sự đốt cháy hạt nhân, đốt cháy nhiên liệu hạt nhân, các chất độc hại, lực phóng xạ hay những nguy cơ từ việc lắp ráp hạt nhân...;

Ionizing radiation or contamination by radio-activity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from combustion of nuclear fuel, radio-active toxic explosives, or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear components thereof;

- 7.1.3. Các cuộc nổi loạn, cách mạng quân sự, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;

Rebellion, revolution, insurrection, military or usurped power and civil war;

- 7.1.4. Bạo loạn, hỗn loạn hay gây mất trật tự ngoại trừ những trường hợp gây ra bởi nhân viên của các Bên;

Riot, commotion or disorder, except where solely restricted to employees of the Parties

- 7.1.5. Thiên tai, lũ lụt, cháy nổ...

Natural calamity, flood, fire...

- 7.2. Khi một trong các sự kiện nêu tại điều 7.1 xảy ra làm ảnh hưởng đến thời hạn của Hợp đồng hoặc cản trở hoặc ngăn chặn việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên, Bên đó phải (i) nhanh chóng thông báo cho Bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân, (ii) cung cấp cho Bên kia các bằng chứng hợp lý. Các Bên sẽ tìm kiếm mọi biện pháp thay thế khác để làm giảm nhẹ hậu quả của Sự kiện bất khả kháng đó cũng như để thực hiện nghĩa vụ của các Bên.

When one of the event was stipulated at article 7.1 happened and influence to the duration of the contract or obstruct of prevent the transacting obligations of one party, that party have to (i) announcement in writing to other party about that event and the reason of that; (ii) provide the reasonable evidence. Parties will find solution to reduce the consequence of force majeure and transact the obligations of Parties.

- 7.3. Trong trường hợp hậu quả của Sự kiện bất khả kháng là không thể khắc phục được và một hoặc các Bên không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, các Bên sẽ chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do Sự kiện bất khả kháng, các Bên không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

In the event of the consequence of force majeure can't not to remedy and one of the parties can not transact their obligations, the Parties will terminated the contract and don't have any other obligations from do not finish the obligations of this contract.

Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng

Article 8: Implementation duration

Hợp đồng này có giá trị hiệu lực kể từ ngày **01/01/2026 đến ngày 31/12/2026**

*This contract will be effective from **January 01st 2026 to December 31st 2026***

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

Article 9: Termination of contract

- 9.1. Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực khi các Bên đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu ra tại đây.

This contract terminated when the Parties have completed the obligations specified in here.

- 9.2. Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt.

Each party has the right to terminate the contract by sending a writing note to the other party 30 days before the intended date of termination.

- 9.3. Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào tại điều 6 hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng này và không khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên kia. Theo đó, Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên bị vi phạm.

If A Party breached any of its obligations stipulated in article 6 or any other obligation under this contract and fails to remedy within 03 working days of from the date of the written requested by the other party. The violate Party must pay whole damages to the violated Party.

- 9.4. Các Bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

The terminated by the negotiation of the Parties.

- 9.4.1 Hợp đồng đương nhiên chấm dứt do Bên A không tham gia đấu thầu hoặc không thắng thầu theo thỏa thuận tại theo quy định tại Điều 4.3 hợp đồng này

The temination of this contract as stipulated in this contract.

- 9.4.2 Hợp đồng chấm dứt do sự kiện bất khả kháng.

The temination of this contract because the force majeure.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Article 10. Dispute and solution

- 10.1. Khi có vấn đề xảy ra thì hai Bên sẽ bàn bạc thống nhất để đi đến một hướng giải quyết chung.

Any problem arises out from the Contract shall be generally agreed to solve by the Parties.

- 10.2. Tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này trước hết được các Bên giải quyết thông qua đàm phán và hòa giải. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân Huyện Nhơn Trạch. Pháp luật áp dụng là pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

Any dispute arise from the execution of this Contract shall be first solved by the Parties under negotiation and reconciliation. Dispute that cannot solve by the Parties shall be submitted to the Nhon Trach Court.

Điều 11. Những điều khoản khác

Article 11. Other terms

- 11.1. Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có) được xem như là cam kết chung giữa hai Bên và sẽ thay thế tất cả các cuộc đàm phán, cam kết trước đó. Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

This Contract and Appendixes (if have) thereof constitute the entire Contract and understanding in respect of the matter hereof between the Parties hereto and supersedes all previous negotiations and commitment. Any amendment, modification to the contents of Contract shall be valid only with written consent from both Parties.

- 11.2. Hợp đồng này được làm thành hai (02) bản bằng song ngữ Việt – Anh, có giá trị ngang nhau và Bên B giữ một (01) bản, Bên A giữ một (01) bản. Hợp đồng có thể được dịch ra ngôn ngữ khác; tuy nhiên, khi có sự khác biệt, nội dung tiếng Việt được sử dụng làm căn cứ.

This Contract is made in two (02) bilingual Vietnamese and English copies with the same validity and Party B retains one (01) copy, Party A retains one (01) copy. Contract can be translated into other languages but, in case of discrepancy, the Vietnamese version shall prevail.

Đại diện Bên A
(For and on behalf of Party A)



Đại diện Bên B
(For and on behalf of Party B)



KIM NAM KI



HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: HP26-HSVM /

NON-HAZARDOUS WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION AND TRANSFER TO TREATMENT CONTRACT

No.: HP26-HSVM,

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 01st, 2017.

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;

Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 1th, 2006.

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to Environment Protection law of Socialist Republic of Viet Nam takes effect from November 17th, 2020 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection no. 08/2022/ND-CP take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to the detailed regulations on implementation of a number of articles of the law on environment protection No. 02/2022/TT-BTNMT take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Basing on the abilities and requirements of both sides



Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công Ty TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY. Chúng tôi gồm:

Today, January 1st, 2026, at the office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Co., Ltd., we comprise:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI HÒA PHƯƠNG /
PARTY A: (HOA PHUONG CO.,LTD)**

Đại diện: LÊ QUANG HÒA

Legal representative: LE QUANG HOA

Chức vụ: Giám đốc

Position: Director

Địa chỉ trụ sở: Số 167, Ấp Bình Lâm, Xã Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Head office: No.167, Binh Lam, Long Thanh Ward, Dong Nai Province, VietNam

Điện thoại /Tel No 0918 912 613 – 0913 696 600

Fax/Fax No.

MST/Tax code: 360.0738820

Số tài khoản/Debit a/c No.: 0481000616452

**BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI VINA INDUSTRIAL MACHINERY
PARTY B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD /**

Đại diện/ Legal representative: Ông/ Mr KIM NAM KI

Chức vụ : Giám Đốc Hành Chính – Nhân Sự

Position : General Affair and Human Resource Manager

(Theo GUQ ngày 17.02.2025)

Địa chỉ trụ sở : Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Head office : N3 street, Nhon Trach Industrial zone 5, Nhon Trach Ward, Dong Nai province

Điện thoại/ Tel No. : +84-2513-566000

MST/ Tax code : 3603875818

Tài khoản số : 110662211111 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch

Bank account : 110662211111 Vietinbank – Nhơn Trạch Branch

Hai Bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo những điều khoản sau:

After discussing, both Parties agreed to sign the contract of transportation and transfer non-hazardous wastes for treating as follow:

Điều 1: Đối tượng và các Bên trong hợp đồng:

Article 1: Objects and Parties of the contract

- 1.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại được quy ước viết tắt là: CTRCNTT
Non-hazardous conventional industrial solid waste is abbreviated as CTRCNTT.
- 1.2. Bên B đồng ý cho Bên A thu gom và vận chuyển CTRCNTT phát sinh trong quá trình sản xuất hàng hóa của Bên B cho đơn vị có chức năng xử lý. Bên A hiểu rõ và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP về việc quản lý chất thải rắn và các quy định khác của pháp luật về năng lực tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, các yêu cầu khác của Bên B.
Party B agrees to let Party A transport and transfer Non-hazardous wastes generating from the production process goods of Party B for treatment. Party A must fully meet the provisions in Articles 67 of Decree 08/2022/ND-CP and other provisions of the law on capacity to organize the collection and transportation of ordinary solid waste, Other Party B's
- 1.3. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua lại chất thải rắn công nghiệp thông thường này và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Đơn vị chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác theo yêu cầu của pháp luật.
Party B agrees to sell and Party A agrees to buy non-hazardous waste and transfer it to the unit function. The industrial solid waste treatment facility owner must fully meet the provisions of Articles 67 of Decree 08/2022/ND-CP and other regulations as required by law.
- 1.4. Bên A đồng ý và xác nhận rằng Bên A không phải là đối tác duy nhất trong việc thu gom, vận chuyển và thu mua các loại chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B. Bên B có quyền thay đổi đối tác mà không cần thông báo hoặc chấp thuận trước từ Bên A.
Party A agrees and acknowledges that Party A is not the only partner in transportation and purchases the scrap rising in the production process of Party B. Party B has the right to change another Party without prior consent from Party A.
- 1.5. Chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng này bao gồm: **nhóm kim loại phế, nhóm giấy phế, nhóm nhựa phế và nhóm gỗ phế** ✓
*The list of waste defined as Non-hazardous as follow: **Metal waste group, paper waste group, Plastic waste group and wooden waste group.** ✓*
- 1.6. Do thuộc nhóm chất thải rắn thông thường nên không có quy định về chất lượng sản phẩm và bảo hành.
Due to waste products, there are no regulations on product quality and warranty.

Điều 2: Điều khoản tiếp nhận

Article 2: Receive term

- 2.1. Việc tiếp nhận các loại CTRCNTT được thực hiện định kỳ hàng ngày (nếu có) hoặc theo yêu cầu của Bên B. Trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Bên B, sau khi nhận được yêu cầu, trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu, Bên A phải thực hiện việc tiếp nhận CTRCNTT tại kho chứa của Bên B.

The receiving of Non-hazardous wastes is taken periodical weekly and as Party B's request. In case taken as Party B's request, in within 1 working day from the date of request, Party A must receive, transport and transfer wastes at the request of the Party B.

- 2.2. Địa điểm nhận hàng: tại kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại của Bên B tại địa chỉ Đường N3, KCN Nhơn Trạch 5, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

The receiving location: Non-hazardous wastes warehouses of Party B at N3 Street, Nhon Trach 5 Industrial Zone, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam

- 2.3. Thời điểm chuyển rủi ro và trách nhiệm đối với chất thải cho Bên A được xác định từ khi Bên A ký nhận hàng từ Bên B.

Time of transferring risk and responsibility for waste to Party A is determined from when Party A signs the receipt of goods from Party B

- 2.4. Quyền sở hữu được chuyển giao tại thời điểm Bên A thanh toán toàn bộ phí theo hợp đồng cho Bên B.

Ownership is transferred at the time Party A pays the full fee under the contract to Party B

Quy định về tiếp nhận

- 2.5. Xe và công nhân của Bên A khi ra vào phải chịu sự kiểm tra của Bên B và thực hiện tốt nội quy của công ty Bên B.

Party A's workers and trucks must be checked by Party B and executed seriously Party B's regulations

- 2.6. Bên A có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh kho chứa của Bên B được sạch sẽ sau khi thu gom CTRCNTT.

Party A is responsible for keeping party B's storage clean after collecting waste.

- 2.7. Bên A phải bảo đảm việc thu gom, vận chuyển CTRCNTT không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định pháp luật trong khuôn viên của công ty Hyosung cũng như trên đường vận chuyển.

Party A must ensure that regular solid waste collection and transportation is not dropped, causing dust or leakage of water and meeting the technical requirements and management procedures as prescribed by law. The campus of Hyosung as well as transportation.

Điều 3: Điều khoản giám sát

Article 3: Supervision

Do Bên A là đơn vị không có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, vì vậy để đảm bảo việc nghiêm túc thực hiện việc chuyển giao cho cơ sở xử lý đủ điều kiện, hai Bên đồng ý thực hiện các công việc sau:

Because Party A is not a unit of solid waste management function, therefore, in order to ensure the seriousness of the transfer to the appropriate treatment facility, the two Parties agree to perform the following tasks

- 3.1. Bên A phải cung cấp giấy phép của cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp, hợp đồng chuyển giao giữa Bên A và chủ cơ sở xử lý đó tới Bên B trước khi thực hiện hợp đồng này (Bản sao có công chứng)

Party A must provide contracts, papers and dossiers for licensing of the qualified treatment facility to Party B before the performance of this contract (notarized copy).

- 3.2. Đảm bảo cơ sở xử lý nêu trên là duy nhất trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu Bên A có bổ sung, thay đổi các cơ sở xử lý chất thải phải thông báo ngay, bổ sung giấy phép xử lý và được sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Ensure the above treatment facility is unique throughout the contract period. If Party A adds or changes its waste treatment facilities, it must notify and get the consent of Party B in writing.

- 3.3. Việc chuyển giao CTRCNTT cho cơ sở xử lý phải được lập thành biên bản, có đầy đủ các nội dung chuyển giao cùng chữ ký của Bên A và cơ sở xử lý cho từng lần chuyển giao và gửi về cho Bên B giám sát.

The regular transfer of solid wastes to the treatment facility must be recorded in writing, with all the contents transferred together with the signature of Party A and the handling unit for each transfer and sent to Party B monitoring

- 3.4. Nếu Bên B có chứng cứ chứng minh Bên A chuyển giao cho đơn vị không có chức năng xử lý chất thải theo quy định pháp luật thì, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức với Bên A, Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường thiệt hại cho Bên B (nếu có) đồng thời bị phạt hợp đồng tương đương 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

If Party B has evidence to prove that Party A is transferring to a unit having no waste treatment function as prescribed by law, Party B shall be entitled to unilaterally terminate the contract with Party A. Party A is penalized equivalent to 8% of the total value of violating obligations and compensate for Party B (if any).

Điều 4. Đấu thầu

- 4.1. Nguyên tắc chung

General rule:

- Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu của Bên B. Bên A tham gia dự thầu theo đúng quy định, quy trình đấu thầu nội bộ được soạn bởi Bên B.

Bidding is a vendor selection process of party B. Party A has to join bidding as follow rule, internal bidding process from party B.

- Việc đấu thầu được thực hiện kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc mốc thời gian khác theo quy định của Bên B.

The bidding shall be conducted from the effective date of the contract or from another point in time as stipulated by Party B.

- 4.2. Trúng thầu:

Bidding winner:

- Ban Giám đốc của Bên B xem xét duyệt giá và thông báo kết quả dự thầu đến các đơn vị tham gia.

BOD of party B will check scrap quotation and announce the bidding result to scrap vendor who joined in this bidding meeting.

- Bảng giá trúng thầu được áp dụng cố định kể từ ngày hợp đồng giữa Bên A và Bên B có hiệu lực.

The winning bid price list shall be fixed and applied from the effective date of the contract between Party A and Party B.

- 4.3. Thời điểm đấu thầu:

Bidding period:

lm

- Trước thời điểm kết thúc giá của Hợp đồng, Bên B sẽ tiến hành mở đấu thầu lại để xét duyệt nhà thầu. Quy trình đấu thầu vẫn được thực hiện theo quy định, quy trình đấu thầu nội bộ của Bên B, trường hợp thay đổi kế hoạch sản xuất, Bên B sẽ thông báo cho để các Bên dự thầu tham khảo quyết định giá dự thầu phù hợp. Bên A có quyền tham gia hoặc không tham gia đấu thầu:

Before expiring the price, party B will open a new bidding price period. Bidding process will be followed as rule of party B, internal bidding process of party B. If party B changes the production plan, party B will announce to all of vendors who joined in new bidding period that party A will adjust their possible price. Party A will participate or not:

- Nếu Bên A tham gia và thắng thầu thì các Bên tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký, các Bên sẽ lập phụ lục/thông báo để ghi nhận bằng giá mới. Phụ lục/thông báo giá mới này có hiệu lực từ ngày ký cho tới khi giá đấu thầu trên hết hiệu lực.

If party A participates and wins, both of party will continue this contract. Both of party will record the new price by paper. The expiration of this document will start from signing day to expire time.

- Nếu Bên A không tham gia đấu thầu (giá mới) hoặc Bên A tham gia nhưng không thắng thầu thì Hợp đồng đã ký giữa các Bên đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không phụ thuộc vào việc các Bên có tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng hay không. Trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng này thì Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền cọc cho Bên A theo hợp đồng đã ký.

If party A doesn't need to join this bidding period or Party A loses, this contract will be liquidated by paper. In this case, party B will return deposit to party A as follow this contract.

- Giá trúng thầu đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Bidding price is included collection expense, transportation, treatment fees and exclude VAT tax.

Điều 5: Phương thức thanh toán

Article 5: Mode of payment

- 5.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B thành hai đợt mỗi tháng.

Party A has responsibility to clear monthly payment for party B in two periods.

Đợt 1:

1st period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 1 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng

Party A will make the first payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 1st to the 15th of each month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 16 đến ngày 20 hàng tháng

Payment time: from 16th to 20th every month

Đợt 2:

2nd period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 2 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 16 đến ngày cuối cùng trong tháng

Party A will make the second payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 16th to the last day of the month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng sau

Payment time: from the 1st to the 5th of next month

- 5.2. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

Payment will be transacted by VND by bank transfer to party B's account.

- 5.3. Trường hợp chậm thanh toán, Bên A phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là 0.05%/ngày trễ tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế nhưng không quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán.

In case of delay payment, Party A shall pay interest 0.05%/delay day from the due date until the date of actual payment but not exceed 8% total value of late payment.

- 5.4. Trường hợp Bên A lấy CTRCNTT chậm trễ thì Bên A sẽ bị phạt 2% tiền hàng của tháng lấy hàng liền kề trước đó nhân cho số ngày chậm trễ.

In case of late receiving of goods, waste Party A shall be fined 2% of payment on previous goods receiving/ day.

- 5.5. Bên A có trách nhiệm đặt cọc số tiền **20,000,000 VND** cho Bên B sau khi ký hợp đồng.

Party A is responsible for completing a deposit payment of 20,000,000 VND to party B before signing the contract.

- 5.5.1. Mục đích của việc đặt cọc trên để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên A theo hợp đồng này.

The purpose of this deposit ensures that party A will follow and perform all entire mentioned article in this contract.

- 5.5.2. Toàn bộ số tiền cọc nêu trên sẽ được căn trừ vào tiền hàng tháng sáu (06) mà bên A phải thanh toán cho bên B (kết thúc vào ngày 30.06.2026). Sau khi có kết quả đấu thầu 02 Quý tiếp theo, bên B sẽ thông báo cho bên A số tiền cọc mới và tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung cho hợp đồng này.

All of the above-mentioned deposits shall be deducted from June 2026 payment which Party A to Party B (end on 30.06.2026). After the results of the bid for the next two quarters, Party B will notify Party A of the new deposit amount and proceed to sign the supplementary appnedix to this contract.

- 5.5.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các thoả thuận về chấm dứt hợp đồng quy định tại Điều 9. hợp đồng này thì đương nhiên bị mất khoản cọc nêu trên. Bên B là chủ sở hữu khoản cọc từ khi Bên A có hành vi vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

If party A violated article of this contract that we mentioned in Article 9, this contact would be stopped and party A will be lost their deposit. Party B will become the owner of party A deposit when party A violated one of these articles of this contract.

- 5.5.4. Số tiền cọc trên sẽ được Bên B hoàn lại cho Bên A trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A hoàn tất tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng này.

Amount of deposit will be returned to party B around thirty days by party B when party A had fulfill obligation in this contract.

Điều 6: Trách Nhiệm của các Bên

Article 6: Parties' Responsibilities

* Trách nhiệm Bên A:

Party A' Responsibilities

- 6.1. Thanh toán cho Bên B theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
Payment to party B in according with the contract agreement
- 6.2. Đảm bảo việc tiếp nhận CTRCNTT đúng theo quy định của hợp đồng này.
Party A must assure to receive and transfer the wastes as follow truly the provisions herein.
- 6.3. Khi Bên A đã nhận chất thải rắn công nghiệp thông thường của Bên B, phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
When Party A has received the party waste of B if there are any incidents occurring during transport, storage and handling, Party A shall bear full responsibility.
- 6.4. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý phòng cháy, chữa cháy theo pháp luật hiện hành và quy định của công ty Hyosung Việt Nam trong quá trình thu gom, vận chuyển, quản lý và chuyển giao xử lý
Comply with regulations on environmental protection and management, fire prevention, fire according to the current law and the rule of Hyosung Vietnam Ltd in the course of transportation, management and transfer to treat waste
- 6.5. Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến pháp luật về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho Bên B.
Supply all information related to transportation, treatment CTRCNTT according to the current law.
- 6.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc vận chuyển và chuyển giao xử lý các CTRCNTT đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường cho các thiệt hại xảy ra cho Bên B do hành vi vi phạm này của Bên A gây ra.
Responsibility for all violations of the articles related to transportation, transfer for treatment of Non-hazardous and compensate for all the loss caused by Party A.
- 6.7. Trong quá trình thu gom và vận chuyển CTRCNTT trong khuôn viên của Bên B, nếu Bên A để xảy ra tai nạn, sự cố, ... thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
During waste collecting time, if accidents or troubles happen in Party B Campus, party A will assume all of responsible.
- 6.8. Cam kết chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định tại hợp đồng này.
Party A undertakes to pay penalty equivalent to 8% total value of obligating violation when the party violates obligations specified in the contract.

*** Trách nhiệm Bên B:**

Party B's Responsibilities

- 6.9. Bên B có trách nhiệm tập trung các loại CTRCNTT ở khu vực thuận tiện cho Bên A tiếp nhận mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B.
Party B is responsible to gather Non-hazardous wastes to the appointed warehouse of Party B without obstructing the production of Party B.
- 6.10. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình ra vào nhà máy của Bên B để tiếp nhận CTRCNTT theo hợp đồng này.

Party B also creates favorable conditions for Party A to enter the factory to collect Non-hazardous wastes base on this contract.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

Article 7: Force majeure

7.1. Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp phát sinh rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của cả hai Bên, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:

Force majeure means any circumstances beyond the control of the Parties, including but not limited to:

7.1.1. Chiến tranh hoặc sự phát động chiến tranh (đã hoặc chưa được tuyên bố chính thức), sự xâm lược, hành động mang tính thù địch của nước ngoài, huy động quân đội hoặc cấm vận;

War and other hostilities (whether or not war is declared), invasion, act of foreign enemies, mobilization, requisition or embargo.

7.1.2. Bức xạ ion hóa hay nhiễm bẩn phóng xạ từ bất cứ nhiên liệu hạt nhân nào hay từ bất kỳ sự đốt cháy hạt nhân, đốt cháy nhiên liệu hạt nhân, các chất độc hại, lực phóng xạ hay những nguy cơ từ việc lắp ráp hạt nhân...;

Ionizing radiation or contamination by radio-activity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from combustion of nuclear fuel, radio-active toxic explosives, or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear components thereof;

7.1.3. Các cuộc nổi loạn, cách mạng quân sự, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;

Rebellion, revolution, insurrection, military or usurped power and civil war;

7.1.4. Bạo loạn, hỗn loạn hay gây mất trật tự ngoại trừ những trường hợp gây ra bởi nhân viên của các Bên;

Riot, commotion or disorder, except where solely restricted to employees of the Parties

7.1.5. Thiên tai, lũ lụt, cháy nổ...

Natural calamity, flood, fire...

7.2. Khi một trong các sự kiện nêu tại điều 7.1 xảy ra làm ảnh hưởng đến thời hạn của Hợp đồng hoặc cản trở hoặc ngăn chặn việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên, Bên đó phải (i) nhanh chóng thông báo cho Bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân, (ii) cung cấp cho Bên kia các bằng chứng hợp lý. Các Bên sẽ tìm kiếm mọi biện pháp thay thế khác để làm giảm nhẹ hậu quả của Sự kiện bất khả kháng đó cũng như để thực hiện nghĩa vụ của các Bên.

When one of the event was stipulated at article 7.1 happened and influence to the duration of the contract or obstruct of prevent the transacting obligations of one party, that party have to (i) announcement in writing to other party about that event and the reason of that; (ii) provide the reasonable evidence. Parties will find solution to reduce the consequence of force majeure and transact the obligations of Parties.

7.3. Trong trường hợp hậu quả của Sự kiện bất khả kháng là không thể khắc phục được và một hoặc các Bên không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, các Bên sẽ chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do Sự kiện bất khả kháng, các Bên không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

In the event of the consequence of force majeure can't not to remedy and one of the parties can not transact their obligations, the Parties will terminated the contract and don't have any other obligations from do not finish the obligations of this contract.

Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng

Article 8: Implementation duration

Hợp đồng này có giá trị hiệu lực kể từ ngày **01/01/2026 đến ngày 31/12/2026**

*This contract will be effective from **January 01st 2026 to December 31st 2026**,*

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

Article 9: Termination of contract

- 9.1. Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực khi các Bên đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu ra tại đây.

This contract terminated when the Parties have completed the obligations specified in here.

- 9.2. Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt.

Each party has the right to terminate the contract by sending a writing note to the other party 30 days before the intended date of termination.

- 9.3. Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào tại điều 6 hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng này và không khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên kia. Theo đó, Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên bị vi phạm.

If A Party breached any of its obligations stipulated in article 6 or any other obligation under this contract and fails to remedy within 03 working days of from the date of the written requested by the other party. The violate Party must pay whole damages to the violated Party.

- 9.4. Các Bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

The terminated by the negotiation of the Parties.

- 9.4.1 Hợp đồng đương nhiên chấm dứt do Bên A không tham gia đấu thầu hoặc không thắng thầu theo thỏa thuận tại theo quy định tại Điều 4.3 hợp đồng này

The temination of this contract as stipulated in this contract.

- 9.4.2 Hợp đồng chấm dứt do sự kiện bất khả kháng.

The temination of this contract because the force majeure.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Article 10. Dispute and solution

- 10.1. Khi có vấn đề xảy ra thì hai Bên sẽ bàn bạc thống nhất để đi đến một hướng giải quyết chung.

Any problem arises out from the Contract shall be generally agreed to solve by the Parties.

- 10.2. Tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này trước hết được các Bên giải quyết thông qua đàm phán và hòa giải. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân Huyện Nhơn Trạch. Pháp luật áp dụng là pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

Any dispute arise from the execution of this Contract shall be first solved by the Parties under negotiation and reconciliation. Dispute that cannot solve by the Parties shall be submitted to the Nhon Trach Court.

Điều 11. Những điều khoản khác

Article 11. Other terms

- 11.1. Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có) được xem như là cam kết chung giữa hai Bên và sẽ thay thế tất cả các cuộc đàm phán, cam kết trước đó. Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

This Contract and Appendixes (if have) thereof constitute the entire Contract and understanding in respect of the matter hereof between the Parties hereto and supersedes all previous negotiations and commitment. Any amendment, modification to the contents of Contract shall be valid only with written consent from both Parties.

- 11.2. Hợp đồng này được làm thành hai (02) bản bằng song ngữ Việt – Anh, có giá trị ngang nhau và Bên B giữ một (01) bản, Bên A giữ một (01) bản. Hợp đồng có thể được dịch ra ngôn ngữ khác; tuy nhiên, khi có sự khác biệt, nội dung tiếng Việt được sử dụng làm căn cứ.

This Contract is made in two (02) bilingual Vietnamese and English copies with the same validity and Party B retains one (01) copy, Party A retains one (01) copy. Contract can be translated into other languages but, in case of discrepancy, the Vietnamese version shall prevail.

Đại diện Bên A
(For and on behalf of Party A)



Đại diện Bên B
(For and on behalf of Party B)



HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: TDT26-HSVM /

NON-HAZARDOUS WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION AND TRANSFER TO TREATMENT CONTRACT

No.: TDT26-HSVM /

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 01st, 2017.

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;

Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam take effect from January 1th, 2006.

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to Environment Protection law of Socialist Republic of Viet Nam takes effect from November 17th, 2020 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection no. 08/2022/ND-CP take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

Pursuant to the detailed regulations on implementation of a number of articles of the law on environment protection No. 02/2022/TT-BTNMT take effect from January 10th, 2022 and any amendments and supplements (if any)

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Basing on the abilities and requirements of both sides

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công Ty TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY. Chúng tôi gồm:

Today, January 1st, 2026, at the office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Co., Ltd., we comprise:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TÂN DUY TOÀN

PARTY A: TAN DUY TOAN CO., LTD

Đại diện: TRẦN THỊ LIÊN

Legal representative: TRAN THI LIEN

Chức vụ: Giám đốc

Position: Director

Địa chỉ trụ sở: Số 175, Khu phố 04, Đường Trần Quốc Toản, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Head office: No. 175, Quarter 04, Tran Quoc Toan Street, Tam Hiep Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Điện thoại /Tel No 0918 565 479

Fax/Fax No.

MST/Tax code: 360.2241417

Số tài khoản/Debit a/c No.:

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI VINA INDUSTRIAL MACHINERY

PARTY B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD

Đại diện/ Legal representative: Ông/ Mr KIM NAM KI

Chức vụ : Giám Đốc Hành Chính – Nhân Sự

Position : General Affair and Human Resource Manager

(Theo GUQ ngày 17.02.2025)

Địa chỉ trụ sở : Đường N3, KCN Nhon Trạch 5, Xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai

Head office : N3 street, Nhon Trach Industrial zone 5, Nhon Trach Ward, Dong Nai province

Điện thoại/ Tel No. : +84-2513-566000

MST/ Tax code : 3603875818

Tài khoản số : 110662211111 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhon Trạch

Bank account : 110662211111 Vietinbank – Nhon Trach Branch

Hai Bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo những điều khoản sau:

discussing, both Parties agreed to sign the contract of transportation and transfer non-hazardous for treating as follow:

Điều 1: Đối tượng và các Bên trong hợp đồng:

Article 1: Objects and Parties of the contract

- 1.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại được quy ước viết tắt là: CTRCNTT
Non-hazardous conventional industrial solid waste is abbreviated as CTRCNTT.
- 1.2. Bên B đồng ý cho Bên A thu gom và vận chuyển CTRCNTT phát sinh trong quá trình sản xuất hàng hóa của Bên B cho đơn vị có chức năng xử lý. Bên A hiểu rõ và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP về việc quản lý chất thải rắn và các quy định khác của pháp luật về năng lực tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, các yêu cầu khác của Bên B.

Party B agrees to let Party A transport and transfer Non-hazardous wastes generating from the production process goods of Party B for treatment. Party A must fully meet the provisions in Articles 67 of Decree 08/2022/NĐ-CP and other provisions of the law on capacity to organize the collection and transportation of ordinary solid waste, Other Party B's

- 1.3. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua lại chất thải rắn công nghiệp thông thường này và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Đơn vị chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 67 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác theo yêu cầu của pháp luật.

Party B agrees to sell and Party A agrees to buy non-hazardous waste and transfer it to the unit function. The industrial solid waste treatment facility owner must fully meet the provisions of Articles 67 of Decree 08/2022/NĐ-CP and other regulations as required by law.

- 1.4. Bên A đồng ý và xác nhận rằng Bên A không phải là đối tác duy nhất trong việc thu gom, vận chuyển và thu mua các loại chất thải rắn thông thường không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B. Bên B có quyền thay đổi đối tác mà không cần thông báo hoặc chấp thuận trước từ Bên A.

Party A agrees and acknowledges that Party A is not the only partner in transportation and purchases the scrap rising in the production process of Party B. Party B has the right to change another Party without prior consent from Party A.

- 1.5. Chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng này bao gồm: **nhóm kim loại phế, nhóm giấy phế và nhóm nhựa phế.** /

*The list of waste defined as Non-hazardous as follow: **Metal waste group, Paper waste group and Plastic waste group.***

- 1.6. Do thuộc nhóm chất thải rắn thông thường nên không có quy định về chất lượng sản phẩm và bảo hành.

Due to waste products, there are no regulations on product quality and warranty.

Điều 2: Điều khoản tiếp nhận

Article 2: Receive term

- 2.1. Việc tiếp nhận các loại CTRCNTT được thực hiện định kỳ hàng ngày (nếu có) hoặc theo yêu cầu của Bên B. Trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Bên B, sau khi nhận được yêu cầu, trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu, Bên A phải thực hiện việc tiếp nhận CTRCNTT tại kho chứa của Bên B.

The receiving of Non-hazardous wastes is taken periodical weekly and as Party B's request. In case taken as Party B's request, in within 1 working day from the date of request, Party A must receive, transport and transfer wastes at the request of the Party B.

- 2.2. Địa điểm nhận hàng: tại kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại của Bên B tại địa chỉ Đường N3, KCN Nhon Trach 5, Xã Nhon Trach, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

The receiving location: Non-hazardous wastes warehouses of Party B at N3 Street, Nhon Trach 5 Industrial Zone, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam

- 2.3. Thời điểm chuyển rủi ro và trách nhiệm đối với chất thải cho Bên A được xác định từ khi Bên A ký nhận hàng từ Bên B.

Time of transferring risk and responsibility for waste to Party A is determined from when Party A signs the receipt of goods from Party B

- 2.4. Quyền sở hữu được chuyển giao tại thời điểm Bên A thanh toán toàn bộ phí theo hợp đồng cho Bên B.

Ownership is transferred at the time Party A pays the full fee under the contract to Party B

Quy định về tiếp nhận

- 2.5. Xe và công nhân của Bên A khi ra vào phải chịu sự kiểm tra của Bên B và thực hiện tốt nội quy của công ty Bên B.

Party A's workers and trucks must be checked by Party B and executed seriously Party B's regulations

- 2.6. Bên A có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh kho chứa của Bên B được sạch sẽ sau khi thu gom CTRCNTT.

Party A is responsible for keeping party B's storage clean after collecting waste.

- 2.7. Bên A phải bảo đảm việc thu gom, vận chuyển CTRCNTT không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định pháp luật trong khuôn viên của công ty Hyosung cũng như trên đường vận chuyển.

Party A must ensure that regular solid waste collection and transportation is not dropped, causing dust or leakage of water and meeting the technical requirements and management procedures as prescribed by law. The campus of Hyosung as well as transportation.

Điều 3: Điều khoản giám sát

Article 3: Supervision

Do Bên A là đơn vị không có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, vì vậy để đảm bảo việc nghiêm túc thực hiện việc chuyển giao cho cơ sở xử lý đủ điều kiện, hai Bên đồng ý thực hiện các công việc sau:

Because Party A is not a unit of solid waste management function, therefore, in order to ensure the seriousness of the transfer to the appropriate treatment facility, the two Parties agree to perform the following tasks

- 3.1. Bên A phải cung cấp giấy phép của cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp, hợp đồng chuyển giao giữa Bên A và chủ cơ sở xử lý đó tới Bên B trước khi thực hiện hợp đồng này (Bản sao có công chứng)

Party A must provide contracts, papers and dossiers for licensing of the qualified treatment facility to Party B before the performance of this contract (notarized copy).

- 3.2. Đảm bảo cơ sở xử lý nêu trên là duy nhất trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu Bên A có bổ sung, thay đổi các cơ sở xử lý chất thải phải thông báo ngay, bổ sung giấy phép xử lý và được sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Ensure the above treatment facility is unique throughout the contract period. If Party A adds or changes its waste treatment facilities, it must notify and get the consent of Party B in writing.

- 3.3. Việc chuyển giao CTRCNTT cho cơ sở xử lý phải được lập thành biên bản, có đầy đủ các nội dung chuyển giao cùng chữ ký của Bên A và cơ sở xử lý cho từng lần chuyển giao và gửi về cho Bên B giám sát.

The regular transfer of solid wastes to the treatment facility must be recorded in writing, with all the contents transferred together with the signature of Party A and the handling unit for each transfer and sent to Party B monitoring

- 3.4. Nếu Bên B có chứng cứ chứng minh Bên A chuyển giao cho đơn vị không có chức năng xử lý chất thải theo quy định pháp luật thì, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức với Bên A, Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường thiệt hại cho Bên B (nếu có) đồng thời bị phạt hợp đồng tương đương 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

If Party B has evidence to prove that Party A is transferring to a unit having no waste treatment function as prescribed by law, Party B shall be entitled to unilaterally terminate the contract with Party A. Party A is penalized equivalent to 8% of the total value of violating obligations and compensate for Party B (if any).

Điều 4. Đấu thầu

- 4.1. Nguyên tắc chung

General rule:

- Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu của Bên B. Bên A tham gia dự thầu theo đúng quy định, quy trình đấu thầu nội bộ được soạn bởi Bên B.

Bidding is a vendor selection process of party B. Party A has to join bidding as follow rule, internal bidding process from party B.

- Việc đấu thầu được thực hiện kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc mốc thời gian khác theo quy định của Bên B.

The bidding shall be conducted from the effective date of the contract or from another point in time as stipulated by Party B.

- 4.2. Trúng thầu:

Bidding winner:

- Ban Giám đốc của Bên B xem xét duyệt giá và thông báo kết quả dự thầu đến các đơn vị tham gia.

BOD of party B will check scrap quotation and announce the bidding result to scrap vendor who joined in this bidding meeting.

- Bảng giá trúng thầu được áp dụng cố định kể từ ngày hợp đồng giữa Bên A và Bên B có hiệu lực.

The winning bid price list shall be fixed and applied from the effective date of the contract between Party A and Party B.

- 4.3. Thời điểm đấu thầu:

Bidding period:

- Trước thời điểm kết thúc giá của Hợp đồng, Bên B sẽ tiến hành mở đấu thầu lại để xét duyệt nhà thầu. Quy trình đấu thầu vẫn được thực hiện theo quy định, quy trình đấu thầu nội bộ của Bên B, trường hợp thay đổi kế hoạch sản xuất, Bên B sẽ thông báo cho để các Bên dự thầu tham khảo quyết định giá dự thầu phù hợp. Bên A có quyền tham gia hoặc không tham gia đấu thầu:

Before expiring the price, party B will open a new bidding price period. Bidding process will be followed as rule of party B, internal bidding process of party B. If party B changes the production plan, party B will announce to all of vendors who joined in new bidding period that party A will adjust their possible price. Party A will participate or not:

- Nếu Bên A tham gia và thắng thầu thì các Bên tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký, các Bên sẽ lập phụ lục/thông báo để ghi nhận bảng giá mới. Phụ lục/thông báo giá mới này có hiệu lực từ ngày ký cho tới khi giá đấu thầu trên hết hiệu lực.

If party A participates and wins, both of party will continue this contract. Both of party will record the new price by paper. The expiration of this document will start from signing day to expire time.

- Nếu Bên A không tham gia đấu thầu (giá mới) hoặc Bên A tham gia nhưng không thắng thầu thì Hợp đồng đã ký giữa các Bên đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không phụ thuộc vào việc các Bên có tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng hay không. Trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng này thì Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ tiền cọc cho Bên A theo hợp đồng đã ký.

If party A doesn't need to join this bidding period or Party A loses, this contract will be liquidated by paper. In this case, party B will return deposit to party A as follow this contract.

- Giá trúng thầu đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Bidding price is included collection expense, transportation, treatment fees and exclude VAT tax.

Điều 5: Phương thức thanh toán

Article 5: Mode of payment

- 5.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B thành hai đợt mỗi tháng.

Party A has responsibility to clear monthly payment for party B in two periods.

Đợt 1:

1st period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 1 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng

Party A will make the first payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 1st to the 15th of each month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 16 đến ngày 20 hàng tháng

Payment time: from 16th to 20th every month

Đợt 2:

2nd period:

Bên A sẽ thanh toán đợt 2 tiền hàng cho Bên B tương ứng với khối lượng hàng Bên A đã thu gom từ ngày 16 đến ngày cuối cùng trong tháng

Party A will make the second payment to Party B corresponding to the volume of goods Party A has collected from the 16th to the last day of the month.

Thời gian thanh toán: từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng sau

Payment time: from the 1st to the 5th of next month

- 5.2. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

Payment will be transacted by VND by bank transfer to party B's account.

- 5.3. Trường hợp chậm thanh toán, Bên A phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là 0.05%/ngày trễ tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế nhưng không quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán.

In case of delay payment, Party A shall pay interest 0.05%/delay day from the due date until the date of actual payment but not exceed 8% total value of late payment.

- 5.4. Trường hợp Bên A lấy CTRCNTT chậm trễ thì Bên A sẽ bị phạt 2% tiền hàng của tháng lấy hàng liền kề trước đó nhân cho số ngày chậm trễ.

In case of late receiving of goods, waste Party A shall be fined 2% of payment on previous goods receiving/ day.

- 5.5. Bên A có trách nhiệm đặt cọc số tiền **1,700,000,000 VND** cho Bên B sau khi ký hợp đồng.

Party A is responsible for completing a deposit payment of 1,700,000,000 VND to party B before signing the contract.

- 5.5.1. Mục đích của việc đặt cọc trên để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên A theo hợp đồng này.

The purpose of this deposit ensures that party A will follow and perform all entire mentioned article in this contract.

- 5.5.2. Toàn bộ số tiền cọc nêu trên sẽ được căn trừ vào tiền hàng tháng sáu (06) mà bên A phải thanh toán cho bên B (kết thúc vào ngày 30.06.2026). Sau khi có kết quả đấu thầu 02 Quý tiếp theo, bên B sẽ thông báo cho bên A số tiền cọc mới và tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung cho hợp đồng này.

All of the above-mentioned deposits shall be deducted from June 2026 payment which Party A to Party B (end on 30.06.2026). After the results of the bid for the next two quarters, Party B will notify Party A of the new deposit amount and proceed to sign the supplementary appnedix to this contract.

- 5.5.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các thoả thuận về chấm dứt hợp đồng quy định tại Điều 9. hợp đồng này thì đương nhiên bị mất khoản cọc nêu trên. Bên B là chủ sở hữu khoản cọc từ khi Bên A có hành vi vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

If party A violated article of this contract that we mentioned in Article 9, this contact would be stopped and party A will be lost their deposit. Party B will become the owner of party A deposit when party A violated one of these articles of this contract.

- 5.5.4. Số tiền cọc trên sẽ được Bên B hoàn lại cho Bên A trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A hoàn tất tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng này.

Amount of deposit will be returned to party B around thirty days by party B when party A had fulfill obligation in this contract.

Điều 6: Trách Nhiệm của các Bên

Article 6: Parties' Responsibilities

* Trách nhiệm Bên A:

Party A' Responsibilities

- 6.1. Thanh toán cho Bên B theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
Payment to party B in according with the contract agreement
- 6.2. Đảm bảo việc tiếp nhận CTRCNTT đúng theo quy định của hợp đồng này.
Party A must assure to receive and transfer the wastes as follow truly the provisions herein.
- 6.3. Khi Bên A đã nhận chất thải rắn công nghiệp thông thường của Bên B, phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
When Party A has received the party waste of B if there are any incidents occurring during transport, storage and handling, Party A shall bear full responsibility.
- 6.4. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý phòng cháy, chữa cháy theo pháp luật hiện hành và quy định của công ty Hyosung Việt Nam trong quá trình thu gom, vận chuyển, quản lý và chuyển giao xử lý
Comply with regulations on environmental protection and management, fire prevention, fire according to the current law and the rule of Hyosung Vietnam Ltd in the course of transportation, management and transfer to treat waste
- 6.5. Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến pháp luật về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho Bên B.
Supply all information related to transportation, treatment CTRCNTT according to the current law.
- 6.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc vận chuyển và chuyển giao xử lý các CTRCNTT đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường cho các thiệt hại xảy ra cho Bên B do hành vi vi phạm này của Bên A gây ra.
Responsibility for all violations of the articles related to transportation, transfer for treatment of Non-hazardous and compensate for all the loss caused by Party A.
- 6.7. Trong quá trình thu gom và vận chuyển CTRCNTT trong khuôn viên của Bên B, nếu Bên A để xảy ra tai nạn, sự cố, ... thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
During waste collecting time, if accidents or troubles happen in Party B Campus, party A will assume all of responsible.
- 6.8. Cam kết chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm khi vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định tại hợp đồng này.
Party A undertakes to pay penalty equivalent to 8% total value of obligating violation when the party violates obligations specified in the contract.

*** Trách nhiệm Bên B:**

Party B's Responsibilities

- 6.9. Bên B có trách nhiệm tập trung các loại CTRCNTT ở khu vực thuận tiện cho Bên A tiếp nhận mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B.
Party B is responsible to gather Non-hazardous wastes to the appointed warehouse of Party B without obstructing the production of Party B.
- 6.10. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình ra vào nhà máy của Bên B để tiếp nhận CTRCNTT theo hợp đồng này.

Party B also creates favorable conditions for Party A to enter the factory to collect Non-hazardous wastes base on this contract.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

Article 7: Force majeure

- 7.1. Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp phát sinh rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của cả hai Bên, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:

Force majeure means any circumstances beyond the control of the Parties, including but not limited to:

- 7.1.1. Chiến tranh hoặc sự phát động chiến tranh (đã hoặc chưa được tuyên bố chính thức), sự xâm lược, hành động mang tính thù địch của nước ngoài, huy động quân đội hoặc cấm vận;

War and other hostilities (whether or not war is declared), invasion, act of foreign enemies, mobilization, requisition or embargo.

- 7.1.2. Bức xạ ion hóa hay nhiễm bẩn phóng xạ từ bất cứ nhiên liệu hạt nhân nào hay từ bất kỳ sự đốt cháy hạt nhân, đốt cháy nhiên liệu hạt nhân, các chất độc hại, lực phóng xạ hay những nguy cơ từ việc lắp ráp hạt nhân...;

Ionizing radiation or contamination by radio-activity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from combustion of nuclear fuel, radio-active toxic explosives, or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear components thereof;

- 7.1.3. Các cuộc nổi loạn, cách mạng quân sự, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;

Rebellion, revolution, insurrection, military or usurped power and civil war;

- 7.1.4. Bạo loạn, hỗn loạn hay gây mất trật tự ngoại trừ những trường hợp gây ra bởi nhân viên của các Bên;

Riot, commotion or disorder, except where solely restricted to employees of the Parties

- 7.1.5. Thiên tai, lũ lụt, cháy nổ...

Natural calamity, flood, fire...

- 7.2. Khi một trong các sự kiện nêu tại điều 7.1 xảy ra làm ảnh hưởng đến thời hạn của Hợp đồng hoặc cản trở hoặc ngăn chặn việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên, Bên đó phải (i) nhanh chóng thông báo cho Bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân, (ii) cung cấp cho Bên kia các bằng chứng hợp lý. Các Bên sẽ tìm kiếm mọi biện pháp thay thế khác để làm giảm nhẹ hậu quả của Sự kiện bất khả kháng đó cũng như để thực hiện nghĩa vụ của các Bên.

When one of the event was stipulated at article 7.1 happened and influence to the duration of the contract or obstruct of prevent the transacting obligations of one party, that party have to (i) announcement in writing to other party about that event and the reason of that; (ii) provide the reasonable evidence. Parties will find solution to reduce the consequence of force majeure and transact the obligations of Parties.

- 7.3. Trong trường hợp hậu quả của Sự kiện bất khả kháng là không thể khắc phục được và một hoặc các Bên không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, các Bên sẽ chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do Sự kiện bất khả kháng, các Bên không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

In the event of the consequence of force majeure can't not to remedy and one of the parties can not transact their obligations, the Parties will terminated the contract and don't have any other obligations from do not finish the obligations of this contract.

Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng

Article 8: Implementation duration

Hợp đồng này có giá trị hiệu lực kể từ ngày **01/01/2026 đến ngày 31/12/2026**

*This contract will be effective from **January 01st 2026 to December 31st 2026***

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

Article 9: Termination of contract

9.1. Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực khi các Bên đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu ra tại đây.

This contract terminated when the Parties have completed the obligations specified in here.

9.2. Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt.

Each party has the right to terminate the contract by sending a writing note to the other party 30 days before the intended date of termination.

9.3. Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào tại điều 6 hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng này và không khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên kia. Theo đó, Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên bị vi phạm.

If A Party breached any of its obligations stipulated in article 6 or any other obligation under this contract and fails to remedy within 03 working days of from the date of the written requested by the other party. The violate Party must pay whole damages to the violated Party.

9.4. Các Bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

The terminated by the negotiation of the Parties.

9.4.1 Hợp đồng đương nhiên chấm dứt do Bên A không tham gia đấu thầu hoặc không thắng thầu theo thỏa thuận tại theo quy định tại Điều 4.3 hợp đồng này

The temination of this contract as stipulated in this contract.

9.4.2 Hợp đồng chấm dứt do sự kiện bất khả kháng.

The temination of this contract because the force majeure.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Article 10. Dispute and solution

10.1. Khi có vấn đề xảy ra thì hai Bên sẽ bàn bạc thống nhất để đi đến một hướng giải quyết chung.

Any problem arises out from the Contract shall be generally agreed to solve by the Parties.

10.2. Tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này trước hết được các Bên giải quyết thông qua đàm phán và hòa giải. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân Huyện Nhơn Trạch. Pháp luật áp dụng là pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

Any dispute arise from the execution of this Contract shall be first solved by the Parties under negotiation and reconciliation. Dispute that cannot solve by the Parties shall be submitted to the Nhon Trach Court.

Điều 11. Những điều khoản khác

Article 11. Other terms

- 11.1. Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có) được xem như là cam kết chung giữa hai Bên và sẽ thay thế tất cả các cuộc đàm phán, cam kết trước đó. Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

This Contract and Appendixes (if have) thereof constitute the entire Contract and understanding in respect of the matter hereof between the Parties hereto and supersedes all previous negotiations and commitment. Any amendment, modification to the contents of Contract shall be valid only with written consent from both Parties.

- 11.2. Hợp đồng này được làm thành hai (02) bản bằng song ngữ Việt – Anh, có giá trị ngang nhau và Bên B giữ một (01) bản, Bên A giữ một (01) bản. Hợp đồng có thể được dịch ra ngôn ngữ khác; tuy nhiên, khi có sự khác biệt, nội dung tiếng Việt được sử dụng làm căn cứ.

This Contract is made in two (02) bilingual Vietnamese and English copies with the same validity and Party B retains one (01) copy, Party A retains one (01) copy. Contract can be translated into other languages but, in case of discrepancy, the Vietnamese version shall prevail.

Đại diện Bên A
(For and on behalf of Party A)



Trần Thị Liên

Đại diện Bên B
(For and on behalf of Party B)



KIM NAM KI





1911-12

HỢP ĐỒNG

(Contract)

(V/v Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý)

(Collection, transportation, treatment of Industrial waste must be controlled., and collection of scrap materials after treatment.)

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
(Pursuant to the Civil Code No. 91/2015 / QH13 Republic Socialist Vietnam, with effect from 01/01/2017);
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
(Pursuant to the Environment protection Law No 72/2020/QH14 on November 17th, 2020 passed by the National Assembly of Socialist Republic of Viet Nam, effective from January 01st, 2022);
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
(Pursuant to Decree No. 08/2022/NĐ-CP on January 10th, 2022 on stipulating the implementation in detail of some articles of the Law on Environmental Protection);
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 25/08/2022 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
(Pursuant to Decree No 45/2022/NĐ-CP on August 25th, 2022 of the Government stipulating for the sanctioning of administrative violations in the environmental protection field;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 v/v Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
(Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT passed on January 10th, 2022 by Minister of National Resources and Environment Ministry on Regulations of Hazardous Waste Management);
- Căn cứ Giấy phép đăng ký kinh doanh số 3602168686 của Công ty Cổ Phần TM Tài Tiền do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp phép ngày 11/11/2009, điều chỉnh lần thứ 16 ngày 19/12/2024;
(Pursuant to trading permission No.3602168686 of Tai Tien TM Joint Stock Company issued by Department of Planning and Investment of Dong Nai province on November 11th, 2009, 16th adjustment on December 19th, 2024)

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602168686-001 của chi nhánh Nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ Phần TM Tài Tiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 26/07/2010 và cấp lần bảy ngày 05/03/2025.

(Pursuant to the registration certificate of a branch No. 3602168686-001 of Hazardous and Domestic solid wastes treatment Plant – Branch of Tai Tien JSC issued by Department of Planning and Investment of Dong Nai province on July 26th, 2010, the seventh amended on March 3rd, 2025;

- Căn cứ Giấy phép môi trường số 433/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21/10/2024;

(Pursuant to Environmental License No. 433/GPMT-BTNMT issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on October 21th, 2024;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

(Based on the requirements and abilities of both sides)

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại văn phòng **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**. Chúng tôi gồm:

(Today, December 24, 2025, at the office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD. We, the undersigned, are):

BÊN A: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN

* Đại diện pháp lý: **Ông VŨ VĂN LỘC** Chức vụ: Giám đốc

* Địa chỉ: Ấp Nhân Hòa, Xã Hưng Thịnh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

* Điện thoại: 02516-294986

* MST: 3602168686-001

* Tài khoản số: 113002994224 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chi nhánh Đồng Nai.

(Party A: HAZARDOUS AND DOMESTIC WASTE TREATMENT PLANT - BRANCH OF TAI TIEN TM JOINT STOCK COMPANY

Legal Representative: Mr VU VAN LOC Position: Director

Address: Nhan Hoa hamlet, Hung Thinh village, Dong Nai province, Viet Nam.

Tel: 02516-294986

Tax code: 3602168686-001

Account No.: 113002994224 at Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade of Vietnam. Branch: Dong Nai Branch

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

* Đại diện: **KIM DAI TOONG**

Chức vụ: *Giám đốc kỹ thuật*

* Địa chỉ: Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

* Số Tài Khoản ngân hàng:

* Điện thoại: 0251 3566000

Fax: 0251 3569448

* MST: 3603875818

(Party B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD.

Legal representative:

Position:

Head office: Road N3, Nhon Trach 5 Industrial Park, Nhon Trach commune, Dong Nai Province, Vietnam.

Tel: 0251 3566000

Fax: 0251 3569448

Tax code: 3603875818

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý (gọi tắt là CTCNPKS&PL) với những nội dung như sau:

(The two parties have discussed and agreed to sign a contract for the collection, transportation, and treatment of Industrial waste must be controlled. and the purchase of scrap materials after treatment (hereinafter referred to as CTCNPKS&PL), with the following contents:):

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

(ARTICLE 1: Agreement contents)

Bên B đồng ý thuê bên A làm đối tác trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu tái chế sau xử lý theo danh mục phát sinh trong hoạt động sản xuất tại nhà máy HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY của bên B. Danh mục chất thải được ghi rõ tại mục 3.1 của hợp đồng.

(Party B agrees to hire Party A as a partner in the collection, transportation, and treatment of Industrial waste must be controlled. and the purchase of recyclable scrap materials after treatment, according to the list of waste generated in the production activities at Party B's HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY plant. The list of waste is clearly specified in section 3.1 of the contract.)

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI

(ARTICLE 2: Waste-receiving conditions)

2.1 Địa điểm tiếp nhận chất thải.

(2.1 Place for receiving Waste)

Bên A sẽ tiếp nhận CTCNPKS tại công ty của Bên B (Địa chỉ: Đường N3, KCN Nhon Trach 5, Xã Nhon Trach, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

(Party A will receive Industrial waste must be controlled. at Party B's company (Address: N3 Road, Nhon Trach 5 Industrial Park, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province, Vietnam)

2.2 Thời gian tiếp nhận chất thải.

(2.2Waste receiving time)

Việc tiếp nhận chất thải được thực hiện theo yêu cầu của bên B. Sau khi nhận được yêu cầu trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, bên A tiến hành kiểm tra sơ bộ chất thải (chủng loại, số lượng, điều kiện lưu chứa...); trong vòng 03 ngày kể từ ngày kiểm tra sơ bộ, bên A có trách nhiệm tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải.

(Hazardous waste reception is taken as Party B's request. After receiving requests from Party B within 2 days, Party A will carry out check-up on Party B' wastes (such as

types, quantities, containing conditions...); Party A is responsible for collecting the wastes from Party B's storehouse during maximum 03 days after the checking day)

2.3 Điều kiện lưu chứa chất thải

(2.3 Waste storage conditions)

Chất thải được bên B thu gom, phân loại đảm bảo không để lẫn CTNH và chất thải khác đồng thời lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường và nếu là chất thải nguy hại phải dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che (Việc phân loại, đóng gói bao bì và dán nhãn CTNH do bên B tự thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022). Tất cả bao bì, thùng chứa sẽ được tiêu hủy và xử lý cùng với CTNH tại bên A.

The waste is collected and classified by Party B to ensure that is no hazardous waste and other waste mixed together. The waste is stored in containers or packaging to ensure safety, do not leak into the environment and if the hazardous waste is labeling of hazardous waste as prescribed and concentrated in a covered warehouse (the classification, packaging and labeling of hazardous waste by Party B himself implementation with the provisions at Article 35 ,Article 36 of Circular No. 02/2022/TT-BTNMT passed on January 10th, 2022. All packaging, containers will be destroyed and treatment with hazardous waste in Party A.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(ARTICLE 3: Unit price of treatment and payment term)

3.1 Đơn giá xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý được thể hiện trong phụ lục kèm theo, danh mục xử lý chất thải như sau:

(3.1 The unit prices for waste treatment and scrap metal procurement after treatment are shown in the attached appendix, and the waste treatment categories are as follows:)

STT (No.)	Tên chất thải (Items)	Mã CTNH HW code	Đơn vị tính (Unit)	Phương pháp xử lý (Treatment method)
01	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác <i>Chips from forming or grinding processes contain oil, emulsions, or oily waste solutions or other hazardous components.</i>	07 03 11	Kg	Tẩy rửa, thu hồi kim loại <i>Cleaning, metal recovery</i>

3.2 Căn cứ vào khối lượng chất thải thu gom thực tế được hai bên xác nhận bằng chứng từ chất thải nguy hại, bên A sẽ xuất hóa đơn xử lý chất thải cho bên B, và bên B sẽ xuất hóa đơn thu mua phế liệu sau xử lý cho bên A.

(Based on the actual volume of waste collected, as confirmed by both parties with evidence of hazardous waste, Party A will issue a waste treatment invoice to Party B, and Party B will issue an invoice for the purchase of processed scrap materials to Party A.)

- 3.3 Phương pháp xác định khối lượng:** Khối lượng chất thải và phế liệu sau xử lý được xác định tại trạm cân của bên B (Bên B sẽ gửi giấy kiểm định cân có hiệu lực pháp luật cho bên A để lưu hồ sơ). Trong trường hợp bên B không có trạm cân thì khối lượng chất thải sẽ được xác định bằng thiết bị cân phù hợp có sự thống nhất của đại diện hai bên. Việc xác định khối lượng chất thải sẽ chịu sự giám sát của đại diện hai bên.

(Methods of determining the volume: The volume of waste and scrap after processing will be determined at Party B's weighing station (Party B will send a legally valid weighing station calibration certificate to Party A for record keeping). If Party B does not have a weighing station, the volume of waste will be determined using suitable weighing equipment with the agreement of representatives from both parties. The determination of the waste volume will be supervised by representatives from both parties.

Phương thức thanh toán:

(Payment Method divided)

- Các Bên sẽ thanh toán cho nhau các chi phí bằng hình thức chuyển khoản theo số tài khoản nêu trong hợp đồng (phí chuyển khoản do bên thanh toán chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày các bên nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ.

(The Parties shall settle each other's expenses by bank transfer to the account number specified in the contract (transfer fees shall be borne by the paying party). Payment shall be made no later than 15 days from the date the Parties receive a valid financial invoice.)

(Định kỳ việc tổng hợp, thống kê số liệu chất thải thống nhất kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng đó. Thời gian đối chiếu và xuất hoá đơn tài chính cho hai bên sẽ được thực hiện trong vòng 5 ngày tiếp theo)

(The compilation and statistical analysis of unified waste data is completed periodically on the last day of each month. The reconciliation and issuance of financial invoices for both parties will be completed within the following 5 days)

- 3.5** Các Bên phải thông báo cho nhau trong trường hợp thay đổi thông tin trong hoá đơn tài chính sẽ được phát hành. Nếu không nhận được thông báo của các bên thì sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

(The parties must notify each other of any changes to the information in the financial invoice to be issued. Failure to receive notification from either party will void any liability once the invoice has been issued.)

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

(Article 4: Responsibilities of Parties)

4.1 Trách nhiệm của bên A:

(4.1 Responsibilities of Party A)

- Đảm bảo việc tiếp nhận chất thải đúng với quy định pháp luật và quy định của Việt Nam và đúng như điều 02.

Ensure the waste reception properly with the laws and the provisions of Vietnam and exactly as Article 02

- Giữ vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thu gom và vận chuyển.
Environmental hygiene during collection and transportation
- Trang bị Bảo hộ lao động phù hợp trong suốt quá trình thu gom chất thải nguy hại.
Equipped with suitable labor protection during hazardous waste collection.
- Bên A có trách nhiệm thực hiện việc vận chuyển và xử lý an toàn lượng chất thải đã được bên B bàn giao theo đúng pháp luật và quy định Việt Nam, và cam kết thực hiện đúng theo các phương pháp xử lý đã thỏa thuận với bên B (theo điều 3.1 của hợp đồng này)

Party A is responsible for carrying out the transport and safe handling of waste quantity handover from Party B in accordance with the law and Vietnam regulations, and is committed to comply with the treatment method agreed with Party B (Article 3.1 of this contract)

- Phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề vận chuyển, thu gom, và xử lý chất thải theo quy định của Pháp luật và theo giấy phép môi trường của bên A đính kèm hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung trong đó bên A được cấp phép cung cấp dịch vụ theo hợp đồng này. Trong trường hợp có sự thay đổi về hồ sơ pháp lý có liên quan, bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày thay đổi.

Must be thoroughly complied to the regulations on the registration and practicing license of transportation, collection and waste treatment as prescribed by the law and environmental permit of Party A noted to this contract, including but not limited to the contents of which Party A licensed for providing service under this contract. In case of a change in legal dossiers related, Party A shall be responsible for providing to Party B within 07 (seven) days from the date of the change.

- Có trách nhiệm cung cấp cho bên B các giấy tờ pháp lý cần thiết có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại theo quy định pháp luật để chứng minh bên A xử lý đúng quy trình.

Being responsible for providing to Party B the necessary legal dossiers relating to the operation of hazardous waste treatment in accordance with the legal regulations to prove that Party A handles properly.

- Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B liên 4 của chứng từ CTNH trong vòng 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) (có sự xác nhận và đóng dấu ở mục số 8 – xác nhận hoàn thành xử lý).

Party A shall be responsible for providing to Party B the pages 4 of the HW documents within 60 days after the receipt day of hazardous waste under the provisions of Circular No.07/2025/ TT-BTNMT (with confirmation and stamped at position No. 8 - confirmed for complete treatment

- Bên A cam kết không liên kết với bên thứ ba trong việc xử lý chất thải nguy hại theo hợp đồng này.

Party A committes to not linking with third party for the handling of hazardous waste under this contract.

- Cung cấp phương tiện chuyên dụng, đủ điều kiện vận chuyển và mang các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom tại Nhà máy của bên B.

Providingspecialized vehicles, qualified transportation and carries safety equipment necessary to collect at the factory of Party B.

- Bên A có trách nhiệm vận chuyển CTNH từ bên B đến Nhà máy xử lý CTNH của Bên A để xử lý (địa chỉ: ấp Nhân Hoà, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

Party A is responsible for transporting of hazardous waste from Party B to the hazardous waste treatment plant of Party A for treatment (address: Nhan Hoa hamlet, Hung Thinh Commune, Dong Nai province, Viet Nam.)

Phối hợp với Bên B lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật. (Chứng từ CTNH theo mẫu của Bộ Tài nguyên – Môi trường do bên A cung cấp, có ký tên và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật công ty hoặc người được uỷ quyền hợp pháp).

Coordinating with Party B setting of HW documents under legal regulations. (HW document form is of the Ministry of Natural Resources - Environment provided by Party A, signed and stamped by the legal representative of the company or person legally authorized).

- Đối với các doanh nghiệp chế xuất hoặc thuộc khu chế xuất thì Bên A phối hợp bên B trong việc khai báo Hải Quan, đóng thuế nhập khẩu, thuế GTGT theo luật Thuế và luật Hải Quan cho các hoạt động thương mại phát sinh (nếu có).

For Export Processing Enterprises or in Export Processing Zones, Party A coordinates with Party B in Customs declaration, pays TAX import, VAT under the Tax Law and the Customs Law for commercial operations (if any).

4.2 Trách nhiệm của bên B:

(4.2 Responsibilities of Party B)

- Thực hiện đúng như điều 01.
(Party B must obey Article 01)
- Thanh toán đúng như điều 03.
(Party B is responsible for payment following Article 03)
- Đào tạo/Huấn luyện các nội dung về an toàn lao động, vệ sinh môi trường của bên B (nếu có) cho các nhân viên của bên A khi nhân viên bên A lần đầu đến thu gom CTNH tại địa điểm phát sinh CTNH của bên B và cấp chứng chỉ/giấy phép an toàn nội bộ (nếu có)
(Training workers staff of Party A on the contents of labor safety, environmental hygiene of Party B (if any), when Party A workers comes to the first collection of the hazardous waste generated at the place of Party B and certificated / licensed for internal safety (if any))
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.
(Giving favorable conditions for Party A to collect wastes. Providing all necessary waste information related, whenever Party A requests)
- Phối hợp với Bên A trong việc lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật. (Chứng từ CTNH theo mẫu của Bộ Tài Nguyên Môi trường do bên A cung cấp)
(Cooperating with Party A in setting and delivering the HW documents in accordance with the Law. Party A is responsible for providing the Ministry of Natural Resources and Environment)
- Nếu bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên B sẽ phải nộp phạt cho bên A với lãi suất 1% /tháng trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

(If Party B pays in later than the payment deadline agreed on the contract, Party B shall pay the penalty to Party A with the interest of 1% per month for the total amount)

- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nhưng nếu bên A vi phạm pháp luật trong vấn đề xử lý chất thải và bị xử phạt, bên B có thể liên hệ đối tác thứ ba để nhờ xử lý chất thải của bên B

(Party B must not deliver wastes to any other partner besides Party A during validation of this contract or dispose wastes himself. However, if Party A violates the law on waste disposal and gets fined, Party B can contact to the third Party for its waste disposal)

ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN

ARTICLE 5: INFORMATION CONFIDENTIAL

5.1 Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của mỗi bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên sở hữu còn lại.

5.1 All information and technical know-how and any security techniques documents derived from this contract will be the property of each parties and in any circumstance is not allowed to disclose to third party, If there is not acceptance by written consent of the remaining owners

5.2 Trách nhiệm giữ bí mật của cả hai bên tại khoản 5.1 nêu trên không áp dụng đối với các thông tin trình báo cáo, công ty mẹ của mỗi bên, các cổ đông hoặc các công ty con, chi nhánh, công ty kiểm toán hoặc cơ quan khác có liên quan theo yêu cầu của pháp luật.

5.2 Responsibility to keep confidential by both sides in Article 5.1 above that shall not apply to information for reporting, the parent company of each party, the shareholder or its subsidiaries, branches, audit companies or other relevant authorities as required by the Law

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

(Article 6: Implementation duration)

6.1 Hợp đồng này có giá trị trong vòng **01 (một) năm kể từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026**. Sau ngày hết hạn hợp đồng, hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực thực hiện đến khi hai bên có thông báo mới về việc điều chỉnh giá hoặc sửa đổi, bổ sung điều khoản hợp đồng.

(This contract is valid for one (1) year from January 01, 2026 to December 31, 2026. After the contract expires, this contract will continue to be in effect until both parties give new notice regarding price adjustments or amendments to the contract terms.)

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 7: TERMINATION OF CONTRACT

- Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

The contract was terminated in the following circumstances:

- Theo điều 6 của hợp đồng này.

According to Article 6 of this contract.

- Nếu Bên A hoặc Bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng này, Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này bằng cách gửi văn bản thông báo cho bên vi phạm. Mọi chi phí phát sinh liên quan do bên vi phạm chịu trách nhiệm thanh toán. Hợp đồng bị chấm dứt khi bên vi phạm nhận được văn bản thông báo của bên còn lại.

If Party A or Party B seriously violates the terms of this contract, the other party is entitled to unilaterally terminate this contract by sending written notification to the breaching party whom is also responsible for payment on arising expenses relating. The contract is terminated when the breaching party receives written notification of the rest.

- Nếu một trong hai bên A và B mong muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do có sự thay đổi chính sách kinh Doanh của công ty. Trường hợp này, bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia ít nhất 60 ngày làm việc trước ngày đề xuất kết thúc.

If either of Party A and Party B wishes to terminate the contract ahead of time by changing the business policy of the company. This case, he shall notify the other party at least 60 working days.

- Khi chấm dứt hợp đồng, các tài sản/phương tiện/thiết bị do bên A hoặc B đầu tư/cung cấp cho bên còn lại sẽ được thu hồi. Trường hợp tài sản/phương tiện/thiết bị có sự hư hao thì hai bên sẽ thống nhất chi phí đền bù thiệt hại để bồi hoàn cho bên cung cấp tài sản/phương tiện/thiết bị (nếu có).

When terminating the contract, the properties / vehicles / equipments invested by Party A or Party B which was provided to the other party be recovered. In case of which in damage, the two parties will agree together on the cost of compensation to reimburse the providers (if any).

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(Article 8: General terms)

8.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

(Both Parties commit to fulfill correctly all articles of this contract; neither of parties is allowed to change this contract's contents or terminates this contract oneself without Parties' agreement in writing. Any Party that violates this contract must pay whole damages to the disadvantaged Party)

8.2 Nếu bên B để chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp, rác y tế và rác sinh hoạt lẫn vào nhau thì bên A sẽ từ chối tiếp nhận lô hàng để lẫn đó hoặc xử lý lô hàng để lẫn đó như chất thải nguy hại nếu bên B có yêu cầu thu gom, đơn giá do hai bên thỏa thuận. Hai bên sẽ căn cứ vào Chứng từ CTNH (theo mẫu thông tư 07/2025/TT-BTNMT) để báo cáo các cơ quan chức năng liên quan.

8.2 If Party B does not sort of hazardous waste, industrial waste, medical waste but mixed together, Party A will refuse to receipt it or will have it treated as the hazardous waste as Party B requirement, the treatment cost will be agreed by both party. The two sides will base

on hazardous waste document (According to the form of Circular 07/2025/TT-BTNMT) to report to the relevant authorities.

8.3 Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của hợp đồng này.

(The Annexes and Agreements enclosed to this contract are valid and inseparable following as this contract's validity)

8.4 Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

(Any litigation arising must be discussed and solved by both Parties resolved in a spirit of cooperation and mutual benefit. If the parties cannot resolve the dispute by themselves, its matter takes to Dong Nai People's court for resolving and judgment of the Court is final decision. All costs of the adjudication paid by the losing party)

8.5 Khi hợp đồng được tiến hành thanh lý, mỗi bên có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với bên kia, cụ thể:

8.6 *When the contract is conducted for liquidation, each party shall have a responsibility to fulfill his obligations to the other party with the detail follow;*

- Bên A có nghĩa vụ hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại và các chứng từ liên quan gửi bên B trước khi tiến hành thanh lý hợp đồng.

Party A is obliged to complete the disposal of hazardous waste and the related documents sent Party B before the liquidation of the contract.

- Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho bên A trước khi tiến hành thanh lý hợp đồng.

Party B is responsible for implementation of fully financial obligations to Party A before the liquidation of the contract.

8.6 Hợp đồng trên được lập thành 04 bản song ngữ Việt-Anh, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau (hợp đồng gồm 10 trang và 01 phụ lục kèm theo).

(This contract is made into 04 copies in Vietnamese and English bilingualism, each party keeps 02 copies with the same value and contents. This contract includes 10 pages and ...01annex enclosed to the contract)

Đại diện Bên A
(For and on behalf of Party A)



VŨ VĂN LỘC

Đại diện Bên B
(For and on behalf of Party B)



K. Dai Jang

CN NHÀ MÁY XỬ LÝ CTNH VÀ CTRSH
(HAZARDOUS AND DOMESTIC WASTE
TREATMENT PLANT)

CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN
(TAI TIEN TM JOIN STOCK COMPANY)

No: 001- 418 /12-2025/PLHĐCTNH&PL – TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
(SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom – Happiness)

00000

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG (CONTRACT ADDENDUM)

(V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý)

(Collection, transportation, and treatment of hazardous waste, and collection of scrap materials after treatment.)

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602168686-001 của chi nhánh Nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ Phần TM Tài Tiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 26/07/2010 và cấp lần bảy ngày 05/03/2025.

(Pursuant to the registration certificate of a branch No. 3602168686-001 of Hazardous and Domestic solid wastes treatment Plant – Branch of Tai Tien JSC issued by Department of Planning and Investment of Dong Nai province on July 26th, 2010, the seventh amended on March 05th, 2025;

- Theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý số : 418 /12-2025/HĐCTNH-TT đã ký ngày 24/12/2025.

(According to Contract No: 418 /12-2025/HĐCTNH-TT for the collection, transportation and treatment of Industrial waste must be controlled. and the purchase of post-treatment scrap materials, signed on December 24, 2025.).

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2026 tại văn phòng **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**. Chúng tôi gồm:

(Today, December 24, 2025, at the office of HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD. We, the undersigned, are):

BÊN A: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

* Đại diện pháp lý: **Ông VŨ VĂN LỘC** Chức vụ: Giám đốc

* Địa chỉ: Ấp Nhân Hòa, Xã Hưng Thịnh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

* Điện thoại: 02516-294986

* MST: 3602168686-001

* Tài khoản số: 113002994224 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chi nhánh Đồng Nai.



**(Party A: HAZARDOUS AND DOMESTIC WASTE TREATMENT PLANT -
BRANCH OF TAI TIEN TM JOINT STOCK COMPANY**

Legal Representative: Mr VU VAN LOC Position: Director

Address: Nhan Hoa hamlet, Hung Thinh village, Dong Nai province, Viet Nam.

Tel: 02516-294986

Tax code: 3602168686-001

*Account No.: 113002994224 at Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade
of Vietnam. Branch: Dong Nai Branch*

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

* Đại diện: *KIM DAI JOON NG* Chức vụ: *Giám đốc kỹ thuật*

* Địa chỉ: Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt
Nam.

* Số Tài khoản ngân hàng :

* Điện thoại: 0251 3566000

Fax: 0251 3569448

* MST: 3603875818

(Party B: HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD.

Legal representative: KIM DAI JOON NG Position: Technical Director,

*Head office: Road N3, Nhon Trach 5 Industrial Park, Nhon Trach commune, Dong
Nai Province, Vietnam.*

Account No.:

Tel: 0251 3566000

Fax: 0251 3569448

Tax code: 3603875818

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý với nội dung như sau:

The two sides have discussed and agreed on the unit prices for the collection, transportation, treatment of Industrial waste must be controlled. and the purchase of scrap materials after treatment, with the following details:

1. GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ THU MUA LẠI SAU XỬ LÝ:

(1. PRICES FOR HAZARDOUS WASTE TREATMENT AND PURCHASE AFTER TREATMENT)

STT (No.)	Tên chất thải (Items)	Mã CTNH HW (code)	Đơn vị tính (Unit)	Giá xử lý Treatment (VND)	Giá thu mua sau xử lý (Purchase price after processing) (VND)
01	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch	07 03 11	kg	1.000	5.500

Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu mua phế liệu sau xử lý

thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác <i>Chips from forming or grinding processes contain oil, emulsions, or oily waste solutions or other hazardous components.</i>				
---	--	--	--	--

Ghi chú (Note):

Chi phí xử lý và thu mua lại phế liệu sau xử lý chưa bao gồm thuế VAT, % VAT thay đổi theo quy định pháp luật hiện hành.

(The cost of processing and repurchasing scrap materials after processing does not include VAT; the VAT percentage is subject to change according to current legal regulations.)

Đơn giá trên đã bao gồm phí thu gom vận chuyển và xử lý.
(The above unit price includes collection, transportation and treatment fees)

2. Thời gian và địa điểm giao nhận (Time and Place of Delivery)

- Thời gian (Time): Theo yêu cầu của bên B (Bên B báo trước cho Bên A trong vòng 2 ngày làm việc)

(Time: Party B's request, noticed withintwoworking days.)

- Địa điểm (Place): Tại kho chứa chất thải của Bên B *(The store-house of Party B)*
- Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

(Both Parties commit to fulfill correctly all articles of this contract and annexes. This annex is made into 04 (four) copies, each party keeps 02 (two) copies with the same value)

Đại diện Bên A
(For and on behalf of Party A)



VŨ VĂN LỘC

Đại diện Bên B
(For and on behalf of Party B)



Đại Juy



CONTRACT

Staff	D. Chief	K. SUPERVISOR	G. DIRECTOR
			
	07/21		

Environment & Safety Dept

1. TITLE OF CONTRACT : COLLECTION,TRANSPORTATION & TREATMENT OF HAZARDOUS WASTE
OF HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. ORDER MAKER : TAI TIEN COMPANY LIMITED
3. CONTRACT PERIOD : 2025/08/01 ~ 2026/07/31

4. THE COST OF CONTRACTION :

Item	TAI TIEN Co.,Ltd
	Unit price(VND/kg)
Activated carbon waste	2,600
Oil	1,200
Vecni thải	2,400
Sludge	2,400
Electric waste	1,500
Material Fireproof	2,600
Contaminated rags	2,600
Contaminated soft bottles	2,000
Contaminated iron bottles	1,200
Contaminated plastic bottles	1,200
Contaminated other bottles	2,500

5. COMPANY : HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

HỢP ĐỒNG

(V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát)

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm Hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 v/v Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép đăng ký kinh doanh số 3602168686 của Công ty Cổ Phần TM Tài Tiến do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp phép ngày 11/11/2009, điều chỉnh lần thứ 16 ngày 19/12/2024;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602168686-001 của chi nhánh Nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ Phần TM Tài Tiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 26/07/2010 và cấp lần bảy ngày 05/03/2025.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 433/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21/10/2024;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2025, tại văn phòng **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN

- * Đại diện pháp lý: **Ông VŨ VĂN LỘC** Chức vụ: Giám đốc
- * Địa chỉ: ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- * Điện thoại: 02516-294986
- * MST: 3602168686-001
- * Tài khoản số : 113002994224 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
Chi nhánh Đồng Nai

Bên B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Đại diện: **Ông ...KIM SANG HACK.....** – Chức vụ:

Địa chỉ: : Đường N3, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513569350

Fax: 02513569229

MST: 3603875818

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (gọi tắt là CTNH, CTCN phải kiểm soát) với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

Bên B đồng ý thuê bên A làm đối tác trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo danh mục phát sinh trong giấy phép môi trường của bên B. Danh mục chất thải được ghi rõ tại mục 3.1 của hợp đồng

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI

2.1 Địa điểm tiếp nhận chất thải.

Bên A sẽ tiếp nhận CTNH tại công ty của Bên B (Địa chỉ: Đường N3, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

2.2 Thời gian tiếp nhận chất thải.

Tần suất thu gom: Theo yêu cầu của Bên B được tiến hành định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất của bên B bao gồm cả ngày Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ Tết.

Thời gian thu gom CTNH: Theo thỏa thuận giữa hai bên. Trong các trường hợp khẩn cấp có thể thông báo cho bên A trước 4 tiếng cho bộ phận phụ trách thu gom và chứng từ để có kế hoạch tiếp nhận.

Bên B thông báo giao chất thải bằng điện thoại, e-mail, Bên A sẽ điều động phương tiện hợp lệ và nhân lực đến địa điểm của Bên B như nêu ở Điều 2.1 địa điểm tiếp nhận chất thải

2.3 Điều kiện lưu chứa chất thải

Chất thải được bên B thu gom, phân loại đảm bảo không để lẫn CTNH và chất thải khác đồng thời lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường và nếu là chất thải nguy hại phải dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che (Việc phân loại, đóng gói bao bì và dán nhãn CTNH do bên B tự thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Đơn giá xử lý chất thải được thể hiện trong phụ lục kèm theo, danh mục xử lý chất thải như sau:

STT	Tên chất thải	Mã	Đơn vị tính	Phương pháp xử lý
1	Than hoạt tính thải	02 11 02	Kg	Hóa rắn, sản xuất gạch block

2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại	07 03 05	Kg	Thiêu đốt, tro xỉ hóa rắn
3	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	08 01 01	Kg	Thiêu đốt, tro xỉ hóa rắn
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Kg	Cô lập trong hồ chôn CTNH
5	Thiết bị linh kiện, điện thải	16 01 13	Kg	Súc rửa, tái chế
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	Thiêu đốt, tro xỉ hóa rắn
7	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Kg	Súc rửa, tái chế
8	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Kg	Súc rửa, tái chế
9	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	18 01 04	Kg	Súc rửa, tái chế
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	Thiêu đốt, tro xỉ hóa rắn

3.2 Căn cứ vào khối lượng chất thải thu gom thực tế được hai bên xác nhận bằng chứng từ chất thải nguy hại, bên A sẽ xuất hóa đơn cho bên B.

3.3 Phương pháp xác định khối lượng: Khối lượng chất thải được xác định tại trạm cân của bên B (Bên B sẽ gửi giấy kiểm định cân có hiệu lực pháp luật cho bên A để lưu hồ sơ). Trong trường hợp bên B không có trạm cân thì khối lượng chất thải sẽ được xác định bằng thiết bị cân phù hợp có sự thống nhất của đại diện hai bên. Việc xác định khối lượng chất thải sẽ chịu sự giám sát của đại diện hai bên.

3.4 Phương thức thanh toán: Bên B sẽ thanh toán cho bên A chi phí xử lý CTNH và CTCN phải kiểm soát bằng hình thức chuyển khoản theo số tài khoản nêu trong hợp đồng (phí chuyển khoản do bên B chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn do bên A phát hành.

(Định kỳ việc tổng hợp, thống kê số liệu chất thải thống nhất kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng đó. Thời gian đối chiếu và xuất hoá đơn tài chính cho bên B sẽ được thực hiện trong vòng ngày cuối cùng của tháng).

3.5 Bên B phải thông báo cho Bên A trong trường hợp thay đổi thông tin trong hoá đơn tài chính sẽ được phát hành bởi Bên A. Nếu không nhận được thông báo của bên B, bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo việc tiếp nhận chất thải đúng như điều 02.
- Hỗ trợ bên B các thiết bị lưu trữ chất thải như (thùng 1000 lit có nắp và không nắp).
- Giữ vệ sinh trong quá trình thu gom và vận chuyển.
- Bên A có trách nhiệm thực hiện việc vận chuyển và xử lý an toàn lượng chất thải đã được bên B bàn giao theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam.
- Phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề vận chuyển, thu gom, và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của Pháp luật.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B liên 4 của chứng từ CTNH trong vòng 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư 07/2025/TT-BTNMT (có sự xác nhận và đóng dấu ở mục số 8 – xác nhận hoàn thành xử lý).
- Bên A có trách nhiệm vận chuyển CTNH và CTCN phải kiểm soát từ bên B đến Nhà máy xử lý CTNH của Bên A để xử lý (địa chỉ: ấp Nhân Hoà, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai)
- Phối hợp với Bên B lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật. (Chứng từ CTNH theo mẫu của Bộ Tài nguyên – Môi trường do bên A cung cấp, có ký tên và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật công ty hoặc người được uỷ quyền hợp pháp).

4.2 Trách nhiệm của bên B:

Thực hiện đúng như điều 01.

Thanh toán đúng như điều 03.

Đào tạo/Huấn luyện các nội dung về an toàn lao động, vệ sinh môi trường của bên B (nếu có) cho các nhân viên của bên A khi nhân viên bên A lần đầu đến thu gom CTNH và CTCN phải kiểm soát tại địa điểm phát sinh chất thải của bên B và cấp chứng chỉ/giấy phép an toàn nội bộ (nếu có)

Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.

Phối hợp với Bên A trong việc lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật. (Chứng từ CTNH theo mẫu của của Bộ Tài nguyên – Môi trường do bên A cung cấp) .

Nếu bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên B sẽ phải nộp phạt cho bên A với lãi suất 1% /tháng trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom, vận chuyển, xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN

5.1 Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của mỗi bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên sở hữu còn lại.

5.2 Trách nhiệm giữ bí mật của cả hai bên tại khoản 5.1 nêu trên không áp dụng đối với các thông tin trình báo cáo, công ty mẹ của mỗi bên, các cổ đông hoặc các công ty con, chi nhánh, công ty kiểm toán hoặc cơ quan khác có liên quan theo yêu cầu của pháp luật.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp đồng này có giá trị trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày **01/08/2025** đến ngày **31/07/2026**. Sau ngày hết hạn hợp đồng, hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực thực hiện đến khi hai bên có thông báo mới về việc điều chỉnh giá hoặc sửa đổi, bổ sung điều khoản hợp đồng.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Theo điều 6 của hợp đồng này.
- Nếu Bên A hoặc Bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng này, Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này bằng cách gửi văn bản thông báo cho bên vi phạm. Mọi chi phí phát sinh liên quan do bên vi phạm chịu trách nhiệm thanh toán. Hợp đồng bị chấm dứt khi bên vi phạm nhận được văn bản thông báo của bên còn lại.
- Nếu một trong hai bên A và B mong muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do có sự thay đổi chính sách kinh Doanh của công ty. Trường hợp này, bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày đề xuất kết thúc.
- Khi chấm dứt hợp đồng, các tài sản/phương tiện/thiết bị do bên A hoặc B đầu tư/cung cấp cho bên còn lại sẽ được thu hồi. Trường hợp tài sản/phương tiện/thiết bị có sự hư hao thì hai bên sẽ thống nhất chi phí đền bù thiệt hại để bồi hoàn cho bên cung cấp tài sản/phương tiện/thiết bị (nếu có).

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

8.2 Nếu bên B để chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp, rác y tế và rác sinh hoạt lẫn vào nhau thì bên A sẽ từ chối tiếp nhận lô hàng để lẫn đó hoặc xử lý lô hàng để lẫn đó như chất thải nguy hại nếu bên B có yêu cầu thu gom, đơn giá do hai bên thỏa thuận. Hai bên sẽ căn cứ vào Chứng từ CTNH (theo mẫu thông tư 07/2025/TT-BTNMT) để báo cáo các cơ quan chức năng liên quan..

8.3 Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của hợp đồng này.

8.4 Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

8.5 Khi hợp đồng được tiến hành thanh lý, mỗi bên có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với bên kia, cụ thể:

- Bên A có nghĩa vụ hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và các chứng từ liên quan gửi bên B trước khi tiến hành thanh lý hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho bên A trước khi tiến hành thanh lý hợp đồng.

8.6 Hợp đồng trên được lập thành 04 bản Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau

Đại diện Bên A



VU VĂN LỘC

Đại diện Bên B



KIM SANG HACK

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602168686-001 của chi nhánh Nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ Phần TM Tài Tiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 26/07/2010 và cấp lần bảy ngày 05/03/2025.

- Theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 215/07-2025/HĐCTNH-TT đã ký ngày 01/08/2025.

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2025, tại văn phòng **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN

- * Đại diện pháp lý: **Ông VŨ VĂN LỘC** Chức vụ: Giám đốc
- * Địa chỉ: ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- * Điện thoại: 02516-294986
- * MST: 3602168686-001
- * Tài khoản số : 113002994224 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
Chi nhánh Đồng Nai

Bên B: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Đại diện: **Ông ...KIM SANG HARK.....** – Tổng Giám đốc
Địa chỉ: : Lô B7, Đường N3, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: 02513569350 Fax: 02513569229
MST: 3603876963

1. GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:

STT (No.)	Tên chất thải (Items)	Mã CTNH (HW code)	Trạng thái tồn tại (State of existence)	Đơn vị tính (Unit)	Giá xử lý Treatment (VND)
1	Than hoạt tính thải	02 11 02	Rắn	Kg	2.600
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại	07 03 05	Lỏng	Kg	1.200
3	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	08 01 01	Rắn	Kg	2.400

STT (No.)	Tên chất thải (Items)	Mã CTNH (HW code)	Trạng thái tồn tại (State of existence)	Đơn vị tính (Unit)	Giá xử lý Treatment (VND)
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	Kg	2.400
5	Thiết bị linh kiện, điện thải	16 01 13	Rắn	Kg	1.500
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	Kg	2.000
7	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Rắn	Kg	1.200
8	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắn	Kg	1.200
9	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	18 01 04	Rắn	Kg	2.500
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg	2.600

586-00
NH
XỬ LÝ
T.Y. HẢI
SINH HO
CÓ PHẢI
TIỀN
T. ĐÓN

Ghi chú :

Chi phí xử lý và vận chuyển chưa bao gồm thuế VAT, % VAT thay đổi theo quy định pháp luật hiện hành)

2. Thời gian và địa điểm giao nhận

- Thời gian (theo yêu cầu của bên B (Bên B báo trước cho Bên A trong vòng 2 ngày làm việc)
- Địa điểm : Tại kho chứa chất thải của Bên B
- Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

8/11

Đại diện Bên A



VŨ VĂN LỘC

Đại diện Bên B



KIM SANG HACK

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:0A...../2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẠN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN Địa chỉ văn phòng: Tầng 8 tòa nhà Tinchgia Plaza.224 đường Hà Huy Giáp.P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở đại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai		Số: 463/GPMT-BTNMT ĐT: 0251 7308368 ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở đại lý:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1292	TD, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	860	TD, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TD, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	287	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bao vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	431	TD, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiăng thải	x			11 06 01		CL, C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐN (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hòa rã); CL (Cố lập Đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):	Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:
Số phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:	
Ký: Ngày: 05 / 1 / 2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	
Ký: Ngày: / / 2026	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 05 tháng 1 năm 2026	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2026
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 02...../2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNĐN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	5990	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiện phương tiện vận chuyển: <u>60K 72535</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Phan bá Lạc</u> Ký: <u>Lạc</u> Ngày: <u>06</u> / <u>11</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>06</u> tháng <u>11</u> năm 202 <u>6</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>16</u> tháng <u>01</u> năm 202 <u>6</u>
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...03.....2025/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433 GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Bàng, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0251 7308368

Địa chỉ cơ sở đại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNĐN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1585	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1055	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	352	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bao vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	528	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn: thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C

= Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đông xu lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

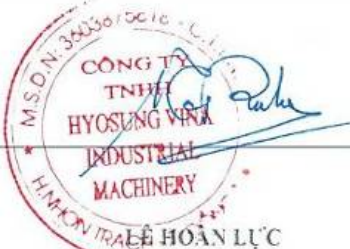
Nước nhập khẩu:

Cơ quan nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất khẩu:

Cơ quan xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>GGH-20441</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Nguyễn Hộ Lê</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>10/1/2026</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:/...../2026	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <u>Đồng Nai, ngày 10 tháng 1 năm 2026</u>  Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <u>Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2026</u>  GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lợi</u>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 04/2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinngiá Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNĐN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	6940	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiện phương tiện vận chuyển: <u>60H-140 6A</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Trần Văn Phong</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>10</u> / <u>1</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <u>Đồng Nai, ngày 10 tháng 1 năm 2026</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <u>Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2026</u>
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lộc</u>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...05...../2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN		Số: 433/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai		ĐT: 02517308368
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai		ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:
Địa chỉ cơ sở/dại lý:		ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY		Số:/GPMT-KCNDN
Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		ĐT: 02513 566 000
Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR. sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	585	TD. tro xỉ. HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL. C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL. C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL. C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	390	TD. tro xỉ. HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL. C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi. TC. C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TD. tro xỉ. HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	130	Súc rửa. TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa. TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa. TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	195	TD. tro xỉ. HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ. TC, tro xỉ. HR. C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL. C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xư lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):	Nước nhập khẩu:	Cơ quan nhập:
Số phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cơ quan xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>66H349M</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: <u>Tham dự khai</u> Ký: <u>ky</u> Ngày: <u>12/1/2026</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:/...../2025	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>12</u> tháng <u>01</u> năm <u>2026</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>23</u> tháng <u>01</u> năm <u>2026</u>
 LE HOAN LUC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11		Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>60H 140621</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: <u>Trần Văn Phong</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>13</u> / <u>1</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>13</u> tháng <u>1</u> năm 202 <u>6</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>24</u> tháng <u>01</u> năm 202 <u>6</u>
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lợi
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>01</u>/202 <u>6</u> /433/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN						Số: 433/GPMT-BTNMT	
Địa chỉ văn phòng: Tầng 8 tòa nhà Tinchgia Plaza.224 đường Hà Huy Giáp.P.Trần Biên. tỉnh Đồng Nai						ĐT: 02517308368	
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa. xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai						ĐT:	
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:						Mã số QLCTNH:	
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:	
Địa chỉ cơ sở/dại lý:						ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY						Số:/GPMT-KCNDN	
Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V. Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						ĐT: 02513 566 000	
Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						ĐT: 02513 566 000	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	<u>864</u>	TD, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	<u>576</u>	TD, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TD, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	<u>192</u>	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	<u>288</u>	TD, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):				Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:	
Số phương tiện:				Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:	

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>60H 34971</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: <u>Phạm Duy Phan</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>13.1</u> / <u>2026</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 2025	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>13</u> tháng <u>1</u> năm <u>2026</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>24</u> tháng <u>01</u> năm <u>2026</u>
 TRƯỞNG BỘ PHẬN MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lộc</u>
@ Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:09...../2026/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	3750	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>60H 14064</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Trần Văn Phong</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>16</u> / <u>1</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <u>Đồng Nai, ngày 16 tháng 1 năm 2026</u>  LÊ HOÀN LỤC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <u>Đồng Nai, ngày 27 tháng 01 năm 2026</u>  GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lộc</u>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số:09...../2025/433/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai							Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:							Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam							Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1418	TĐ, tro xi, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	945	TĐ, tro xi, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xi, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	315	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	472	TĐ, tro xi, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xi, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiăng thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập:		
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>60H20424</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Nguyễn Hồng Phái</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>20</u> / <u>1</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>20</u> tháng <u>1</u> năm 202 <u>6</u>  LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>31</u> tháng <u>01</u> năm 202 <u>6</u>  GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:10...../2025/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	5740	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đói); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>Q04 14064</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH (Đơn vị vận chuyển): <u>Trần Văn Phong</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>22</u> / <u>1</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <u>Đồng Nai, ngày 22 tháng 1 năm 2026</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <u>Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026</u>
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	9610	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hòa rắn); CL (Cố lập/Đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: 64C 03186 Lê Thanh Hải Ký: <i>[Signature]</i> Ngày: 29 / 1 / 202 6	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 29 tháng 1 năm 202 6 .	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 202 6
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...12.../2024/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinngia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	2515	TĐ, tro xi, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1677	TĐ, tro xi, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xi, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	559	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	839	TĐ, tro xi, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xi, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiăng thải	x			11 06 01		CL, C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):	Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:
Số phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>501 34134</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày: <u>03</u> / <u>2</u> / 202<u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  <u>Đồng Nai, ngày 03 tháng 2 năm 2026</u> LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4  <u>Đồng Nai, ngày 16 tháng 02 năm 2026</u> GIÁM ĐỐC <i>Vũ Văn Lộc</i>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...12.../2026/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	6070	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phưng tiện vận chuyển: <u>29H25498</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Phạm Văn Sỹ</u> Ký: <u>Sỹ</u> Ngày: <u>05</u> / <u>2</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202 <u>6</u>	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) <u>Đồng Nai, ngày 05 tháng 2 năm 2026</u>  LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <u>Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2026</u>  GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lộc</u>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:14...../2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT RÁC RỒI SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trầ Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai		Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	2448	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1632	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	544	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	816	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pín, ốc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C

* Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:
Số phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cơ sở xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu ghi trong tiền vận chuyển: <u>29H78892</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: <u>Tống Văn Lộc</u> Ký: Ngày: <u>10</u> / <u>2</u> / 2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 2026	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>10</u> tháng <u>2</u> năm 2026	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>23</u> tháng <u>02</u> năm 2026
 Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
④ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 15/2016/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tầng 8 tòa nhà Tinnghĩa Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0251 7308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	8750	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

= Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 78892	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: Ông <u>Văn Tấn</u> Ký:..... Ngày: <u>12</u> / <u>2</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>12</u> tháng <u>2</u> năm 202 <u>6</u>  LÊ HOÀN LỤC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>25</u> tháng <u>02</u> năm 202 <u>6</u>  GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI
CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/202.../433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	2975	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1983	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	660	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	992	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

@ Liên số : 1□ - 2□ - 3□ - 4□

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 17/2016/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tầng 8 tòa nhà Tinnghĩa Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	6600	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/Đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH mẫu con:

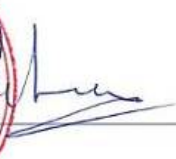
Nước nhập khẩu:

Cơ quan nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảnh:

Cơ quan xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiện phương tiện vận chuyển: <u>60H 34094</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày: <u>26</u> / <u>2</u> / 202<u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>26</u> tháng <u>2</u> năm 202 <u>6</u>   LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>11</u> tháng <u>03</u> năm 202 <u>6</u>   GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:18...../2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trầ Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1926	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09	1	CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01	1	CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02	1	CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1284	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05	1	CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13	1	Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	1	TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	428	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03	1	Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04	1	Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	642	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01	1	Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01	1	CL, C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C 645H	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Nữ Nam Hoàng Ký: Ngày: 03/3/2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 03 tháng 3 năm 2026  LÊ HOÀN LỤC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2026  GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghĩa Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai						Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:	
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:						Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000	
4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	7600	Tẩy rửa, thu hồi kim loại
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số phương tiện		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>29C 645H</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: <u>Lê Nguyễn Nam Hoàng</u> Ký: <u><i>[Signature]</i></u> Ngày: <u>05/3/2026</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: _____ Ký: _____ Ngày: ____/____/202__	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>05</u> tháng <u>3</u> năm 202 <u>6</u>  <u>LÊ HOÀN LỰC</u> Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>16</u> tháng <u>03</u> năm 202 <u>6</u>  GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lộc</u>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: ... <u>10</u> .../20 <u>24</u> .../433/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza.224 đường Hà Huy Giap.P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai							Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:							Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam							Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thái	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1400	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	933	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thái	x			18 01 02	310	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	467	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thái), amiang thái	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập:		
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>64C 03186</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:	
.....	Ký:..... Ngày: <u>10</u> / <u>3</u> / 202 <u>6</u>
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	
.....	Ký:..... Ngày: / / 202...
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày <u>10</u> tháng <u>3</u> năm 202 <u>6</u>	Đồng Nai, ngày <u>10</u> tháng <u>3</u> năm 202 <u>6</u>
 LÊ HOÀN LỤC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 Hoàng Bông Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
@ Liên số : 1□ - 2□ - 3□ - 4□	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:21...../2026/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	8340	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiện phương tiện vận chuyển: B4C 03186	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Thanh Hải Ký:  Ngày: 12/3/2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:/...../202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã tổng nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2026 .	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2026
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Số: <u>22</u> ../202 <u>4</u> /433/GPMT-BTNMT							
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza.224 đường Hà Huy Giap.P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai						Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:	
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:						Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1458	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	972	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	324	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	486	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập:		
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 64C 03186

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Lê T. Huân

Ký:



Ngày: 17 / 3 / 2026

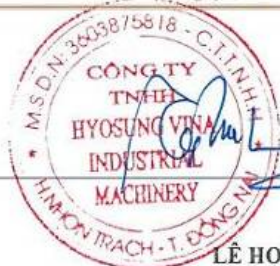
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày: / / 202...

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2026



LÊ HOÀN LỰC

Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2026



@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:**23**.../20**26**/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHANH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xi, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xi, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xi, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xi, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xi, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	9150	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

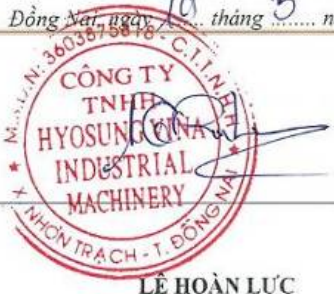
Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất hàng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>60H 34631</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày: <u>19</u> / <u>8</u> / 202<u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>19</u> tháng <u>8</u> năm 202 <u>6</u>  LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>19</u> tháng <u>8</u> năm 202 <u>6</u>  GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:**24**...../20**26**/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN		Số: 433/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai		ĐT: 02517308368
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai		ĐT:
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:
Địa chỉ cơ sở/dại lý:		ĐT:
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY		Số:/GPMT-KCNDN
Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		ĐT: 02513 566 000
Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		ĐT: 02513 566 000

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	250	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1119	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	1801	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	560	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11		Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hòa rã); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):	Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:
Số phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu xuất:

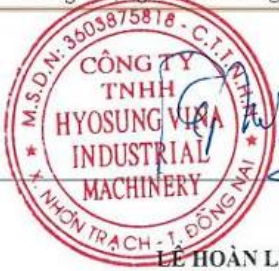
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>64C 03186</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Lê Thanh Hải</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>24</u> / <u>3</u> / 202 <u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>24</u> tháng <u>3</u> năm 202 <u>6</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>3</u> tháng <u>4</u> năm 202 <u>6</u>
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC <u>Vũ Văn Lộc</u>
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...25.../202.6433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHANH NHA MAY XU LY CHAT THAI NGUY HAI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN					Số: 433/GPMT-BTNMT		
Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai					ĐT: 02517308368		
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai					ĐT:		
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:					Mã số QLCTNH:		
Địa chỉ văn phòng:					ĐT:		
Địa chỉ cơ sở/dại lý:					ĐT:		
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY					Số:/GPMT-KCNDN		
Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam					ĐT: 02513 566 000		
Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam					ĐT: 02513 566 000		
4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	8710	Tẩy rửa, thu hồi kim loại
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐN (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hỏa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Quốc nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số phương tiện:		Ngày xuất cảnh:		Cửa khẩu xuất:			

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: 60K 60666	
Thân Trọng Quên	Ký: Ngày: 26/03/2026
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	
Ký: Ngày:/...../202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2026	Đồng Nai, ngày 5 tháng 4 năm 202...
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số:26.../2026/433/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN						Số: 433/GPMT-BTNMT	
Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza.224 đường Hà Huy Giap.P.Trần Biên. tỉnh Đồng Nai						ĐT: 02517308368	
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai						ĐT:	
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:						Mã số QLCTNH:	
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:	
Địa chỉ cơ sở/dại lý:						ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY						Số:/GPMT-KCNDN	
Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						ĐT: 02513 566 000	
Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						ĐT: 02513 566 000	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR. sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	2470	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1647	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	549	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	824	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH nếu có:		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập:		
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60K 72535	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày: 01/4/2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:/...../2026	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2026	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2026
 Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...27.../2016/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
16	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	9140	Tẩy rửa, thu hồi kim loại

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

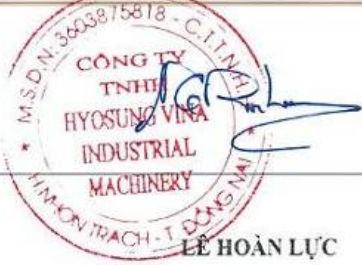
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu chứng nhận vận chuyển: 64C 03186	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:	
Ký:	Ngày: 02/4/2026
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	
Lê Tuấn Hoàn	Ký: [Signature] Ngày:/...../202...
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2026	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2026
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 Vũ Văn Lộc GIÁM ĐỐC
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:22...../2026/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giáp, P. Trảng Bàng, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai		Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	2061	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1374	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	458	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	687	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:	
.....	Ký:..... Ngày: 07/4/2026
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	
.....	
Ký:..... Ngày:/...../202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2026	Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2026
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1□ - 2□ - 3□ - 4□	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:30...../2026./433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNĐN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02	1	HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1818	TD, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09	1	CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01	1	CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02	1	CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1212	TD, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05	1	CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13	1	Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	1	TD, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải (A)	x			18 01 02	404	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03	1	Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04	1	Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giặt lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	606	TD, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01	1	Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bảo ôn thải), amiang thải	x			11 06 01	1	CL, C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>60K60665</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký:..... Ngày: <u>14</u> / <u>4</u> / 202<u>6</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày: / / 202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày <u>14</u> tháng <u>4</u> năm 202<u>6</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày <u>24</u> tháng <u>4</u> năm 202<u>6</u>
 LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	 GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐	

ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 312024/433/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN

Số: 433/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02517308368

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai

ĐT:

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/dại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

Số:/GPMT-KCNDN

Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 02513 566 000

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xi, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	8360	Tẩy rửa, thu hồi kim loại
5	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
6	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
7	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xi, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
9	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xi, HR
11	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
13	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
14	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xi, HR
15	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xi, HR, C
16	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C

Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện

Ngày xuất cảnh:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 64C 03186

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Lữ Thanh Hải



Ngày: 16/4/2026

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:/...../202...

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2026



Đã Hoàn Lũc

Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2026



GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Lộc

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Số: <u>32</u> ../2025/433/GPMT-BTNMT							
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 đường Hà Huy Giap, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai						Số: 433/GPMT-BTNMT ĐT: 02517308368 ĐT:	
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:						Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						Số:/GPMT-KCNDN ĐT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05	1980	TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
5	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
6	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01	1220	TĐ, tro xỉ, HR
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
8	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
9	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	440	Súc rửa, TC
11	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	660	TĐ, tro xỉ, HR
14	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
15	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiăng thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập:		
6. Phương tiện		Ngày xuất cung			Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển:	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày: 21/4/2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày: / / 2025	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2026  ĐỀ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 21 tháng 5 năm 2026  GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số : 1□ - 2□ - 3□ - 4□	

ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Số: <u>33</u>/202 <u>6</u> /433/GPMT-BTNMT							
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIỀN Địa chỉ văn phòng: : Tầng 8 tòa nhà Tinnghia Plaza.224 đường Hà Huy Giap.P.Trần Biên. tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Nhàn Hòa, xã Hưng Thịnh Tỉnh Đồng Nai						Số: 433/GPMT-BTNMT DT: 02517308368 ĐT:	
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/đại lý:						Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY Địa chỉ văn phòng: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Địa chỉ thu gom: Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						Số:/GPMT-KCNDN DT: 02513 566 000 ĐT: 02513 566 000	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Than hoạt tính thải	x			02 11 02		HR, sản xuất gạch Block
2	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công, tạo hình kim loại		x		07 03 05		TĐ, tro xỉ, HR
3	Bùn thải nghiền mài có dầu			x	07 03 09		CL, C
4	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	x			07 03 11	7830	Tẩy rửa, thu hồi kim loại
5	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	x			07 04 01		CL, C
6	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	x			07 04 02		CL, C
7	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ	x			08 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		CL, C
9	Thiết bị linh kiện, điện thải	x			16 01 13		Thu hồi, TC, C
10	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ, tro xỉ, HR
11	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02		Súc rửa, TC
12	Bao bì cứng bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa, TC
13	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	x			18 01 04		Súc rửa, TC, nước thải xử lý tại HTXL
14	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ, tro xỉ, HR
15	Pin, ắc quy thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC, tro xỉ, HR, C
16	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải (bao ôn thải), amiang thải	x			11 06 01		CL, C
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập:		
Số phương tiện		Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60K60665	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký:..... Ngày: 24/4/2026	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:/...../202...	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 202 6  LÊ HOÀN LỰC Trưởng bộ phận Môi Trường và An Toàn (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Đồng Nai, ngày 4 tháng 5 năm 202 6  GIÁM ĐỐC Vũ Văn Lộc
@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□	

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**

Mã số/ Ref. No: 01021/2024/PKQ (24.1126)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.1126.KT.01	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xường Motor - Vecni Scrubber (công suất 7.419 m ³ /h) (1)	X=1183941, Y=0409205
24.1126.KT.02	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xường Motor - Vecni Scrubber (công suất 12.000 m ³ /h) (2)	X=1183933, Y=0409337
24.1126.KT.03	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xường Motor -Paint Scrubber (công suất 25.800 m ³ /h) (1)	X=1183900, Y=0409343
24.1126.KT.04	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xường Motor -Paint Scrubber (công suất 18.000 m ³ /h) (2)	X=1183929, Y=0409211
24.1126.KT.05	Khí thải tại ống thoát hệ thống xử lý bụi Motor - AL Scrubber (công suất 21.933 m ³ /h)	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 20/03/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/03/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT ⁽¹⁾
				24.1126. KT.01	24.1126. KT.02	24.1126. KT.03	Nồng độ tối đa
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.526	7.417	21.007	-
2	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870
3	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/ BTNMT ⁽¹⁾	QCVN 20:2009/ BTNMT ⁽²⁾
				24.1126. KT.04	24.1126. KT.05		
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	12.063	17.678	-	-
2	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	<21	200	870
3	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	-	870
4	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	-	-

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- (1): QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

DP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 01022/2024/PKQ (24.1126)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.1126.NT.03	Nước thải đầu ra HTXL SPX DN	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 20/03/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/03/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	Tiêu chuẩn nước thải IDICO
				24.1126.NT.03	Giới hạn cho phép
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,16	5,5 ÷ 9
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,62	1,2
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	18	200
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	48	400
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18	200
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	1,04	50
7	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,9	60
8	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,41	6
9	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	270	-
10	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 03124/2024/PKQ (24.3008)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.3008.KT.02	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor - Vecni Scrubber (công suất 7.419 m ³ /h) (1)	X=1183941, Y=0409205
24.3008.KT.03	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor - Vecni Scrubber (công suất 12.000 m ³ /h) (2)	X=1183933, Y=0409337
24.3008.KT.04	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor -Paint Scrubber (công suất 18.000 m ³ /h) (2)	X=1183929, Y=0409211
24.3008.KT.05	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor -Paint Scrubber (công suất 25.800 m ³ /h) (1)	X=1183900, Y=0409343
24.3008.KT.06	Khí thải tại ống thoát hệ thống xử lý bụi Motor - AL Scrubber (công suất 21.933 m ³ /h)	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 07/06/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 14/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/BTNMT
				24.3008. KT.02	24.3008. KT.03	24.3008. KT.04	Nồng độ tối đa
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.183	6.970	10.906	-
2	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870
3	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN khí thải công nghiệp
				24.3008.KT.05	24.3008.KT.06	
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	19.962	16.758	-
2	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	<21	128 ⁽¹⁾
3	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870 ⁽²⁾
4	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

3. "-": Không quy định

4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 03123/2024/PKQ (24.3007)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.3007.NT.03	Nước thải đầu ra HTXL SPX DN	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 06/06/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 13/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	Tiêu chuẩn nước thải IDICO
				24.3007.NT.03	Giới hạn cho phép
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,34	5,5 ÷ 9
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,57	1,2
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	16,8	200
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16	400
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5,2	200
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	1,12	50
7	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,9	60
8	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	6
9	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	-
10	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 06 năm 2024



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 06202/2024/PKQ (24.5864)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.5864.KT.02	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor - Vecni Scrubber (công suất 7.419 m ³ /h) (1)	X=1183941, Y=0409205
24.5864.KT.03	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor - Vecni Scrubber (công suất 12.000 m ³ /h) (2)	X=1183933, Y=0409337
24.5864.KT.04	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor -Paint Scrubber (công suất 18.000 m ³ /h) (2)	X=1183929, Y=0409211
24.5864.KT.05	Khí thải tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất xưởng Motor -Paint Scrubber (công suất 25.800 m ³ /h) (1)	X=1183900, Y=0409343
24.5864.KT.06	Khí thải tại ống thoát hệ thống xử lý bụi Motor - AL Scrubber (công suất 21.933 m ³ /h)	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 16/09/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 24/09/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/BTNMT
				24.5864. KT.02	24.5864. KT.03	24.5864. KT.04	Nồng độ tối đa
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.230	6.930	11.032	-
2	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870
3	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVV 20:2009/ BTNMT	QCVN 19:2009/ BTNMT
				24.5864. KT.05	24.5864. KT.06	Nồng độ tối đa	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	20.090	16.065	-	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	<21	-	128
3	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870	-
4	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870	-

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

3. "-": Không quy định

4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 06212/2024/PKQ (24.6118)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.6118.NT.03	Nước thải đầu ra HTXL SPX DN	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 20/09/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 30/09/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	Tiêu chuẩn nước thải IDICO
				24.6118.NT.03	Giới hạn cho phép
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,57	5,5 ÷ 9
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,43	1,2
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	18,2	200
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	19,2	400
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,4	200
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	14,9	50
7	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	27,7	60
8	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,04	6
9	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	470	-
10	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 10360/2024/PKQ (24.9841)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9841.KT.02	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni, công suất 7.419 m ³ /h	X=1183941, Y=0409205
24.9841.KT.03	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni, công suất 12.000 m ³ /h	X=1183933, Y=0409337
24.9841.KT.04	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn, công suất 18.000 m ³ /h	X=1183929, Y=0409211
24.9841.KT.05	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn, công suất 25.800 m ³ /h	X=1183900, Y=0409343
24.9841.KT.06	Khí thải tại ống thoát hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nấu chảy nhôm và đúc rotor (công suất 21.933 m ³ /h)	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 17/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 30/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				24.9841. KT.02	24.9841. KT.03	24.9841. KT.04	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.185	6.914	10.877	-
2	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870
3	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN Khí thải công nghiệp
				24.9841.KT.05	24.9841.KT.06	
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	20.109	16.178	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	31	128 ⁽¹⁾
3	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870 ⁽²⁾
4	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

3 "-": Không quy định

4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 10359/2024/PKQ (24.9538)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9538.NT.03	Nước thải đầu ra HTXL SPX DN	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 10/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 20/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	Tiêu chuẩn nước thải IDICO
				24.9538.NT.03	
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,48	5,5 - 9
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,52	1,2
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	15	200
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,8	400
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,2	200
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	11,3	50
7	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	26,1	60
8	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,28	6
9	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	-
10	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 05481/2025/PKQ (25.4922)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4922.KT.01	Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04) - CS 23057 m ³ /h	X=1183427, Y=408838

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 26/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4922.KT.01	Cmax ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	13.185	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	39	128

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0.8; K_v=0.8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
Director
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
ĐẠI PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐOÀN THỊ THỦY

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giam-sat-moi-truong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11530/2025/PKQ (25.9908)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY**
- Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.9908.KT.01	Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 01 (nguồn số 01) CS 7.419 m ³ /h	X=1183425, Y=408832
25.9908.KT.02	Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 02 (nguồn số 02) CS 12.000 m ³ /h	X=1183429, Y=408836
25.9908.KT.03	Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 03 (nguồn số 03) CS 5.400 m ³ /h	X=1183411, Y=408829
25.9908.KT.04	Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04) - CS 23.057 m ³ /h	X=1183427, Y=408838
25.9908.KT.05	Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 02 (nguồn số 05) CS 18.000 m ³ /h	X=1183439, Y=408845
25.9908.KT.06	Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 01 (nguồn số 06) CS 25.800 m ³ /h	X=1183442, Y=408851
25.9908.KT.07	Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 02 (nguồn số 07) CS 30.000 m ³ /h	X=1183448, Y=408857
25.9908.KT.08	Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn motor 03 (nguồn số 08) CS 18.000 m ³ /h	X=1183453, Y=408862

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 12/12/20256. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 24/12/20257. Bảng kết quả/ *Results table*

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**• **Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9908. KT.01	25.9908. KT.02	25.9908. KT.03	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	4.318	11.528	4.204	-
2	Ethylbenzene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	870
3	Xylene (-m;-o;-p) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	870

• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9908. KT.04	25.9908. KT.05	25.9908. KT.06	Cmax ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	12.501	12.668	21.591	-	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	28	31	-	128	-
3	Ethylbenzene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL=0,2)	-	870
4	Xylene (-m;-o;-p) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL=0,2)	-	870

• **Bảng 3/ Table 3:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.9908. KT.07	25.9908. KT.08	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	7.366	10.867	-
2	Ethylbenzene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	870
3	Xylene (-m;-o;-p) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

"-": Không quy định

3. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

4. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

DP



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 05481/2025/PKQ (25.4922)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4922.KT.01	Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nấu nhôm và đúc rotor 01 (nguồn số 04) - CS 23057 m ³ /h	X=1183427. Y=408838

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 26/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4922.KT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	13.185	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	39	128

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
"-": Không quy định
2. (1): Cột B, K_p=0.8; K_s=0.8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
ĐẠI PHÚ
ĐOÀN THỊ THỦY

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. NHẬN DẠNG

A. Tên sản phẩm

- LỚP SƠN MEN KHÔ NHANH-0.5PB3.2/4.4

B. Khuyến cáo sử dụng và hạn chế sử dụng

- Sử dụng chung : Lớp phủ alkyd Indertrial : Không
- Hạn chế sử dụng : sử dụng ngoại trừ mục đích

C. Thông tin nhà cung cấp

- Tên công ty : Tập đoàn KCC
- Địa chỉ : 764, Gwahak-ro, Bongdong-eup, Wanju_Gun, Jeollabuk-do
- Điện thoại khẩn cấp : 82-63-260-7000
con số

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

A. Phân loại GHS

- Chất lỏng dễ cháy: Loại 3
- Độc tính cấp tính (đường uống): Loại 5
- Độc tính cấp tính (hít phải: hơi) : Loại 5
- Ăn mòn/kích ứng da: Loại 2
- Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: Loại 2A
- Đột biến tế bào mầm: Loại 1B
- Gây ung thư: Loại 1B
- Độc tính sinh sản: Loại 1B
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ): Loại 1
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ): Loại 3 (Tác dụng gây nghiện)
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm nhiều lần): Loại 1
- Nguy cơ hít phải: Loại 2
- Độc tính cấp tính đối với thủy sinh: Loại 2
- Độc tính mãn tính đối với thủy sinh: Loại 2

B. Các thành phần nhãn GHS

○ Biểu tượng nguy hiểm



○ Từ tín hiệu

- Sự nguy hiểm

○ Các tuyên bố nguy hiểm

- H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy
- H303 Có thể gây hại nếu nuốt phải.
- H305 Có thể gây hại nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp
- H315 Gây kích ứng da
- H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- H333 Có thể gây hại nếu hít phải.
- H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
- H340 Có thể gây ra khuyết tật di truyền
- H350 Có thể gây ung thư
- H360 Có thể gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi
- H370 Gây tổn thương các cơ quan (Tham khảo Mục SDS 11)
- H372 Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (Tham khảo Mục SDS 11)
- H401 Độc hại với sinh vật dưới nước.

- H411 Độc hại với sinh vật thủy sinh và có tác động lâu dài

○ **Các tuyên bố phòng ngừa**

1) Phòng ngừa

- P201 Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- P202 Không được sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.
- P210 Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng. Không hút thuốc.
- P233 Giữ chặt bình chứa.
- P240 Nối đất/liên kết container và thiết bị tiếp nhận.
- P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.
- P242 Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa. Chất lỏng dễ cháy (chương 2.6) 1, 2, 3
- P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.
- P260 Không hít khí/sương/hơi/bụi nước.
- P261 Tránh hít phải khí/sương/hơi/bụi nước.
- P264 Rửa tay thật sạch sau khi xử lý.
- P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.
- P273 Tránh thải ra môi trường.
- P280 Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
- P281 Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu.

2) Phản hồi

- P301+P310 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.
- P302+P352 NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.
- P303+P361+P353 NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ/Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/tắm.
- P304+P312 NẾU HÍT PHẢI: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P304+P340 NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nạn nhân nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để thở.
- P305+P351+P338 NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.
- P307+P311 Nếu tiếp xúc: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.
- P308+P313 Nếu tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
- P312 Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P314 Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P321 Điều trị đặc hiệu
- P331 KHÔNG được gây nôn.
- P332+P313 Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
- P337+P313 Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
- P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
- P370+P378 Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp để dập tắt (Tham khảo Mục MSDS 5).
- P391 Thu gom chất tràn.

3) Lưu trữ

- P403+P233 Bảo quản nơi thông thoáng. Đậy kín hộp đựng.
- P403+P235 Bảo quản nơi thông thoáng. Giữ mát.
- P405 Cửa hàng đã bị khóa.

4) Xử lý

- P501 Xử lý nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế

C. Các mối nguy hiểm khác không được phân loại: (Phân loại NFPA)

○ **Cấp độ NFPA (mức 0 ~ 4)**

- Sức khỏe: 2, Khả năng bắt lửa: 3, Khả năng phản ứng: 0

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên hóa học	Tên thương mại và từ đồng nghĩa	Số CAS	Nội dung(%)
-------------	---------------------------------	--------	-------------

Axit béo, polyme đầu nành với axit benzoic, glycerol và anhydrit phthalic	-	66070-73-3	40 ~ 50
Xylen	Dimetylbenzen	1330-20-7	30 ~ 32,8
Titan dioxit	Titan oxit (Tio2)	13463-67-7	1 ~ 4,7
Dimethyl cacbonat	Axit cacbonic, este dimethyl	616-38-6	1 ~ 10
Styren, isobutyl methacrylat, metyl methacrylat, etyl acrylate, copolymer axit acrylic	-	168763-44-8	1 ~ 10
Naphta dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nồng.	Naphtha thơm nặng	64742-94-5	1 ~ 10
Đồng, phthalocyanine	Phthalocyanine xanh 15	147-14-8	1 ~ 1,4
Etylbenzen	Benzen, etyl-	100-41-4	0,1 ~ 1,3
m-xylen	1,3-Dimetylbenzen	108-38-3	1 ~ 1,1
p-Xylen	1,4-Dimetylbenzen	106-42-3	0 ~ 1
4-Methyl-2-pentanone	Methylisobutyl ketone, MIBK	108-10-1	0,1 ~ 0,5
Metyl etyl ketoxim	2-Butanone oxime	96-29-7	0,1 ~ 0,4
Naphtha (dầu mỏ), hydrodesulfurized nặng	Hidrocarbon mạch thẳng	64742-82-1	0,1 ~ 0,4
Carbon đen	Axetilen đen	1333-86-4	0,1 ~ 0,3
Bí mật	Bí mật	-	1 ~ 10

4. BIỆN PHÁP CỨU THƯỜNG

A. Giao tiếp bằng mắt

- Không được dụi mắt.
- Rửa mắt ngay bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút và gọi bác sĩ.
- Đi khám ngay lập tức.
- Đến bệnh viện ngay nếu có triệu chứng (bùng phát, kích ứng).
- Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo.

B. Tiếp xúc với da

- Xả sạch da bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn.
- Giặt đủ số lượng quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
- Đi khám ngay lập tức.
- Đến bệnh viện ngay nếu có triệu chứng (bùng phát, kích ứng).
- Cởi bỏ quần áo, giày dép bị nhiễm bẩn và cách ly.
- Rửa sạch sau khi sử dụng.
- Đeo găng tay khi tắm rửa cho bệnh nhân và tránh tiếp xúc với quần áo bị nhiễm bẩn.

C. Tiếp xúc hít phải

- Khi tiếp xúc với lượng hơi nước và sương mù lớn, hãy di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
- Thực hiện điều trị đặc hiệu nếu cần thiết.
- Đi khám ngay lập tức.
- Nếu ngừng thở hoặc thở không đều, phải hô hấp nhân tạo và cung cấp oxy.

D. Tiếp xúc tiêu hóa

- Cần được bác sĩ tư vấn xem có cần gây nôn hay không.
- Súc miệng ngay bằng nước.
- Đi khám ngay lập tức.
- Nếu nuốt phải, phải uống thật nhiều nước và không được gây nôn.

E. Tác động chậm trễ và tức thời cũng như tác động mãn tính từ việc tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

- Không có sẵn

F. Ghi chú cho bác sĩ

- Thông báo cho nhân viên y tế về tình huống ô nhiễm và yêu cầu họ thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp.

- Nếu bị phơi nhiễm hoặc lo lắng, hãy tìm kiếm sự chăm sóc/tư vấn y tế.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

A. Phương tiện chữa cháy phù hợp (không phù hợp)

- Hóa chất khô, carbon dioxide, chất chữa cháy bột thông thường, bình xịt
- Tránh sử dụng tia nước để chữa cháy

B. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

- Không có sẵn

C. Các hành động bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa

- Làm mát các thùng chứa bằng nước cho đến khi đám cháy đã tắt hẳn.
- Tránh hít phải vật liệu hoặc sản phẩm phụ của quá trình đốt cháy.
- Sử dụng biện pháp chữa cháy phù hợp với đám cháy xung quanh.
- Đeo thiết bị bảo vệ thích hợp.
- Giữ bình chữa mát bằng cách phun nước.
- Hơi hoặc khí cháy ở nguồn lửa xa có thể lan truyền nhanh chóng.
- Do điểm bắt lửa cực thấp nên việc chữa cháy bằng nước có thể kém hiệu quả hơn khi dập tắt đám cháy.

6. CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

A. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

- Thông gió cho không gian kín trước khi vào.
- Phải làm ngược gió, để cho những người ở đầu gió di tản.
- Không chạm vào vật liệu bị đổ. Ngăn chặn rò rỉ nếu bạn có thể làm mà không gặp rủi ro.
- Loại bỏ mọi nguồn gây cháy.
- Không đổ nước vào nơi tràn hoặc rò rỉ.
- Tránh tiếp xúc với da và hít phải.
- Nên vệ sinh và xử lý dưới sự giám sát của chuyên gia.
- Không cho người không có nhiệm vụ vào, cô lập khu vực nguy hiểm và từ chối cho vào.

B. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

- Ngăn chặn nước chảy tràn và tiếp xúc với đường thủy, cống rãnh hoặc nước thải.
- Nếu bị đổ với số lượng lớn, hãy thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền.

C. Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

- Tràn lớn: Đứng ngược gió và tránh xa vùng trũng. Đề để xử lý sau.
- Thông báo cho chính quyền trung ương, chính quyền địa phương. Khi phát thải ít nhất đạt mức tiêu chuẩn
- Xử lý chất thải theo đúng quy định của địa phương.
- Thùng chứa phù hợp để xử lý vật liệu bị đổ đã thu gom.
- Rò rỉ nhỏ: cát hoặc vật liệu không cháy khác, vui lòng sử dụng chất hấp thụ.
- Lau sạch dung môi.
- Đề để xử lý sau.
- Không sử dụng hộp đựng bằng nhựa.
- Ngăn chặn nước tràn vào đường thủy, cống rãnh, tầng hầm hoặc không gian hạn chế.
- Vật liệu tràn đổ phải được xử lý như một nguy cơ tiềm ẩn gây ra chất thải được thu gom.

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

A. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

- Tuân thủ mọi luật lệ và quy định hiện hành để xử lý
- Xem hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng.
- Chỉ thực hiện ở nơi thông thoáng.
- Không hít hơi nước trong thời gian dài hoặc nhiều lần.

- Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn gây cháy khác.
- Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

B. Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào

- Bảo quản trong bao bì gốc.
- Xin hãy chú ý đến những vật liệu không tương thích và những điều kiện cần tránh.
- Đậy kín khi không sử dụng.
- Không được đốt lửa.
- Ngăn ngừa tĩnh điện và tránh xa các vật liệu dễ cháy hoặc nguồn nhiệt.
- Bằng cách chỉ định khu vực lưu trữ các chất gây ung thư.
- Thu thập chúng trong các hộp đựng kín.
- Tránh xa nguồn nước và cống rãnh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

A. Giới hạn phơi nhiễm

○ ACGIH TLV

- [Xylene] : TWA 100 ppm (434 mg/m³), STEL, 150 ppm (651 mg/m³)
- [Titan dioxit] : TWA 10 mg/m³
- [Ethylbenzen] : TWA, 20 ppm (87 mg/m³)
- [m-xylene] : TWA 100 ppm (434 mg/m³), STEL, 150 ppm (651 mg/m³)
- [p-Xylene] : TWA 100 ppm (434 mg/m³), STEL, 150 ppm (651 mg/m³)
- [Bí mật] : TWA 100 ppm (434 mg/m³), STEL 150 ppm (651 mg/m³)
- [4-Methyl-2-pentanone] : TWA, 20 ppm (82 mg/m³) STEL 75 ppm (307 mg/m³)
- [Bí mật] : STEL, 1000 ppm (1880 mg/m³)
- [Carbon đen] : TWA, 3 mg/m³, Các hạt bụi có thể hít vào
- [Bí mật] : TWA, 200 ppm (491 mg/m³), STEL, 400 ppm (984 mg/m³)
- [Bí mật] : TWA, 50 ppm (184 mg/m³), STEL, 100 ppm (369 mg/m³)
- [Bí mật] : TWA, 20 ppm (61 mg/m³)
- [Bí mật] : TWA 25 ppm (123 mg/m³)
- [Bí mật] : TWA, 25 ppm (145 mg/m³)
- [Bí mật] : TWA, 0,0025 ppm (0,01 mg/m³), Chất gây dị ứng da dạng hơi và dạng khí (DSEN) và Chất gây dị ứng hô hấp (RSEN)

○ Luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp OSHA

- [Bí mật]:50ppm 290mg/m³
- [Bí mật]:1000ppm 1900mg/m³
- [Ethylbenzen]:100ppm 435mg/m³
- [4-Methyl-2-pentanone]:100ppm 410mg/m³
- [Bí mật]:400ppm 980mg/m³
- [Bí mật]: 0,25ppm 1mg/m³
- [Titanium dioxide]: 15 mg/m³ (Tổng lượng bụi)
- [Xylene]:100ppm 435mg/m³
- [Bí mật]: 15 mg/m³ (Tổng lượng bụi), 5 mg/m³ (Phần có thể hít thở)
- [Bí mật]:100ppm 300mg/m³
- [Đen than]: 3,5mg/m³

B. Kiểm soát kỹ thuật

- Hệ thống xả cục bộ và/hoặc xả chung được khuyến nghị để giữ mức phơi nhiễm của nhân viên cao hơn Giới hạn phơi nhiễm. Thông gió xả cục bộ thường được ưu tiên vì nó có thể kiểm soát khí thải của chất gây ô nhiễm tại nguồn, ngăn ngừa sự phát tán của chất gây ô nhiễm vào khu vực làm việc chung. Sử dụng thông gió xả cục bộ được khuyến nghị để kiểm soát khí thải gần nguồn.

C. Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

○ Bảo vệ hô hấp

- Trong điều kiện sử dụng thường xuyên hoặc tiếp xúc nhiều, có thể cần đến biện pháp bảo vệ hô hấp.
- Bảo vệ hô hấp được xếp hạng theo thứ tự từ tối thiểu đến tối đa.
- Xem xét tính chất cảnh báo trước khi sử dụng.
- Bất kỳ máy thở có hộp lọc hóa chất nào có hộp lọc hơi hữu cơ.
- Bất kỳ mặt nạ phòng độc hóa chất nào có mặt nạ kín và hộp lọc hơi hữu cơ.
- Bất kỳ máy thở lọc không khí nào có mặt nạ kín và hộp chứa hơi hữu cơ.
- Đối với nồng độ không xác định hoặc gây nguy hiểm trực tiếp đến tính mạng hoặc sức khỏe: Bất kỳ máy thở cung cấp không khí nào có mặt nạ toàn bộ và hoạt động ở chế độ áp suất theo yêu cầu hoặc chế độ áp suất dương khác kết hợp với nguồn cung cấp thoát khí riêng biệt. Bất kỳ thiết bị thở tự cung cấp nào có mặt nạ toàn bộ.

☐ **Bảo vệ mắt**

- Đeo biện pháp bảo vệ mắt chính như kính bảo hộ chống nước bắn vào có tấm chắn bảo vệ mắt thứ cấp.
- Cung cấp trạm rửa mắt khẩn cấp và vòi sen xả nước nhanh tại khu vực làm việc ngay lập tức.

☐ **Bảo vệ tay**

- Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

☐ **Bảo vệ da**

- Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất phù hợp.

☐ Những người khác

- Không có sẵn

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

A. Ngoại hình	
- Về bề ngoài	Chất lỏng
- Màu sắc	Không có sẵn
B. Mùi	Mùi dung môi
C. Ngưỡng mùi	Không có sẵn
D. Độ pH	Không có sẵn
E. Điểm nóng chảy/Điểm đóng băng	Không có sẵn
F. Điểm sôi ban đầu/Phạm vi sôi	138°C
G. Điểm chớp cháy	27°C
H. Tốc độ bay hơi	Không có sẵn
I. Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn
J. Giới hạn cháy nổ trên/dưới	Không có sẵn
K. Áp suất hơi	Không có sẵn
L. Độ hòa tan	Không có sẵn
M. Mật độ hơi	> 1
N. Trọng lượng riêng (Mật độ tương đối)	Không có sẵn
O. Hệ số phân chia của n-octanol/nước	Không có sẵn
P. Nhiệt độ tự bốc cháy	463
Q. Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn
R. Độ nhớt	80 ~ 88 KU
S. Khối lượng phân tử	Không có sẵn

10. SỰ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

A. Tính ổn định hóa học

- Vật liệu này ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý được khuyến nghị.

B. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

- Các bình chứa tiếp xúc với lửa có thể thoát ra và giải phóng khí dễ cháy.

C. Điều kiện cần tránh

- Tránh tiếp xúc với vật liệu và điều kiện không tương thích.
- Tránh: Tích tụ điện tích tĩnh, Nhiệt, Ngọn lửa và bề mặt nóng
- Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn gây cháy khác.

D. Vật liệu không tương thích

- Không có sẵn

E. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Có thể phát ra hơi dễ cháy nếu xảy ra hỏa hoạn.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

A. Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể xảy ra

- ☐ **(Đường hô hấp)**
 - Có thể gây hại nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp
- ☐ **(Nổi)**
 - Có thể gây hại nếu nuốt phải.
- ☐ **(Mắt-Da)**
 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
 - Gây kích ứng da

B. Tác động chậm trễ và tức thời cũng như tác động mãn tính từ việc tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

☐ Độc tính cấp tính

* Miệng

- Sản phẩm (ATEmix): 2000mg/kg < ATEmix <= 5000mg/kg
- [Xylene] : LD50=3523 mg/kg chuột (Phương pháp EU B1)
- [Titan dioxit] : LD50 > 10000mg/kgChuột (HSDB)
- [Dimethyl cacbonat] : LD50 = 13000mg/kgCon chuột
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : LD50 > 5000mg/kgChuột (IUCLID)
- [Đồng, phthalocyanine] : LD50 > 6400mg/kgChuột (IUCLID)
- [Ethylbenzen] : LD50 = 3500mg/kgChuột (NITE)
- [m-xylene] : LD50=5011mg/kgChuột (NITE)
- [p-Xylene] : LD50 = 4029 mg/kg chuột (NITE)
- [Bí mật] : chuột LD50=3608 mg/kg
- [4-Methyl-2-pentanone] : LD50 2080mg/kgChuột (NITE, ECHA)
- [Methyl etyl ketoxim] : LD50 = 930mg/kgChuột (NITE)
- [Naphtha (dầu mỏ), hydrodesulfurized nặng] : LD50 > 5000mg/kgChuột (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 = 6200mg/kgChuột (HSDB)
- [Muội than] : LD50 = 15400mg/kgChuột (NITE(2006))
- [Bí mật] : LD50 > 5000mg/kgChuột (OECD TG 401; IUCLID; HSDB)
- [Bí mật] : LD50 > 15000mg/kgChuột (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 = 4710mg/kgChuột (HSDB) LD50 5840mg/kgChuột (OECD TG 401, ECHA)
- [Bí mật] : LD50 > 31600mg/kgCon chuột
- [Bí mật] : LD50 > 90000mg/kgChuột (KOSHA)
- [Bí mật] : LD50 = 8532mg/kgChuột (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 = 3900mg/kgCon chuột
- [Bí mật] : LD50 = 8400mg/kgChuột (RTECS)
- [Bí mật] : LD50 > 3200mg/kgCon chuột
- [Bí mật] : LD50 > 8000mg/kgChuột (TOMES;RTECS)
- [Bí mật] : LD50 > 5000mg/kgChuột (OECD SIDS)
- [Bí mật] : LD50 1378mg/kgCon chuột
- [Bí mật] : LD50 = 790mg/kgChuột (NLM)
- [Bí mật] : LD50 22.000 mg/kg Chuột (ECHA, HSDB)
- [Bí mật] : LD50 > 5000mg/kgChuột (NITE)
- [Bí mật] : LD50 > 5000mg/kgChuột (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 = 850mg/kg

- [Bí mật] : LD50 = 6040mg/kgCon chuột

* Da

- Sản phẩm (ATEmix): >5000mg/kg
- [Xylen] : LD50 >4350mg/kgThỏ (IUCLID) LD50 12126mg/kgThỏ (đồng phân: m-xylen)
- [Titan dioxit] : LD50 > 10000mg/kgThỏ (IUCLID)
- [Dimethyl cacbonat] : LD50 = 5000mg/kgCon thỏ
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : LD50 > 2000mg/kgThỏ (RTECS)
- [Đồng, phthalocyanine] : LD50 >5000mg/kgThỏ (OECD TG 402)
- [Ethylbenzen] : LD50 = 15400mg/kgThỏ (NITE)
- [m-xylen] : LD50 12180mg/kgThỏ (NITE)
- [Bí mật] : LD50 14100mg/kgcon thỏ
- [4-Methyl-2-pentanone] : LD50 >16.000mg/kgthỏ (NITE), LD0≥2000 mg/kg OECD TG402, GLP(ECHA)
- [Methyl etyl ketoxim] : LD50 = 1000-2000mg/kgthỏ (HSDB)
- [Naphtha (dầu mỏ), hydrodesulfurized nặng] : LD50 > 3160mg/kgthỏ (IUCLID)
- [Carbon đen] : LD50 > 3000mg/kgthỏ (NITE)
- [Bí mật] : LD50 > 3160mg/kgThỏ (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 = 12870mg/kgthỏ (HSDB), LD50 16400mg/kgThỏ (OECD TG402, ECHA)
- [Bí mật] : LD50 > 2000mg/kgCon thỏ
- [Bí mật] : LD50 > 5000mg/kgThỏ (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 > 2000mg/kgThỏ (IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 ~13000mg/kgThỏ (OECD SIDS)
- [Bí mật] : LD50 2000mg/kgCon thỏ
- [Bí mật] : LD50 = 3400mg/kgthỏ (HSDB)
- [Bí mật] : LD50 20.800 mg/kg Thỏ (HSDB, IUCLID)
- [Bí mật] : LD50 > 2000mg/kgChuột (SIDS)
- [Bí mật] : LD50 = 610mg/kg

* Hít vào

- Sản phẩm (ATEmix): 20.0mg/L < ATEmix <= 50.0mg/L
- [Xylene] : LC50 5922 ppm 4 giờ Chuột (25,713 mg/L EPA OPP 81-3, GLP)
- [Titan dioxit] : LC50 >3,43mg/ℓ Chuột (OECD TG 403)
- [Dimethyl cacbonat] : LC50 = 140mg/ℓ 4 giờ Chuột
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : Sương LC50 > 0,59mg/ℓ 4 giờ Chuột (RETECS)
- [Ethylbenzen] : LC50 = 17,4 mg/L/4 giờ Chuột (4000 ppm/4 giờ) (EHC, ASTDR)
- [m-xylene] : LC50 31,82 mg/L/4 giờ (5984 ppm/6 giờ) Chuột (HSDB)
- [p-Xylene] : LC50 20,6 mg/L/4 giờ Chuột (4740 ppm)(NITE)
- [Bí mật] : LC50 27,4 mg/L/4 giờ Chuột
- [4-Methyl-2-pentanone] : LC50 11,6mg/ℓ 4h Chuột (OECD TG 403)(ECHA)
- [Methyl etyl ketoxim] : LC50 = 20mg/ℓ 4 giờ Chuột (HSDB)
- [Bí mật] : LC50 = 59,59 mg/L/4 giờ Chuột (HSDB)
- [Bí mật] : LC50 = 72.6mg/ℓ 4 giờ Chuột (HSDB), LC50 >10000 ppm 6 giờ Chuột (OECE TG 403, GLP)
- [Bí mật] : (> 2mg/l , Chuột - LC50 (WR Grace & Co.))
- [Bí mật] : Hơi nước LC50 = 28,8 mg/L/4 giờ Chuột (KOSHA)
- [Bí mật] : LC50 > 5,2 mg/L 4 giờ Chuột, LC50=3400 ppm 4 giờ (IUCLID)
- [Bí mật] : LC50 24,1 mg/L/4 giờ Chuột (18,2 mg/L/7 giờ) (OECD SIDS)
- [Bí mật] : Hơi nước LC50 = 24,25 mg/L/4 giờ Chuột (HSDB)
- [Bí mật] : Sương mù LC50 = 24mg/ℓ 4 giờ Chuột
- [Bí mật] : Hơi nước LC50 36,9 mg/L/4 giờ Chuột (IUCLID)
- [Bí mật] : Hơi nước LC50 = 0,16mg/ℓ 4 giờ Chuột (khoảng 39,9 ppm)
- [Bí mật] : Hơi nước LC50 = 226,0 mg/L/4 giờ Chuột

○ Ăn mòn/kích ứng da

- Gây kích ứng da

☐ **Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng**

- Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

☐ **Nhạy cảm hô hấp**

- Không có sẵn

☐ **Nhạy cảm da**

- Không có sẵn

☐ **Tính gây ung thư**

* Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế

- [Carbon đen] : Nhóm 2B

- [Bí mật]: Nhóm 1 (Ethanol trong đồ uống có cồn)

- [Etylbenzen] : Nhóm 2B

- [4-Methyl-2-pentanone] : Nhóm 2B

- [Titan dioxit] : Liệu liệu là một chất có thể gây ung thư nhưng không đủ bằng chứng để kết luận (chưa :IARC(Tôi không chắc)

- [Bí mật] : Nhóm 3

*** OSHA**

- Không có sẵn

*** ACGIH**

- [Đen than] : A4

- [Bí mật] : A4

- [Bí mật]: A3 (Ethanol trong đồ uống có cồn)

- [Etylbenzen] : A3

- [4-Methyl-2-pentanone] : A3

- [Titan dioxit] : A4

- [p-Xylen] : A4

- [m-xylen] : A4

- [Xylen] : A4

*** NTP**

- Không có sẵn

*** EU CLP**

- [Naphtha (dầu mỏ), hydrodesulfurized nặng] : Carc.1B

- [Bí mật] : Carc.1B

- [Methyl etyl ketoxim] : Carc.2

☐ **Đột biến tế bào mầm**

- Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền

☐ **Độc tính sinh sản**

- Có thể gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi

☐ **STOT-phơi sáng đơn**

- Gây tổn thương các cơ quan (Tham khảo Mục SDS 11)

- Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

☐ **STOT-phơi nhiễm lặp lại**

- Gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (Tham khảo Mục SDS 11)

☐ **Nguy cơ hít phải**

- Có thể gây hại nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp

12. THÔNG TIN SINH THÁI

A. Độc tính sinh thái

☐ **Cá**

- [Xylene] : LC50=3,3mg/L 96 giờ (NITE)

- [Titan dioxit] : LL50 >100mg/l 96 giờ Oryzias latipes (OECD TG 203)

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : LC50 = 45mg/l 96 giờ mụn trứng cá (IUCLID)

- [Đồng, phthalocyanine] : LC50 100~355,6mg/l 96 giờ (ECHA)

- [Etylbenzen] : LC50 5.1mg/l 96 giờ (ECHA)

- [m-xylen] : LC50 16mg/l 96 giờ

- [p-Xylen] : LC50 8,8mg/l 96 giờ

- [Bí mật] : LC50 16.4mg/l 96 giờ

- [4-Methyl-2-pentanone] : ECHA LD50 >179mg/ℓ 96 giờ Chi nhánh 용기등급 anio rerio (OECD TG 203, GLP)
- [Methyl etyl ketoxim] : LC50 = 843mg/ℓ 96 giờ
- [Bí mật] : LC50 = 42mg/ℓ 96 giờ Oncorhynchus mykiss (ECOTOX)
- [Bí mật] : LC50 3.959mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : LC50 100mg/ℓ 96 giờ (Salmo trutta) (반지수식, OECD TG 203, IUCLID)
- [Bí mật] : LC50 1.657mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : LC50 = 2200mg/ℓ 96 giờ mụn trứng cá (IUCLID)
- [Bí mật] : LC50 >100mg/ℓ 96 giờ Oryzias latipes (NITE: Các thử nghiệm độc tính sinh thái của MOE đối với hóa chất, 1997)
- [Bí mật] : LC50 100mg/ℓ 96 giờ Oryzias latipes (SIDS)
- [Bí mật] : LC50 = 3.338mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : LC50 = 9.22mg/ℓ 96 giờ Oncorhynchus mykiss (IUCLID)
- [Bí mật] : LC50 ≥ 1000mg/ℓ 96 giờ (bản tính)
- [Bí mật] : LC50 8.5mg/ℓ 96 giờ Pimephales promelas (ECOTOX)
- [Bí mật] : LC50 100 mg/L 96 giờ Lepomis macrochirus (ECOTOX) LC50 > 100mg/ℓ 96 giờ Oryzias latipes (NITE: Các thử nghiệm độc tính sinh thái của MOE đối với hóa chất, 1996)
- [Bí mật] : LC50 = 710mg/ℓ 96 giờ Oncorhynchus mykiss (ECOTOX)
- [Bí mật] : LC50 = 140mg/ℓ 96 giờ (SIDS)
- [Bí mật] : LC50 4.8mg/ℓ 96 giờ Brachydanio rerio (OECD SIDS)
- [Bí mật] : LC50 = 230mg/ℓ 96 giờ
- [Bí mật] : LC50 = 1.550mg/ℓ 96 giờ Oncorhynchus mykiss (ECOTOX)
- [Bí mật] : LC50 123.852mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)

○ Giáp xác

- [Titan dioxit] : EC50 >100mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (48h-EL50 Daphnia magna >100 mg/L, 48h-EC50 >100, 48h-EC10 = 91,2 mg/L, OECD TG 202)
- [Naphta dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : EC50 = 0,95mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (IUCLID)
- [Ethylbenzen] : LC50 2,4mg/ℓ ~ 1,8mg/ℓ 48 giờ Mysidopsis bahia (EC50 48 giờ >5,2mg/L, EPA 1985, GLP)
- [m-xylene] : EC50 2.3mg/ℓ 48 giờ (Đêm)
- [p-Xylene] : LC50 1,7mg/ℓ 96 giờ (Đêm)
- [4-Methyl-2-pentanone] : EC50 = 170mg/ℓ 48 giờ (Đêm)
- [Bí mật] : EC50 = 2mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (ECOTOX)
- [Đen cacbon] : EC50 > 5600mg/ℓ 24 giờ (Đêm)
- [Bí mật] : LC50 4.831mg/ℓ 48 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : EC50 100mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (OECD TG 202, IUCLID)
- [Bí mật] : LC50 2.091mg/ℓ 48 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : LC50 = 2.6mg/ℓ 96 giờ (Loài: Chaetogammarus marinus) (IUCLID)
- [Bí mật] : ECHA LC50 5102mg/ℓ 24 giờ Daphnia magna (OECD TG 202)
- [Bí mật] : EC50 = 373mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (SIDS)
- [Bí mật] : LC50 = 4.096mg/ℓ 48 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : EC50 = 6.14mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (IUCLID)
- [Bí mật] : EC50 ≥ 1000mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna
- [Bí mật] : EC50 > 500mg/ℓ 48 giờ (Đêm)
- [Bí mật] : EC50 2.686mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (ECOTOX)
- [Bí mật] : EC50 = 1983mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (ECOTOX)
- [Bí mật] : EC50 >1000mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (ECOTOX)
- [Bí mật] : EC50 = 6mg/ℓ 48 giờ (ECOTOX)
- [Bí mật] : LC50 = 65mg/ℓ 24 giờ
- [Bí mật] : EC50 3.2mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna (OECD SIDS)
- [Bí mật] : LC50 = 2mg/ℓ 24 giờ (ECOTOX)
- [Bí mật] : LC50 2332.935mg/ℓ 48 giờ (Ước tính)

○ Tảo

- [Titan dioxide] : ErL50 >100mg/ℓ 72 giờ (Pseudokirchneriella subcapitata, 72h-ErL50 Pseudokirchneriella subcapitata tốc độ tăng trưởng >100 mg/L, tĩnh, 72h-ErL50 >100 mg/L tĩnh, OECD TG 201)
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : EC50 = 2,5mg/ℓ 72 giờ Skeletonema costatum (IUCLID)
- [Ethylbenzen] : EC50 3.6mg/ℓ 96 giờ (EPA 1985, GLP)
- [m-xylene] : EC50 4.9mg/ℓ 72 giờ
- [p-Xylene] : EC50 3.2mg/ℓ 72 giờ
- [Bí mật] : ErC50 0.8mg/ℓ 72 giờ Selenastrum (NITE: Thử nghiệm độc tính sinh thái của MOE đối với hóa chất (1996) và các thử nghiệm khác)
- [Methyl ethyl ketoxim] : EC50 16 mg/L 72 giờ Pseudokirchneriella subcapitata (NITE: Thử nghiệm tác động sinh thái của các chất hóa học (Bộ Môi trường), 2001)
- [Bí mật] : EC50 3.365mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : EC50 100mg/ℓ 72 giờ Selenastrum capricornutum (OECD TG 201, IUCLID)
- [Bí mật] : EC50 1.498mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : EC50 = 2.2mg/ℓ 96 giờ
- [Bí mật] : EC50 1000mg/ℓ 72 giờ Selenastrum capricornutum (SIDS)
- [Bí mật] : EC50 = 2.866mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)
- [Bí mật] : EC50 = 19mg/ℓ 72 giờ Selenastrum capricornutum (IUCLID)
- [Bí mật] : EC50 ≥ 1000mg/ℓ 72 giờ Selenastrum capricornutum
- [Bí mật] : EC50 >1000mg/ℓ 72 giờ Selenastrum capricornutum (NITE)
- [Bí mật] : EC50 = 29mg/ℓ 72 giờ (CERI-NITE)
- [Bí mật] : EC50 = 1.8mg/ℓ 72 giờ (Tảo) (ECOTOX)
- [Bí mật] : EC50 9.337mg/ℓ 96 giờ (Ước tính)

B. Tính bền vững và khả năng phân hủy

○ Sự kiên trì

- [Xylene] : log Kow=3.16 (NITE)
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : log Kow = 2,9 ~ 6,1 (IUCLID)
- [Đồng, phthalocyanine] : log Kow = 6,60 (Ước tính)
- [m-xylene] : log Kow 3.2 (NITE)
- [Bí mật] : log Kow 3.12 (NITE: Cơ sở dữ liệu PHYSPROP, 2005)
- [p-Xylene] : log Kow 3.15 (NITE)
- [4-Methyl-2-pentanone] : ECHA 1,9 log Kow (OECD TG 117)갑각류=ECHA EC50 >200mg/ℓ 48 giờ Daphnia magna(OECD TG 202, GLP)
- [Methyl etyl ketoxim] : log Kow 0,63 (HSDB)
- [Bí mật] : log Kow 3.88
- [Bí mật] : log Kow = 2.1 ~ 6 (Ước tính)
- [Bí mật] : log Kow = -1.38
- [Bí mật] : log Kow = 0,43 (IUCLID)
- [Bí mật] : log Kow = 3.96 (Akron)
- [Bí mật] : log Kow = 2,1 ~ 6 (IUCLID)
- [Bí mật] : log Kow = 4.89 (4.89-5.98 ở 25°C) (IUCLID)
- [Bí mật] : log Kow -0.49
- [Bí mật] : log Kow 2.42 (Ước tính)
- [Bí mật] : log Kow 0.9 (ICSC)
- [Bí mật] : log Kow = -1,4 (IUCLID)
- [Bí mật] : log Kow = 3.42 (ICSC)
- [Bí mật] : log Kow 2.56 (SRC)
- [Bí mật] : log Kow 4.57
- [Bí mật] : log Kow = 3.69 (Ước tính)
- [Bí mật] : log Kow = 1.62 (HSDB)
- [Bí mật] : log Kow 0.52 (Ước tính)

○ Khả năng phân hủy

- [Bí mật] : BOD5/COD 0,56 (IUCLID)

- [p-Xylene] : BOD5/COD 0,92
- [Bí mật] : BOD5/COD = 0,57 (IUCLID)
- [Bí mật] : BOD5/COD = 0,43

C. Khả năng tích lũy sinh học

○ Khả năng tích lũy sinh học

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : BCF = 130 ~ 159 (IUCLID)
- [Đồng, phthalocyanine] : BCF = 0,33 ~ 11 (OECD 305C, IUCLID)
- [Etylbenzen] : BCF 1
- [m-xylene] : BCF 1,37
- [p-Xylene] : BCF 1,37
- [Bí mật] : BCF 21.4 10 ((20°C),Anguilla Nhật Bản) (IUCLID)
- [Methyl etyl ketoxim] : BCF = 0,55 ~ 42 ((25°C),Cyprinus carpio (Cá, nước ngọt), 2mg/l)
- [Bí mật] : BCF 193.1 (Ước tính)
- [Bí mật] : BCF 3.162 (Ước tính)
- [Bí mật] : BCF 46.13 (Ước tính)
- [Bí mật] : BCF = 224.2 (Ước tính)
- [Bí mật] : BCF = 10 (Ước tính)
- [Bí mật] : BCF = 2
- [Bí mật] : BCF 56.87 (Ước tính)
- [Bí mật] : BCF < 1 (SIDS)
- [Bí mật] : BCF = 342 (NITE)
- [Bí mật] : BCF = 138.5 (Ước tính)

○ Phân hủy sinh học

- [Xylene] : 39 (%) (NITE)
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : Khả năng phân hủy sinh học = 39 (%) 28 ngày (Hybrid, Bùn hoạt tính, Nước thải sinh hoạt, Không dễ phân hủy) (IUCLID)
- [Đồng, phthalocyanine] : Khả năng phân hủy sinh học = 1 (%) sau 28 ngày (IUCLID), độ hòa tan trong nước : 4-9 ug/L (ECHA)
- [Etylbenzen] : 70-80% 28 ngày (ISO 14593 CO2, GLP)
- [m-xylene] : BOD: 100 (%) (NITE)
- [p-Xylene] : BOD: 38 (%) (NITE)
- [Bí mật] : 100 (%) 12 ngày ((Aerobic, Other)) (IUCLID)
- [4-Methyl-2-pentanone] : ECHA 83% 28 ngày (OECD TG 301, GLP)
- [Methyl etyl ketoxim] : Khả năng phân hủy sinh học = 24,7 (%) 28 ngày (Hybrid, Bùn hoạt tính)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học = 75 (%) 20 ngày (Hỳnh quang, Khác, Dễ phân hủy) (IUCLID)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học = 10 (%) 28 ngày (Hybrid, Bùn hoạt tính, Nước thải sinh hoạt, Không dễ phân hủy)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học > 60 (%) 28 ngày (Bộ dữ liệu thông tin sàng lọc OECD)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học = 74 (%) 28 ngày (IUCLID)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học = 90 (%) 29 ngày (Hybrid, nước thải công nghiệp, Dễ phân hủy)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học > 60 (%) 10 ngày (SIDS)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học = 0 (%) (NITE)
- [Bí mật] : 41 ~ 42 (%) 28 ngày (OECD SIDS)
- [Bí mật] : Khả năng phân hủy sinh học = 85 (%) (Có khả năng phân hủy sinh học nhanh) (dữ liệu kiểm tra an toàn hóa chất hiện có)

D. Tính di động trong đất

- [Xylene] : log Kow = 3,12 (đã đo) (ortho), 3,2 (đã đo) (meta), 3,15 (các phép đo) (p) (5)
- [Etylbenzen] : log Kow = 3,15 (11)
- [4-Methyl-2-pentanone] : ECHA 101,85 Koc (ước tính)

- [Bí mật] : Koc = 1
- [Bí mật] : log koc= 0.03
- [Bí mật] : Koc = 1.838

E. Các tác dụng phụ khác

- Không có sẵn

13. XÉT XỬ LÝ

A. Phương pháp xử lý

- Do có nhiều hơn hai loại rác thải được chỉ định trộn lẫn với nhau nên khó có thể xử lý riêng biệt, khi đó có thể giảm thiểu hoặc ổn định bằng cách đốt hoặc các quy trình tương tự.
- Nếu có thể tách nước thì xử lý sơ bộ bằng quy trình tách nước.
- Xử lý bằng cách đốt.

B. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt khi thải bỏ

- Người sử dụng sản phẩm này phải tự xử lý hoặc ủy thác cho đơn vị xử lý chất thải hoặc người tái chế, xử lý chất thải, người thành lập và vận hành cơ sở xử lý chất thải.
- Xử lý chất thải theo đúng luật pháp và quy định hiện hành.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

A. Số UN (IMDG)

- 1263

B. Tên vận chuyển thích hợp

- SON (bao gồm sơn, vecni, men, thuốc nhuộm, shellac, vecni, chất đánh bóng, chất độn dạng lỏng và chất nền vecni dạng lỏng) hoặc VẬT LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN SON (bao gồm hợp chất pha loãng hoặc giảm sơn)

C. Lớp nguy hiểm

- 3

D. Nhóm đóng gói IMDG

- III

E. Chất gây ô nhiễm biển

- Áp dụng

F. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng liên quan đến vận chuyển hoặc các biện pháp vận chuyển

- Vận chuyển nội địa thực hiện theo Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm.
- Đóng gói và vận chuyển phải tuân thủ theo yêu cầu của Bộ Giao thông Vận tải (DOT) và các cơ quan quản lý khác.
- Vận chuyển hàng không (IATA): Sản phẩm này KHÔNG được phân loại là nguy hiểm đối với Vận chuyển IATA.
- BẢNG CHÁY EmS: FE (Chất lỏng dễ cháy không phản ứng với nước)
- BẢNG BÁO CÁO TRÀN EmS: SE (Chất lỏng dễ cháy, nổi trên mặt nước)

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

A. Thông tin quy định quốc gia và/hoặc quốc tế

- ☐ Luật quản lý POP
 - Không áp dụng
- ☐ Thông tin phân loại của EU
 - * Phân loại

- [Bí mật] : H226
- [Bí mật] : H226,H332,H312,H315
- [p-Xylen] : H226,H332,H312,H315
- [m-xylen] : H226,H332,H312,H315
- [Xylen] : H226,H332,H312,H315
- [Etylbenzen] : H225,H332
- [Bí mật] : H226,H304,H335,H411
- [Bí mật] : H226,H335,H411
- [Bí mật] : H225
- [Bí mật] : H226,H302,H335,H315,H318,H336
- [Bí mật] : H226,H336
- [Bí mật] : H225,H319,H336
- [4-Methyl-2-pentanone] : H225,H332,H319,H335
- [Bí mật] : H226,H335
- [Dimetyl cacbonat] : H225
- [Bí mật] : H302,H314,H334,H317
- [Bí mật] : H226,H360D,H335
- [Methyl etyl ketoxim] : H351,H312,H318,H317
- [Bí mật] : H350,H340,H304
- [Naphtha (dầu mỏ), hydrosulfurized nặng] : H350,H340,H304
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), thơm nặng.] : H304

○ Quy định của Liên bang Hoa Kỳ

*** AN TOÀN QUY TRÌNH OSHA (29CFR1910.119)**

- Không áp dụng

*** Mục 103 của CERCLA (40CFR302.4)**

- [Xylen] : 45,3599 kg 100 lb
- [Etylbenzen] : 453,599 kg 1000 lb
- [m-xylen] : 453,599 kg 1000 lb
- [Bí mật] : 453.599 kg 1000 lb
- [p-Xylen] : 45,3599 kg 100 lb
- [4-Methyl-2-pentanone] : 2267,995 kg 5000 lb
- [Bí mật] : 2267.995 kg 5000 lb

*** Mục 302 của EPCRA (40CFR355.30)**

- Không áp dụng

*** Mục 304 của EPCRA (40CFR355.40)**

- Không áp dụng

*** Mục 313 của EPCRA (40CFR372.65)**

- [Xylene] : Áp dụng
- [Ethylbenzen] : Áp dụng
- [m-xylene] : Áp dụng
- [Bí mật] : Áp dụng
- [p-Xylene] : Áp dụng
- [4-Methyl-2-pentanone] : Có thể áp dụng

○ Các thành phần được liệt kê trong Công ước Rotterdam

- Không áp dụng

○ Các thành phần được liệt kê trong Công ước Stockholm

- Không áp dụng

○ Thành phần được liệt kê trong Nghị định thư Montreal

- Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

A. Tài liệu tham khảo

- Thông tin có trong đây được cho là chính xác. Thông tin được cung cấp độc lập với bất kỳ hoạt động bán sản phẩm nào nhằm mục đích truyền đạt thông tin về nguy cơ. Thông tin không nhằm mục đích cấu thành thông tin về hiệu suất liên quan đến sản phẩm. Không có bảo hành rõ ràng hoặc bảo hành ngụ ý về khả năng bán được hoặc phù hợp cho một mục đích cụ thể nào được đưa ra đối với sản phẩm hoặc thông tin có trong đây.

- Bảng dữ liệu an toàn này được biên soạn với dữ liệu và thông tin từ các nguồn sau: KOSHA, NITE, ESIS, NLM, SIDS, IPCS

B. Ngày phát hành

- 2018-07-25

C. Số lần sửa đổi và Ngày sửa đổi cuối cùng

- Không áp dụng

D. Khác

- Bảng dữ liệu an toàn này được lập theo Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS).



Bản Thông Tin An Toàn

Theo UN GHS, Phụ lục 4 - Hướng dẫn về việc chuẩn bị SDS

Phiên bản 1

Tên sản phẩm Hỗn hợp hữu cơ

Ngày ban hành 21-Thg12-2016

Ngày sửa đổi 21-Thg12-2016

1. LẠI LỊCH CHẤT/HỖN mỹ phẩm VÀ CÔNG TY/ĐƠN VỊ ĐẢM NHIỆM

Định danh sản phẩm

Tên sản phẩm

Hỗn hợp hữu cơ

Các phương tiện được xác định khác theo lịch

Không có thông tin

Công cụ đề xuất hóa chất và giới hạn sử dụng

Công Đề Dụng Các công dụng
được khuyến khích nên tránh

Dầu mỡ, thẩm định, Drives Out kem, Loại bỏ và bảo vệ bề mặt khỏi ăn mòn
Không có thông tin

Thông tin chi tiết về Nhà Cung Cấp Bản Thông Tin An Toàn

Nhà cung cấp

Công ty WD-40

Địa chỉ

1061 Cudahy Place (92110) PO Box 80607 San Diego, California, Hoa Kỳ

Mã bưu chính

92138-0607

Điện thoại

1-888-324-7596

Fax

1-888-324-7596

Số điện thoại khẩn cấp

1-800-424-9300, 1-703-527-3887

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Mô tả Hỗn hợp

Tên Hóa Chất	Số CAS	% lượng
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, nhẹ đã qua xử lý bằng hydro	64742-47-8	50 - 70
Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, dung môi đã khử sáp nhẹ parafin	64742-56-9	< 25
Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, dung môi đã khử sáp nặng parafin	64742-65-0	
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, naphthenic nhẹ đã qua xử lý bằng hydro	64742-53-6	
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, parafin nặng đã qua xử lý bằng hydro	64742-54-7	
Dầu parafin, dầu mỏ, chất xúc tác nhẹ đã khử sáp	64742-71-8	
Khí cacbonic	124-38-9	2-3

3. NHẬN DIỆN HỌA

Phân loại chất hoặc rượu hợp lý

CÁC KHÍ DUNG DỄ CHÁY Nhóm 1 Ăn

Mòn/Kích Ứng Da Nhóm 2

Độc tính đối với cơ quan đích đặc biệt (tiếp xúc một lần) Độc Nhóm 3
tính hô hấp qua miệng Nhóm 1

Các thành phần của nhãn

Ký Hiệu/Hình Đồ



Từ Cảnh Báo
tiêu ngữ nguy hiểm

Nguy hiểm
H222 - Khí dung cực kỳ dễ cháy.
H229 - Bình áp lực: Có thể nổ khi bị gia nhiệt.
H315 - Gây kích hoạt da.

Tiêu Ngữ Đề Phòng

H336 - Có thể gây nguy hiểm hoặc nhanh chóng.
H304 - Có thể gây tử vong cho người khi xông phải và xâm nhập vào đường hô hấp. P210 - Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc. P211 - Không xịt lên trần hoặc nguồn lửa khác.
P251 - Bình áp lực: Không đốt hoặc đốt, ngay sau khi sử dụng. P271 - Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt.
P280 - Sử dụng căng thẳng bảo vệ/quần áo bảo hộ/ phương tiện bảo vệ mắt/mặt. P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi lòi.
P264 - Rửa tay và mọi phần da được tiếp xúc cẩn thận sau khi thao tác. P302 + P352 - KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa nhiều xà phòng và nước. P332 + P313 - Nếu được kích hoạt da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P362 - Cởi bỏ quần áo được khử trùng và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P304 + P340 - KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ yên trong một tư thế dễ thở.
P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P301 + P310 - KHI NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.
P331 - KHÔNG gây nôn.
P410 + P412 - Bảo vệ tránh ánh nắng. Không thể tiếp tục với nhiệt độ vượt quá 50 °C/122 °F.
P403 + P233 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ kín công cụ bảo vệ.
P405 - Bảo quản khóa chặt.
P501 - Bỏ bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ bảo vệ vào phế bỏ chất thải đã được phê chuẩn.

Các nguy hiểm khác

Không có thông tin

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Mô tả sơ lược các biện pháp bảo vệ

Hướng Dẫn Chung

Không để gửi vào mắt, da, hoặc quần áo. Không hút bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi chói. Cởi bỏ quần áo và giày đã bị nhiễm trùng. Trong trường hợp được kích hoạt hoặc bị dịch, hãy đưa ra bác sĩ. Khi gặp tai nạn hoặc cảm thấy không khỏe, tìm bác sĩ chăm sóc ngay (cho họ xem hướng dẫn sử dụng và bản thông tin an toàn nếu được).

phải

KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc nếu bạn thấy không khỏe.

Tiếp tục xúc với Da

Sử dụng ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước đồng thời bỏ tất cả quần áo và dép bị nhiễm trùng. quần áo sạch sẽ bị nhiễm trùng trước khi sử dụng lại. Nếu vẫn còn kích hoạt, hãy gọi bác sĩ.

Tiếp xúc với mắt

NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Sử dụng nước cẩn thận trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu tiếp tục được kích thích mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.

Phải

Súc miệng. Tìm bác sĩ chăm sóc. Không bao giờ cho bất kỳ người nào biết bất cứ điều gì.

Các Triệu Chứng và Tác Dụng Quan Trọng Nhất, Cả Cấp Tính và Lít Xuất Hiện

Kích hoạt da. Có thể gây rối hoặc chàm vào. Có thể chết người khi phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

Dấu hiệu Cần Thiết phải được bác sĩ Chăm Sóc Ngay Lập Tức và Điều Trị Đặc Biệt

Chứng chỉ điều chỉnh.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**Chất chữa cháy**

Chất chữa cháy phù hợp Hóa chất khô, CO₂, nước bọt êm dịu.
Chất chữa cháy không phù hợp Phun nước khối lượng lớn.

Phân nhóm Biệt thự Phát triển Sinh từ Hóa Chất

Phân tử nhiệt học có thể dẫn đến phóng xạ các khí và hơi ứng dụng và độc: cacbon monoxyt, cacbon dioxyt.

Trang Bị Bảo Hộ Và Biện Pháp Phòng Cho Nhân Viên Chữa Chữa

Sơ đồ người đến khu vực an toàn. Đưa dụng cụ bảo vệ ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không gặp nguy hiểm. Làm thùng chứa bằng nước xịt. Nhân viên chữa cháy nên sử dụng thiết bị thở độc lập và trang thiết bị bảo vệ chữa cháy đầy đủ. Đứng ở đầu gió. Bảo đảm thông tin đầy đủ, tốt nhất là ở những khu vực không có chế độ hạn chế.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ**Các giải pháp phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp**

Sơ đồ người đến khu vực an toàn. Bảo đảm thông tin đầy đủ, tốt nhất là ở những khu vực không có chế độ hạn chế. LOẠI BỎ tất cả các nguồn lửa (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc lửa hay ngọn lửa trong các khu vực cận cảnh). Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân theo hướng dẫn ở Mục 8. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không hút bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi chói. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Sử dụng cẩn thận sau khi thao tác. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không thể mang ra khỏi nơi làm việc.

Các giải pháp phòng cho môi trường

Phải thông báo cho các cơ quan có quyền xác minh được biết khi có sự cố tràn lớn mà không thể ngăn chặn được. Không nên lựa chọn kênh thoát nước, cống rãnh, tầng hầm hoặc các khu vực chật hẹp.

Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn và thu gom lượng tràn bằng các loại vật liệu hút không cháy, (ví dụ như cát, đất, bột diatomit, chất khoáng phòng cây) rồi cho vào dụng cụ bảo vệ để loại bỏ các chất quyết định của phương / quốc gia (xem mục địa 13).

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN**Các giải pháp phòng cho Thao Tác An Toàn**

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Bảo đảm thông tin đầy đủ, tốt nhất là ở những khu vực không có chế độ hạn chế. Tránh xa sức nóng, tia lửa, ngọn lửa và các nguồn gây cháy khác. Sử dụng các biện pháp thư giãn trong phòng tĩnh điện. Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân theo hướng dẫn ở Mục 8. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không hút bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi chói. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Sử dụng cẩn thận sau khi thao tác. quần áo sạch sẽ bị nhiễm trùng trước khi sử dụng lại.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Giữ dụng cụ bảo vệ thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Tránh xa sức nóng, tia lửa, ngọn lửa và các nguồn gây cháy khác. Bảo quản khóa chặt và tránh xa tầm tay của trẻ em. Tránh xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc. Bảo quản các quy định của địa phương.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN**Thông Số Kiểm Soát**

Tên Hóa Chất	TLV của ACGIH	OSHA PEL	NIOSH Tiêu chuẩn quốc tế	Đan Mạch	Liên Hiệp Châu Âu
Cacbon đioxit (CAS #: 124-38-9)	STEL: 30000 ppm TWA: 5000 ppm	-	IDLH: 40000 ppm TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃ STEL: 30000 ppm STEL: 54000 mg/m ₃	TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃	TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃

Tên Hóa Chất	Latvia	Pháp	Phần Lan	Đức	Ý
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, ánh sáng được xử lý bằng hydro (CAS #: 64742-47-8)	-	-	-	TWA: 20 ppm TWA: 140 mg/m ₃ Trần / Đỉnh: 40 ppm Trần / Đỉnh: 280 mg/m ₃ Đa	-
Cacbon đioxit (CAS #: 124-38-9)	TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃	TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃	TWA: 5000 ppm TWA: 9100 mg/m ₃	TWA: 5000 ppm TWA: 9100 mg/m ₃ Trần / Đỉnh: 10000 phần triệu Trần / Đỉnh: 18200 mg/m ₃	TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃

Tên Hóa Chất	Ba Lan	Bồ Đào Nha	Tây Ban Nha	Thụy Sĩ	Hà Lan
Cacbon đioxit (CAS #: 124-38-9)	-	-	-	-	TWA: 9000 mg/m ₃

Tên Hóa Chất	Na Uy	Vương Quốc Liên Hiệp Anh	Úc	Áo	Bỉ
Cacbon đioxit (CAS #: 124-38-9)	TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃ STEL: 5000 ppm STEL: 9000 mg/m ₃	-	5000 trang/phút 9000mg/m ₃ 12500 trang/phút 22500mg/m ₃ 30000 ppm STEL 54000mg/m ₃ STEL	STEL 10000 ppm STEL 18000 mg/m ₃ TWA: 5000 ppm TWA: 9000 mg/m ₃	-

Các Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật Phù Hợp

Bảo đảm thông tin đầy đủ, tốt nhất là ở những khu vực không có chế độ hạn chế. Phòng tắm. Các điểm rửa mắt. Loại bỏ tất cả các nguồn lửa.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang được bảo vệ cá nhân

- Biện pháp bảo vệ đường hô hấp
- Trong trường hợp thiếu thông tin, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp.
- Biện pháp bảo vệ tay
- Đeo găng tay bảo hộ.
- Biện pháp bảo vệ mắt/mặt
- Đeo kính an toàn có thanh bên (hoặc kính bảo vệ).
- Bảo Vệ Da và Cơ Thể
- Sử dụng hợp lý trang bảo vệ.

9. CÁC TÍNH NĂNG CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Thông tin về cơ sở hóa chất

- Ngoại quan
- Chất lỏng động
- Màu
- Hồ pháchMộtnh sang
- Mùi
- Mùi dầu nhẹ
- Ngưỡng Phát Hiện Mùi
- Chưa xác định
- pH
- Chưa xác định
- Điểm đông/điểm đông
- Chưa xác định
- Điểm nóng / vùng nhiệt độ sôi
- 160 - 198 °C
- Khả năng cháy (rắn, khí)
- Giới Khí dung cực kỳ dễ cháy
- hạn cháy trong không khí
- Điểm 0,7 - 1,5%
- chớp cháy
- 43 °C
- Nhiệt độ Tự động
- Chưa xác định
- Phân tích nhiệt độ
- Chưa xác định
- acarde Độ động học
- Chưa xác định

Độ động lực học (Các tốc độ	Chưa xác định
Hệ thống phân tách số (LogPow) Áp suất hơi	Không hòa tan trong nước
Tỷ trọng	Chưa xác định
Tỷ lệ tương quan Tỷ lệ trong hơi	Chưa xác định
Tốc độ bay hơi	Chưa xác định
Tính chất nổ	Chưa xác định
Tính Chất Oxy Hóa	Không xác định được chất nổ

Thông tin khác
Không có thông tin

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng
Không có thông tin.

Độ Bền Hóa Học
Bền vững trong các điều kiện thông thường.

Khả năng gây phản ứng nguy hiểm
Phản ứng hóa học nguy hiểm polyme không xảy ra.

Các điều kiện cần tránh
Nhiệt, ngọn lửa và tia lửa. Vật Liệu Vật Liệu Tương Ky.

Các vật liệu vật liệu Tương Ky
Các chất oxy hóa mạnh.

Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm
Cacbon monoxyt, cacbon dioxyt.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC

Độc Tính Cấp

Tên Hóa Chất	LD50 (liều bán tử) qua miệng	LD50 (liều bán tử) qua da	LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp
Sản phẩm chưng cất đầu mỏ, ánh sáng được xử lý bằng hydro (CAS #: 64742-47-8)	> 5000 mg/kg (Chuột)	> 2000 mg/kg (Thỏ)	> 5,2 mg/L (Chuột) 4 giờ
Sản phẩm chưng cất đầu mỏ, parafin nặng đã qua xử lý bằng hydro (Mã số CAS: 64742-54-7)	> 15 g/kg (Chuột)	-	-

Ăn Mòn/Kích Ứng Da
Gây ra sự kích thích.

Tổn thương nặng/phản ánh mạnh cho mắt
Không kích thích mắt.

Xin cảm ơn
Không có quan sát nào được tìm thấy có phản ứng nhạy cảm.

Khả Năng Gây Bước Biến Tế Bào Mầm
Không có thông tin.

Khả năng gây ung thư
Không có thông tin.

Độc Tính Sinh Sản
Không có thông tin.

STOT - Tiến Tiến Một Lần
Không có thông tin.

STOT - Tiếp xúc nhiều lần
Không có thông tin.

Sự hủy hoại Phải qua miệng
Không có thông tin.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Tên Hóa Chất	Tảo/Cây thủy sinh EC50	Cá LC50	Giáp xác EC50
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, ánh sáng được xử lý bằng hydro (CAS #: 64742-47-8)	-	45: 96 h Pimephales promelas mg/L LC50 chảy qua 2.2: 96 h Lepomis macrochirus mg/L LC50 tĩnh 2.4: 96 giờ Oncorhynchus mykiss mg/L LC50 tĩnh	4720: 96 h Den-dronereides chân khớp mg/L LC50
Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, parafin nhẹ đã tách sáp bằng dung môi (CAS #: 64742-56-9)	-	5000: 96 giờ Oncorhynchus mykiss mg/L LC50	1000: 48 giờ Daphnia magna mg/L EC50
Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, parafin nặng đã tách sáp bằng dung môi (CAS #: 64742-65-0)	-	5000: 96 giờ Oncorhynchus mykiss mg/L LC50	1000: 48 giờ Daphnia magna mg/L EC50
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, naphthenic nhẹ đã qua xử lý bằng hydro (Mã số CAS: 64742-53-6)	-	5000: 96 giờ Oncorhynchus mykiss mg/L LC50	1000: 48 giờ Daphnia magna mg/L EC50
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, parafin nặng đã qua xử lý bằng hydro (Mã số CAS: 64742-54-7)	-	5000: 96 giờ Oncorhynchus mykiss mg/L LC50	1000: 48 giờ Daphnia magna mg/L EC50

Độ Và Bền Khả Năng Phân Hủy
Không có thông tin.

Tích lũy sinh học

Tên Hóa Chất	Hệ số tích tụ sinh học (BCF)
Sản phẩm chưng cất dầu mỏ, xử lý bằng hydro nhẹ (CAS #: 64742-47-8)	159

khả năng di chuyển
Không có thông tin.

Các Tác Dụng Có Hai Khác
Không có thông tin.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các Phương Pháp Xử Lý Chất Thải

- Chất Thải của Phần Dư/Sản Phẩm Chưa Sử Dụng Dụng Cụ Bao Bì Đã Bị Ni
- Việc bãi bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực và quốc gia.
Việc bãi bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực và quốc gia.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Số UN	1950
Riêng tên trong quá trình chuyển đổi	BÌNH XỊT
Nhóm nguy hiểm họa	2.1
Nhóm đóng gói	Không được quy định
Các họa tiết cho môi trường	ô nhiễm không biển
Biện Pháp Đề Phòng Biệt Biệt	Không có thông tin
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL và QUY TẮC IBC	Không áp dụng

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Các Danh Mục Quốc Tế

Thành phần	Danh Mục Hóa Chất Úc (AICS)	DSL/NDSL	EINECS/ELI NCS	ENCS	IECSC	KECL	PICC	TSCA
Dầu mỏ sản phẩm chưng cất, ánh sáng được xử lý bằng hydro 64742-47-8 (50 - 70)	X	X	X	X	X	X	X	X
Dầu mỏ chất cất, dung môi ánh sáng sáp parafin 64742-56-9 (< 25)	X	X	X	X	X	X	X	X
Dầu mỏ chất cất, dung môi sáp nặng parafin 64742-65-0 (< 25)	X	X	X	X	X	X	X	X
Dầu mỏ sản phẩm chưng cất, ánh sáng được xử lý bằng hydro naphthenic 64742-53-6 (< 25)	X	X	X	X	X	X	X	X
Dầu mỏ sản phẩm chưng cất, nặng được xử lý bằng hydro parafin 64742-54-7 (< 25)	X	X	X	X	X	X	X	X
Dầu parafin, dầu mỏ, chất xúc tác ánh sáng sáp 64742-71-8 (< 25)	X	X	X	-	X	X	X	X
Khí cacbonic 124-38-9 (2 - 3)	X	X	X	X	X	X	X	X

"-" Không có trong danh mục
"X" Có trong Danh mục

16. THÔNG TIN KHÁC

Chú thích về sửa đổi

Ngày ban hành	21-Thg12-2016
Ngày sửa đổi	21-Thg12-2016
Chú thích về sửa đổi	Không áp dụng

Giải thích hoặc chú thích các từ viết tắt được sử dụng trong toàn bộ thông tin

TWA - TWA (Nồng độ bình quân có thể tiếp tục)

STEL - STEL (Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn)

Trần - Tối đa giới hạn giá trị

TSCA-Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

DSL/NDL-Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Ngoài Danh Mục Hóa Chất Nội Địa của Canada

IECSC-Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc

EINECS/ELINCS-Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu **ENCS**

-Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản **KECL**-Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã

Đánh Giá của Hàn Quốc **NZIO**-Danh mục Hóa chất của New Zealand

PICC-Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin **AICS**

-Danh Mục Hóa Chất Úc

Tuyên bố miễn trách

Cung cấp thông tin trong Bản thông tin an toàn này chính xác theo tất cả những gì đã biết, thông tin và ý tưởng của chúng tôi vào ngày cấm hành động thông tin. Thông tin được cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn hoạt động, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận hành, bỏ và phóng to một cách an toàn và không nên được xem là một sự đảm bảo hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này liên kết chính xác với các đối tượng riêng biệt và sẽ không hợp lệ khi đối tượng đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ đối tượng nào khác hoặc bất kỳ đối tượng nào trong bất kỳ biến thể chế độ nào, nếu không được xác định rõ trong tài liệu này

----- Kết thúc Bảng dữ liệu an toàn -----

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. NHẬN DẠNG

A. Tên sản phẩm

- 002

B. Khuyến cáo sử dụng và hạn chế sử dụng

- Sử dụng chung : MỎNG HƠN
- Hạn chế sử dụng : Không sử dụng ngoại trừ mục đích

C. Thông tin nhà cung cấp

- Tên công ty : Tập đoàn KCC
- Địa chỉ : 30, Bangeojinsunhwado-ro, Dong-gu, Ulsan
- Điện thoại khẩn cấp con số : 82-52-280-1717

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

A. Phân loại GHS

- Chất lỏng dễ cháy: Loại 3
- Độc tính cấp tính (đường uống): Loại 5
- Độc tính cấp tính (hít phải: hơi) : Loại 5
- Ăn mòn/kích ứng da: Loại 2
- Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: Loại 2A
- Đột biến tế bào mầm: Loại 1B
- Gây ung thư: Loại 2
- Độc tính sinh sản: Loại 1B
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ): Loại 1
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ): Loại 3 (Tác dụng gây nghiện)
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm nhiều lần): Loại 1
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (Phơi nhiễm nhiều lần): Loại 2
- Nguy cơ hít phải: Loại 1

B. Các thành phần nhãn GHS

○ Biểu tượng nguy hiểm



○ Từ tín hiệu

- Sự nguy hiểm

○ Các tuyên bố nguy hiểm

- H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy
- H303 Có thể gây hại nếu nuốt phải.
- H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp
- H315 Gây kích ứng da
- H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- H333 Có thể gây hại nếu hít phải.
- H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
- H340 Có thể gây ra khuyết tật di truyền
- H351 Nghi ngờ gây ung thư
- H360 Có thể gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi
- H370 Gây tổn thương các cơ quan (Tham khảo Mục SDS 11)
- H372 Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (Tham khảo Mục SDS 11)
- H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (Tham khảo Mục SDS 11)

○ **Các tuyên bố phòng ngừa**

1) Phòng ngừa

- P201 Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- P202 Không được sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.
- P210 Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng. Không hút thuốc.
- P233 Giữ chặt bình chứa.
- P240 Nối đất/liên kết container và thiết bị tiếp nhận.
- P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.
- P242 Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa. Chất lỏng dễ cháy (chương 2.6) 1, 2, 3
- P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.
- P260 Không hít khí/sương/hơi/bụi nước.
- P261 Tránh hít phải khí/sương/hơi/bụi nước.
- P264 Rửa tay thật sạch sau khi xử lý.
- P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.
- P280 Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
- P281 Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu.

2) Phản hồi

- P301+P310 **NEU NUỐT PHẢI**: Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sĩ.
- P302+P352 **NEU BỊ DÍNH VÀO DA**: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.
- P303+P361+P353 **NEU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc)**: Cởi bỏ/Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/tắm.
- P304+P312 **NEU HÍT PHẢI**: Gọi đến **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P304+P340 **NEU HÍT PHẢI**: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nạn nhân nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để thở.
- P305+P351+P338 **NEU VÀO MẮT**: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.
- P307+P311 **Neu tiếp xúc**: Gọi đến **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sĩ.
- P308+P313 **Neu tiếp xúc hoặc lo lắng**: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
- P312 **Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P314 **Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế** nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P321 **Điều trị đặc hiệu**
- P331 **KHÔNG** được gây nôn.
- P332+P313 **Neu bị kích ứng da**: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
- P337+P313 **Neu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn**: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
- P362 **Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch** trước khi sử dụng lại.
- P370+P378 **Trong trường hợp hỏa hoạn**: Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp để dập tắt (Tham khảo Mục MSDS 5).

3) Lưu trữ

- P403+P233 **Bảo quản nơi thông thoáng. Đậy kín hộp đựng.**
- P403+P235 **Bảo quản nơi thông thoáng. Giữ mát.**
- P405 **Cửa hàng đã bị khóa.**

4) Xử lý

- P501 **Xử lý nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế**

C. Các mối nguy hiểm khác không được phân loại: (Phân loại NFPA)

○ **Cấp độ NFPA (mức 0 ~ 4)**

- Sức khỏe: 2, Khả năng bắt lửa: 3, Khả năng phản ứng: 0

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên hóa học	Tên thương mại và từ đồng nghĩa	Số CAS	Nội dung(%)
Xylen	Dimethylbenzen	1330-20-7	74 ~ 84
Etylbenzen	Benzen, etyl-	100-41-4	10 ~ 20
Naphta dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.	Naphtha	64742-95-6	1 ~ 10

4. BIỆN PHÁP CỨU THƯỜNG

A. Giao tiếp bằng mắt

- Không được dụi mắt.
- Rửa mắt ngay bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút và gọi bác sĩ.
- Đi khám ngay lập tức.
- Đến bệnh viện ngay nếu có triệu chứng (bùng phát, kích ứng).
- Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo.

B. Tiếp xúc với da

- Xả sạch da bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn.
- Giặt đủ số lượng quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
- Đi khám ngay lập tức.
- Đến bệnh viện ngay nếu có triệu chứng (bùng phát, kích ứng).
- Cởi bỏ quần áo, giày dép bị nhiễm bẩn và cách ly.
- Rửa sạch sau khi sử dụng.
- Đeo găng tay khi tắm rửa cho bệnh nhân và tránh tiếp xúc với quần áo bị nhiễm bẩn.

C. Tiếp xúc hít phải

- Khi tiếp xúc với lượng hơi nước và sương mù lớn, hãy di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
- Thực hiện điều trị đặc hiệu nếu cần thiết.
- Đi khám ngay lập tức.
- Nếu ngừng thở hoặc thở không đều, phải hô hấp nhân tạo và cung cấp oxy.

D. Tiếp xúc tiêu hóa

- Cần được bác sĩ tư vấn xem có cần gây nôn hay không.
- Súc miệng ngay bằng nước.
- Đi khám ngay lập tức.
- Nếu nuốt phải, phải uống thật nhiều nước và không được gây nôn.

E. Tác động chậm trễ và tức thời cũng như tác động mãn tính từ việc tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

- Không có sẵn

F. Ghi chú cho bác sĩ

- Thông báo cho nhân viên y tế về tình huống ô nhiễm và yêu cầu họ thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp.
- Nếu bị phơi nhiễm hoặc lo lắng, hãy tìm kiếm sự chăm sóc/tư vấn y tế.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

A. Phương tiện chữa cháy phù hợp (không phù hợp)

- Hóa chất khô, carbon dioxide, chất chữa cháy bột thông thường, bình xịt
- Tránh sử dụng tia nước để chữa cháy

B. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

- Không có sẵn

C. Các hành động bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa

- Không cho người không có nhiệm vụ vào.
- Thông báo cho sở cứu hỏa địa phương và thông báo vị trí xảy ra hỏa hoạn cũng như đặc điểm nguy hiểm.

- Sử dụng bình chữa cháy xách tay và bình nước phòng trường hợp cháy lớn và không được tự ý đốt nếu không thực sự cần thiết.
- Tránh hít phải vật liệu hoặc sản phẩm phụ của quá trình đốt cháy.
- Không được tiếp cận nếu bình đang cháy.
- Giữ bình chữa mát bằng cách phun nước.
- Hơi hoặc khí cháy ở nguồn lửa xa có thể lan truyền nhanh chóng.
- Do điểm bắt lửa cực thấp nên việc chữa cháy bằng nước có thể kém hiệu quả hơn khi dập tắt đám cháy.

6. CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

A. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

- Thông gió cho không gian kín trước khi vào.
- Phải làm ngược gió, để cho những người ở đầu gió di tản.
- Loại bỏ mọi nguồn gây cháy.
- Xử lý các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ sau khi đã mặc đồ bảo hộ.
- Không đổ nước vào nơi tràn hoặc rò rỉ.
- Tránh tiếp xúc với da và hít phải.
- Nên vệ sinh và xử lý dưới sự giám sát của chuyên gia.
- Không cho người không có nhiệm vụ vào, cô lập khu vực nguy hiểm và từ chối cho vào.

B. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

- Ngăn chặn nước chảy tràn và tiếp xúc với đường thủy, cống rãnh hoặc nước thải.
- Nếu bị đổ với số lượng lớn, hãy thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền.

C. Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

- Tràn lớn: Đứng ngược gió và tránh xa vùng trung. Đề để xử lý sau.
- Thông báo cho chính quyền trung ương, chính quyền địa phương. Khi phát thải ít nhất đạt mức tiêu chuẩn
- Xử lý chất thải theo đúng quy định của địa phương.
- Thùng chứa phù hợp để xử lý vật liệu bị đổ đã thu gom.
- Rò rỉ nhỏ: cát hoặc vật liệu không cháy khác, vui lòng sử dụng chất hấp thụ.
- Lau sạch dung môi.
- Đề để xử lý sau.
- Không sử dụng hộp đựng bằng nhựa.
- Vật liệu tràn đổ phải được xử lý như một nguy cơ tiềm ẩn gây ra chất thải được thu gom.

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

A. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

- Rửa sạch sau khi sử dụng.
- Tránh tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
- Người vận hành phải mang giày và quần áo chống tĩnh điện.
- Không hít hơi nước trong thời gian dài hoặc nhiều lần.
- Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn gây cháy khác.
- Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

B. Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào

- Kiểm tra rò rỉ thường xuyên.
- Không sử dụng các thùng chứa đã bị hư hỏng.
- Không sử dụng nhiệt trực tiếp.
- Lưu ý các luật lệ và quy định hiện hành.
- Bảo quản trong bao bì gốc.
- Bằng cách chỉ định khu vực lưu trữ các chất gây ung thư.
- Thu thập chúng trong các hộp đựng kín.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

A. Giới hạn phơi nhiễm

☐ ACGIH TLV

- [Xylene] : TWA 100 ppm (434 mg/m³), STEL, 150 ppm (651 mg/m³)
- [Ethylbenzen] : TWA, 20 ppm (87 mg/m³)

☐ Luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp OSHA

- [Ethylbenzen]:100ppm 435mg/m³
- [Xylene]:100ppm 435mg/m³

B. Kiểm soát kỹ thuật

- Hệ thống xả cục bộ và/hoặc xả chung được khuyến nghị để giữ mức phơi nhiễm của nhân viên cao hơn Giới hạn phơi nhiễm. Thông gió xả cục bộ thường được ưu tiên vì nó có thể kiểm soát khí thải của chất gây ô nhiễm tại nguồn, ngăn ngừa sự phát tán của chất gây ô nhiễm vào khu vực làm việc chung. Sử dụng thông gió xả cục bộ được khuyến nghị để kiểm soát khí thải gần nguồn.

C. Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

☐ Bảo vệ hô hấp

- Trong điều kiện sử dụng thường xuyên hoặc tiếp xúc nhiều, có thể cần đến biện pháp bảo vệ hô hấp.
- Bảo vệ hô hấp được xếp hạng theo thứ tự từ tối thiểu đến tối đa.
- Xem xét tính chất cảnh báo trước khi sử dụng.
- Bất kỳ máy thở có hộp lọc hóa chất nào có hộp lọc hơi hữu cơ.
- Bất kỳ mặt nạ phòng độc hóa chất nào có mặt nạ kín và hộp lọc hơi hữu cơ.
- Bất kỳ máy thở lọc không khí nào có mặt nạ kín và hộp chứa hơi hữu cơ.
- Đối với nồng độ không xác định hoặc gây nguy hiểm trực tiếp đến tính mạng hoặc sức khỏe: Bất kỳ máy thở cung cấp không khí nào có mặt nạ toàn bộ và hoạt động ở chế độ áp suất theo yêu cầu hoặc chế độ áp suất dương khác kết hợp với nguồn cung cấp thoát khí riêng biệt. Bất kỳ thiết bị thở tự cung cấp nào có mặt nạ toàn bộ.

☐ Bảo vệ mắt

- Đeo biện pháp bảo vệ mắt chính như kính bảo hộ chống nước bắn vào có tấm chắn bảo vệ mặt thứ cấp.
- Cung cấp trạm rửa mắt khẩn cấp và vòi sen xả nước nhanh tại khu vực làm việc ngay lập tức.

☐ Bảo vệ tay

- Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

☐ Bảo vệ da

- Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất phù hợp.

☐ Những người khác

- Không có sẵn

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

A. Ngoại hình	
- Vẻ bề ngoài	Chất lỏng
- Màu sắc	Không có sẵn
B. Mùi	Không có sẵn
C. Ngưỡng mùi	Không có sẵn
D. Độ pH	Không có sẵn
E. Điểm nóng chảy/Điểm đóng băng	Không có sẵn
F. Điểm sôi ban đầu/Phạm vi sôi	136°C
G. Điểm chớp cháy	28,5°C
H. Tốc độ bay hơi	Không có sẵn
I. Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn
J. Giới hạn cháy nổ trên/dưới	1%/7%

K. Áp suất hơi	Không có sẵn
L. Độ hòa tan	Không có sẵn
M. Mật độ hơi	Không có sẵn
N. Trọng lượng riêng (Mật độ tương đối)	0,86 ~ 0,88
O. Hệ số phân chia của n-octanol/nước	Không có sẵn
P. Nhiệt độ tự bốc cháy	432
Q. Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn
R. Độ nhớt	Không có sẵn
S. Khối lượng phân tử	Không có sẵn

10. SỰ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

A. Tính ổn định hóa học

- Vật liệu này ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý được khuyến nghị.

B. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

- Các bình chứa tiếp xúc với lửa có thể thoát ra và giải phóng khí dễ cháy.

C. Điều kiện cần tránh

- Tránh tiếp xúc với vật liệu và điều kiện không tương thích.
- Tránh: Tích tụ điện tích tĩnh, Nhiệt, Ngọn lửa và bề mặt nóng
- Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn gây cháy khác.

D. Vật liệu không tương thích

- Không có sẵn

E. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Có thể phát ra hơi dễ cháy nếu xảy ra hỏa hoạn.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

A. Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể xảy ra

☐ (Đường hô hấp)

- Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp

☐ (Nổi)

- Có thể gây hại nếu nuốt phải.

☐ (Mắt-Da)

- Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- Gây kích ứng da

B. Tác động chậm trễ và tức thời cũng như tác động mãn tính từ việc tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

☐ Độc tính cấp tính

* Miệng

- Sản phẩm (ATEmix): 2000mg/kg < ATEmix <= 5000mg/kg
- [Xylene] : LD50=3523 mg/kg chuột (Phương pháp EU B1)
- [Ethylbenzen] : LD50 = 3500mg/kgChuột (NITE)
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : LD50 = 8400mg/kgChuột (RTECS)

* Da

- Sản phẩm (ATEmix): >5000mg/kg
- [Xylen] : LD50 >4350mg/kgThỏ (IUCLID) LD50 12126mg/kgThỏ (đồng phân: m-xylen)
- [Ethylbenzen] : LD50 = 15400mg/kgThỏ (NITE)
- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : LD50 > 2000mg/kgThỏ (IUCLID)

* Hít vào

- Sản phẩm (ATEmix): 20.0mg/L < ATEmix <= 50.0mg/L
- [Xylene] : LC50 5922 ppm 4 giờ Chuột (25,713 mg/L EPA OPP 81-3, GLP)
- [Ethylbenzen] : LC50 = 17,4 mg/L/4 giờ Chuột (4000 ppm/4 giờ) (EHC, ASTDR)

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : LC50 > 5,2 mg/L 4 giờ Chuột, LC50=3400 ppm 4 giờ (IUCLID)

☐ **Ăn mòn/kích ứng da**

- Gây kích ứng da

☐ **Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng**

- Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

☐ **Nhạy cảm hô hấp**

- Không có sẵn

☐ **Nhạy cảm da**

- Không có sẵn

☐ **Tính gây ung thư**

* Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế

- [Etylbenzen] : Nhóm 2B

*** OSHA**

- Không có sẵn

*** ACGIH**

- [Etylbenzen] : A3

- [Xylen] : A4

*** NTP**

- Không có sẵn

*** EU CLP**

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : Carc.1B

☐ **Đột biến tế bào mầm**

- Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền

☐ **Độc tính sinh sản**

- Có thể gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi

☐ **STOT-phơi sáng đơn**

- Gây tổn thương các cơ quan (Tham khảo Mục SDS 11)

- Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

☐ **STOT-phơi nhiễm lặp lại**

- Gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (Tham khảo Mục SDS 11)

- Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (Tham khảo Mục SDS 11)

☐ **Nguy cơ hít phải**

- Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp

12. THÔNG TIN SINH THÁI

A. Độc tính sinh thái

☐ **Cá**

- [Xylene] : LC50=3,3mg/L 96 giờ (NITE)

- [Etylbenzen] : LC50 5.1mg/l 96 giờ (ECHA)

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : LC50 = 9,22mg/l 96 giờ Oncorhynchus mykiss (IUCLID)

☐ **Giáp xác**

- [Etylbenzen] : LC50 2,4mg/l ~ 1,8mg/l 48 giờ Mysidopsis bahia (EC50 48 giờ >5,2mg/L, EPA 1985, GLP)

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : EC50 = 6,14mg/l 48 giờ Daphnia magna (IUCLID)

☐ **Tảo**

- [Etylbenzen] : EC50 3.6mg/l 96 giờ (EPA 1985, GLP)

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : EC50 = 19mg/l 72 giờ Selenastrum capricornutum (IUCLID)

B. Tính bền vững và khả năng phân hủy

☐ **Sự kiên trì**

- [Xylene] : log Kow=3.16 (NITE)

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : log Kow = 2,1 ~ 6 (IUCLID)

○ Khả năng phân hủy

- [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : BOD5/COD = 0,43

C. Khả năng tích lũy sinh học

○ Khả năng tích lũy sinh học

- [Etylbenzen] : BCF 1

○ Phân hủy sinh học

- [Xylen] : 39 (%) (NITE)

- [Ethylbenzen] : 70-80% 28 ngày (ISO 14593 CO2, GLP)

D. Tính di động trong đất

- [Xylene] : log Kow = 3,12 (đã đo) (ortho), 3,2 (đã đo) (meta), 3,15 (các phép đo) (p) (5)

- [Ethylbenzen] : log Kow = 3,15 (11)

E. Các tác dụng phụ khác

- Không có sẵn

13. XÉT XỬ LÝ

A. Phương pháp xử lý

- Do có nhiều hơn hai loại rác thải được chỉ định trộn lẫn với nhau nên khó có thể xử lý riêng biệt, khi đó có thể giảm thiểu hoặc ổn định bằng cách đốt hoặc các quy trình tương tự.

- Nếu có thể tách nước thì xử lý sơ bộ bằng quy trình tách nước.

- Xử lý bằng cách đốt.

- Đốt ở nhiệt độ cao

- Sau khi loại bỏ các dung môi hữu cơ cần tái chế, hãy đốt phần còn lại ở nhiệt độ cao.

B. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt khi thải bỏ

- Người sử dụng sản phẩm này phải tự xử lý hoặc ủy thác cho đơn vị xử lý chất thải hoặc người tái chế, xử lý chất thải, người thành lập và vận hành cơ sở xử lý chất thải.

- Xử lý chất thải theo đúng luật pháp và quy định hiện hành.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

A. Số UN (IMDG)

- 1263

B. Tên vận chuyển thích hợp

- SƠN BAO GỒM SƠN, VẮC XANH, MEN, VẾT NHUỘM, DUNG DỊCH SHELLAC, VECNI, ĐÁNH BÓNG, CHẤT ĐÙN LỎNG VÀ SƠN VỎ LỎNG

C. Lớp nguy hiểm

- 3

D. Nhóm đóng gói IMDG

- III

E. Chất gây ô nhiễm biển

- Không áp dụng

F. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng liên quan đến vận chuyển hoặc các biện pháp vận chuyển

- Vận chuyển nội địa thực hiện theo Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm.

- Đóng gói và vận chuyển phải tuân thủ theo yêu cầu của Bộ Giao thông Vận tải (DOT) và các cơ quan quản lý khác.
- Vận chuyển hàng không (IATA): Sản phẩm này KHÔNG được phân loại là nguy hiểm đối với Vận chuyển IATA.
- BẢNG CHÁY EmS: FE (Chất lỏng dễ cháy không phản ứng với nước)
- BẢNG BÁO CÁO TRẦN EmS: SE (Chất lỏng dễ cháy, nổi trên mặt nước)

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

A. Thông tin quy định quốc gia và/hoặc quốc tế

- ☐ **Luật quản lý POP**
 - Không áp dụng
- ☐ **Thông tin phân loại của EU**
 - * Phân loại**
 - [Xylen] : H226,H332,H312,H315
 - [Etylbenzen] : H225,H332
 - [Naphtha dung môi (dầu mỏ), mùi thơm nhẹ.] : H350,H340,H304
- ☐ **Quy định của Liên bang Hoa Kỳ**
 - * AN TOÀN QUY TRÌNH OSHA (29CFR1910.119)**
 - Không áp dụng
 - * Mục 103 của CERCLA (40CFR302.4)**
 - [Xylen] : 45,3599 kg 100 lb
 - [Etylbenzen] : 453,599 kg 1000 lb
 - * Mục 302 của EPCRA (40CFR355.30)**
 - Không áp dụng
 - * Mục 304 của EPCRA (40CFR355.40)**
 - Không áp dụng
 - * Mục 313 của EPCRA (40CFR372.65)**
 - [Xylene] : Áp dụng
 - [Ethylbenzen] : Áp dụng
- ☐ **Các thành phần được liệt kê trong Công ước Rotterdam**
 - Không áp dụng
- ☐ **Các thành phần được liệt kê trong Công ước Stockholm**
 - Không áp dụng
- ☐ **Thành phần được liệt kê trong Nghị định thư Montreal**
 - Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

A. Tài liệu tham khảo

- Thông tin có trong đây được cho là chính xác. Thông tin được cung cấp độc lập với bất kỳ hoạt động bán sản phẩm nào nhằm mục đích truyền đạt thông tin về nguy cơ. Thông tin không nhằm mục đích cấu thành thông tin về hiệu suất liên quan đến sản phẩm. Không có bảo hành rõ ràng hoặc bảo hành ngụ ý về khả năng bán được hoặc phù hợp cho một mục đích cụ thể nào được đưa ra đối với sản phẩm hoặc thông tin có trong đây.

- Bảng dữ liệu an toàn này được biên soạn với dữ liệu và thông tin từ các nguồn sau: KOSHA, NITE, ESIS, NLM, SIDS, IPCS

B. Ngày phát hành

- 2013-04-15

C. Số lần sửa đổi và Ngày sửa đổi cuối cùng

- 14 lần, 2018-06-01

D. Khác

- Bảng dữ liệu an toàn này được lập theo Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS).

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer**BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN****1.0 Nhận dạng sản phẩm hóa chất và công ty****1.1 Chi tiết sản phẩm**

Tên sản phẩm

: CONATHANE EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer :

Tên thương mại

CONATHANE®

1.2 Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng Loại ứng

dụng (Sử dụng) Hạn chế sử dụng

: Sản phẩm này chỉ dùng cho mục đích công nghiệp

1.3 Chi tiết nhà sản xuất hoặc nhà cung

cấp Tên nhà sản xuất

: ELANTAS Malaysia Sdn. Bhd. (1011068-A):

Địa chỉ

Số 28, Jalan SKI 1/KU7,
Khu công nghiệp công nghệ
cao, Sungai Kapar Indah,
42200 Kapar,
Selangor Darul Ehsan,
MALAYSIA

Điện thoại

: +60332918878

Fax điện thoại

: +60332913878

Số điện thoại khẩn cấp

: Liên hệ Bomba 994 hoặc Cấp cứu 999

2.0 Nhận dạng mối nguy hiểm**2.1 Phân loại GHS**

Độc tính cấp tính (Hít phải)

: Thể loại 4

Kích ứng da

: Thể loại 2

Nhạy cảm da

: Thể loại 1

Kích ứng mắt

: Thể loại 2A

Gây ung thư do nhạy

: Thể loại 1

cảm hô hấp

: Thể loại 2

Độc tính cơ quan đích cụ thể

- Phơi sáng đơn

: Loại 3 (Hệ hô hấp)

Độc tính cơ quan đích cụ thể

- Tiếp xúc thường xuyên

: Thể loại 2

2.2 Yếu tố nhãn GHS

Biểu tượng



Từ tín hiệu

: SỰ NGUY HIỂM

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

Tuyên bố nguy hiểm : H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da. H319
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H332 Có hại nếu hít phải.
H334 Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc
khó thở nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng đường hô
hấp. H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H373 Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi
lặp lại.

Các tuyên bố phòng ngừa
Phòng ngừa : P201 Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện
pháp phòng ngừa an toàn.
P260 Không hít bụi/khói/khí/sương mù/hơi/bụi nước.
P264 Rửa sạch da sau khi xử lý.
P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.
P272 Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi
nơi làm việc.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ
mắt/bảo vệ mặt.
P285 Trong trường hợp thông gió không đủ, hãy đeo thiết bị bảo vệ
đường hô hấp.

Phản ứng : P302 + P352 NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và
Nước.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ tư
thế thoải mái để thở. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm
thấy không khỏe.
P305 + P351 + P338 NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước
trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo. Tiếp
tục rửa.
P308 + P313 NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/
chăm sóc y tế.
P333 + P313 Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/
chăm sóc y tế.
P337 + P313 Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm lời
khuyên/chăm sóc y tế.
P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Kho : P403 + P233 Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Giữ bình chứa
đóng chặt.
P405 Cửa hàng đã bị khóa.

Xử lý : P501 Xử lý nội dung/thùng chứa đến nơi xử lý chất thải được chấp thuận
nhà máy xử lý rác thải.

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

3.0 Thành phần và thông tin về thành phần của hóa chất nguy hiểm

Chất / Hỗn hợp : Hỗn hợp
Bản chất hóa học : Polyisocyanate

Tên hóa học	Số CAS	Sự tập trung [%]
Isocyanat	101-68-8	$\geq 30 - < 60\%$
MDI polyme	9016-87-9	$\geq 30 - < 60\%$
Methylenediphenyl diisocyanate	26447-40-5	$\geq 20 - < 30\%$

4.0 Biện pháp sơ cứu

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Cho bác sĩ có mặt xem tờ hướng dẫn an toàn này. Không được để nạn nhân không có người trông coi.
- Nếu hít phải : Gọi ngay cho bác sĩ hoặc trung tâm chống độc.
Nếu bất tỉnh, hãy đặt ở tư thế hồi phục và tìm kiếm lời khuyên y tế.
- Nếu tiếp xúc với da : Nếu tình trạng kích ứng da vẫn tiếp diễn, hãy gọi cho bác sĩ.
Nếu dính vào da, rửa sạch bằng nước.
Nếu dính vào quần áo, cởi bỏ quần áo.
- Nếu giao tiếp bằng mắt : Rửa mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước.
Tháo kính áp tròng.
Bảo vệ mắt không bị tổn thương.
Mở to mắt khi rửa.
Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ chuyên khoa.
- Nếu nuốt phải : Gây nôn ngay lập tức và gọi bác sĩ.
Giữ đường hô hấp thông thoáng.
Không cho uống sữa hoặc đồ uống có cồn.
Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp diễn, hãy gọi bác sĩ.
Đưa nạn nhân đến bệnh viện ngay lập tức.

Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm phát triển : Kích ứng nghiêm trọng

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

5.0 Biện pháp phòng cháy chữa cháy

5.1 Các phương tiện chữa cháy phù hợp và không phù hợp

Phương tiện chữa cháy phù hợp

: Sương mù nước

Bọt

Bột khô

Cacbon đioxit (CO₂)

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

: Tia nước khối lượng lớn

5.2 Nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Những nguy cơ cụ thể trong quá trình chữa cháy

: Áp suất trong các thùng chứa kín có thể tăng lên dưới tác động của nhiệt.

Làm mát các thùng chứa kín tiếp xúc với lửa bằng cách phun nước.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm do quá trình đốt cháy không hoàn toàn

: Không có dữ liệu có sẵn

5.3 Thiết bị bảo vệ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu

hỏa Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa

: Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy mặc áo phao cứu sinh thiết bị thở.

Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân.

Thông tin thêm

: Quy trình chuẩn đối với cháy hóa chất. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh tại địa phương và môi trường xung quanh.

6.0 Biện pháp xử lý phát hành ngẫu nhiên

Phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ & Quy trình khẩn cấp

: Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân. Đảm bảo thông gió đầy đủ.

Phòng ngừa môi trường

: Ngăn không cho sản phẩm chảy vào cống. Ngăn ngừa rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc cống rãnh, hãy thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền.

Phương pháp và vật liệu để làm sạch và khử nhiễm

: Thấm bằng vật liệu hấp thụ trơ (ví dụ cát, silica gel, chất kết dính axit, chất kết dính phổ thông, mùn cưa). Bảo quản trong các thùng chứa kín thích hợp để thải bỏ.

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

7.0 Xử lý và lưu trữ

7.1 Thận trọng khi xử lý an toàn

Tư vấn về phòng chống cháy nổ

: Không có dữ liệu có sẵn

Tư vấn về xử lý an toàn

: Tránh hình thành khí dung.
Không hít phải hơi/bụi.
Tránh tiếp xúc - xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt. Để bảo vệ cá nhân, hãy xem mục 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống trong khu vực ứng dụng.

Cung cấp đủ không khí trao đổi và/hoặc khí thải trong phòng làm việc.

Xử lý nước rửa theo đúng quy định của địa phương và quốc gia.

Những người dễ bị các vấn đề về da nhạy cảm hoặc hen suyễn, dị ứng, bệnh đường hô hấp mãn tính hoặc tái phát không nên tham gia vào bất kỳ quá trình nào sử dụng hỗn hợp này.

7.2 Điều kiện lưu trữ, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào

Điều kiện bảo quản an toàn: Bảo quản theo điều kiện ghi trên sản phẩm

Bảng dữ liệu kỹ thuật để duy trì chất lượng sản phẩm. Giữ hộp đựng đóng chặt ở nơi khô ráo và thông gió tốt.

Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa ghi trên nhãn.

Các thiết bị điện/vật liệu làm việc phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn công nghệ.

Vật liệu cần tránh

: Không có dữ liệu có sẵn

Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ

: Không có dữ liệu có sẵn

Thông tin thêm về độ ổn định lưu trữ

: Không có dữ liệu có sẵn

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

8.0 Kiểm soát phơi nhiễm và bảo vệ cá nhân

8.1 Thành phần có thông số kiểm soát nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Giá trị	Điều khiển tham số	Cơ sở
Isocyanat	101-68-8	TWA	0,005 phần triệu	ACGIH
		C	0,02 phần triệu 0,2mg/m ³	OSHA Z-1
MDI polyme	9016-87-9	C	0,02 phần triệu 0,2mg/m ³	OSHA Z-1
		C	0,02 phần triệu 0,2mg/m ³	OSHA P0
		TWA	0,005 phần triệu 0,05mg/m ³	NIOSH REL
		C	0,02 phần triệu 0,2mg/m ³	NIOSH REL
Methylenediphenyl diisocyanate	26447-40-5	C	0,02 phần triệu 0,2mg/m ³	OSHA Z-1
		C	0,02 phần triệu 0,2mg/m ³	OSHA Z-1

8.2 Kiểm soát kỹ thuật Biện pháp kỹ thuật

: Sử dụng ở nơi thông gió đầy đủ.

Toàn bộ khu vực ứng dụng phải được thông gió theo quy định hiện hành của OSHA (29 CFR 1910.94). Isocyanate có thể được giải phóng trong quá trình bảo dưỡng.

Tiếp xúc quá nhiều với isocyanat nhiều lần có thể gây dị ứng đường hô hấp.

8.3 Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Bảo vệ hô hấp

: Trong trường hợp hình thành hơi, hãy sử dụng máy trợ thở có bộ lọc đã được phê duyệt.

Bảo vệ tay Ghi chú

: Sự phù hợp cho một nơi làm việc cụ thể phải là đã thảo luận với các nhà sản xuất găng tay bảo hộ.

Bảo vệ mắt

: Bình rửa mắt bằng nước tinh khiết.

Kính bảo hộ an toàn vừa vặn

Đeo tấm chắn mặt và đồ bảo hộ để phòng ngừa các sự cố xử lý bất thường.

Bảo vệ da và cơ thể

: Quần áo không thấm nước.

Chọn biện pháp bảo vệ cơ thể theo số lượng và nồng độ của chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Biện pháp vệ sinh

: Khi sử dụng không được ăn hoặc uống.

Khi sử dụng không được hút thuốc.

Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

9.0 Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	: Chất lỏng
Mùi	: Không có dữ liệu khả dụng
Ngưỡng mùi	: Không có dữ liệu khả dụng
độ pH	: Không có dữ liệu khả dụng
Điểm nóng chảy/ Điểm đóng băng Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi Điểm chớp cháy	: Không có dữ liệu khả dụng : > 201 °F (> 94 °C)
Tốc độ bốc hơi	Phương pháp: Không có thông tin có sẵn. :
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có dữ liệu có sẵn
Giới hạn nổ trên	: Không có dữ liệu có sẵn :
Giới hạn nổ thấp hơn	Không có dữ liệu có sẵn :
Áp suất hơi	Không có dữ liệu có sẵn :
Mật độ hơi tương đối	Không có dữ liệu có sẵn :
Mật độ tương đối/ trọng lượng riêng	Không có dữ liệu có sẵn
Mật độ	: 1,24 g/cm ³ (77 °F (25 °C))
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: Không có dữ liệu có sẵn :
Độ hòa tan trong các dung môi khác	Không có dữ liệu có sẵn :
Hệ số phân bố: n octanol/ nước Nhiệt độ bắt cháy	Không có dữ liệu có sẵn :
Phân hủy nhiệt	Không có dữ liệu có sẵn :
Độ nhớt	Không có dữ liệu có sẵn
Độ nhớt, động	: Không có dữ liệu có sẵn
Độ nhớt, động học	: > 21mm ² /giây (104 °F (40 °C))

10.0 Độ ổn định và khả năng phản ứng

Phản ứng	: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng như được chỉ đạo.
Độ ổn định hóa học	: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng như được chỉ đạo.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng như được chỉ đạo.
Điều kiện cần tránh	: Không có dữ liệu có sẵn
Vật liệu không tương thích	: chất oxy hóa
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Cacbon monoxit trong đám cháy. Oxit nitơ trong lửa. Isocyanate

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

11.0 Thông tin về độc tính

11.1 Thông tin về con đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Không có dữ liệu có sẵn

11.2 Thông tin về nguy cơ sức khỏe

Độc tính cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp tính qua đường uống

: Ước tính độc tính cấp tính: 4.889 mg/kg

Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính hít phải cấp tính

: Ước tính độc tính cấp tính: 1,5 mg/l

Thời gian tiếp xúc: 4 giờ Môi trường thử

thử nghiệm: bụi/sương mù Phương pháp:

Phương pháp tính toán

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Độc tính cấp tính qua đường uống

: LD50 (Chuột): 2.200 mg/kg

LD50 (Chuột, đực và cái): > 2.000 mg/kg Phương pháp: Đã thử nghiệm theo Phụ lục V của Chỉ thị 67/548/EEC.

GLP: Có

Độc tính hít phải cấp tính

: LC50 (Chuột): 178 mg/l

LC50 (Chuột, đực): 1,5 mg/l

Thời gian tiếp xúc: 4 giờ

Không khí thử nghiệm: bụi/sương mù Phương pháp:

pháp: Hướng dẫn thử nghiệm OECD 403 GLP: Có

Độc tính cấp tính qua da

: (Thỏ): > 10.000 mg/kg

9016-87-9 MDI polyme: Độc tính cấp tính qua đường uống

: LD50 (Chuột, đực và cái): > 10.000 mg/kg

Phương pháp: Hướng dẫn kiểm tra OECD 401

Độc tính hít phải cấp tính

: LC50 (Chuột, đực và cái): 0,31 mg/l

Thời gian tiếp xúc: 4 giờ Môi trường thử

thử nghiệm: bụi/sương mù Phương pháp: Hướng

dẫn thử nghiệm OECD 403 Đánh giá: Có hại khi

hít phải.

Độc tính cấp tính qua da

: LD50 (Thỏ, đực và cái): > 9.400 mg/kg

Phương pháp: Hướng dẫn kiểm tra của OECD

402 26447-40-5 Methylenediphenyl Diisocyanate: Độc tính cấp tính qua đường uống

: LD50 (Chuột): 15.000 mg/kg

Độc tính hít phải cấp tính

: LC50 (Chuột): 490 ppm

Độc tính cấp tính qua da

: LD50 : Ghi chú: Không có dữ liệu có sẵn

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

Ăn mòn/Kích ứng da Sản phẩm:

Sản phẩm:

Lưu ý: Có thể gây kích ứng da và/hoặc viêm da.

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Giống loài : Con thỏ
Kết quả : Kích ứng da nhẹ

Giống loài : Con thỏ
Phương pháp : Hướng dẫn thử nghiệm OECD 404:
Kết quả : Không gây kích ứng da
GLP : Đúng

9016-87-9 MDI polyme:

Giống loài : Con thỏ
Phương pháp : Hướng dẫn thử nghiệm OECD
Kết quả : 404: kích ứng nhẹ

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Lưu ý: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi.

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Giống loài : Con thỏ
Kết quả : Kích ứng mắt vừa phải : Thử nghiệm Draize
Phương pháp

Giống loài : Con thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt: Hướng dẫn thử nghiệm của OECD
Phương pháp

405 9016-87-9 MDI polyme:

Giống loài : Con thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Phương pháp : Hướng dẫn kiểm tra OECD 405

Nhạy cảm hô hấp hoặc da Sản phẩm:

Sản phẩm:

Lưu ý: Gây dị ứng.

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Giống loài : Chuột lang
Phương pháp : Kiểm tra Draize
Kết quả : Gây ra sự nhạy cảm.

Loại kiểm tra : Kiểm tra Buehler
Tuyến đường tiếp xúc : Da
Giống loài : Chuột lang
Phương pháp : Hướng dẫn kiểm tra OECD 406
Kết quả : Không gây kích ứng da. : Có
GLP

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

9016-87-9 MDI polyme: Loại

kiểm tra

: Kiểm tra tối đa hóa

Tuyến đường tiếp xúc

: Tiếp xúc với da

Giống loài

: Chuột lang

Đánh giá

: Không gây kích ứng da. : Hướng dẫn thử nghiệm OECD 406

Phương pháp

: Tiêu cực

Kết quả

Loại kiểm tra

: Xét nghiệm hạch bạch huyết tại chỗ ở chuột (LLNA):

Tuyến đường tiếp xúc

Tiếp xúc với da

Giống loài

: Chuột

Đánh giá

: Có thể gây nhạy cảm khi tiếp xúc với da. :

Phương pháp

Hướng dẫn thử nghiệm OECD 429

Kết quả

: Tích cực

Tuyến đường tiếp xúc

: trong khí quản

Giống loài

: Con chuột

Đánh giá

: Có thể gây nhạy cảm khi hít phải. :

Kết quả

Tích cực

Độc biến tế bào mằm

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Độc tính di truyền trong ống nghiệm

: Loại bài kiểm tra: Bài kiểm tra Ames

Loài thử nghiệm: Salmonella typhimurium Hoạt hóa chuyển hóa: Có và không có chuyển hóa kích hoạt

Phương pháp: Hướng dẫn thử nghiệm OECD

471 Kết quả: Âm tính

Độc tính di truyền trong cơ thể sống

: Loại xét nghiệm: Xét nghiệm vi nhân

Loài thử nghiệm: Chuột (đực) Đường dùng: Hít phải Thời gian tiếp xúc: 3x1 h/ngày trong 3 tuần Phương pháp: Hướng dẫn thử nghiệm OECD 474 Kết quả: Âm tính

Độc biến tế bào mằm

- Đánh giá

: Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy tác dụng gây đột biến, trong cơ thể sống các thử nghiệm không cho thấy tác dụng gây đột biến.

9016-87-9 MDI polyme: Độc tính di

truyền trong ống nghiệm

: Loại bài kiểm tra: Bài kiểm tra Ames

Loài thử nghiệm: Salmonella typhimurium Hoạt hóa chuyển hóa: Có và không có chuyển hóa kích hoạt

Phương pháp: Hướng dẫn thử nghiệm OECD

471 Kết quả: Âm tính

Độc tính di truyền trong cơ thể sống

: Loại xét nghiệm: Xét nghiệm vi nhân

Loài thử nghiệm: Chuột (đực) Đường dùng: Hít phải Thời gian tiếp xúc: 3x1h/ngày trong 3 tuần) Phương pháp: Hướng dẫn thử nghiệm OECD 474 Kết quả: Âm tính

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

Đột biến tế bào mầm
- Đánh giá

: Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy tác dụng gây đột biến, trong cơ thể sống các thử nghiệm không cho thấy tác dụng gây đột biến.

Tính gây ung thư

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Giống loài

: Chuột, (đực và cái): 2

Thời gian phơi nhiễm

giờ

Liều lượng

: 0 - 0,2 - 1 - 6 mg/m³

Tần suất điều trị

: 6 giờ/ngày, 5 ngày/tuần:

Phương pháp

Hướng dẫn kiểm tra OECD 453

Tính gây ung thư – Đánh giá: Nghi ngờ có thể gây ung thư nếu hít phải.

9016-87-9 MDI polyme:

Giống loài

: Chuột, (đực và cái): Hít

Lộ trình ứng dụng

vào

Thời gian phơi nhiễm

: 2 h Liều lượng: 0 - 0,2 - 1 - 6 mg/m³

Tần suất điều trị

: 6 giờ/ngày, 5 ngày/tuần : Hướng

Phương pháp

dẫn kiểm tra OECD 453 : xem văn

Chất thử nghiệm

bản tự do do người dùng định nghĩa

Tính gây ung thư – Đánh giá: Nghi ngờ có thể gây ung thư nếu hít phải.

IARC

: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức cao hơn lớn hơn hoặc bằng 0,1% được IARC xác định là chất có khả năng gây ung thư ở người hoặc đã được xác nhận.

OSHA

: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức cao hơn lớn hơn hoặc bằng 0,1% nằm trong danh sách chất gây ung thư được OSHA quản lý.

NTP

: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức cao hơn lớn hơn hoặc bằng 0,1% được NTP xác định là chất gây ung thư đã biết hoặc dự đoán.

Độc tính sinh sản

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Tác động đến sự phát triển của thai nhi: Loài: Chuột, cái

Đường dùng: Hít vào Liều

lượng: 0 - 1 - 4 - 12 mg/m³

12mg/m³

4mg/m³

Số lần tiếp xúc: 6 giờ/ngày Phương pháp:

Hướng dẫn thử nghiệm OECD 414

Độc tính sinh sản

- Đánh giá

:Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại là

chưa đáp ứng.

Không cho thấy tác dụng gây quái thai khi thử nghiệm trên động vật.

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

9016-87-9 MDI polyme:

Tác động đến sự phát triển của thai nhi: Loài: Chuột, cái

Đường sử dụng: Hít phải Thời

gian tiếp xúc: 20 ngày Liều

lượng: 0 - 1 - 4 - 12 mg/m³

12mg/m³

4mg/m³

Số lần tiếp xúc: 6 giờ/ngày (Phương pháp thời gian tiếp xúc:

Hướng dẫn thử nghiệm OECD 414

Độc tính sinh sản

- Đánh giá

:Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại là

chưa đáp ứng.

Không cho thấy tác dụng gây quái thai khi thử nghiệm trên động vật.

Độc tính cơ quan đích đơn lẻ - Phơi nhiễm đơn lẻ

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Tuyến đường tiếp xúc

: Hít vào

Các cơ quan đích

: Đường hô hấp

Đánh giá

: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

9016-87-9 MDI polyme:

Tuyến đường tiếp xúc

: Hít vào

Các cơ quan đích

: Cơ quan hô hấp

Đánh giá

: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

Độc tính đối với cơ quan đích đơn lẻ - Tiếp xúc lặp lại

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Tuyến đường tiếp xúc

: Hít vào

Các cơ quan đích

: Đường hô hấp

Đánh giá

: Có thể gây tổn thương các cơ quan thông qua kéo dài hoặc tiếp xúc thường xuyên.

9016-87-9 MDI polyme:

Tuyến đường tiếp xúc

: Hít vào

Các cơ quan đích

: Đường hô hấp

Đánh giá

: Có thể gây tổn thương các cơ quan thông qua kéo dài hoặc tiếp xúc thường xuyên.

Độc tính liều lặp lại

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Giống loài

: Chuột, đực và cái: 0,2

NOEL

mg/m³

Lộ trình ứng dụng

: Hít vào

Thời gian phơi nhiễm

: 2 giờ

Số lần phơi sáng

: 6 giờ/ngày, 5 ngày/tuần : 0

Liều lượng

- 0,2 - 1 - 6 mg/m³

Phương pháp

: Hướng dẫn thử nghiệm OECD

Các cơ quan đích

453: Phổi, Lớp lót bên trong mũi

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

Độc tính liều lặp lại
- Đánh giá

: Có hại nếu hít phải. Sản phẩm gây kích ứng mắt, da và niêm mạc.

9016-87-9 MDI polyme:

Giống loài

: Chuột, đực và cái: 0,2

NOEL

mg/m³

Lộ trình ứng dụng

: Hít vào

Thời gian phơi nhiễm

: 2 giờ

Số lần phơi sáng

: 6 giờ một ngày, 5 ngày một

Liều lượng

tuần: 0 - 0,2 - 1 - 6 mg/m³

Phương pháp

: Hướng dẫn kiểm tra OECD 453

Độc tính liều lặp lại
- Đánh giá

: Có hại nếu hít phải. Sản phẩm gây kích ứng mắt, da và niêm mạc.

Độc tính do hít phải

Thành phần:

101-68-8 Isocyanate:

Không phân loại độc tính hít phải

9016-87-9 MDI polyme: Không
phân loại độc tính hít phải

Thông tin thêm

Sản phẩm:

Nhận xét

: Không có dữ liệu có sẵn

12.0 Thông tin sinh thái

12.1 Độc tính sinh thái

Không có dữ liệu có sẵn

12.2 Tính bền vững và khả năng phân hủy

Không có dữ liệu có sẵn

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

Không có dữ liệu có sẵn

12.4 Tính di động trong đất

Không có dữ liệu có sẵn

12.5 Tác dụng phụ khác

Sản phẩm:

Quy định

: 40 CFR Bảo vệ Môi trường; Phần 82 Bảo vệ của Ozone tầng bình lưu - CAA Mục 602 Chất loại I

Nhận xét

: Sản phẩm này không chứa hoặc không được sản xuất với ODS Loại I hoặc Loại II theo định nghĩa của Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ Mục 602 (40 CFR 82, Mục A, Phụ lục A + B).

Thông tin sinh thái bổ sung: Không có dữ liệu

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

13.0 Xem xét xử lý

13.1 Phương pháp xử lý

:WC: B

Mã chất thải nguy hại của EPA: D003: Phản ứng

Chất thải từ chất thải

: Không được đổ chất thải vào cống rãnh.
Không làm ô nhiễm ao, đường thủy hoặc mương
bằng hóa chất hoặc thùng chứa đã qua sử dụng.
Gửi đến công ty quản lý chất thải được cấp phép.

Bao bì bị ô nhiễm

: Làm trống nội dung còn lại.
Vứt bỏ như sản phẩm chưa sử
dụng. Không tái sử dụng hộp rỗng.

13.2 Biện pháp phòng ngừa khi thải bỏ

Xử lý chất thải và thùng chứa theo luật kiểm soát chất thải.

14.0 Thông tin vận chuyển

Quy định quốc tế

IATA-DGR

Không được quy định là hàng nguy hiểm

Mã IMDG

Không được quy định là hàng nguy hiểm

Vận chuyển hàng rời (theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC) Không áp dụng cho sản phẩm được cung cấp.

Quy định quốc gia

49 CFR

Không được quy định là hàng nguy hiểm

15.0 Thông tin quy định

EPCRA - Đạo luật về Kế hoạch Khẩn cấp và Quyền Được Biết của Cộng đồng

US. EPA CERCLA Chất nguy hiểm (40 CFR 302)

Thành phần	Số CAS	Thành phần RQ (lbs)	Sản phẩm được tính toán Trong lượng tịnh (lbs)
Isocyanat	101-68-8	5000	11111

SARA 304 - Thông báo phát hành khẩn cấp

Tài liệu này không chứa bất kỳ thành phần nào có mục 304 EHS RQ.

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch khẩn cấp của EPA Hoa Kỳ (EPCRA) SARA Tiêu đề III

Mục 302 Chất cực kỳ nguy hiểm (40 CFR 355, Phụ lục A) Vật liệu này không chứa bất kỳ thành phần nào có SARA 302 RQ.

Nguy cơ SARA 311/312

: Theo thông báo của Công báo Liên bang ngày 13 tháng 6 năm 2016, EPA đã điều hòa các danh mục nguy hiểm EPCRA 311/312 với tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm OSHA năm 2012 để phân loại và dán nhãn hóa chất (tức là GHS). Vui lòng tham khảo Mục 2 của SDS để xác định các danh mục nguy hiểm phù hợp cho mục đích báo cáo.

SARA 302

: Không có hóa chất nào trong vật liệu này phải tuân theo yêu cầu báo cáo của SARA Tiêu đề III, Mục 302.

SARA 313

: Sản phẩm này có chứa các hóa chất độc hại sau tuân theo các yêu cầu báo cáo của Mục 313 của Chương III của các Tu chính án Siêu quỹ và Đạo luật tái thẩm quyền năm 1986 và 40 CFR phần 372.

Isocyanat	101-68-8	45%
MDI polyme	9016-87-9	35%

Đạo luật Không khí sạch

Các loại hóa chất sau đây được liệt kê là HAP theo Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ, Mục 12 (40 CFR 61):

Isocyanat	101-68-8	45%
-----------	----------	-----

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được liệt kê trong Mục 112(r) của Luật Không khí sạch Hoa Kỳ về Phòng ngừa Phát thải ngẫu nhiên (40 CFR 68.130, Phần phụ F).

Các loại hóa chất sau đây được liệt kê theo Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ Mục 111 SOCM I VOC trung gian hoặc cuối cùng (40 CFR 60.489):

Isocyanat	101-68-8	45%
-----------	----------	-----

Không bay hơi (Wt)

: Tham khảo bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm để biết thông tin về VOC.

Quyền được biết của Massachusetts

Isocyanat	101-68-8
-----------	----------

Quyền được biết của Pennsylvania

MDI polyme	9016-87-9
Isocyanat	101-68-8
Methylenediphenyl diisocyanate	26447-40-5

Quyền được biết của New Jersey

MDI polyme	9016-87-9
Isocyanat	101-68-8
Methylenediphenyl diisocyanate	26447-40-5

Số đăng ký bí mật thương mại của New Jersey cho sản phẩm (NJ TSNR) Không áp dụng

CONATHane® EN-2550 Phần A Urethane Prepolymer

California Prop. 65

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào mà Tiểu bang California biết là có thể gây ung thư, dị tật bẩm sinh hoặc bất kỳ tác hại nào khác đến khả năng sinh sản.

Các thành phần của sản phẩm này được báo cáo trong các bản kê khai sau:

TSCA : Chúng tôi chứng nhận rằng tất cả các thành phần của sản phẩm này đều được liệt kê trong Danh mục TSCA hoặc không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo theo 40 CFR 720.30(h).

Mục 4 / 12(b) : Không áp dụng

Mục 5 : Không áp dụng

Mục 6 : Không áp dụng

DSL : Chúng tôi chứng nhận rằng tất cả các thành phần của sản phẩm này được liệt kê trên DSL.

Quy định năm 2013 về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (Phân loại, Ghi nhãn và Bảng dữ liệu an toàn của Hóa chất nguy hiểm).

Quy định năm 2000 về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (Sử dụng và Tiêu chuẩn Tiếp xúc với Hóa chất Nguy hiểm cho Sức khỏe).

Đạo luật Chất lượng Môi trường năm 1974.

16.0 Thông tin khác

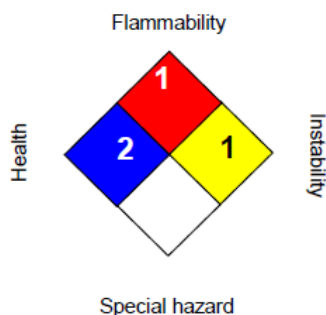
Ngày chuẩn bị : dd.mm.yyyy

Ngày sửa đổi : 16.08.2024

Số lần sửa đổi : 02

NFPA:

Hệ thống quản lý thông tin và dữ liệu (HMIS) III:



HEALTH	2*
FLAMMABILITY	1
PHYSICAL HAZARD	1

0 = not significant, 1 = Slight,
2 = Moderate, 3 = High
4 = Extreme, * = Chronic

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin có trong bảng dữ liệu an toàn này dựa trên tình trạng kiến thức hiện tại và luật pháp quốc gia hiện hành. Nó cung cấp hướng dẫn về các khía cạnh sức khỏe, an toàn và môi trường của sản phẩm và không được hiểu là bất kỳ sự đảm bảo nào về hiệu suất kỹ thuật hoặc tính phù hợp cho các ứng dụng cụ thể. Vì các điều kiện sử dụng cụ thể của sản phẩm nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà cung cấp, nên người dùng có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của luật pháp có liên quan.

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen**BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN****1.0 Nhận dạng sản phẩm hóa chất và công ty****1.1 Chi tiết sản phẩm**

Tên sản phẩm : CONATHANE EN-2550 Phần B Chất làm đông màu
Tên thương mại đen : CONATHANE®

1.2 Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng Loại ứng

dụng (Sử dụng) Hạn chế sử dụng điện

: Sản phẩm này chỉ dùng cho mục đích công nghiệp

1.3 Chi tiết nhà sản xuất hoặc nhà cung

cấp Tên nhà sản xuất : ELANTAS Malaysia Sdn. Bhd. (1011068-A):

Địa chỉ Số 28, Jalan SKI 1/KU7,
Khu công nghiệp công nghệ
cao, Sungai Kapar Indah,
42200 Kapar,
Selangor Darul Ehsan,
MALAYSIA

Điện thoại : +60333298878

Fax điện thoại : +60333293878

Số điện thoại khẩn cấp : Liên hệ Bomba 994 hoặc Cấp cứu 999

2.0 Nhận dạng mối nguy hiểm**2.1 Phân loại GHS**

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hiểm

2.2 Yếu tố nhãn GHS

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hiểm

2.3 Các mối nguy hiểm khác

Không có thông tin nào được biết.

3.0 Thành phần và thông tin về thành phần của hóa chất nguy hiểm

Chất / Hỗn hợp : Hỗn hợp
Bản chất hóa học : Hỗn hợp Polyol biến tính

Tên hóa học	Số CAS	Sự tập trung [%]
Cao lanh	1332-58-7	> = 1 - < 5%

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

4.0 Biện pháp sơ cứu

Lời khuyên chung	: Không được để nạn nhân ở một mình.
Nếu hít phải	: Nếu bất tỉnh, hãy đặt ở tư thế hồi phục và tìm kiếm sự chăm sóc y tế khuyên nhủ. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp diễn, hãy gọi cho bác sĩ.
Nếu giao tiếp bằng mắt	: Tháo kính áp tròng. Bảo vệ mắt không bị tổn thương. Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ chuyên khoa.
Nếu nuốt phải	: Giữ đường hô hấp thông thoáng. Không cho uống sữa hoặc đồ uống có cồn. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp diễn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm phát triển	: Không có dữ liệu có sẵn

5.0 Biện pháp phòng cháy chữa cháy

5.1 Các phương tiện chữa cháy phù hợp và không phù hợp

Phương tiện chữa cháy phù hợp	: Không có dữ liệu có sẵn
Phương tiện chữa cháy không phù hợp	: Tia nước khối lượng lớn

5.2 Nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Những nguy cơ cụ thể trong quá trình chữa cháy	: Không có dữ liệu có sẵn
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm do quá trình đốt cháy không hoàn toàn	: Không có dữ liệu có sẵn

5.3 Thiết bị bảo vệ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa	: Đeo thiết bị thở tự cung cấp cho chữa cháy nếu cần thiết.
Thông tin thêm	: Quy trình chuẩn đối với cháy hóa chất. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh tại địa phương và môi trường xung quanh.

6.0 Biện pháp xử lý phát hành ngẫu nhiên

Phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ & Quy trình khẩn cấp	: Không có dữ liệu có sẵn
Phòng ngừa môi trường	: Ngăn chặn sản phẩm chảy vào cống Ngăn ngừa rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc cống rãnh, hãy thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền.

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

Phương pháp và vật liệu để
làm sạch và khử nhiễm

: Thấm bằng vật liệu hấp thụ trơ (ví dụ cát, silica gel, chất kết dính axit, chất kết dính phổ thông, mùn cưa). Bảo quản trong các thùng chứa kín thích hợp để thải bỏ.

7.0 Xử lý và lưu trữ

7.1 Thận trọng khi xử lý an toàn

Tư vấn về phòng chống cháy
nổ

: Không có dữ liệu có sẵn

Tư vấn về xử lý an toàn

: Để bảo vệ cá nhân, hãy xem mục 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống trong khu vực ứng dụng.

7.2 Điều kiện lưu trữ, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào

Điều kiện bảo quản an toàn: Bảo quản theo điều kiện ghi trên sản phẩm
Bảng dữ liệu kỹ thuật để duy trì chất lượng sản phẩm. Các thiết bị điện/vật liệu làm việc phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn công nghệ.

Vật liệu cần tránh

: Không có dữ liệu có sẵn

Thông tin thêm về
điều kiện lưu trữ

: Không có dữ liệu có sẵn

Thông tin thêm về
độ ổn định lưu trữ

: Không có dữ liệu có sẵn

8.0 Kiểm soát phơi nhiễm và bảo vệ cá nhân

8.1 Thành phần có thông số kiểm soát nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Giá trị	Điều khiển tham số	Cơ sở
Cao lanh	1332-58-7	TWA (Có thể hít thở Phần số)	2mg/m ³	ACGIH
		TWA (Tổng lượng bụi)	15mg/m ³	OSHA Z-1
		TWA (Có thể hít thở Phần số)	5mg/m ³	OSHA Z-1
		TWA (Tổng lượng bụi)	10mg/m ³	OSHA P0
		TWA (Có thể hít thở Phần bụi)	5mg/m ³	OSHA P0

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

8.2 Kiểm soát kỹ thuật Biện pháp kỹ thuật

:Tất cả các khu vực ứng dụng phải được thông gió theo với các quy định OSHA hiện hành (29 CFR 1910.94). Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều hạt được coi là nguy hiểm theo OSHA (29 CFR 1910.1200) và được liệt kê trong Mục III như một cảnh báo phòng ngừa. Trong điều kiện sử dụng bình thường, sản phẩm này khi được cung cấp không gây ra rủi ro sức khỏe từ các hạt vật chất.

Sự phân hủy vật lý của sản phẩm đã lưu hóa (tức là chà nhám, mài mòn, v.v.) có thể gây ra nguy cơ bụi. Việc hít phải bụi như vậy nhiều lần có thể gây tổn thương phổi.

8.3 Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Bảo vệ hô hấp

: Không có thiết bị bảo vệ hô hấp cá nhân thông thường yêu cầu.

Bảo vệ tay Ghi chú

: Găng tay cao su nitrile.

Bảo vệ mắt

: Kính an toàn.

Bảo vệ da và cơ thể

: Bộ đồ bảo hộ.

Biện pháp vệ sinh

: Thực hành vệ sinh công nghiệp nói chung.

9.0 Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài

: Chất lỏng

Mùi

: Không có dữ liệu khả

Ngưỡng mùi

dụng : Không có dữ liệu khả

độ pH

khả dụng : Không có dữ

Điểm nóng chảy/ Điểm đóng băng Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi Điểm chớp cháy

liệu khả dụng : Không có dữ liệu khả dụng : > 201 °F (> 94 °C)

Phương pháp: Không có thông tin có sẵn. :

Tốc độ bốc hơi

Không có dữ liệu có sẵn

Khả năng cháy (rắn, khí)

: Không có dữ liệu có sẵn :

Giới hạn nổ trên

Không có dữ liệu có sẵn :

Giới hạn nổ thấp hơn

Không có dữ liệu có sẵn :

Áp suất hơi

Không có dữ liệu có sẵn :

Mật độ hơi tương đối

Không có dữ liệu có sẵn :

Mật độ tương đối/ trọng lượng riêng

Không có dữ liệu có sẵn

Mật độ

: 1,5194 g/cm³(77 °F (25 °C))

Độ hòa tan

Độ hòa tan trong nước

: Không có dữ liệu có sẵn :

Độ hòa tan trong các dung môi khác

Không có dữ liệu có sẵn :

Hệ số phân bố: n octanol/ nước Nhiệt

Không có dữ liệu có sẵn :

độ bắt cháy

Không có dữ liệu có sẵn :

Phân hủy nhiệt

Không có dữ liệu có sẵn

Độ nhớt

Độ nhớt, động

: Không có dữ liệu có sẵn

Độ nhớt, động học

: > 21mm²/giây (104 °F (40 °C))

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

10.0 Độ ổn định và khả năng phản ứng

Phản ứng	: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng như được chỉ đạo.
Độ ổn định hóa học	: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng như được chỉ đạo.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	: Ổn định theo khuyến cáo lưu trữ điều kiện. Không có mối nguy hiểm nào được đề cập cụ thể.
Điều kiện cần tránh	: Không có dữ liệu có sẵn
Vật liệu không tương thích	: Không có dữ liệu có sẵn
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Cacbon monoxit trong đám cháy. Oxit nitơ trong đám cháy.

11.0 Thông tin về độc tính

11.1 Thông tin về con đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Không có dữ liệu có sẵn

11.2 Thông tin về nguy cơ sức khỏe

Độc tính cấp tính

Không có dữ liệu có sẵn

Ăn mòn/kích ứng da

Không có dữ liệu có sẵn

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không có dữ liệu có sẵn

Nhạy cảm hô hấp hoặc da

Không có dữ liệu có sẵn

Tính gây ung thư

IARC

: Nhóm 2B: Có khả năng gây ung thư cho con người

Carbon đen 1333-86-4

OSHA

: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức cao hơn lớn hơn hoặc bằng 0,1% nằm trong danh sách chất gây ung thư được OSHA quản lý.

NTP

: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức cao hơn lớn hơn hoặc bằng 0,1% được NTP xác định là chất gây ung thư đã biết hoặc dự đoán.

Thông tin thêm

: Không có dữ liệu có sẵn

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

12.0 Thông tin sinh thái

12.1 Độc tính sinh thái

Không có dữ liệu có sẵn

12.2 Tính bền vững và khả năng phân hủy

Không có dữ liệu có sẵn

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

Không có dữ liệu có sẵn

12.4 Tính di động trong đất

Không có dữ liệu có sẵn

12.5 Tác dụng phụ khác

Sản phẩm:

Kết quả của PBT và vPvB

: Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần Đánh giá được coi là dai dẳng, tích tụ sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất dai dẳng và rất tích lũy sinh học (vPvB) ở mức 0,1% trở lên.

Quy định

: 40 CFR Bảo vệ Môi trường; Phần 82
Bảo vệ tầng ôzôn tầng bình lưu - CAA
Mục 602 Chất loại I

Nhận xét

: Sản phẩm này không chứa hoặc không được
được sản xuất với ODS Loại I hoặc Loại II theo định
nghĩa của Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ Mục 602
(40 CFR 82, Mục A, Phụ lục A + B).

Thông tin sinh thái bổ sung: Không có dữ liệu

13.0 Xem xét xử lý

13.1 Phương pháp xử lý

Mã chất thải nguy hại của EPA: Không có

Chất thải từ chất thải

: Không có dữ liệu có sẵn

Bao bì bị ô nhiễm

: Các thùng chứa rỗng nên được đưa đến
địa điểm xử lý chất thải được phê duyệt để tái chế hoặc
thải bỏ.

13.2 Biện pháp phòng ngừa khi thải bỏ

Xử lý chất thải và thùng chứa theo luật kiểm soát chất thải.

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

14.0 Thông tin vận chuyển

Quy định quốc tế

IATA-DGR

Không được quy định là hàng nguy hiểm

Mã IMDG

Không được quy định là hàng nguy hiểm

Vận chuyển hàng rời (theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC) Không áp dụng cho sản phẩm được cung cấp.

Quy định quốc gia

49 CFR

Không được quy định là hàng nguy hiểm

15.0 Thông tin quy định

EPCRA - Đạo luật về Kế hoạch Khẩn cấp và Quyền Được Biết của Cộng đồng

US. EPA CERCLA Chất nguy hiểm (40 CFR 302) RQ được tính toán vượt quá giới hạn trên có thể đạt được một cách hợp lý.

SARA 304 – Thông báo phát hành khẩn cấp

Tài liệu này không chứa bất kỳ thành phần nào có mục 304 EHS RQ.

Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch khẩn cấp của EPA Hoa Kỳ (EPCRA) SARA Tiêu đề III

Mục 302 Chất cực kỳ nguy hiểm (40 CFR 355, Phụ lục A) Vật liệu này không chứa bất kỳ thành phần nào có SARA 302 RQ.

Nguy cơ SARA 311/312

: Theo thông báo của Công báo Liên bang ngày 13 tháng 6 năm 2016, EPA đã điều hòa các danh mục nguy hiểm EPCRA 311/312 với tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm OSHA năm 2012 để phân loại và dán nhãn hóa chất (tức là GHS). Vui lòng tham khảo Mục 2 của SDS để xác định các danh mục nguy hiểm phù hợp cho mục đích báo cáo.

SARA 302

: Không có hóa chất nào trong vật liệu này phải tuân theo yêu cầu báo cáo của SARA Tiêu đề III, Mục 302.

SARA 313

:Vật liệu này không chứa bất kỳ hóa chất nào các thành phần có số CAS đã biết vượt quá ngưỡng báo cáo (De Minimis) được thiết lập theo Mục 313, Tiêu đề III của SARA.

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

Đạo luật Không khí sạch

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP) nào, theo định nghĩa của Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ Mục 112 (40 CFR 61).

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được liệt kê theo Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ Mục 112(r) về Phòng ngừa Phát thải ngẫu nhiên (40 CFR 68.130, Tiểu phần F). Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được liệt kê theo Đạo luật Không khí Sạch của Hoa Kỳ Mục 111 SOCM VOC trung gian hoặc cuối cùng (40 CFR 60.489).

Không bay hơi (Wt) : Tham khảo bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm để biết thông tin về VOC.

Quyền được biết của Massachusetts

Cao lanh

1332-58-7

Quyền được biết của Pennsylvania

Nhôm hiđroxit

21645-51-2

Dầu thầu dầu

8001-79-4

Dầu thầu dầu, este với pentaerythritol

68459-68-7

Kaolin

1332-58-7

Quyền được biết của New

Jersey Số đăng ký bí mật

: Không áp dụng

thương mại của New Jersey cho
sản phẩm (NJ TSRN)

Số đăng ký bí mật thương mại của New Jersey cho sản phẩm (NJ TSRN) Không
áp dụng

California Prop. 65

CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với các hóa chất bao gồm Carbon đen, được Tiểu bang California biết đến là chất gây ung thư, và Toluene, được Tiểu bang California biết đến là chất gây dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại sinh sản khác. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov.

Các thành phần của sản phẩm này được báo cáo trong các bản kê khai sau:

TSCA

: Tất cả các thành phần của sản phẩm này được liệt kê là hoạt động và/hoặc miễn trừ.

Mục 4 / 12(b)

: Không áp dụng

Mục 5

: Không áp dụng

Mục 6

: Không áp dụng

Quy định năm 2013 về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (Phân loại, Ghi nhãn và Bảng dữ liệu an toàn của Hóa chất nguy hiểm).

Quy định năm 2000 về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (Sử dụng và Tiêu chuẩn Tiếp xúc với Hóa chất Nguy hiểm cho Sức khỏe).

Đạo luật Chất lượng Môi trường năm 1974.

CONATHane® EN-2550 Phần B Chất làm đông màu đen

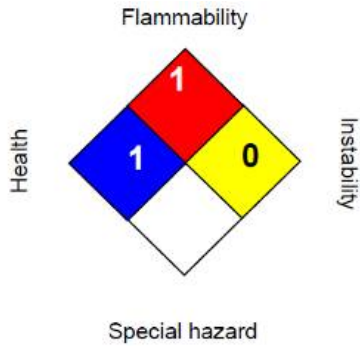
16.0 Thông tin khác

Ngày chuẩn bị : dd.mm.yyyy

Ngày sửa đổi : 16.08.2024

Số lần sửa đổi : 03

NFPA:



Hệ thống quản lý thông tin và dữ liệu (HMIS) III:

HEALTH	1
FLAMMABILITY	1
PHYSICAL HAZARD	0

0 = not significant, 1 =Slight,
2 = Moderate, 3 = High
4 = Extreme, * = Chronic

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin có trong bảng dữ liệu an toàn này dựa trên tình trạng kiến thức hiện tại và luật pháp quốc gia hiện hành. Nó cung cấp hướng dẫn về các khía cạnh sức khỏe, an toàn và môi trường của sản phẩm và không được hiểu là bất kỳ sự đảm bảo nào về hiệu suất kỹ thuật hoặc tính phù hợp cho các ứng dụng cụ thể. Vì các điều kiện sử dụng cụ thể của sản phẩm nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà cung cấp, nên người dùng có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của luật pháp có liên quan.

<TỜ DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU>

1. Thông tin sản phẩm và công ty

Tên sản phẩm: THINNER 201

Mã sản phẩm: T8A038

Công dụng: Dung môi pha sơn

Yếu tố NFPA (0-4): Sức khỏe =1, Lửa =4, Phản ứng = 0

Nhà cung cấp: Chokwang Paint Ltd., 36, Daepoong-ri, Daeso-myeon, Eumsung-kun, Choong cheong buk-do, Hàn Quốc

Điện thoại khẩn cấp: +82-43-530-1500 / +82-43-530-1535

Ngày: 02. THÁNG 9 NĂM 2018

Số bản sửa đổi/ngày sửa đổi:

2. Thành phần/Thông tin về thành phần

Tên	Số CAS	%(Cân nặng)
Dung môi aliphatic trung bình NAPHTHA	64742-88-7	5 - 15
XYLEN	1330-20-7	90 - 95

3. Nhận dạng mối nguy hiểm

Tiêu hóa: Kích ứng miệng, cổ họng và dạ dày.

Tiếp xúc với da: Tiếp xúc với sản phẩm chưa đông cứng sẽ gây kích ứng môi, ngứa và lười

Tiếp xúc với mắt: Sản phẩm chưa khô sẽ gây kích ứng mắt.

4. Các biện pháp sơ cứu

Mắt : Tưới nhiều nước (khoảng 10 đến 15 phút), giữ cho mí mắt tách ra.

Tìm kiếm sự chăm sóc y tế

Da : Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa da bằng xà phòng và nước, xả sạch.

KHÔNG sử dụng dung môi hoặc chất pha loãng.

Hít phải: Đưa bệnh nhân ra nơi có không khí trong lành và tìm kiếm sự trợ giúp y tế.

Giữ bệnh nhân ấm áp và nghỉ ngơi. Nếu thở không đều hoặc ngừng, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo. Không cho bất cứ thứ gì vào miệng.

Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế hồi phục.

Nuốt phải: KHÔNG gây nôn. Giữ bệnh nhân ấm và nghỉ ngơi và gọi bác sĩ ngay lập tức.

5. Biện pháp phòng cháy chữa cháy Điểm chớp cháy: 38 ~ 41°C Nhiệt độ bắt lửa: nda Giới hạn nổ: nda Phương tiện chữa cháy phù hợp: Bọt (chống cồn), carbon dioxide, bột, bình xịt nước. KHÔNG để nước chảy từ đám cháy chảy vào cống rãnh hoặc dòng nước. Phương pháp chữa cháy không phù hợp: Tia nước NGUY HIỂM ĐẶC BIỆT DO chất, sản phẩm phân hủy hoặc khí do lửa tạo ra: Cháy sẽ tạo ra khói đen dày đặc. Việc hít phải các sản phẩm phân hủy nguy hiểm có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe.
6. Các biện pháp phát hành ngẫu nhiên BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN: Thực hiện các biện pháp bảo vệ được liệt kê ở phần 7 và 8. Loại trừ các nguồn gây cháy và thông gió khu vực. Tránh hít phải hơi. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: Không cho đổ vào cống rãnh. BIỆN PHÁP VỆ SINH: Chứa và thu gom chất tràn bằng vật liệu hấp thụ không cháy (ví dụ cát, đất, đất diatomit, vermiculite) và cho vào thùng chứa thích hợp để xử lý theo quy định của địa phương. Tốt nhất nên vệ sinh bằng chất tẩy rửa, tránh sử dụng dung môi.
7. Xử lý và lưu trữ CÁCH XỬ LÝ: ① Tránh tiếp xúc với da và mắt. ② Tránh hít phải hơi và sương phun ③ Cấm hút thuốc, ăn uống trong khu vực ứng dụng. ④ Ngăn ngừa việc tạo ra nồng độ hơi dễ cháy hoặc nổ trong không khí và tránh nồng độ hơi cao hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. ⑤ Cách ly khỏi nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Không sử dụng bất kỳ dụng cụ phát tia lửa nào. ⑥ Trong quá trình phun, thông gió bên trong buồng phun không đủ để kiểm soát các hạt khí dung và hơi dung môi trong mọi trường hợp. Trong những trường hợp như vậy, người vận hành phải đeo thiết bị hô hấp thích hợp trong quá trình phun. BẢO QUẢN: ① Bảo quản ở nơi thông gió tốt, tránh xa nguồn nhiệt và trực tiếp ánh sáng mặt trời. Tránh xa nguồn lửa. ② Tránh xa các chất oxy hóa, các vật liệu có tính kiềm mạnh và tính axit mạnh.
8. Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo vệ cá nhân BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Cung cấp thông gió đầy đủ. Có thể đạt được điều này bằng cách sử dụng thông gió xả cục bộ và hút khí tổng thể tốt. Nếu những điều này không đủ để duy trì nồng độ tại nơi làm việc dưới OEL, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Bảo vệ hô hấp: Khi công nhân phải đối mặt với nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm họ phải sử dụng máy trợ thở được chứng nhận phù hợp. Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay bảo vệ phù hợp, ví dụ như găng tay nhựa hoặc cao su. Bảo vệ mắt: Cần thiết khi có nguy cơ tiếp xúc bằng mắt.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý : chất lỏng
 Mùi : Cụ thể
 PH : không
 Độ hòa tan: Hòa tan trong dung môi hữu cơ
 Phạm vi nhiệt độ sôi: nda
 Điểm/phạm vi nóng chảy: nda
 Giới hạn nổ: nda
 Nhiệt độ bắt lửa: nda
 Áp suất hơi : không có
 Trọng lượng riêng (25°C): 0,76 - 0,80
 Độ nhớt : nda
 Khối lượng phân tử : na

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Ổn định trong điều kiện lưu trữ và xử lý được khuyến nghị (xem phần 7)
 ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH:
 CHẤT CẦN TRÁNH:
 SẢN PHẨM PHÂN HỦY NGUY HIỂM:
 Khi tiếp xúc với nhiệt độ cao có thể tạo ra các sản phẩm phân hủy nguy hiểm như carbon monoxide, carbon dioxide, khói, oxit nitơ.

11. Thông tin về độc tính

Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi thành phần vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đã nêu có thể dẫn đến tác động xấu đến thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng và dấu hiệu bao gồm đau đầu, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, buồn ngủ và trong trường hợp cực đoan, mất ý thức. Tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với sản phẩm có thể khiến chất béo tự nhiên trên da bị loại bỏ dẫn đến viêm da tiếp xúc không dị ứng và hấp thụ qua da

Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây kích ứng và tổn thương mắt.

Tên	Giới hạn cho phép (TWA: ppm)

12. Thông tin sinh thái

Hiện tại không có dữ liệu nào về chế phẩm này.
 Không được phép để sản phẩm chảy vào nguồn nước hoặc đất.

13. Cân nhắc về việc thải bỏ

THÙNG ĐỰNG BẮN

Sự giới thiệu:
 Các thùng chứa rỗng phải được tái chế thành phế liệu hoặc tân trang lại, tùy theo trường hợp.
 Các thùng chứa không được đổ rỗng đúng cách phải được xử lý như chất thải đặc biệt.

14. Thông tin vận chuyển

VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BỘ HOẶC XE BUÝT

Việc chuẩn bị không được phân loại là nguy hiểm cho việc vận chuyển

VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN

Lớp IMDG: 3

Số UN: 1263

Nhóm đóng gói: I I I

EMS : 3-05

Tên vận chuyển thích hợp: PAINT

VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Lớp IATA/ICAO : 3

Số LHQ : 1263

Nhóm đóng gói : I I I

Tên vận chuyển thích hợp: PAINT

THÔNG TIN BỔ SUNG: Ô nhiễm biển

15. Thông tin quy định

Ghi nhãn theo "Quy định về hóa chất (thông tin nguy hiểm và bao bì) năm 1993"

Biểu tượng nguy hiểm : không

Phân loại nguy hiểm: na Sản

phẩm có chứa : không

Cụm từ R: 10 - Dễ cháy.

20/21 - Có hại khi hít phải và tiếp xúc với da.

Nhãn cho người dùng công

nh nghiệp Cụm từ S: 23 - Không hít phải bụi phun/hơi dung môi.

38 - Trong trường hợp thông gió không đủ, phải đeo thiết bị hô hấp phù hợp.

51 - Chỉ sử dụng ở nơi thông gió tốt.

Nhãn cho công chúng nói

chung Cụm từ S: 2 - Để xa tầm tay trẻ em.

23 - Không hít phải bụi phun/hơi dung môi.

46 - Nếu nuốt phải, hãy tìm tư vấn y tế ngay lập tức và cho xem hộp đựng hoặc nhãn này.

51 - Chỉ sử dụng ở nơi thông gió tốt.

16. Thông tin khác

Giải thích các chữ viết tắt: nda

: không có dữ liệu có

không

sẵn : không áp dụng



Bảng dữ liệu an toàn

1 - Nhận dạng sản phẩm hóa chất và công ty

Nhà sản xuất: WD-40 Địa chỉ công ty: 1061 Cudahy Place (92110) PO Box 80607 San Diego, California, Hoa Kỳ 92138 -0607 Điện thoại: Chỉ trong trường hợp khẩn cấp: 1-888-324-7596 (PROSAR) Thông tin: 1-888-324-7596 Trần hóa chất: 1-800-424-9300 (Chemtrec) 1-703-527-3887 (Cuộc gọi quốc tế)	Tên hóa học: Hỗn hợp hữu cơ Tên thương mại: Bình xịt WD-40 Công dụng sản phẩm: Chất bôi trơn, chất thẩm thấu, đẩy hơi ẩm ra ngoài, loại bỏ và bảo vệ bề mặt khỏi bị ăn mòn MSDS Ngày lập: 01/09/12
--	---

2 - Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS:

Loại bình xịt dễ cháy 1

Các thành phần nhãn GHS:



SỰ NGUY HIỂM!

H222 Bình xịt cực dễ cháy.

P210 Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, bề mặt nóng – Không hút thuốc.

P211 Không xịt vào ngọn lửa trần hoặc nguồn đánh lửa khác.

P251 Bình chứa chịu áp suất: Không đâm thủng hoặc đốt, ngay cả sau khi sử dụng.

P410+P412 Tránh xa ánh sáng mặt trời. Không để nơi có nhiệt độ vượt quá 50°C/122°F.

3 - Thành phần/Thông tin về thành phần

Nguyên liệu	Số CAS	Phần trăm trọng lượng	Phân loại GHS
Hydrocacbon mạch thẳng	64742-47-8	<70	Chất lỏng dễ cháy 3
Dầu gốc dầu mỏ	64742-53-6 64742-56-9 64742-65-0	<25	Không nguy hiểm
Chất ức chế rỉ sét không nguy hiểm	Hỗn hợp	<10	Không nguy hiểm
Chất bôi trơn không nguy hiểm	Hỗn hợp	<10	Không nguy hiểm
Khí cacbonic	124-38-9	<3	Không nguy hiểm
Hương thơm	Hỗn hợp	<1	Không nguy hiểm

4 - Biện pháp sơ cứu

Tiêu hóa (Nuốt):Nguy cơ hít phải. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho bác sĩ, trung tâm kiểm soát chất độc hoặc Đường dây nóng an toàn WD-40 theo số 1-888-324-7596.

Giao tiếp bằng mắt:Rửa sạch bằng nước. Tháo kính áp tròng nếu có sau 5 phút đầu tiên và tiếp tục rửa trong vài phút nữa. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng vẫn tiếp diễn.

Tiếp xúc với da:Rửa bằng xà phòng và nước. Nếu tình trạng kích ứng phát triển và kéo dài, hãy đi khám bác sĩ. **Hít vào (Hít thở):**Nếu bị kích ứng, hãy di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu bị kích ứng hoặc các triệu chứng khác phát triển và kéo dài.

Dấu hiệu và triệu chứng phơi nhiễm: Có thể gây kích ứng mắt và hô hấp. Hít phải có thể gây ho, đau đầu và chóng mặt. Tiếp xúc với da có thể gây khô da.

5 – Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy:Sử dụng sương nước, hóa chất khô, carbon dioxide hoặc bọt. Không sử dụng tia nước hoặc lượng nước ngập. Sản phẩm cháy sẽ nổi trên bề mặt và lan truyền lửa.

Quy trình chữa cháy đặc biệt: Lính cứu hỏa phải luôn đeo thiết bị thở áp suất dương và quần áo bảo hộ đầy đủ. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa bằng nước. Sử dụng tấm chắn để bảo vệ thùng chứa khỏi bị nổ.

Nguy cơ cháy nổ bất thường: Nội dung dưới áp suất. Tránh xa nguồn đánh lửa và ngọn lửa trần. Việc tiếp xúc các thùng chứa với nhiệt độ cực cao và ngọn lửa có thể khiến chúng bị vỡ thường xuyên với lực mạnh. Hơi nặng hơn không khí và có thể di chuyển dọc theo bề mặt đến các nguồn đánh lửa xa và bùng cháy trở lại.

6 – Biện pháp phát hành ngẫu nhiên

Mặc quần áo bảo hộ thích hợp (xem Mục 8). Loại bỏ mọi nguồn gây cháy và thông gió khu vực. Các lon bị rò rỉ phải được đặt trong túi nhựa hoặc thùng mở cho đến khi áp suất giảm bớt. Chứa và thu thập chất lỏng bằng chất hấp thụ trơ và cho vào thùng chứa để xử lý. Vệ sinh sạch sẽ khu vực bị tràn. Báo cáo sự cố tràn cho chính quyền khi cần thiết.

7 – Xử lý và lưu trữ

Xử lý:Tránh tiếp xúc với mắt. Tránh tiếp xúc lâu với da. Tránh hít phải hơi hoặc khí dung. Chỉ sử dụng khi có đủ thông gió. Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, đèn báo, bề mặt nóng và ngọn lửa trần. Rút phích cắm các dụng cụ điện, động cơ và thiết bị trước khi phun hoặc mang bình xịt đến gần bất kỳ nguồn điện nào. Điện có thể đốt thủng bình xịt và khiến bình xịt bốc cháy. Để tránh bị bỏng nghiêm trọng, không để bình xịt chạm vào cực pin, kết nối điện trên động cơ hoặc thiết bị hoặc bất kỳ nguồn điện nào khác. Rửa sạch bằng xà phòng và nước sau khi xử lý. Đậy kín bình khi không sử dụng. Để xa tầm tay trẻ em. Không đâm thủng, nghiền nát hoặc đốt bình xịt, ngay cả khi bình đã rỗng.

Kho:Bảo quản ở nơi mát mẻ, thông gió tốt, tránh xa các vật liệu không tương thích. Không bảo quản ở nhiệt độ trên 120 độ F hoặc dưới ánh nắng trực tiếp. Bình xịt UFC (NFPA 30B) Cấp độ 3.

8 – Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo vệ cá nhân

Hóa chất	Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp
Hydrocacbon mạch thẳng	1200 mg/m ³ TWA (nhà sản xuất khuyến nghị)
Dầu gốc dầu mỏ	5 mg/m ³ (hít vào)ACGIH TLV TWA 5 mg/m ³ TWA OSHA PEL
Chất ức chế rỉ sét không nguy hiểm	Không có thành lập
Chất bôi trơn không nguy hiểm	Không có thành lập
Khí cacbonic	5000 trang/phút TWA (OSHA/ACGIH), 30.000 trang/phút STEL (ACGIH)
Hương thơm	Không có thành lập

Các biện pháp kiểm soát sau đây được khuyến nghị cho mục đích sử dụng thông thường của người tiêu dùng đối với sản phẩm này **Biện pháp kiểm soát kỹ thuật:**Sử dụng ở nơi thông gió tốt. **Bảo vệ cá nhân:**

Bảo vệ mắt:Tránh tiếp xúc với mắt. Luôn xịt xa khỏi mắt.

Bảo vệ da:Tránh tiếp xúc lâu dài với da. Nên sử dụng găng tay chống hóa chất cho các hoạt động có khả năng tiếp xúc với da.

Bảo vệ hô hấp:Không cần thiết cho mục đích sử dụng bình thường nếu có đủ thông gió.

Đối với Xử lý hàng loạt hoặc Sử dụng tại nơi làm việc, các biện pháp kiểm soát sau được khuyến nghị

Kiểm soát kỹ thuật:Sử dụng hệ thống thông gió cục bộ và thông gió chung đầy đủ để duy trì mức độ phơi nhiễm dưới giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Bảo vệ cá nhân:

Bảo vệ mắt:Nên đeo kính bảo hộ khi có thể tiếp xúc bằng mắt. **Bảo vệ da:**

Đeo găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ hô hấp:Không cần thiết nếu thông gió đầy đủ. Nếu vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, hãy đeo mặt nạ phòng độc được NIOSH chấp thuận. Việc lựa chọn và sử dụng mặt nạ phòng độc phải dựa trên loại, dạng và nồng độ chất gây ô nhiễm. Thực hiện theo OSHA 1910.134, ANSI Z88.2 và thực hành vệ sinh công nghiệp tốt. **Thực hành làm**

việc/vệ sinh:Rửa sạch bằng xà phòng và nước sau khi sử dụng.

9 – Tính chất vật lý và hóa học

Điểm sôi:	300-F (150°C)	Trọng lượng riêng:	0,8 – 0,82 ở 60 độ F
Độ hòa tan trong nước:	Không hòa tan	Độ pH:	Không áp dụng
Áp suất hơi:	95-115 PSI ở 70-F	Mật độ hơi:	Lớn hơn 1
Phần trăm biến động:	65%	VOC:	533 gam/lít (65%)
Hệ số phân phối nước/ dầu:	Chưa xác định	Ngoại hình/Mùi	Chất lỏng màu hổ phách nhạt/ mùi nhẹ
Điểm chớp cháy:	113-F (45°C) Đóng Cốc (cô đặc)	Giới hạn dễ cháy: (Phần dung môi)	LEL: 0,6% UEL: 8,0%

10 – Độ ổn định và khả năng phản ứng

Sự ổn định:Ổn định

Trùng hợp nguy hiểm:Sẽ không xảy ra.

Các điều kiện cần tránh:Tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa và các nguồn gây cháy khác. Không đâm thủng hoặc đốt cháy các thùng chứa.

Sự không tương thích:Chất oxy hóa mạnh.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:Cacbon monoxit và cacbon dioxit.

11 – Thông tin về độc tính

Các triệu chứng của việc tiếp xúc quá mức:

Hít vào:Nồng độ cao có thể gây kích ứng mũi và hô hấp và các tác động lên hệ thần kinh trung ương như đau đầu, chóng mặt và buồn nôn. Lạm dụng cố ý có thể gây hại hoặc tử vong.

Tiếp xúc với da:Tiếp xúc kéo dài và/hoặc lặp đi lặp lại có thể gây kích ứng nhẹ và mất chất béo có thể dẫn đến viêm da.

Giao tiếp bằng mắt:Tiếp xúc có thể gây kích ứng mắt. Có thể gây đỏ và chảy nước mắt.

Tiêu hóa:Sản phẩm này có độc tính đường uống thấp. Nuốt phải có thể gây kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy. Sản phẩm này có nguy cơ hít phải. Nếu nuốt phải, có thể đi vào phổi và có thể gây viêm phổi do hóa chất, tổn thương phổi nghiêm trọng và tử vong.

Tác dụng mãn tính:Không mong đợi gì cả.

Các tình trạng bệnh lý trầm trọng hơn do tiếp xúc:Các bệnh lý về mắt, da và hô hấp có từ trước có thể trở nên trầm trọng hơn khi tiếp xúc.

Chất gây ung thư nghi ngờ:

Có Không X

Độc tính qua đường miệng của sản phẩm này ước tính lớn hơn 5.000 mg/kg dựa trên đánh giá các thành phần. Sản phẩm này không được phân loại là độc hại theo các tiêu chuẩn đã thiết lập. Đây là mối nguy hiểm khi hít phải.

Không có thành phần nào của sản phẩm này được liệt kê là chất gây ung thư hoặc nghi ngờ gây ung thư hoặc được coi là mối nguy hại cho khả năng sinh sản.

12 – Thông tin sinh thái

Hiện tại không có dữ liệu cụ thể nào về độc tính đối với thủy sinh, tuy nhiên các thành phần của sản phẩm này không gây hại cho sinh vật thủy sinh và dễ phân hủy sinh học.

13 - Cân nhắc về việc thải bỏ

Nếu sản phẩm này trở thành chất thải, sản phẩm này được kỳ vọng sẽ đáp ứng các tiêu chí của chất thải nguy hại dễ cháy RCRA (D001). Tuy nhiên, người tạo ra sản phẩm có trách nhiệm xác định phân loại và phương pháp xử lý phù hợp tại thời điểm xử lý. Xử lý theo quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

14 - Thông tin vận chuyển

Mô tả vận chuyển bề mặt DOT: Hàng tiêu dùng, ORM-D cho đến ngày 31/12/2013

Sau ngày 1/1/2014 UN1950, Bình xịt, 2.1 Số lượng có hạn (Lưu ý: Không yêu cầu Giấy tờ vận chuyển đối với Số lượng có hạn trừ khi vận chuyển bằng đường hàng không hoặc tàu biển – mỗi gói hàng phải được đánh dấu bằng Dấu số lượng có hạn)

Mô tả vận chuyển IMDG: Un1950, Bình xịt, 2.1, LTD SỐ LƯỢNG

15 - Thông tin quy định

Quy định của Trung Quốc về kiểm soát an toàn hóa chất nguy hiểm: Sản phẩm này phù hợp với quy định này. Tất cả các thành phần trong sản phẩm này đều được liệt kê trong IECSC (Danh mục các chất hóa học hiện có tại Trung Quốc năm 2010)

16 - Thông tin khác:

Xếp hạng nguy hiểm của HMIS:

Sức khỏe - 1 (nguy cơ nhẹ), Nguy cơ cháy nổ - 4 (nguy cơ nghiêm trọng), Khả năng phản ứng - 0 (nguy cơ tối thiểu)

CHỮ KÝ:



TIÊU ĐỀ: Giám đốc Quan hệ Người tiêu dùng Toàn cầu và Các vấn đề pháp lý

NGÀY SỬA ĐỔI:

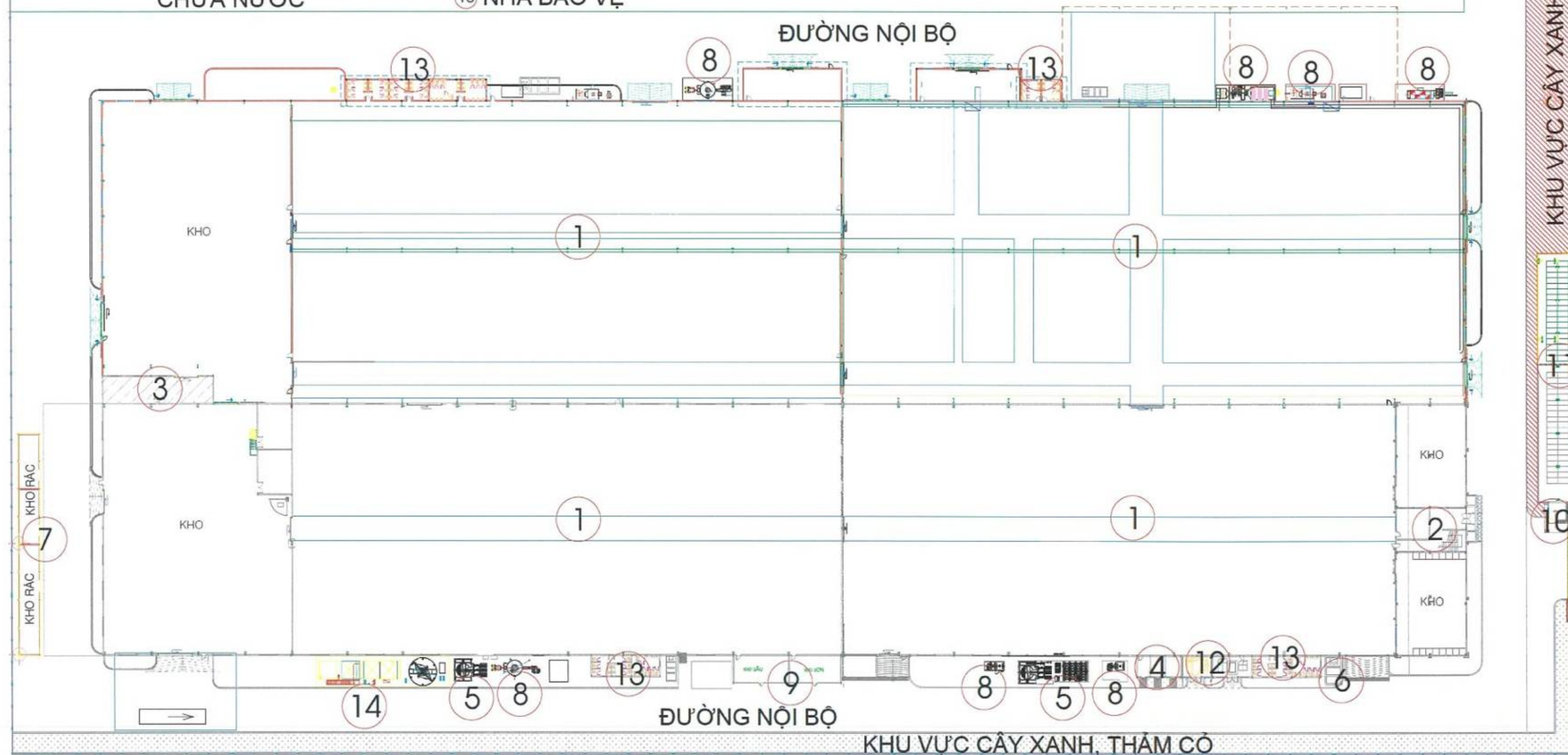
Tháng 1 năm 2012

THAY THẾ:

Tháng 6 năm 2010

- GHI CHÚ:
- | | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|----------------------------|
| ① NHÀ XƯỞNG | ⑥ HỒ THU GOM NƯỚC THẢI | ⑪ NHÀ XE |
| ② VĂN PHÒNG | ⑦ KHO LƯU CHỨA CHẤT THẢI | ⑫ PHÒNG MÁY NÉN KHÍ |
| ③ PHÒNG ĐIỆN | ⑧ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI | ⑬ NHÀ VỆ SINH |
| ④ KHO CHỨA LPG VÀ OXY | ⑨ KHO CHỨA SƠN, VECNI, DUNG MÔI | ⑭ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI |
| ⑤ THÁP GIẢI NHIỆT VÀ BỂ CHỨA NƯỚC | ⑩ NHÀ BẢO VỆ | |

ĐƯỜNG N4



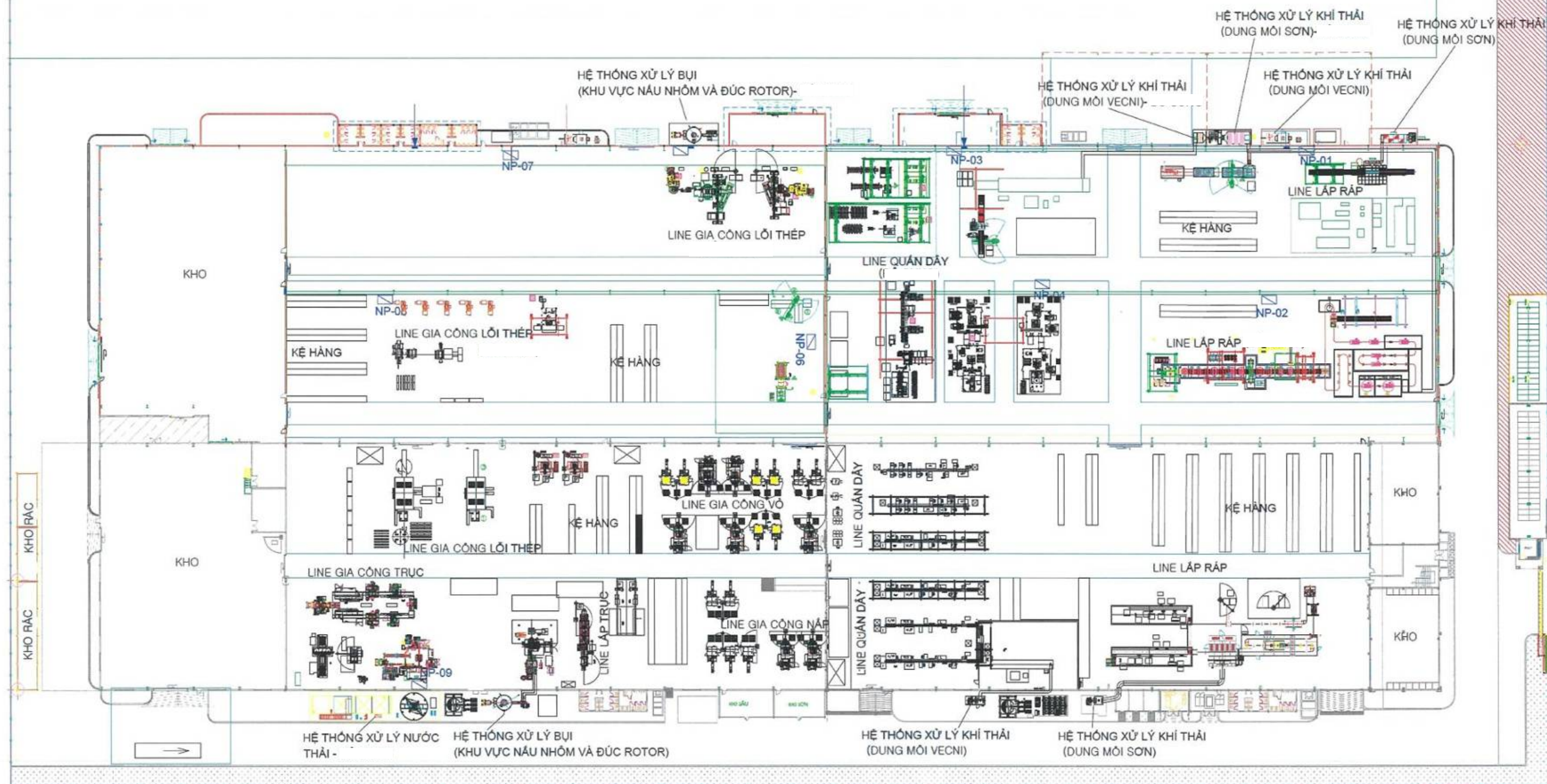
ĐƯỜNG N3

ĐƯỜNG D3b

MẶT BẰNG TỔNG THỂ



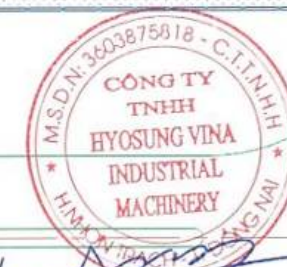
ĐƯỜNG N4



ĐƯỜNG N3

ĐƯỜNG D3b

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN NAY



Handwritten signature in blue ink.



Dai Joong

ĐƯỜNG N4

KHO RÁC

KHO RÁC

4

KHO

KHO

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(DUNG MÔI VECNI) - BỔ SUNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI
(KHU VỰC NẤU NHÔM VÀ ĐÚC ROTOR)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(DUNG MÔI SƠN)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(DUNG MÔI SƠN)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(DUNG MÔI SƠN)

NP-07

NP-03

NP-01

LINE GIA CÔNG STATOR
(BỔ SUNG)

LINE GIA CÔNG LỖI THÉP

LINE QUẢN DÂY

KỆ HÀNG

NP-02

LINE LẮP RÁP

LINE GIA CÔNG LỖI THÉP
(BỔ SUNG)

LINE GIA CÔNG

LINE QUẢN DÂY

KỆ HÀNG

KHO

LINE GIA CÔNG LỖI THÉP

LINE GIA CÔNG TRỤC

LINE LẮP RÁP

LINE LẮP TRỤC

LINE GIA CÔNG NÁP

LINE QUẢN DÂY

KHO

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI
(KHU VỰC NẤU NHÔM VÀ ĐÚC ROTOR)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(DUNG MÔI VECNI)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(DUNG MÔI SƠN)

ĐƯỜNG D3b

ĐƯỜNG N3

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SAU NÂNG CÔNG SUẤT

CONTRACTOR / NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TÂM
(AN TAM CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD.)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

(AS-BUILT DRAWINGS)

Ngày 06 tháng 10 năm 2022

Người lập
(Prepared by)

Nguyễn Văn Thuận

Nhà thầu thi công
(Contractor)

Phạm Hữu Thiện

Giám sát thi công
(Consultant)

CHỦ ĐẦU TƯ (Owner)
CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐÔNG NAM
HYOSUNG DONGNAM CO., LTD.
Số 01/2022/TT-UBND
HUY SONG ĐÔNG NAM
LÊ JUN SUNG

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ / DESIGN (EVALUATOR)

MỨC DỊCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

Thẩm Duyệt (For Approval)

Tham Khảo (For Reference)

X Thí Công (For Construction)

Đấu Thầu (For Tender)

Hợp Đồng (As-Built)

HỆ CHỮ / REVISION

A	B
D	F
C	E
G	H

CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TOÀN PHÁT
TOAN PHAT DESIGN CONSULTANT
AND CONSTRUCTION CO., LTD.

Địa chỉ: 22/ Nguyễn Văn Đậu, Bình Thạnh, TP. HCM
Tel: (84-8) 55120072 (84-8) 86431356

Giám đốc (Director)

Ks. Nguyễn Đình Thuận

Giám sát kỹ thuật (Technical Manager)

Ks. Phan Lê Minh

Chủ trì (Prepared by)

Ks. Phan Lê Minh

Thiết kế (Designed by)

Ks. Lê Quang Duy

Vẽ (Drawn by)

Tên công trình (Project Name)
NHÀ MÁY HYOSUNG ĐÔNG NAM
HYOSUNG DONGNAM FACTORY

Vị trí: Khu công nghiệp Tân Thuận, Tân Bình, TP. HCM
(Location: Tan Thuan Industrial Zone, Dong Nai Prov.)

Tên bản vẽ (Drawing Title)

XUẤT ĐỘNG CƠ MỞ RỘNG - G. ĐOÀN

EXTENSION MOTOR FACTORY - PHASE 2

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

STORM WATER PLAN

Ngày phát hành (Issued Date)

Số hiệu (Drawing No.)

SW

24-10-2021

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA STORM WATER PLAN 1/1000

NOTE:

- FL=0.00 : GROUND FLOOR LEVEL OF B1-FACTORY
- RC PIPE THICKNESS
 - 300 RC PIPE : 50mm THK
 - 400 RC PIPE : 50mm THK
 - 500 RC PIPE : 60mm THK
 - 600 RC PIPE : 60mm THK
- PVC PIPE & ELBOW THICKNESS
 - D114 UPVC PIPE : 2.5mm THK
 - D140 UPVC PIPE : 2.5mm THK
 - D160 UPVC PIPE : 3.2mm THK
 - D200 UPVC PIPE : 3.5mm THK
 - D315 UPVC PIPE : 4.5mm THK
 - D355 UPVC PIPE : 7.0mm THK
- STEEL PLATE, STEEL ANGLE: PRIMER POINT + OIL POINT
- BRAN CONCRETE STONE 40x60, GRADE 150
- CONCRETE STONE 10x20, GRADE 250
- REINFORCEMENT:
 - <10. A3 STYLE, YIELD STRENGTH fy >= 2350 Kg/cm²
 - 10<= A3390 STYLE, YIELD STRENGTH fy >= 4000 Kg/cm²

UNLESS OTHERWISE STATED, ALL DIMENSIONS SHOWN ON DRAWING ARE IN MM

HÌNH PL 1.2. MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

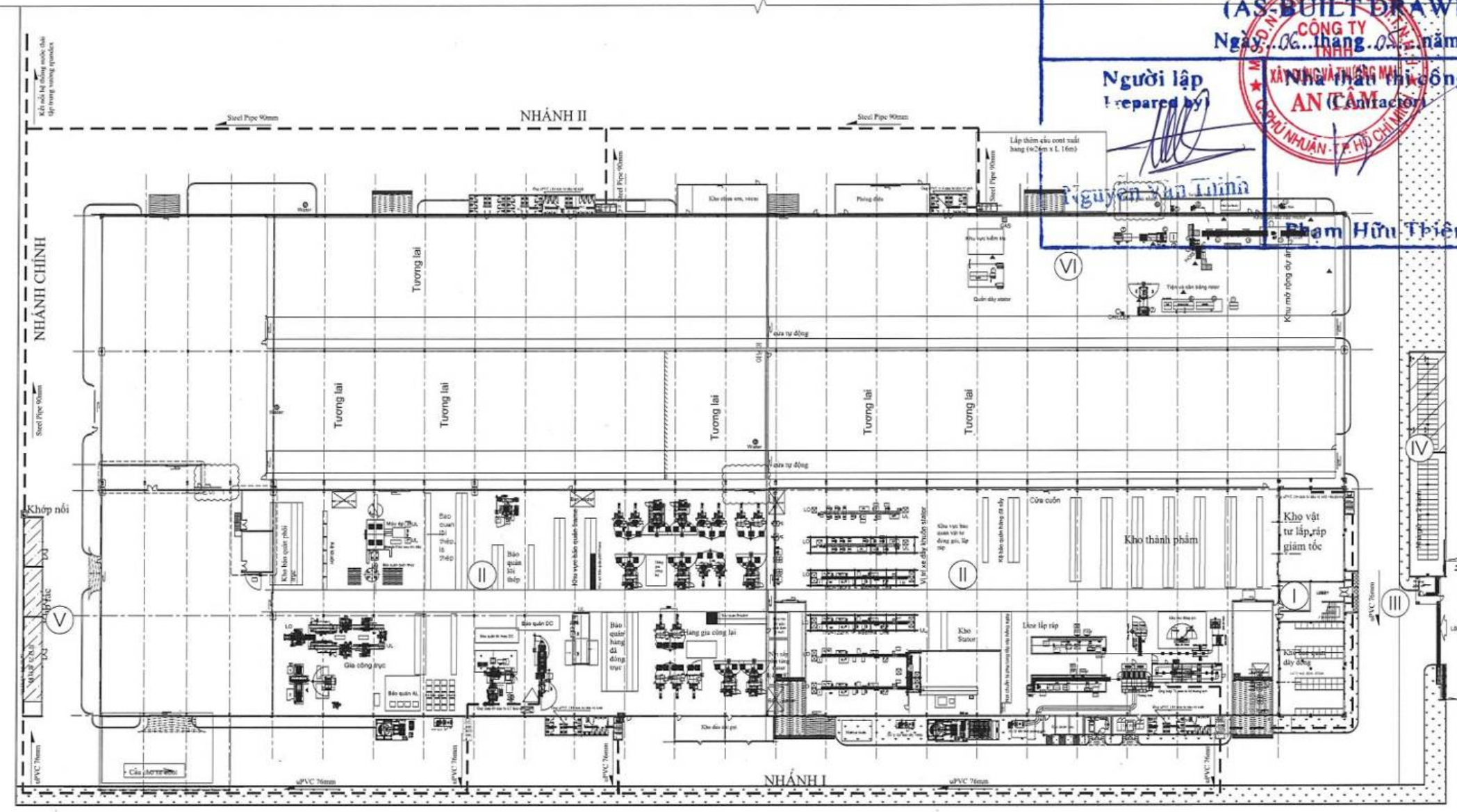
CONTRACTOR / NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TÂM
(AN TAM CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD.)
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWINGS)
Ngày... tháng... năm 2022...

Người lập
Prepared by:
Nguyễn Văn Tuấn

Giám sát thi công
(Consultant)
Phạm Hữu Thiện

Chủ đầu tư Owner:
CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI
HYOSUNG DONGNAI CO., LTD.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Trach, Tỉnh Đồng Nai
Address: Tân Trach Industrial Zone, Dong Nai Province

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HYOSUNG
ĐỒNG NAI
LEE TON SUK



- GHI CHÚ - NOTES:**
- I VĂN PHÒNG (HIỆN TRẠNG) - OFFICE (EXISTING)
 - II NHÀ MÁY MÔ TƠ (HIỆN TRẠNG) - MOTOR FACTORY (EXISTING)
 - III CÔNG VÀ NHÀ BẢO VỆ (HIỆN TRẠNG) - GUARD HOUSE & GATE (EXISTING)
 - IV NHÀ XE 2 BÁNH (HIỆN TRẠNG) - MOTORBIKE PARKING (EXISTING)
 - V NHÀ RÁC (HIỆN TRẠNG) - GARBAGE HOUSE (NEW)
 - VI NHÀ MÁY MÔ TƠ (MỞ RỘNG) - MOTOR FACTORY (NEW)

- GHI CHÚ :**
- Ống thép mạ kẽm 90mm
 - Ống nhựa uPVC 76mm
 - Ống thu gom vỏ hồ tập trung
 - Hồ gom nước thải sinh hoạt
 - Hồ gom nước thải sản xuất
 - Hồ gom nước thải sản xuất + sinh hoạt

MỤC (LỊCH PHÁT HÀNH) / ISSUED FOR		
	Trình Duyệt (For Approval)	
	Tham Khảo (For Reference)	
	Thi Công (For Construction)	
	Đấu Thầu (For Tender)	
X	Hoàn Công (As-Built)	
HỆ CHẾ / REVISION		
A	E	
B	F	
C	G	
D	H	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TOÀN PHÁT TOAN PHAT DESIGN CONSULTANT AND CONSTRUCTION CO., LTD.		
Đc : 221 Nguyễn Văn Đậu, Bình Thạnh, Tp HCM Tel : (84-8)5150072, (84-8)8431396		
Giám đốc (Director):		
Ks. Nguyễn Đăng Thuận		
Quản lý kỹ thuật (Technical Manager):		
Kts. Phan Lê Minh		
Chủ trì (Presided by):		
Kts. Phan Lê Minh		
Thiết kế (Designed by):		
Kts. Lê Quang Duy		
Vẽ (Drawn by):		
Tên công trình (Project Name): NHÀ MÁY STATOR & MOTOR CÔNG TY HYOSUNG ĐỒNG NAI		
Vị trí: Khu Công nghiệp Tân Trach, Tỉnh Đồng Nai Location: Tân Trach Industrial Zone, Dongnai Province		
Tên bản vẽ (Drawing Title): MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI WASTE WATER DRAINAGE PLAN		
Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)	
24-10-2021	Hiệu chỉnh (Revision)	

Chủ đầu tư Owner:
CITY TNHH HYOSUNG DONG NAI
HYOSUNG CONSTRUCTION CO., LTD.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Nhơn Trạch Industrial Zone, Dong Nai Province
LEE JUN SUNG
THA NH THIẾ KẾ / DESIGN EVALUATION

CONTRACTOR / NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TÂM
(AN TAM CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD.)
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWINGS)
Ngày 06 tháng 02 năm 2022
Người lập (Prepared by): Nguyễn Văn Thịnh
Giám sát thi công (Consultant): Phạm Hữu Thiên

MỤC SÁCH PHÁP HÀNH / ISSUED FOR	
Tính Duyệt (For Approval)	
Tham Khảo (For Reference)	
Thi Công (For Construction)	
Đấu Thầu (For Tender)	
X Hoàn Công (As-Built)	
HE CHẾ / REVISION	
A	E
B	F
C	G
D	H

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾ KẾ VÀ XÂY DỰNG TOÀN PHÁT
TOAN PHAT DESIGN CONSULTANT AND CONSTRUCTION CO., LTD.

Đc: 221 Nguyễn Văn Đậu, Bình Thạnh, Tp HCM
Tel: (84-8)5150072, (84-8)8431396

Giám đốc (Director):

Ks. Nguyễn Đăng Thuận
Quản lý kỹ thuật (Technical Manager):

Kts. Phan Lê Minh
Chủ trì (Presided by):

Kts. Phan Lê Minh
Thiết kế (Designed by):

Kts. Lê Quang Duy
Vẽ (Drawn by):

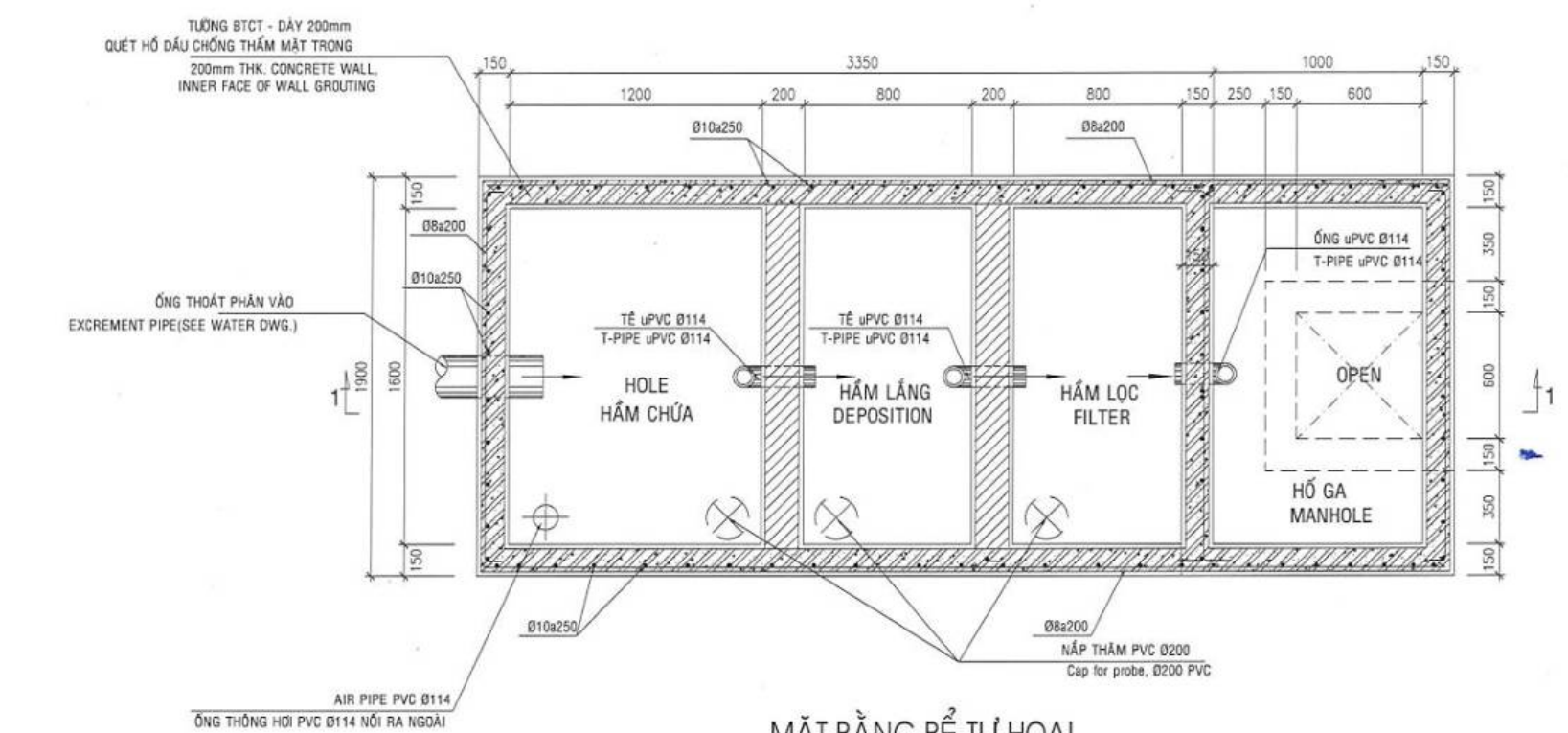
Tên công trình (Project Name):
NHÀ MÁY STATOR & MOTOR
CÔNG TY HYOSUNG DONG NAI

Vị trí: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Location: Nhơn Trạch Industrial Zone, Dong Nai Province

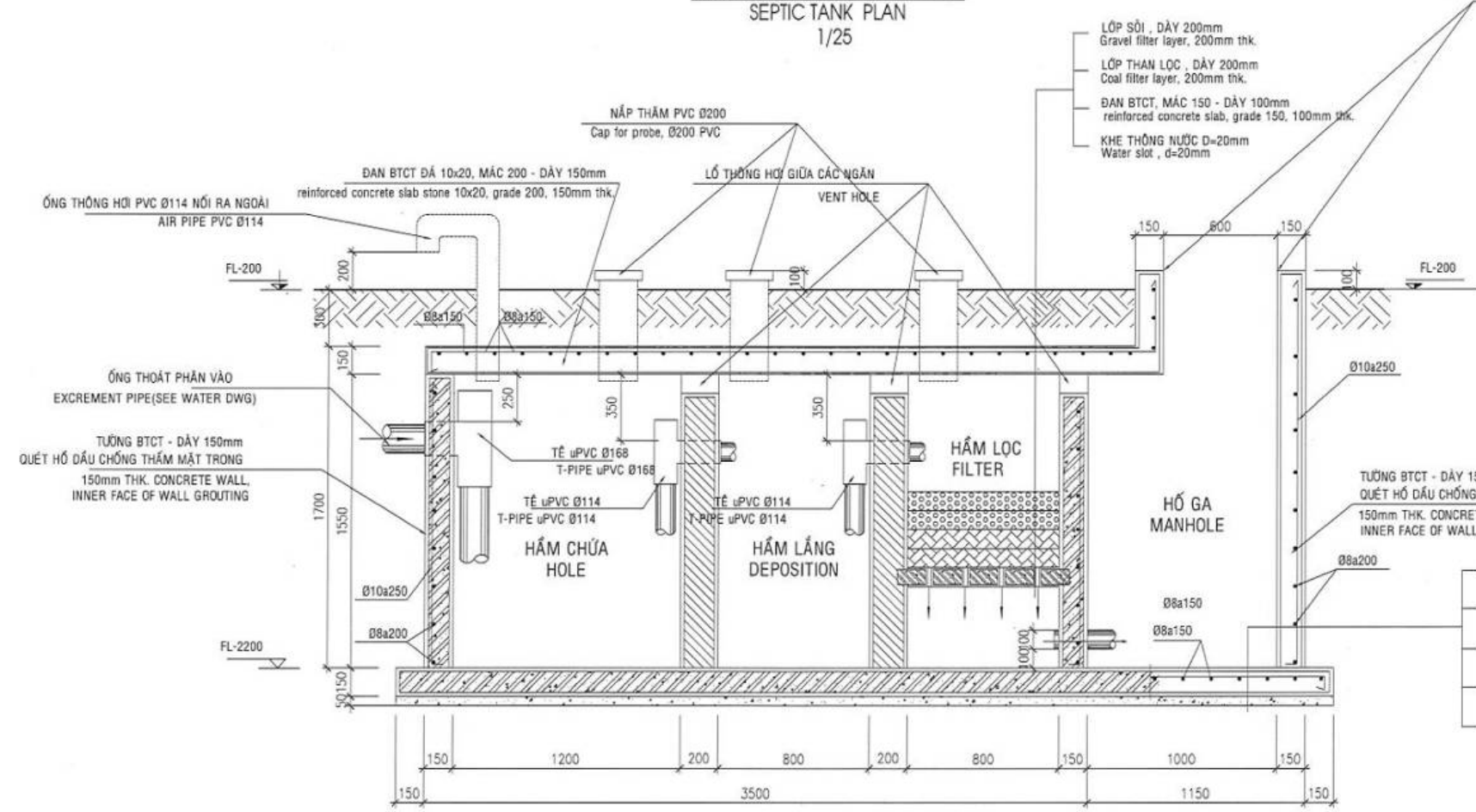
Tên bản vẽ (Drawing Title):

CHI TIẾT HẦM TỰ HOA
DETAIL OF SEPTIC TANK

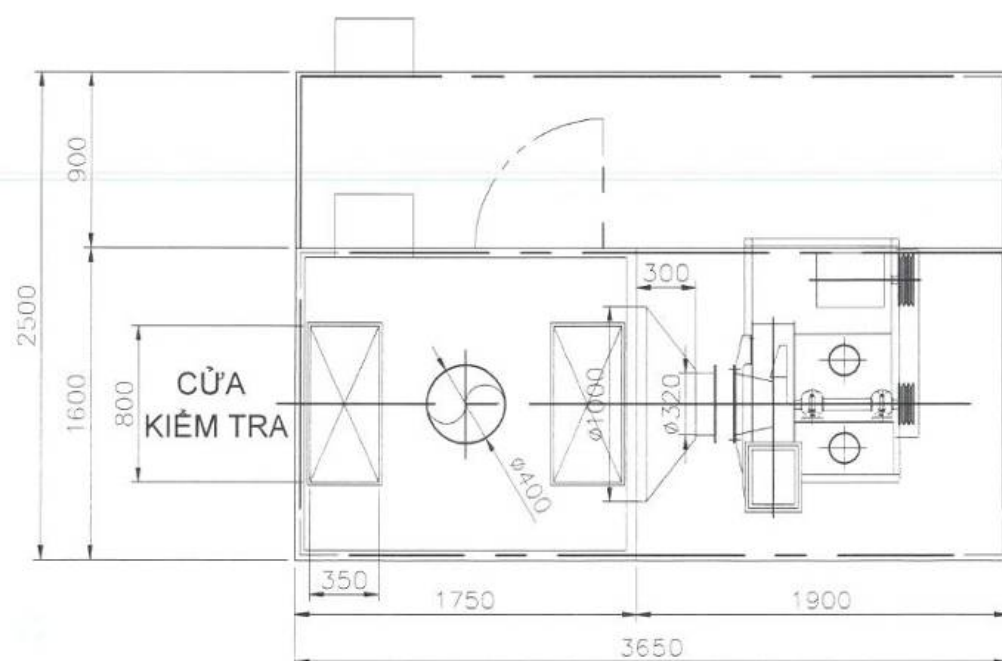
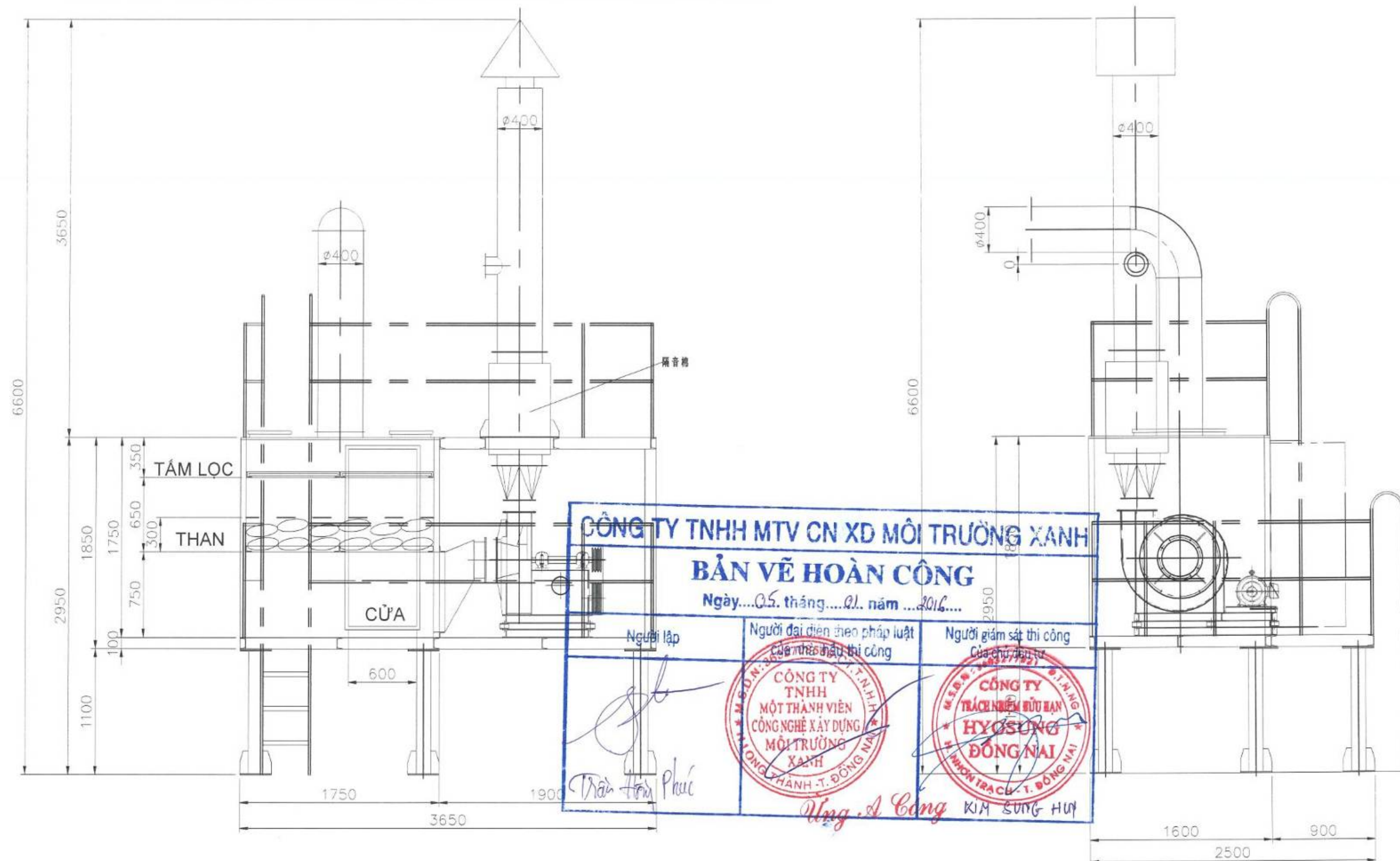
Ngày phát hành (Issued Date)	Số hiệu (Dwg. No.)
24-10-2021	Hiệu chỉnh (Revision)



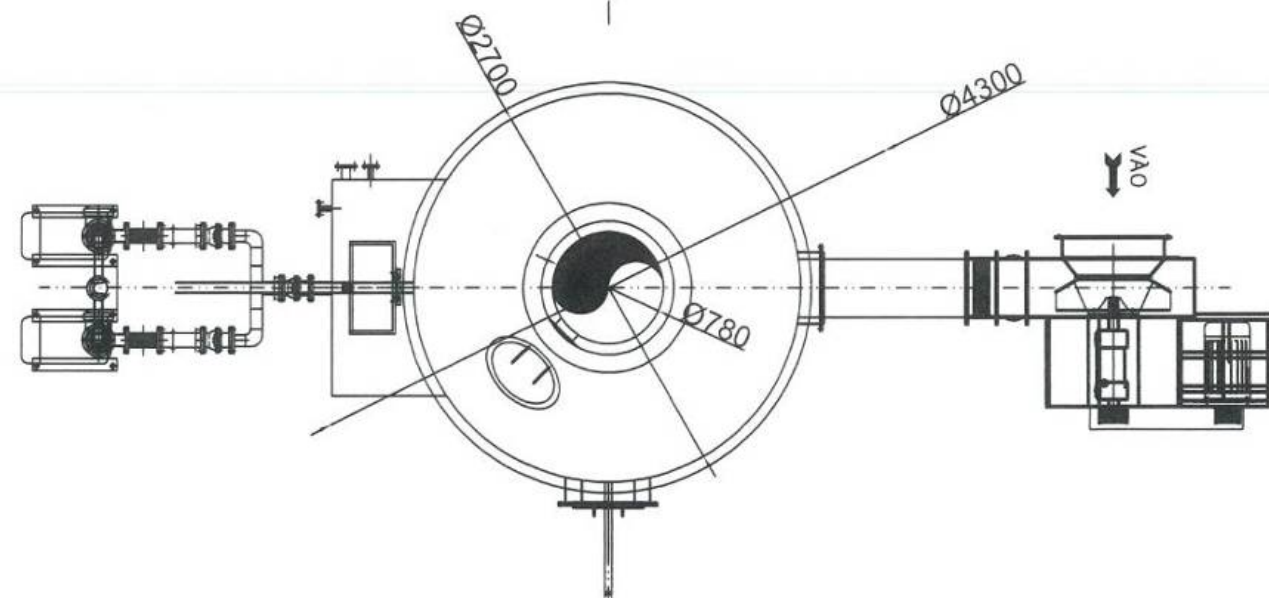
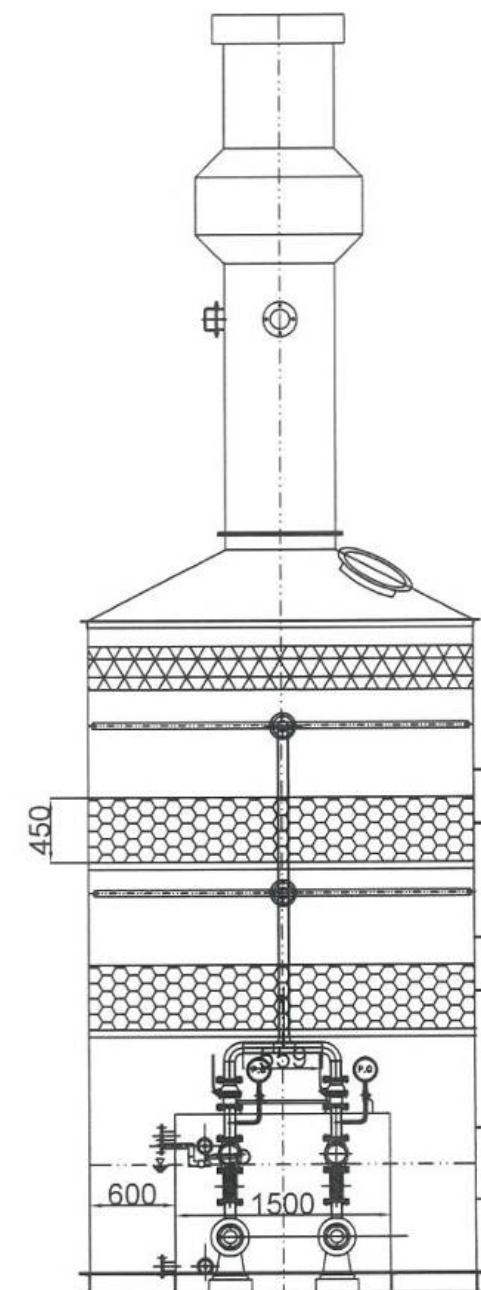
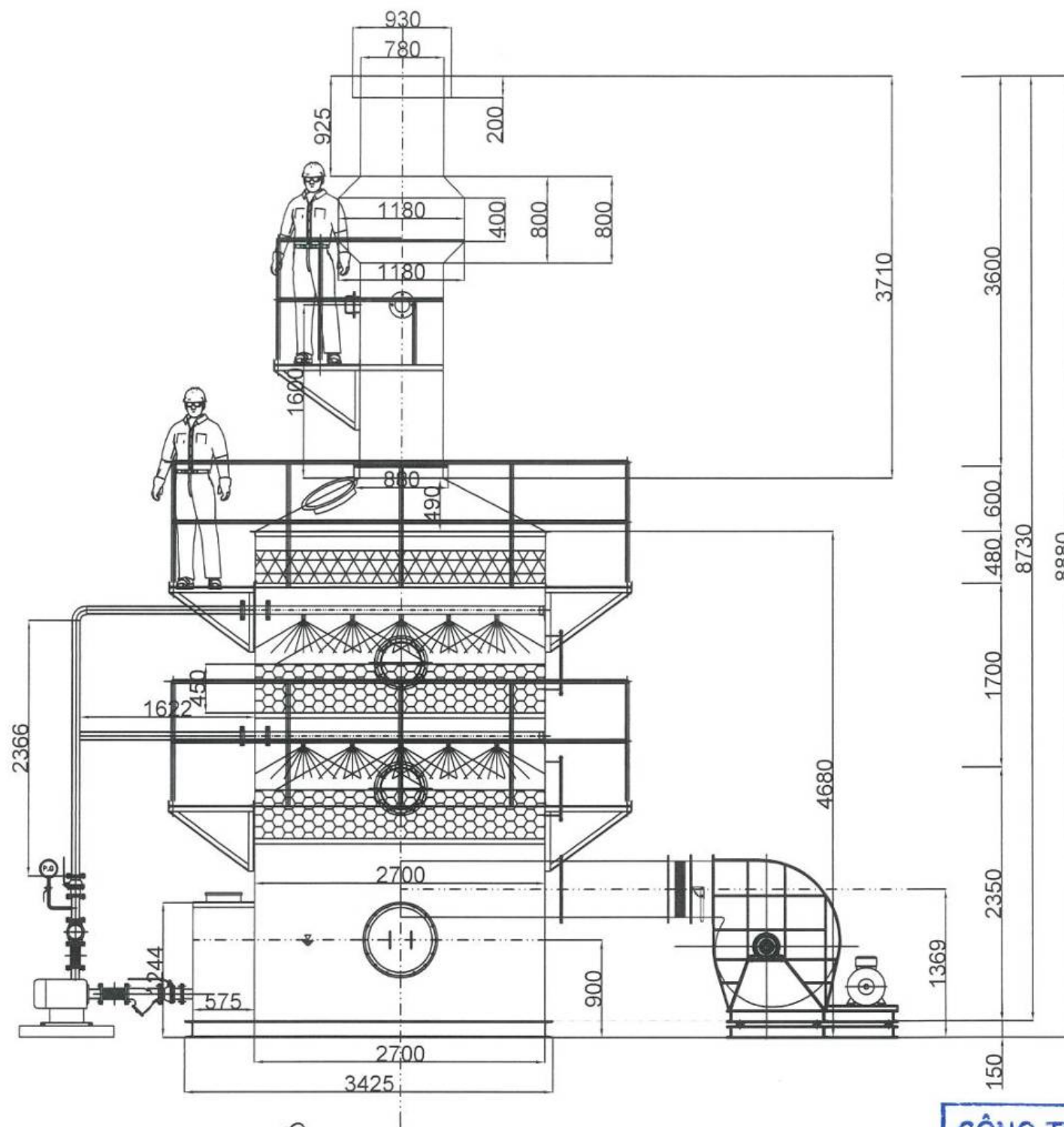
MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI
SEPTIC TANK PLAN
1/25



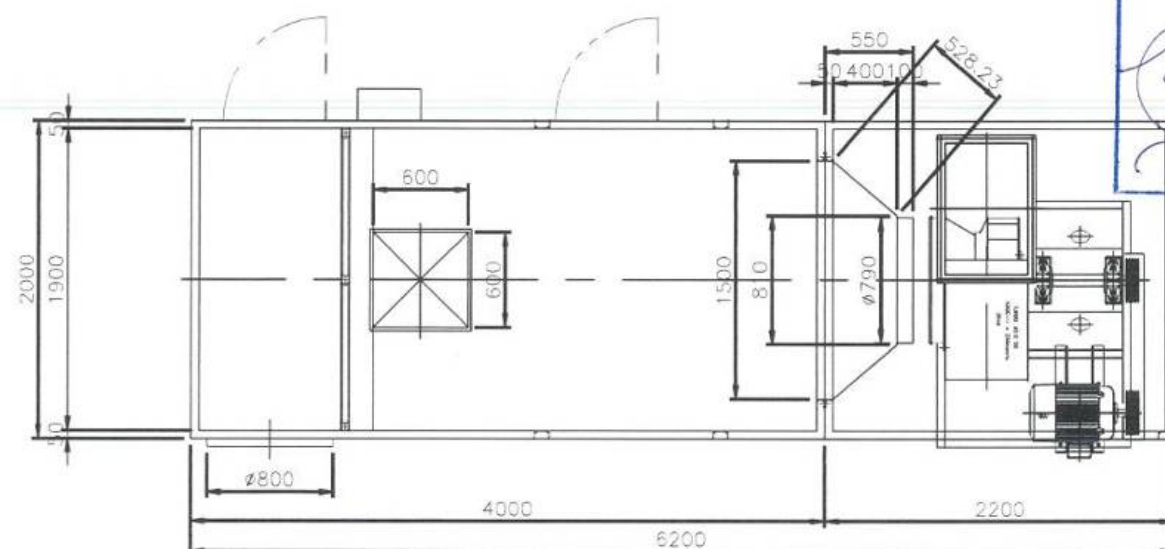
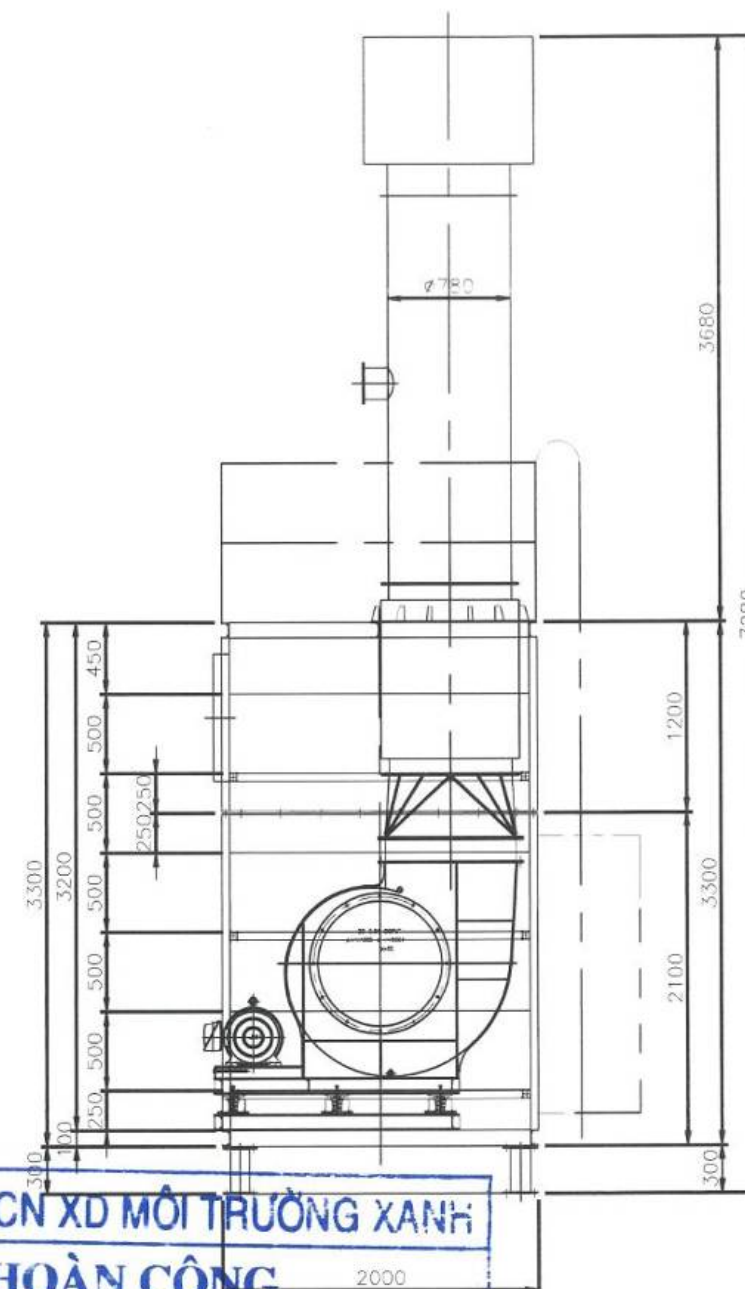
MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1
1/25



KHÁCH HÀNG		HYOSUNG	
NHÀ SẢN XUẤT		NIDE MECHANICAL	
THI CÔNG LẬP ĐẶT		MÔI TRƯỜNG XANH	
PHÊ DUYỆT		TÊN	HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI KHU VỰC SẤY VECNI
KIỂM TRA			
THIẾT KẾ			
BẢN VẼ		CÔNG SUẤT	7419 M ³ /H
TỈ LỆ	(A 3)		
	THAM KHẢO. SỐ.	BẢN VẼ SỐ.	



CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày... tháng... năm... Người lập		KHÁCH HÀNG HYOSUNG	
Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công		NHÀ SẢN XUẤT Cửa chủ đầu tư	
MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG XANH THÀNH T. ĐỒNG NAI		LẬP CÔNG LẬP ĐÁP TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HYOSUNG ĐỒNG NAI	
Trần Hồng Phức		TÊN HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI KHU VỰC NẤU NHỜM VÀ ĐÚC ROTO	
Ứng A Công		CÔNG SUẤT 23057 M3/H	
BẢN VẼ TỈ LỆ		THAM KHẢO SỐ.	
		BẢN VẼ SỐ. WS-01	



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....10.....tháng.....04.....năm.....GHI CHÚ 2019.....

Người lập

Người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu thi công

Người giám sát thi công

CHAT-102

QUẠT TURBO #5.0 SS

430 CMM x 250 mmAg x 40HP

4~8 MESH 4500KG

TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MÔI TRƯỜNG
XANH

THÀNH CÔNG

KHÁCH HÀNG

HYOSUNG

NHÀ SẢN XUẤT

HYOSUNG

TONG HAE PLANT E.N.G

MÔI TRƯỜNG XANH

PHÊ DUYỆT

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

BẢN VẼ

TỈ LỆ

	PARK
--	------

	TÊN
--	-----

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI
KHU VỰC SƠN MOTOR

1	CÔNG SUẤT
---	-----------

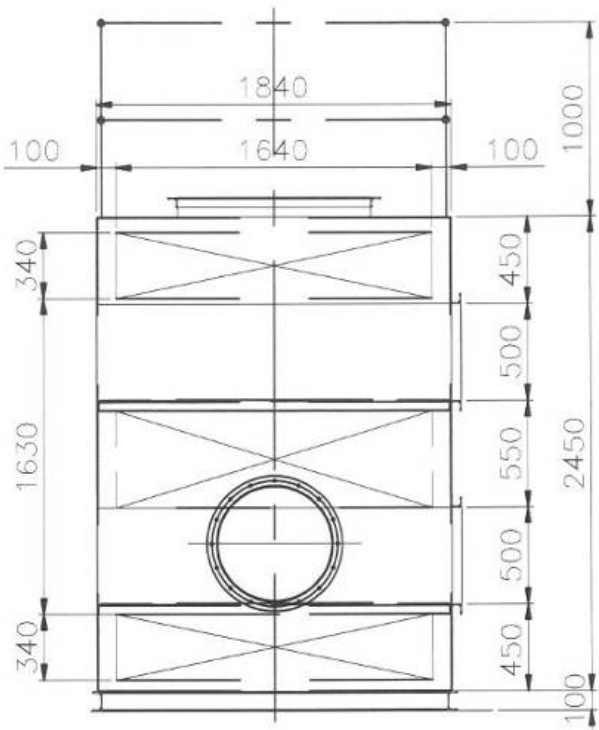
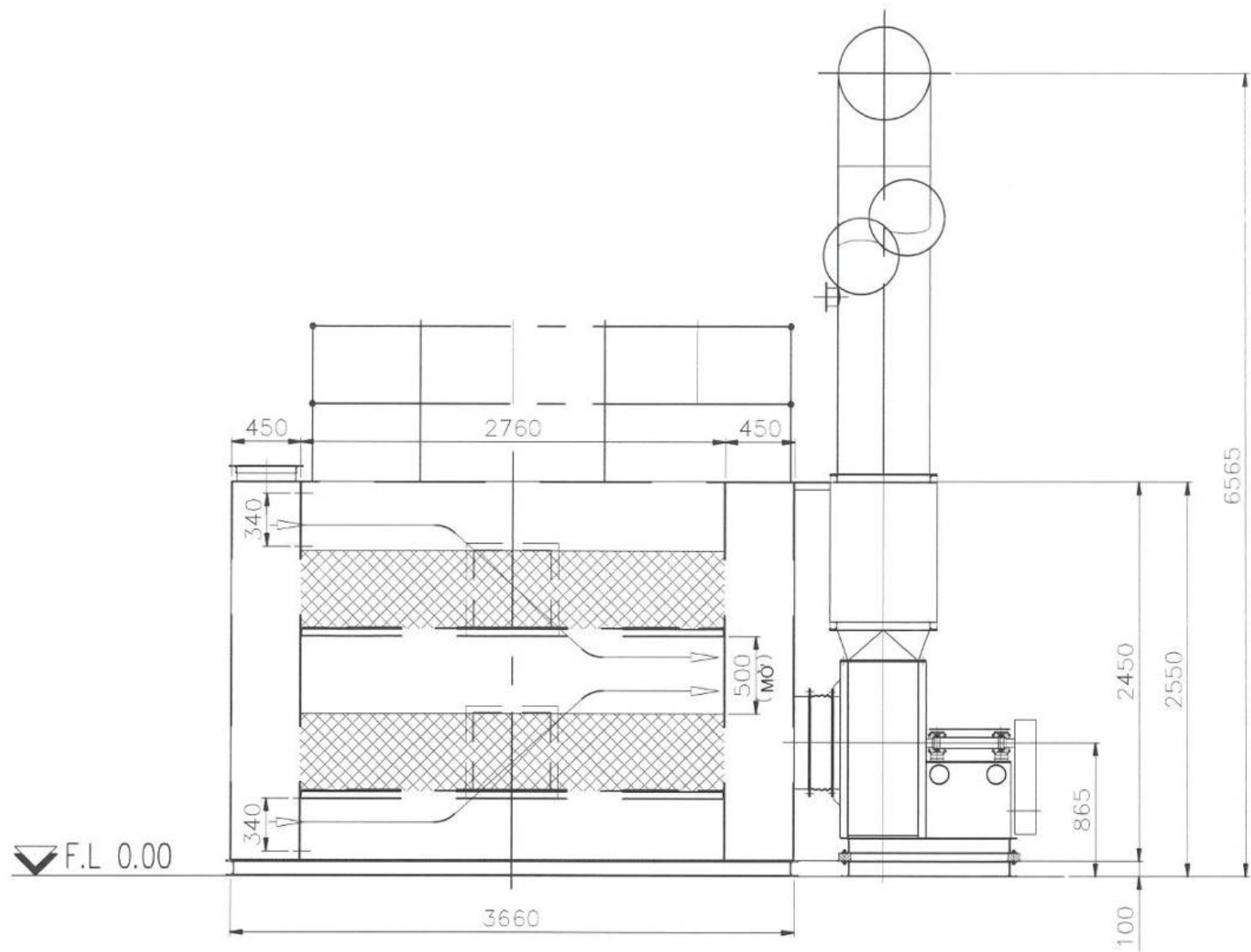
25800 M³/H

THAM KHẢO.
SỐ.

	BẢN VẼ SỐ.
--	---------------

HS-301-00

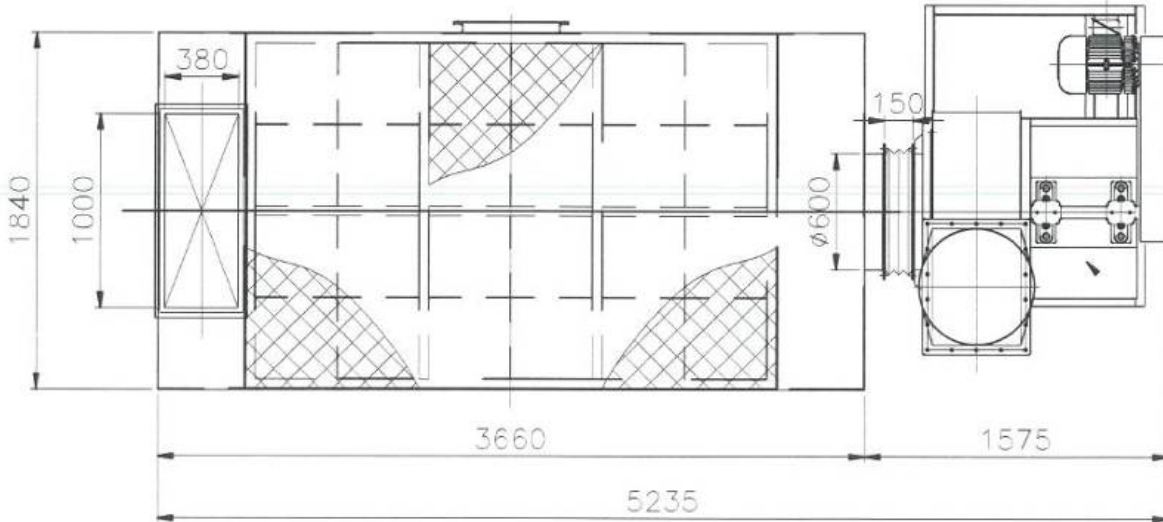
SỐ	MÔ TẢ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
2000	THÁP THAN HOẠT TÍNH	300 CMM	-	1	



QUẠT 300CMMx250mmAq
30HPx4Px380Vx50Hz

TẢI TRỌNG (ĐƠN VỊ: KG)	
TẢI TRỌNG TÍNH	6,300
TẢI TRỌNG ĐỘNG	9,450

THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
THÁP HẤP THỤ	CÔNG SUẤT	300M ³ /MIN
	TỐC ĐỘ HẤP THỤ	0.5 M/SEC
	THỜI GIAN HẤP THỤ	1 SEC
	ĐỘ DÀY THAN HOẠT TÍNH	500 MM
	MẬT ĐỘ THAN HOẠT TÍNH	0.5 (g/CC)



CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...14... tháng...10... năm...2024...

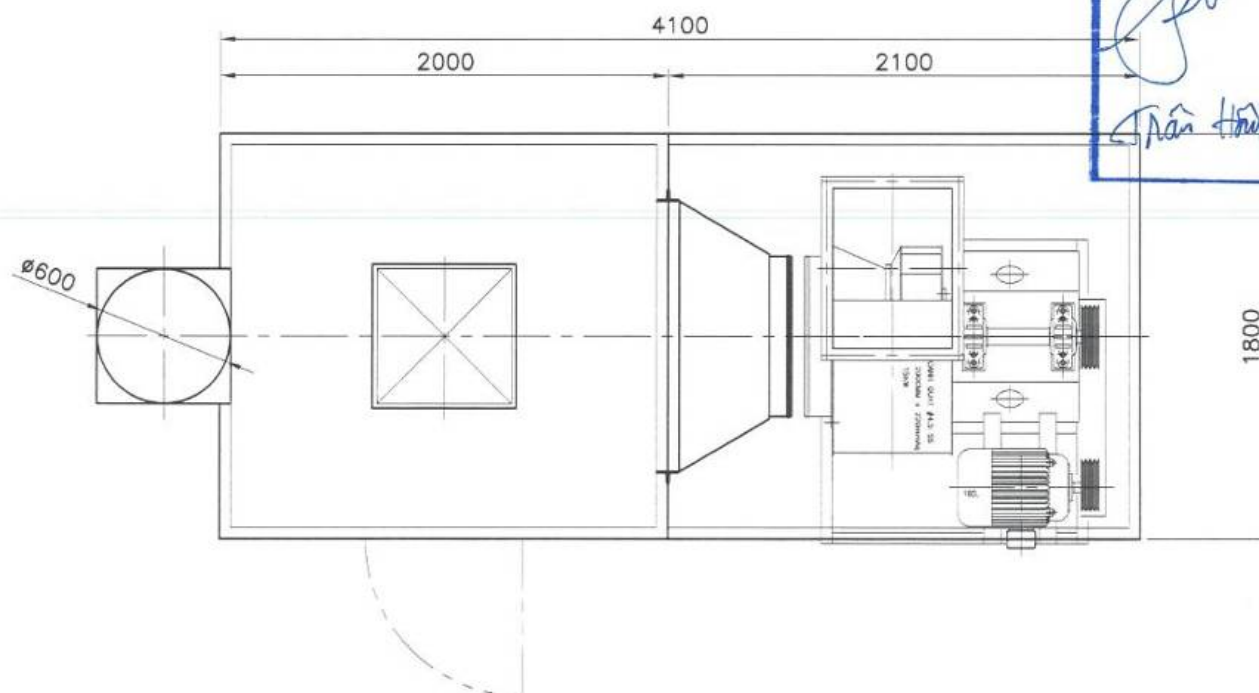
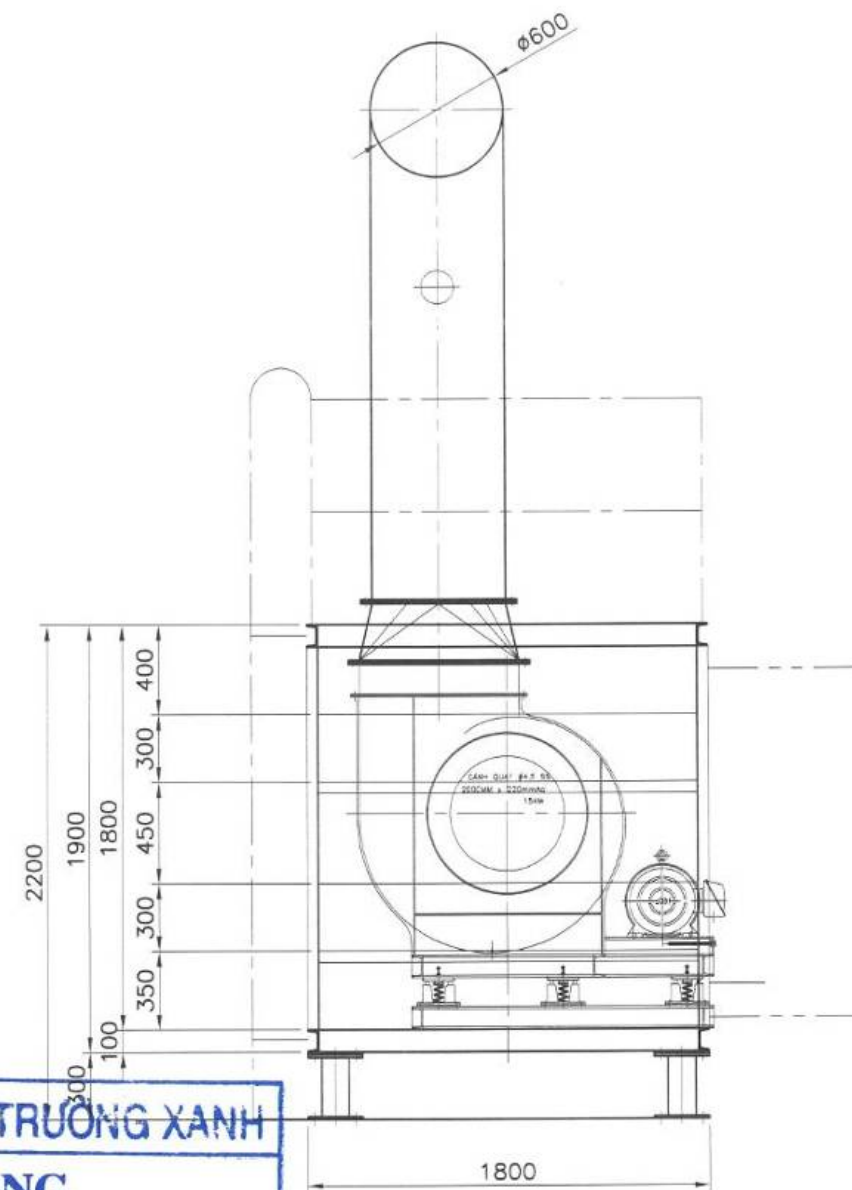
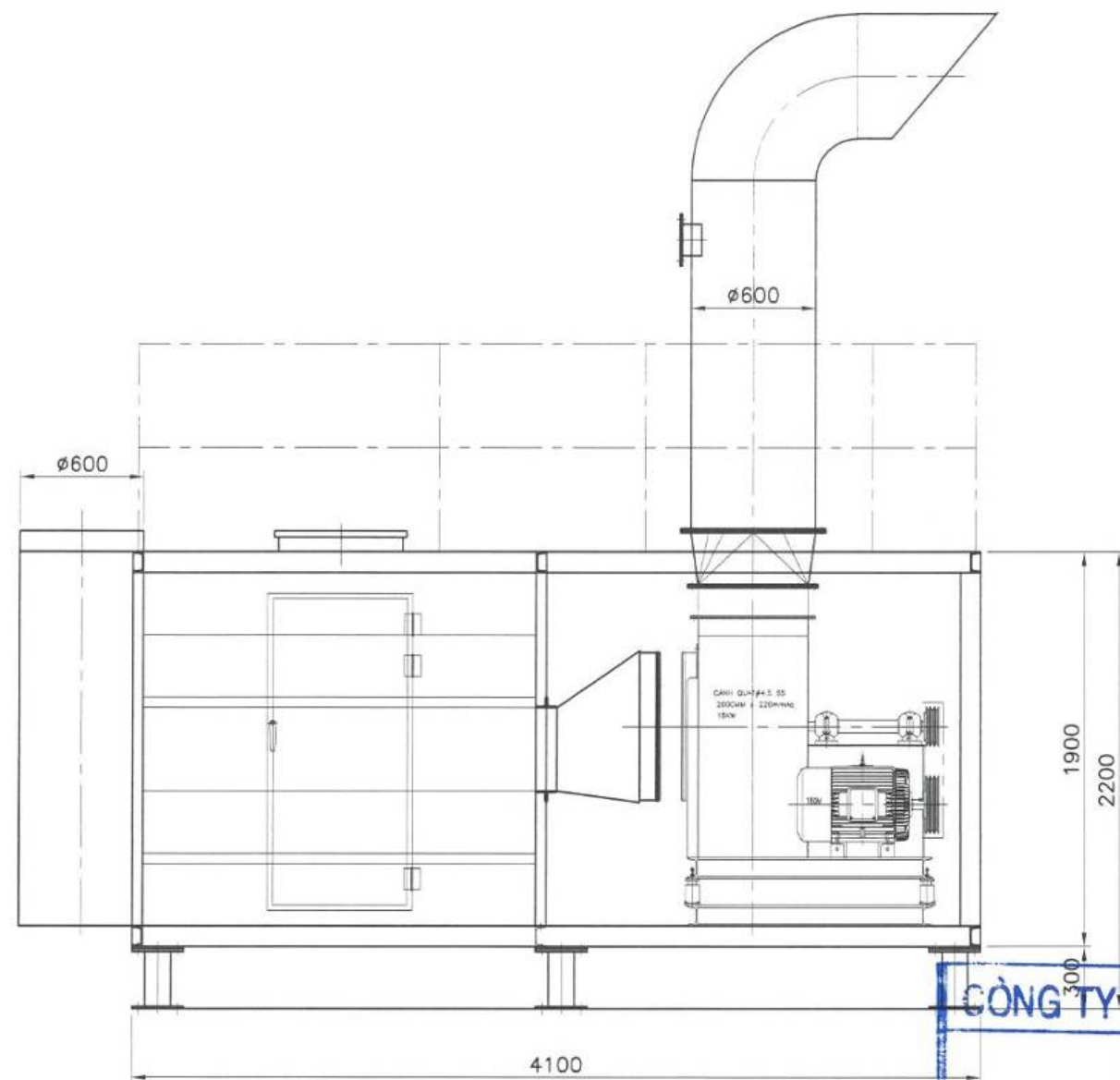
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công

Trần Hồng Phúc

Ung A Công

LEE JUN SUNG

KHÁCH HÀNG		HYOSUNG
NHÀ SẢN XUẤT		SHINHO INDUSTRIAL MACHINERY
THI CÔNG LẬP ĐẶT		MÔI TRƯỜNG XANH
PHÉ DUYỆT	HY.CHO	TÊN HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI KHU VỰC SƠN MOTOR
KIỂM TRA	HC.LEE	
THIẾT KẾ	HJ.CHO	
BẢN VẼ		CÔNG SUẤT 18000 M ³ /H
TỈ LỆ	1/40 (A 3)	BẢN VẼ SH2111-2000 SỐ. SH2111-2000
THAM KHẢO. SỐ.		



CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...14... tháng...10... năm...2024...

Người lập

Người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu thi công

Người giám sát thi công
của chủ đầu tư

GHI CHÚ

- CÁCH QUẠT KHÍ #4.5SS
- 200 CMM x 180 mmAq x 15 HP

Trần Hữu Phước

Nguyễn Văn Công

Nguyễn Văn Công

KHÁCH HÀNG

LEE JUN SUNG

NHÀ SẢN XUẤT

HYOSUNG

TONG HAE PLANT E.N.G

MÔI TRƯỜNG XANH

PHÊ DUYỆT

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

BẢN VẼ

TỈ LỆ

PARK

TÊN

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI
KHU VỰC SẦY VECNI

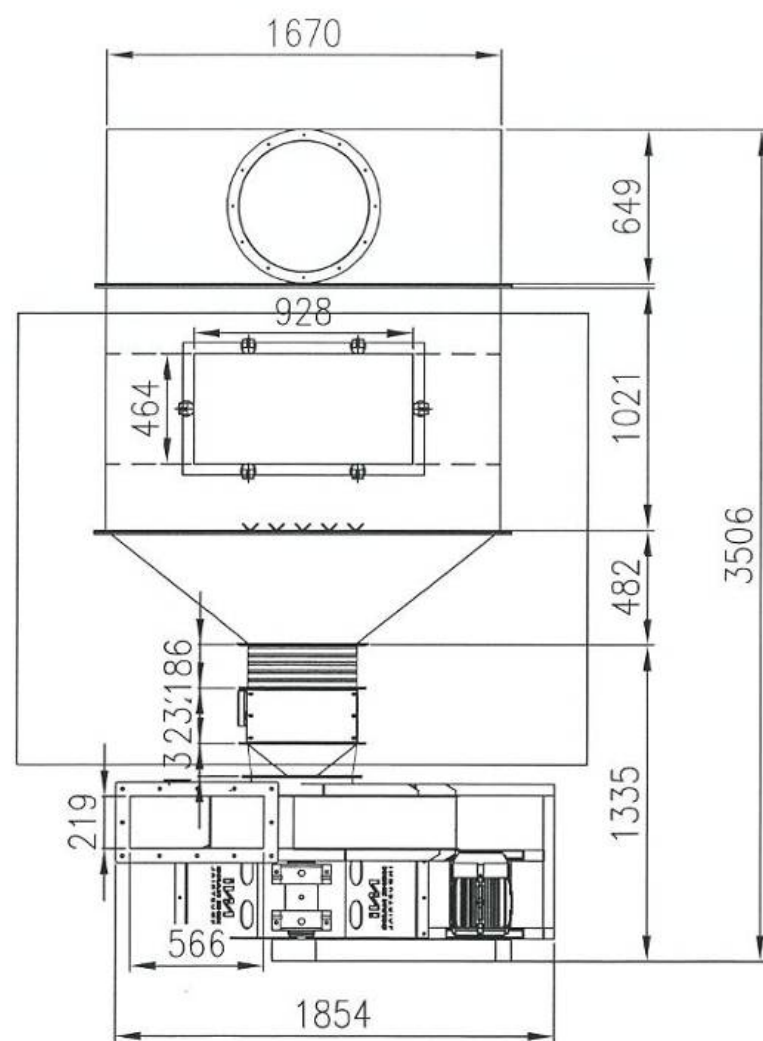
CÔNG SUẤT

12000 M³/H

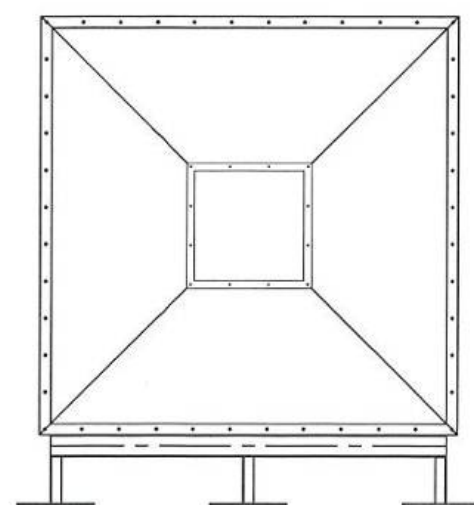
THAM KHẢO.
SỐ.

BẢN VẼ
SỐ.

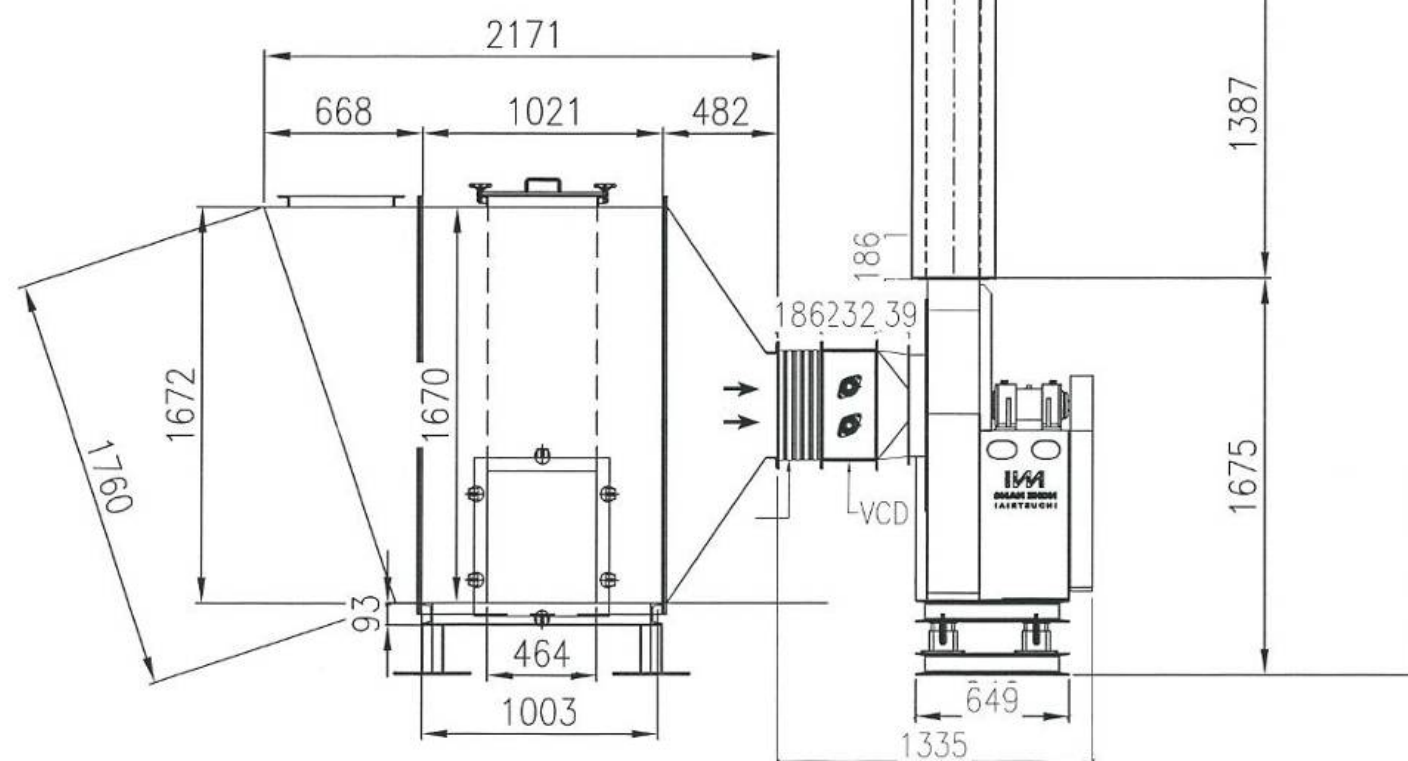
HSV-501-01



MẶT TRÊN

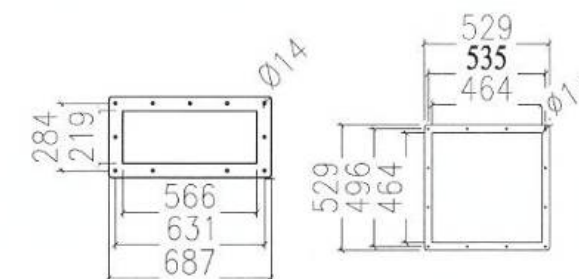


MẶT TRƯỚC



MẶT CẠNH

GỖ ĐỖ

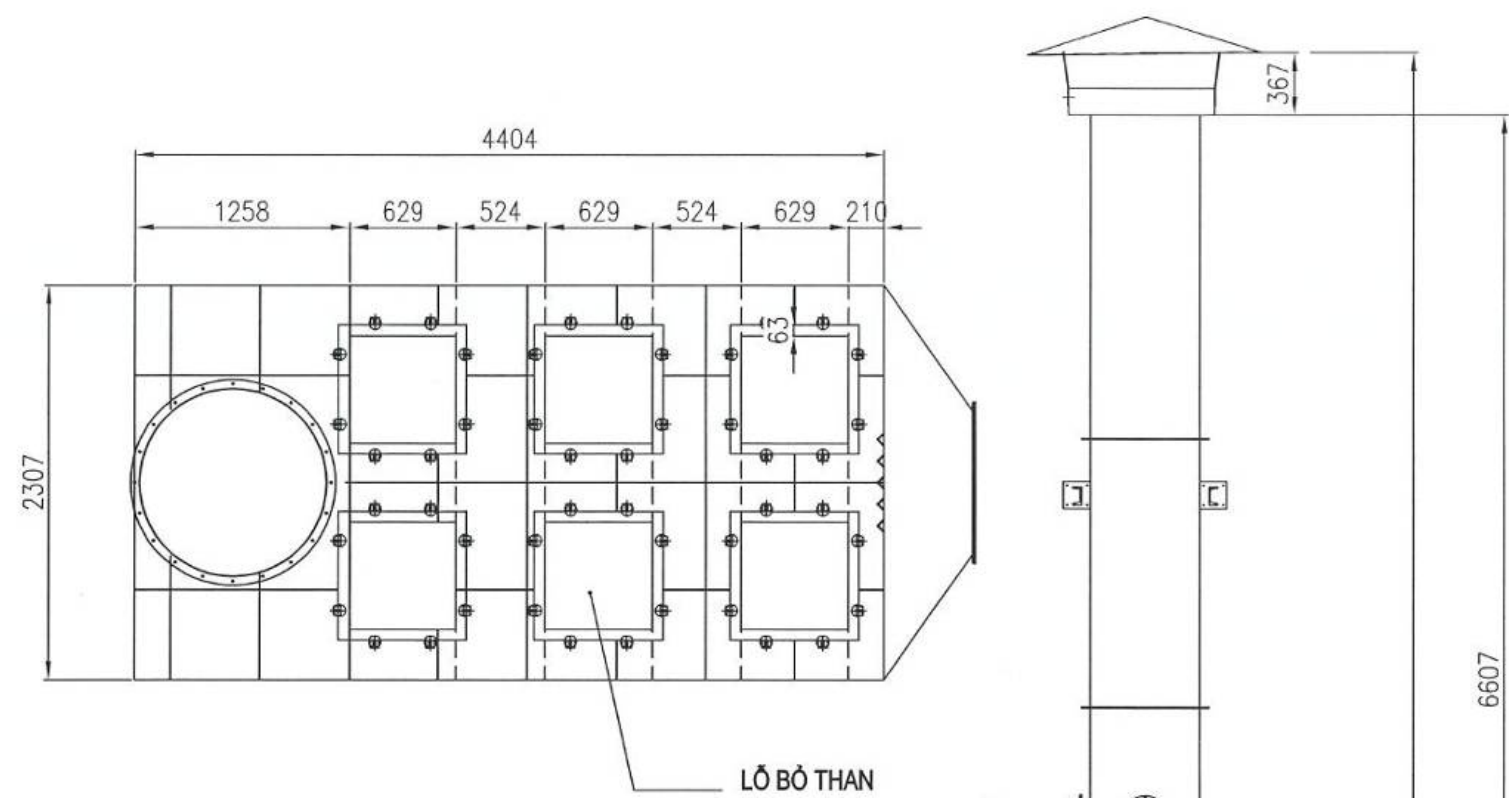


ỐNG GIÓ - RA

ỐNG GIÓ - VÀO

CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày...19... tháng...09... năm ...2025...		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
	Ưng A Công	LEE JUN SUNG

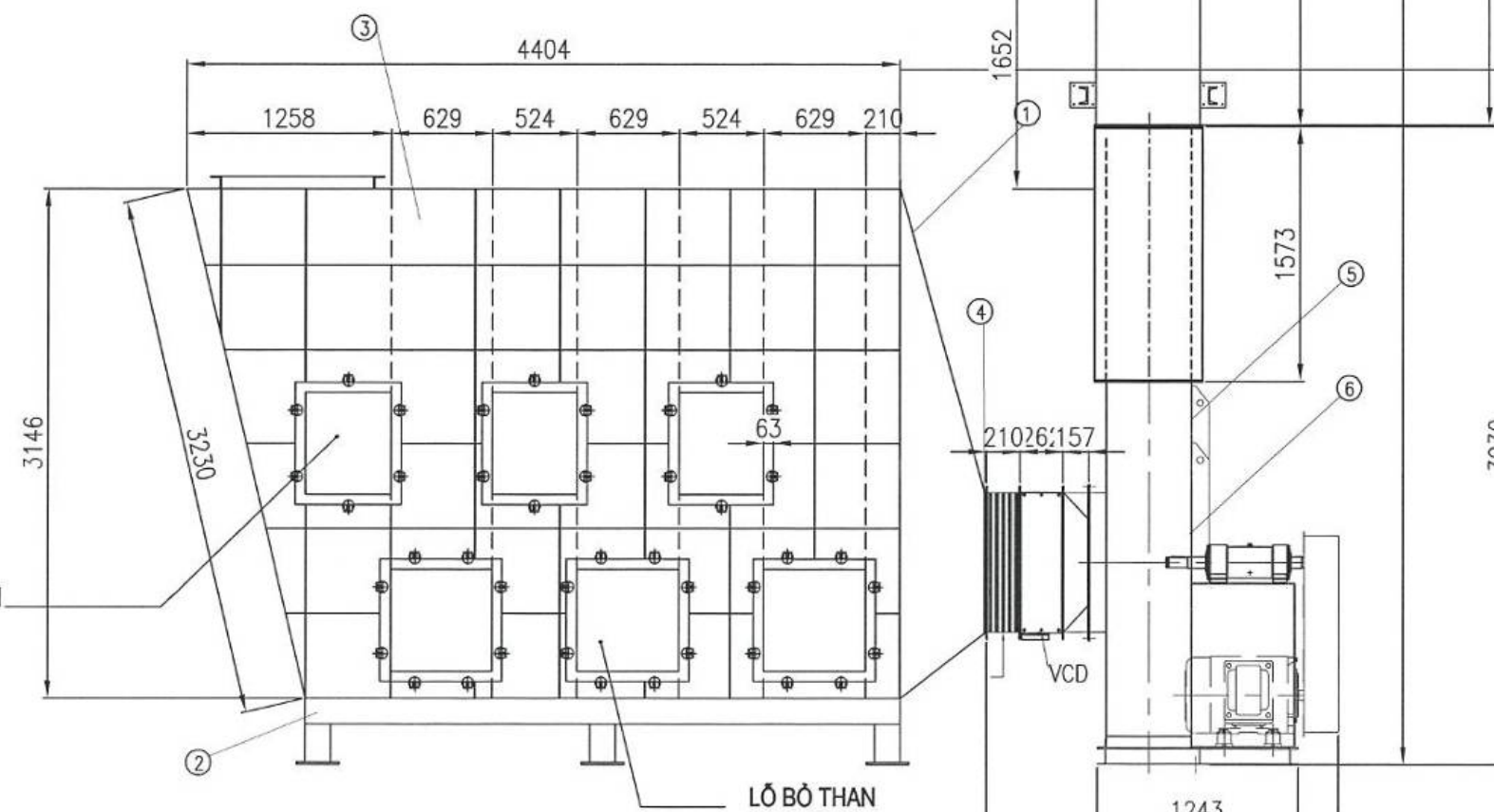
KHÁCH HÀNG		HYOSUNG
NHÀ SẢN XUẤT		MÔI TRƯỜNG XANH
THI CÔNG LẮP ĐẶT		MÔI TRƯỜNG XANH
PHÊ DUYỆT		TÊN HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI KHU VỰC SẤY VECNI
KIỂM TRA		
THIẾT KẾ		
BẢN VẼ		
TỈ LỆ	(A 3)	CÔNG SUẤT 5400 M ³ /Giờ
	THAM KHẢO. SỐ.	BẢN VẼ SỐ. AC-02



MẶT TRÊN

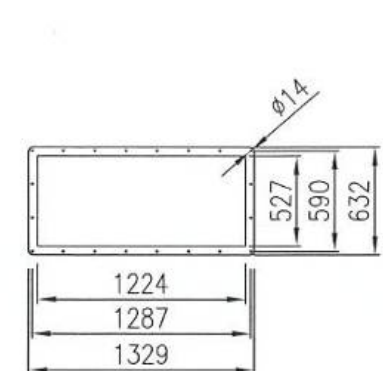
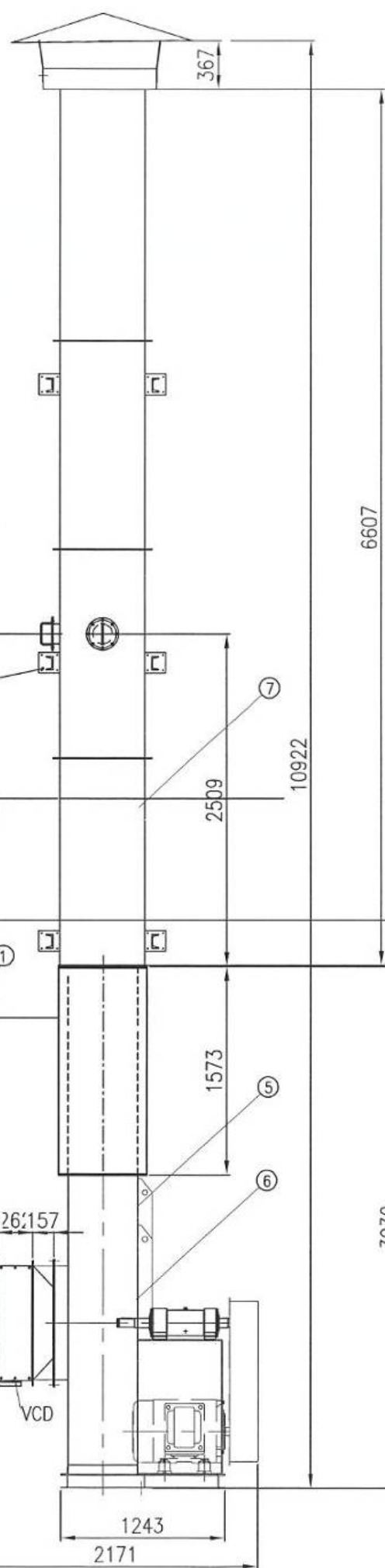
LỖ BỎ THAN

GÓI ĐỖ

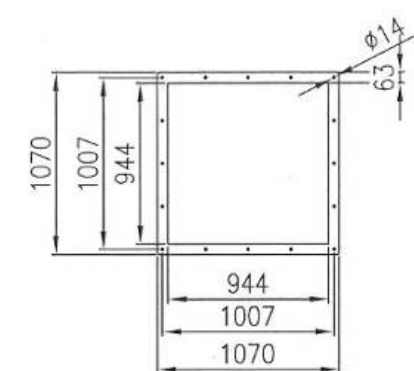


MẶT CẠNH

LỖ BỎ THAN



ỐNG GIÓ - RA



ỐNG GIÓ - VÀO

CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...19... tháng...09... năm ...2025...

Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
<i>Đỗ Hồng Phúc</i>	<i>Nguyễn Văn Công</i>	<i>LEE JUN SUNG</i>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG XANH

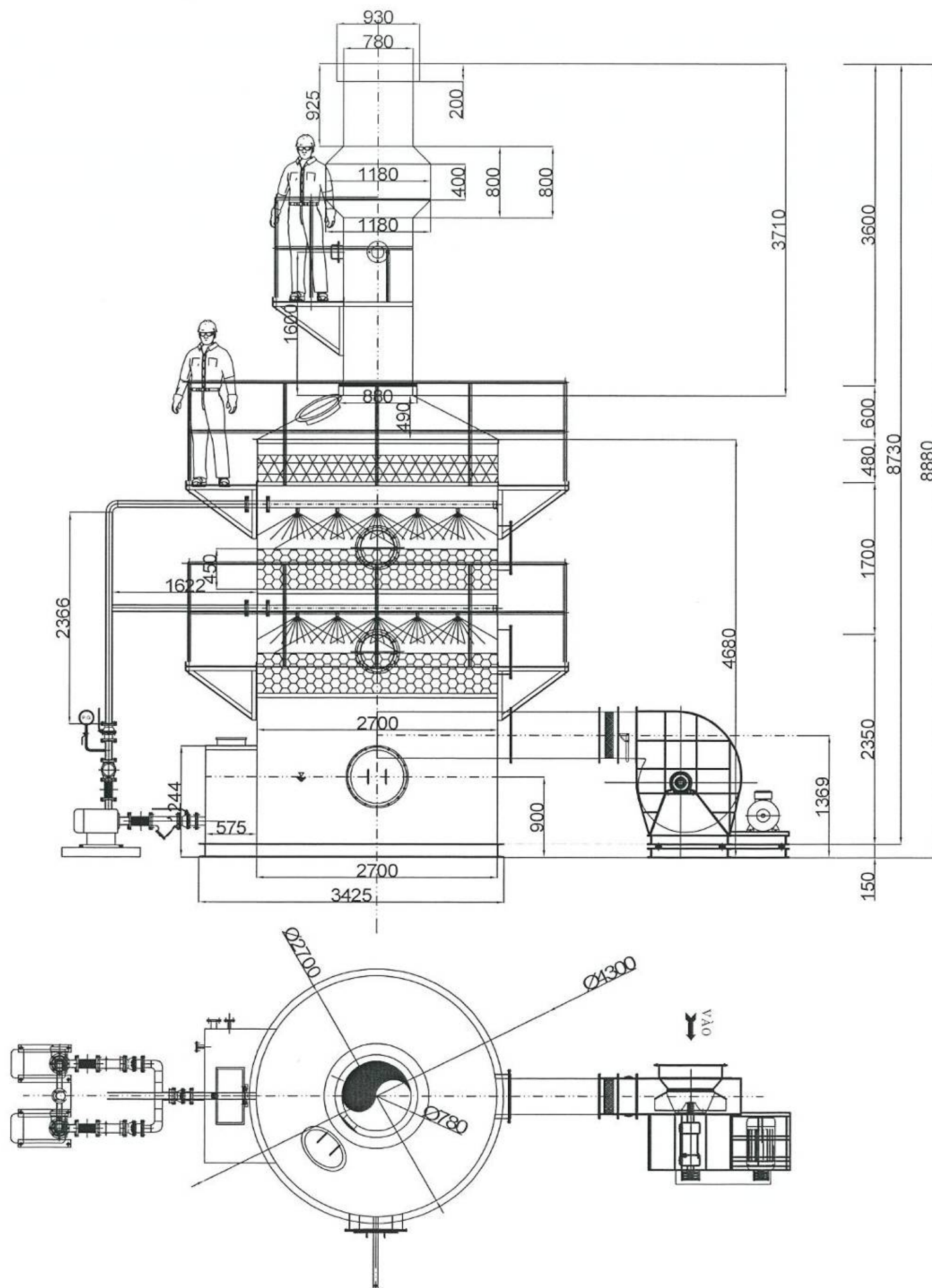
CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY

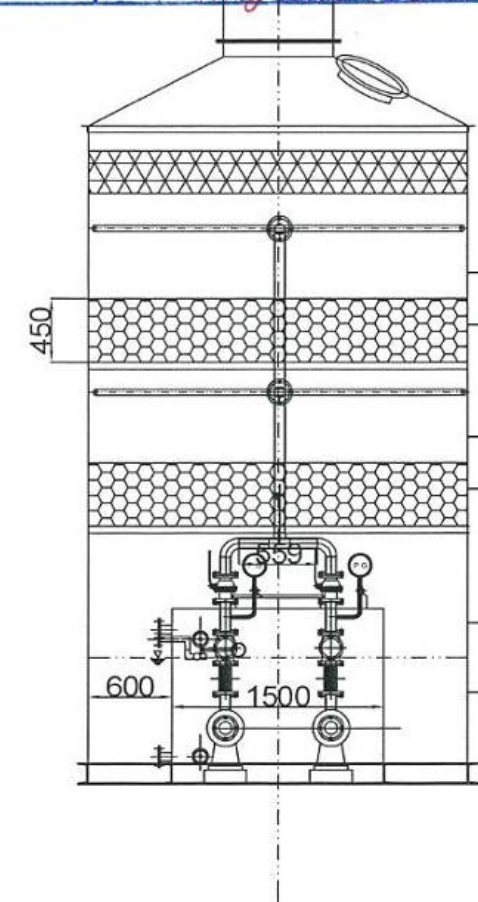
LEE JUN SUNG

7	QUẠT VÀ MOTOR	SS400	1	500CMM*300MMAQ*37kw
6	VỎ BỌC	SS400	10m2	5T
5	ĐẦU RA	SS400	1	617x1177x3.2T
4	ĐẦU VÀO	SS400	1	835x835x3.2T
3	THAN HOẠT TÍNH	-	3850KG	4~6
2	THANH ĐỖ	SS400	1	c 125x65x6x8
1	THÂN MÁY	SS400	1	THÉP TÂM 6T
STT	MÔ TẢ	VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ

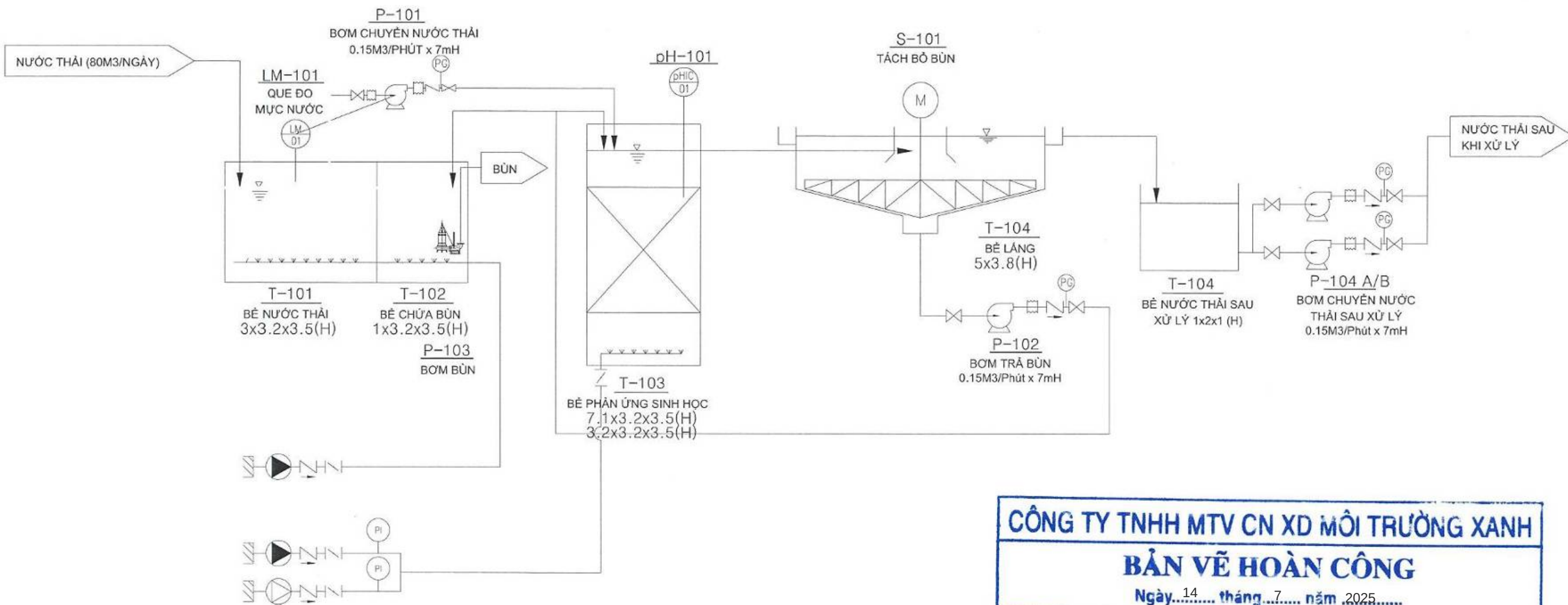
KHÁCH HÀNG	HYOSUNG			
NHÀ SẢN XUẤT	MÔI TRƯỜNG XANH			
THI CÔNG LẬP ĐẠT	MÔI TRƯỜNG XANH			
PHÊ DUYỆT			TÊN	HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI KHU VỰC SƠN MOTOR
KIỂM TRA				
THIẾT KẾ				
BẢN VẼ				
TỈ LỆ	(A 3)		CÔNG SUẤT	30,000 M ³ /Giờ
THAM KHẢO. SỐ.			BẢN VẼ SỐ.	AC-01



CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.../... tháng.../... năm ...202...		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
		
		

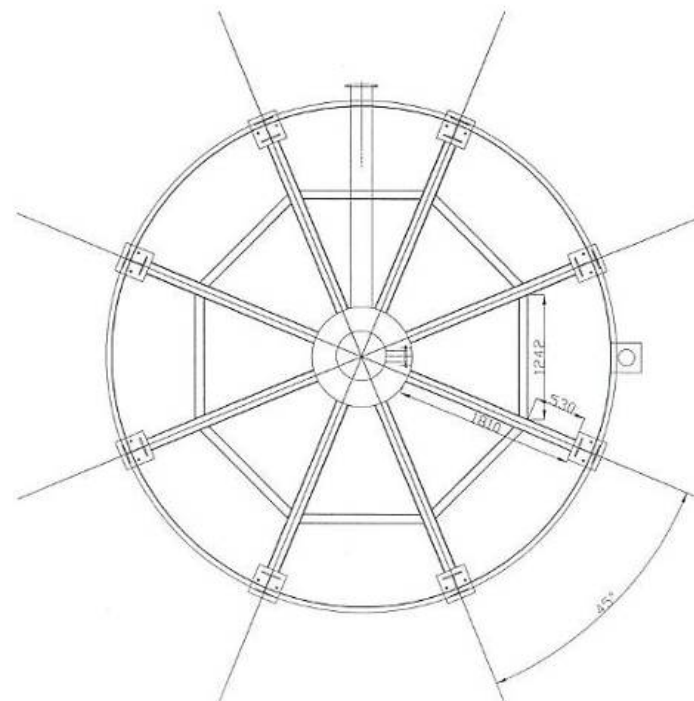
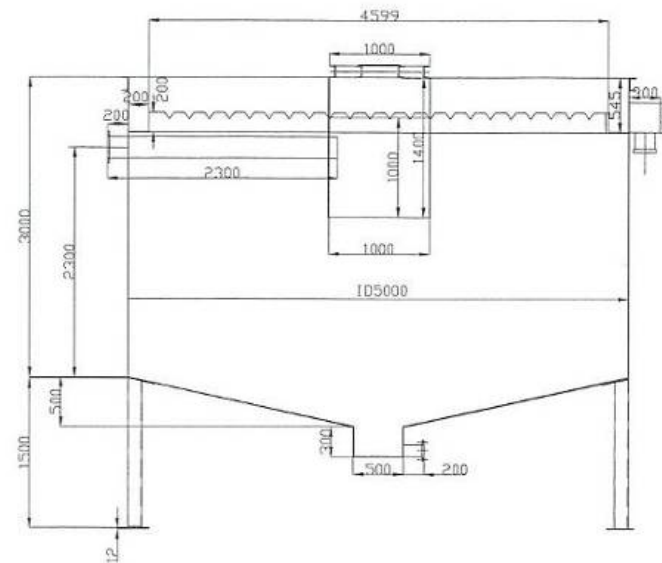
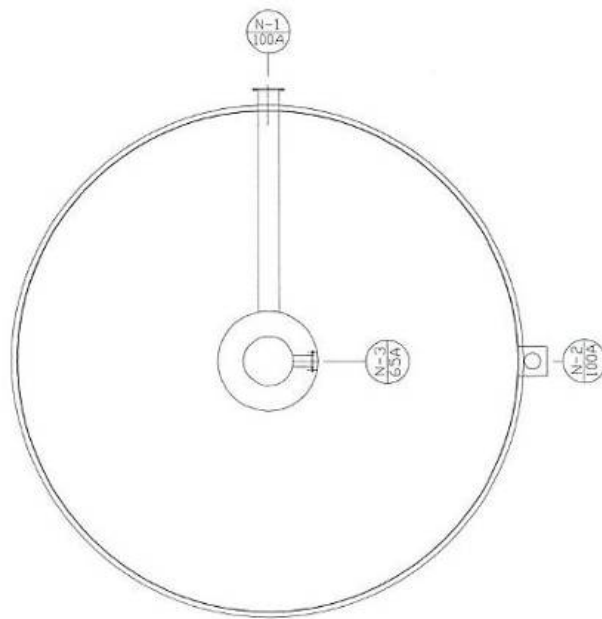


KHÁCH HÀNG		HYOSUNG
NHÀ SẢN XUẤT		DSM WET SCRUBBER
THI CÔNG LẬP ĐẶT		MÔI TRƯỜNG XANH
PHÊ DUYỆT		TÊN
KIỂM TRA		HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI
THIẾT KẾ		KHU VỰC NẤU NHÔM VÀ ĐÚC ROTO
BẢN VẼ		CÔNG SUẤT
TỈ LỆ	(A 3)	18000 M ³ /H
	THAM KHẢO SỐ	BẢN VẼ SỐ
		SCR - 01



CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày...14.....tháng...7.....năm 2025.....		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư

Chủ đầu tư (Owner):	
CTY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD. Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Tân Trào, Huyện Mên Trào, Tỉnh Đồng Nai Address: Khu Công Nghiệp Tân Trào, Huyện Mên Trào, Tỉnh Đồng Nai	
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ / DESIGN EVALUATION	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
X	Trình Duyệt (For Approval)
	Tham Khảo (For Reference)
	Thi Công (For Construction)
	Đầu Thầu (For Tender)
	Hoàn Công (As-Built)
HIỆU CHỈNH / REVISION	
A	E
B	F
C	G
D	H
CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH MÔI TRƯỜNG XANH CO., LTD	
Đạo:	
Giám đốc (Director):	
Quản lý kỹ thuật (Technical Manager):	
Chủ trì (Presided by):	
Thiết kế (Designed by):	
Vẽ (Drawn by):	
Tên công trình (Project Name):	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI HSMV	
Tên bản vẽ (Drawing title):	
SƠ ĐỒ DÒNG CHẢY	
Ngày phát hành (Issue Date):	Số hiệu (Draw No):
	Họ chữ (Revision):

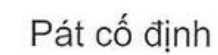
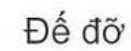
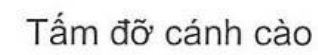
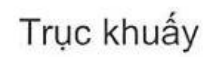


BẢN VẼ CHI TIẾT BỂ LĂNG

STT	TÊN	VẬT LIỆU	THÔNG SỐ	GHI CHÚ
1	Thân bể	Thép	5000Φ×3000H×6t	
2	Tấm đáy	Thép	5000Φ×500H×9t	
3	Giá đỡ giếng trung tâm	Thép U	1010Φ, L=50x5t	
4	Giếng trung tâm	Thép	1000Φ×1400H×5t	
5	Giá đỡ bậc chắn nước	Thép	200L×5t	
6	Bậc chắn nước	Thép	18990L×200H×5t	
7	Trục khuấy	Thép ống	100A sch20	
8	Ốc điều chỉnh lực căng	Thép	M16	
9	Thanh đỡ	Thép tròn	Φ16	
10	Pát cố định	Thép	9t	
11	Cánh cào	Thép	C-120×55×5t	
12	Đế đỡ	Thép	50x50x5t, 50x5t	
13	Tấm đệm	Thép	600x240x20t	
14	Tấm đỡ cánh cào	Thép		
15	Cánh khuấy bùn	Thép		
16	Hộp bảo vệ	Thép		
17	Ngăn chứa bùn	Thép	500Φ×300H, 9t	
18	Thanh gia cố	Thép	C-100×50×5t	
19	Đế đỡ cầu (phía trên)	Thép	9t	
20	Cầu	Thép	9t	
21	Đế đỡ cầu (phía dưới)	Thép	265×265, 12t	
22	Thang đường đi	Thép		
23	Tay cầm	Thép ống	25A	
		Thép ống		
CHI TIẾT ỐNG				
1	N-1		DN 100A, sch10	
2	N-2		DN 100A, sch10	
3	N-3		DN 65A, sch10	

CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày...14..... tháng...7..... năm 2025.....		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công Của chủ đầu tư
		

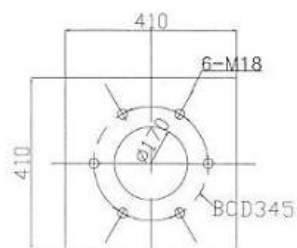
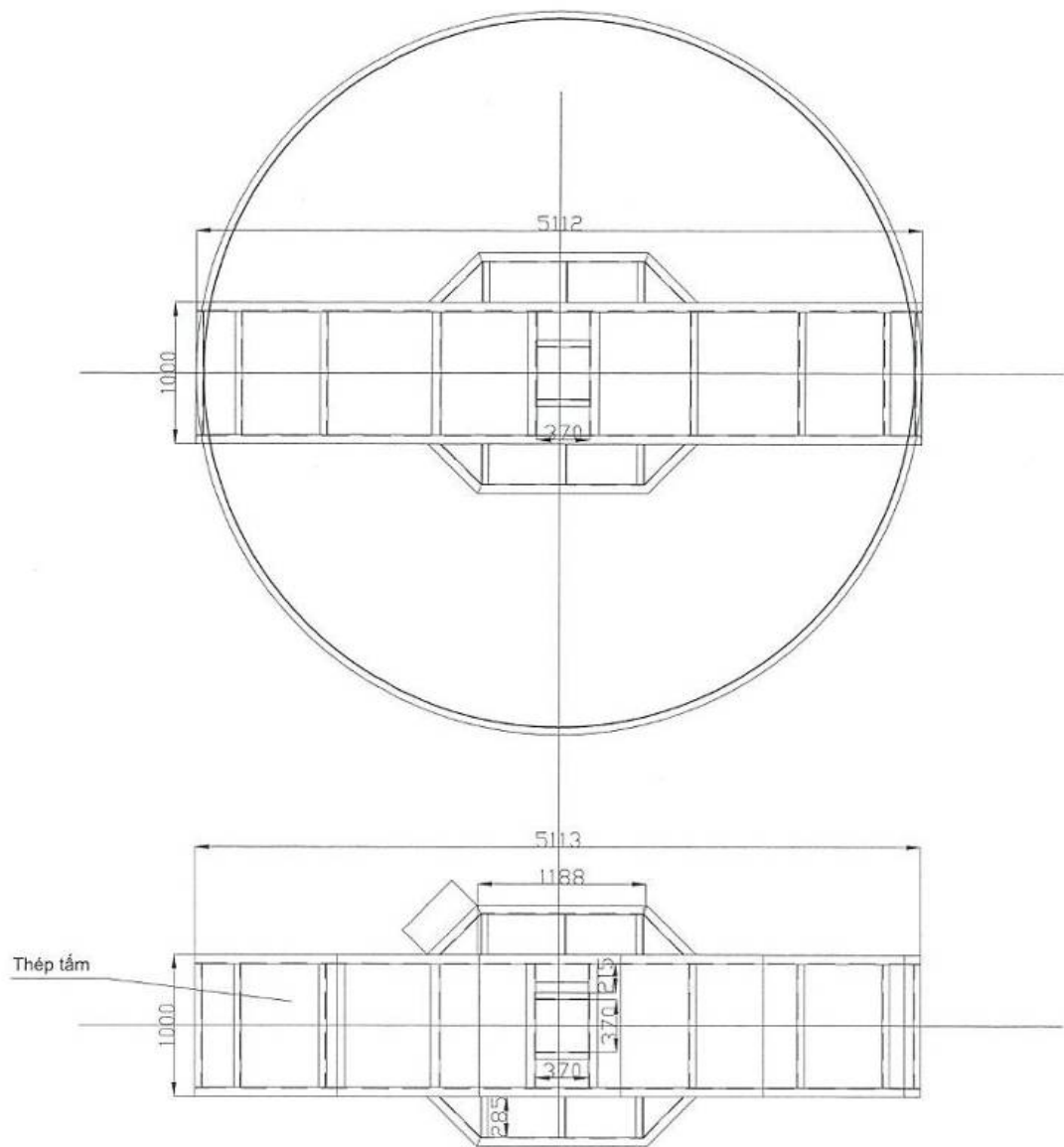
Chủ đầu tư (Owner) : CTY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD Địa chỉ : Khu Công nghiệp Miền Tây V, Huyện Miền Tây, Tỉnh Đồng Nai Address : "Khu" Tây V Industrial Zone, "Huyện" Tây V, Tỉnh Đồng Nai Province			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ / DESIGN EVALUATION			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:			
X	Tínch Duyệt (For Approval)		
	Tham Khảo (For Reference)		
	Thi Công (For Construction)		
	Đấu Thầu (For Tender)		
	Hoàn Công (As Built)		
HIỆU CHỈNH / REVISION			
(A)		(E)	
(B)		(F)	
(C)		(G)	
(D)		(H)	
CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH MÔI TRƯỜNG XANH CO., LTD			
Đã :			
Giám đốc (Director)			
Quản lý kỹ thuật (Technical Manager) :			
Chủ trì (Presided by)			
Thiết kế (Designed by) :			
Vẽ (Drawn by) :			
Tên công trình (Project Name)			
Ngày và tháng			
Tên bản vẽ (Drawing Title)			
Ngày xuất bản (Date of Issue)	Số hiệu (Drawing No)		
		Hiệu chỉnh	



BẢN VẼ CHI TIẾT CÁNH KHUẤY - BỀ LẮNG

CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày.....14.....tháng.....7.....năm.....2025.....		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công Của chủ đầu tư
  Kính A Công		

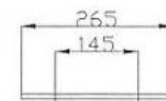
Chủ đầu tư (Owner):			
CTY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD. Địa chỉ : Khu Công nghiệp Nam Trung Y, Huyện Môn Trạc, Tỉnh Đồng Nai Address : Khu Trach Y Industrial Zone, Mon Trach District, Dong Nai Province			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ / DESIGN EVALUATION			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR			
X	Trình Duyệt (For Approval)		
	Tham Khảo (For Reference)		
	Trì Công (For Construction)		
	Đấu Thầu (For Tender)		
	Hoàn Công (As Built)		
HIỆU CHỈNH / REVISION			
(A)		(E)	
(B)		(F)	
(C)		(G)	
(D)		(H)	
CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH MOI TRUONG XANH CO., LTD			
Đo :			
Giám đốc (Director):			
Quản lý kỹ thuật (Technical Manager):			
Chủ trì (Presided by):			
Thiết kế (Designed by):			
Vẽ (Drawn by):			
Tên công trình (Project Name)			
Vị trí (Location)			
Tên bản vẽ (Drawing Title)			
Ngày (xuất bản) (Issue Date)	Số mẫu (Draw No)		
	Hiệu chỉnh (Revision)		



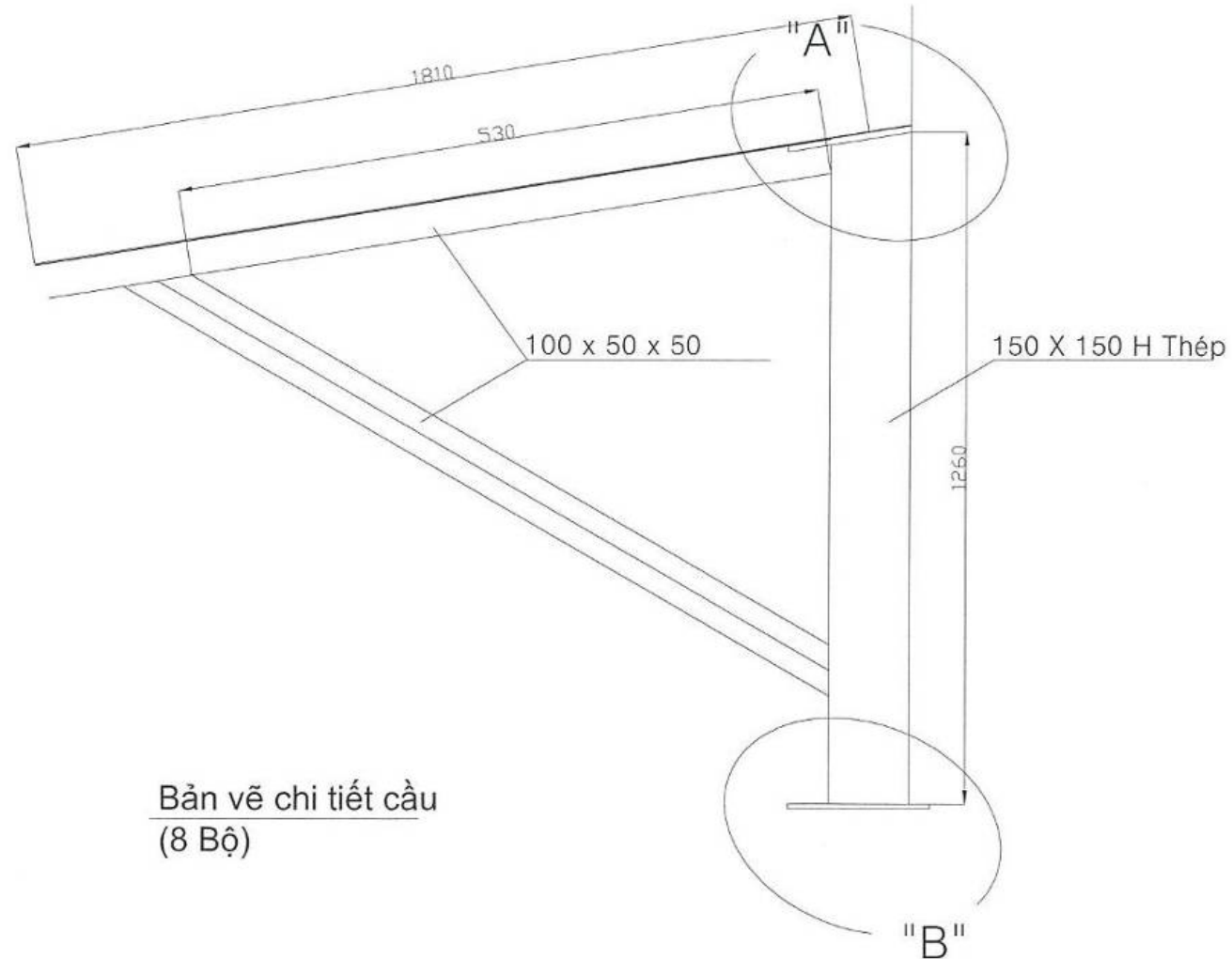
Chân cố định



Chi tiết "A"
(12T, 8 cái)



Chi tiết "B"
(12T, 8 cái)



Bản vẽ chi tiết cầu
(8 Bộ)

Lỗ $\Phi 20$ cho bu
lông neo M16

CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày...14.... tháng...7.... năm 2025.....		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư

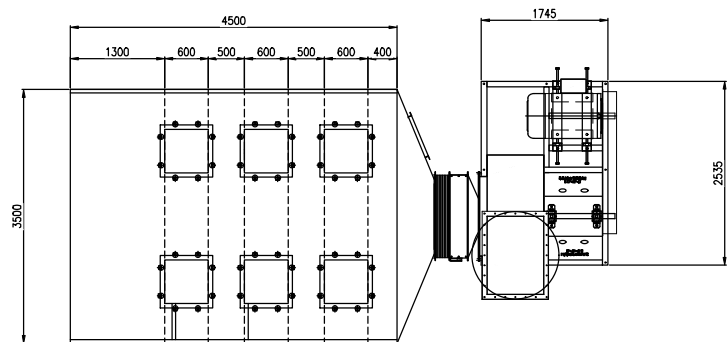
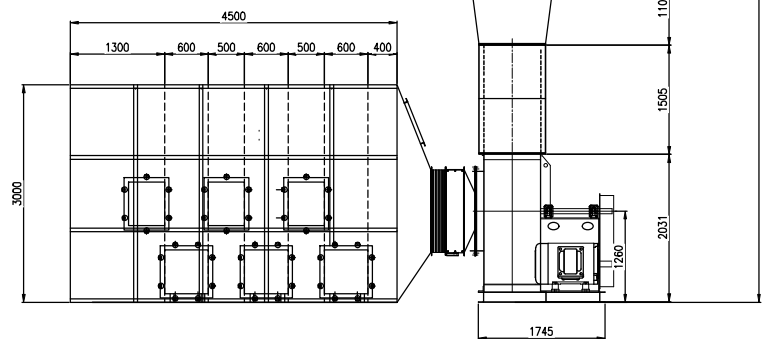
General Director
KIM SANG HACK

Chủ đầu tư (Owner):	
CTY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY CO., LTD Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Miền Tây II, Huyện Miền Tây, Tỉnh Đồng Nai Address: Industrial Zone, Miền Tây District, Đồng Nai Province	
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ / DESIGN EVALUATION	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
X	Trình Duyệt (For Approval)
	Tham Khảo (For Reference)
	Thi Công (For Construction)
	Đấu Thấu (For Tender)
	Hoàn Công (As Built)
HIỆU CHỈNH / REVISION	
A	E
B	F
C	G
D	H
CÔNG TY TNHH MTV CN XD MÔI TRƯỜNG XANH MÔI TRƯỜNG XANH CO., LTD	
Đo:	
Giám đốc (Director):	
Quản lý kỹ thuật (Technical Manager):	
Chủ trì (Prepared by):	
Thiết kế (Designed by):	
Vẽ (Drawn by):	
Tên công trình (Project Name):	
Vị trí (Location):	
Tên bản vẽ (Drawing title):	
Ngày phát hành (Issue Date)	Số hiệu (Dwg No.)
	Hiệu chỉnh (Revision)

Technical drawing of the tower structure showing dimensions and components. The drawing includes a side elevation and a detail view of the base. The main dimensions are:

- Total height: 10400
- Height of the upper section: 500
- Height of the middle section: 5293
- Height of the lower section: 1100
- Height of the base section: 1595
- Height of the base detail: 2031
- Width of the base: 1745
- Width of the base detail: 1260

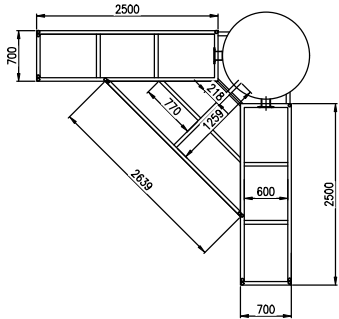
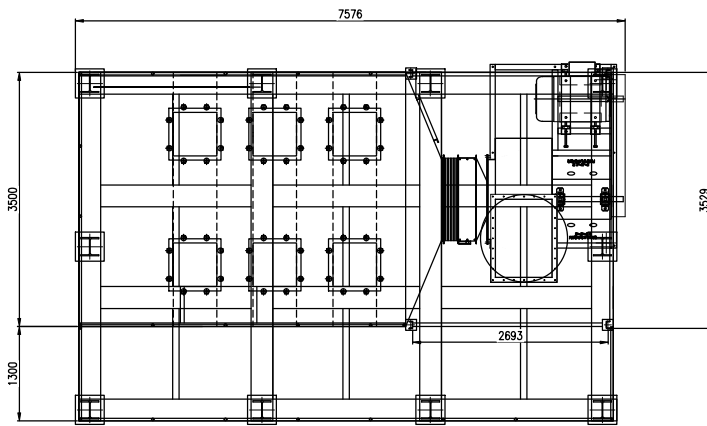
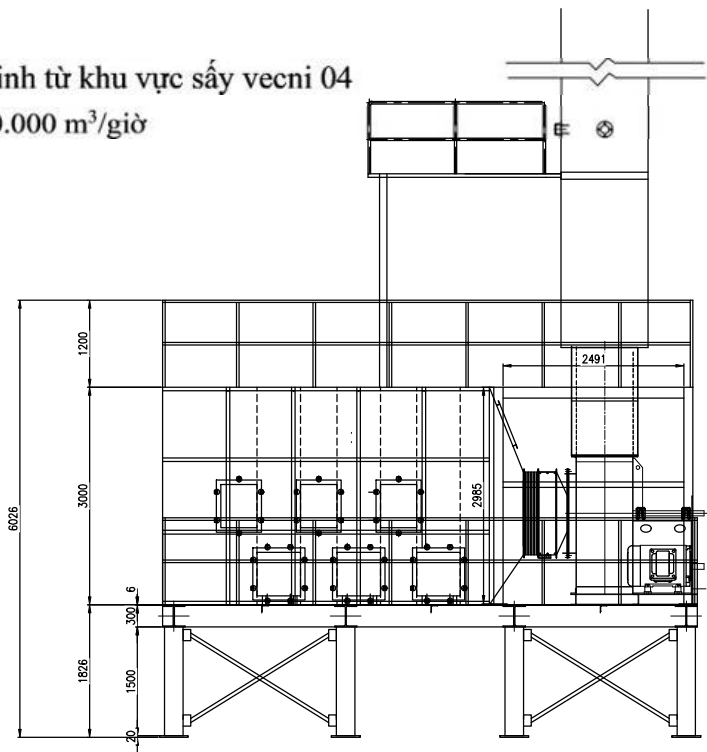
The drawing also shows a detail view of the base section, which includes a motor and a control unit. The base section is labeled with the number 1745. The base detail is labeled with the number 1260. The base section is also labeled with the number 2031. The base detail is also labeled with the number 1260. The base section is also labeled with the number 1745. The base detail is also labeled with the number 1260.



DAI JOONG

[illegible]

Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sấy vecni 04
công suất 60.000 m³/giờ



Dai Joong